

**ĐẠI HỌC HUẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM**

---

**HUỲNH VĂN TUYẾT**

**SỰ CHUYỂN BIẾN CỦA PHONG TRÀO YÊU NƯỚC  
VÀ CÁCH MẠNG QUẢNG NAM TỪ ĐẦU THẾ KỶ XX  
ĐẾN NĂM 1930**

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ SỬ HỌC**

**HUẾ, NĂM 2018**

**ĐẠI HỌC HUẾ**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM**

**HUỲNH VĂN TUYẾT**

**SỰ CHUYỂN BIẾN CỦA PHONG TRÀO YÊU NƯỚC  
VÀ CÁCH MẠNG QUẢNG NAM TỪ ĐẦU THẾ KỶ XX  
ĐẾN NĂM 1930**

**Chuyên ngành: Lịch sử Việt Nam**

**Mã số: 62 22 03 13**

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ SỬ HỌC**

**Người hướng dẫn khoa học:**

**PGS.TS. TRƯƠNG CÔNG HUỲNH KỶ**

**HUẾ, NĂM 2018**

## LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan luận án với đề tài: “*Sự chuyển biến của phong trào yêu nước và cách mạng Quảng Nam từ đầu thế kỷ XX đến năm 1930*” là công trình nghiên cứu khoa học độc lập, do tác giả thực hiện dưới sự hướng dẫn của PGS.TS Trương Công Huỳnh Kỳ.

Các số liệu, kết quả nêu trong luận án là trung thực và chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

*Thừa Thiên Huế, tháng 11 năm 2018*

Tác giả

**Huỳnh Văn Tuyết**

## LỜI CẢM ƠN

Tôi xin bày tỏ lòng tri ân sâu sắc tới PGS.TS Trương Công Huỳnh Kỳ đã tận tình hướng dẫn tôi trong quá trình học tập và thực hiện đề tài luận án.

Tôi cũng xin được bày tỏ lòng biết ơn đối với quý Thầy, Cô giáo Khoa Lịch sử, Phòng Sau đại học, Ban Giám hiệu Trường ĐHSP, Ban Giám đốc Đại học Huế đã chỉ bảo, tạo điều kiện thuận lợi cho tôi trong suốt quá trình học tập. Xin chân thành cảm ơn, Ban Giám hiệu, HĐSP trường THPT chuyên Lê Thánh Tông, Hội An, Quảng Nam đã tạo điều kiện cho tôi hoàn thành khóa học.

Cuối cùng, xin dành lời tri ân sâu sắc nhất đến gia đình, bạn bè, những người đã luôn bên cạnh, động viên, chia sẻ và hỗ trợ tôi trong suốt quá trình học tập, nghiên cứu và hoàn thành luận án.

Xin trân trọng cảm ơn!

*Thừa Thiên Huế, tháng 11 năm 2018*

Tác giả

**Huỳnh Văn Tuyết**

## NHỮNG CỤM TỪ VIẾT TẮT

BCH:	Ban chấp hành
CMQN:	Cách mạng Quảng Nam
CMVN:	Cách mạng Việt Nam
CMVS:	Cách mạng vô sản
DTH:	Duy Tân Hội
DCTS:	Dân chủ tư sản
DTDC:	Dân tộc dân chủ
NXB:	Nhà xuất bản
NHQN:	Nghĩa Hội Quảng Nam
PTCM:	Phong trào cách mạng
PTDT:	Phong trào Duy Tân
PTĐD:	Phong trào Đông Du
PTYN:	Phong trào yêu nước
TTLT:	Trung tâm lưu trữ
TVCM:	Tân Việt cách mạng
VNCMTN:	Việt Nam các mạng thanh niên
VNQP:	Việt Nam Quang phục Hội

## DANH MỤC CÁC BẢNG

<b>STT</b>	<b>Ký hiệu</b>	<b>Tên bảng</b>	<b>Trang</b>
1	Bảng 2.1	Khối lượng hàng hoá vận chuyển ven bờ (nội địa) qua cảng Đà Nẵng từ 1914 đến năm 1918	36
2	Bảng 3.1	Thống kê số lượng người Việt đóng thuế môn bài ở các tỉnh Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi trong các năm 1921-1922	85
3	Bảng 3.2	Khối lượng hàng xuất - nhập khẩu qua cảng Đà Nẵng và Bến Thủy năm 1924 và 1926	85
4	Bảng 3.3	Số lượng chi bộ và hội viên Hội VNCMTN Quảng Nam năm 1929	107
5	Bảng 3.4	Danh sách đảng viên TVCM Đảng Quảng Nam	109
6	Bảng 3.5	Số lượng cơ sở đảng và đảng viên ở Quảng Nam - Đà Nẵng cuối 1930	114

## MỤC LỤC

Lời cam đoan .....	i
Lời cảm ơn .....	ii
Danh mục các ký hiệu, các chữ cái viết tắt .....	iii
Danh mục các bảng .....	iv
Mục lục .....	1
<b>MỞ ĐẦU .....</b>	<b>5</b>
<b>1. Lý do chọn đề tài .....</b>	<b>5</b>
<b>2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu .....</b>	<b>7</b>
<b>3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu .....</b>	<b>8</b>
<b>4. Nguồn tài liệu và phương pháp nghiên cứu .....</b>	<b>8</b>
<b>5. Đóng góp của luận án .....</b>	<b>9</b>
<b>6. Kết cấu của luận án .....</b>	<b>10</b>
<b>NỘI DUNG.....</b>	<b>11</b>
<b>Chương 1. TỔNG QUAN VỀ VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU .....</b>	<b>11</b>
<b>1.1. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài .....</b>	<b>11</b>
1.1.1. Nhóm công trình nghiên cứu về sự chuyển biến của phong trào yêu nước và cách mạng ở Việt Nam có liên quan đến Quảng Nam.....	11
1.1.2. Nhóm công trình nghiên cứu về sự chuyển biến của phong trào yêu nước và cách mạng ở Quảng Nam .....	19
<b>1.2. Kết quả nghiên cứu và những vấn đề đặt ra cần tiếp tục được nghiên cứu .....</b>	<b>23</b>
<b>Chương 2. SỰ CHUYỂN BIẾN CỦA PHONG TRÀO YÊU NƯỚC VÀ CÁCH MẠNG QUẢNG NAM TỪ LẬP TRƯỜNG PHONG KIẾN SANG KHUYNH HƯỚNG DÂN CHỦ TƯ SẢN (TỪ ĐẦU THẾ KỶ XX ĐẾN 1918)</b>	<b>26</b>
<b>2.1. Những tiền đề của sự chuyển biến của phong trào yêu nước và cách mạng Việt Nam và Quảng Nam đầu thế kỷ XX .....</b>	<b>26</b>
2.1.1. Đặc điểm vùng đất, con người Quảng Nam.....	26
2.1.2. Thất bại của phong trào Cần Vương cả nước và sự kết thúc sớm	

của phong trào Nghĩa hội Quảng Nam .....	28
2.1.3. Sự chuyển biến về kinh tế - xã hội ở Quảng Nam và Đà Nẵng đầu thế kỷ XX.....	32
2.1.4. Ảnh hưởng của tư tưởng canh tân ở Việt Nam cuối thế kỷ XIX.....	38
2.1.5. Tác động của Tân thư , Tân văn và phong trào cách mạng tư sản ở Châu Á.....	39
<b>2.2. Sự chuyển biến của phong trào yêu nước và cách mạng Quảng Nam theo khuynh hướng dân chủ tư sản đầu thế kỷ XX.....</b>	<b>45</b>
2.2.1. Chuyển biến về tư tưởng, mục tiêu cứu nước.....	45
2.2.1.1. Nhận thức lại thực trạng xã hội, tìm nguyên nhân mất nước.....	46
2.2.1.2. Hình thành tư tưởng cứu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản.....	49
2.2.2. Chuyển biến về cơ cấu tổ chức lãnh đạo phong trào .....	58
2.2.2.1. Từ Nghĩa hội Quảng Nam đến Duy Tân Hội .....	58
2.2.2.2. Quá trình cải tổ Duy Tân Hội và thành lập Việt Nam Quang phục Hội .....	63
2.2.3. Chuyển biến về phương thức hoạt động .....	68
2.2.3.1. Phương thức hoạt động theo lập trường cứu nước của Duy Tân Hội và Việt Nam Quang phục Hội.....	69
2.2.3.2. Phương thức hoạt động theo chủ trương duy tân cải cách của Phan Châu Trinh .....	72
<i>Tiểu kết chương 2</i> .....	80

<b>Chương 3. SỰ CHUYỂN BIẾN CỦA PHONG TRÀO YÊU NƯỚC VÀ CÁCH MẠNG QUẢNG NAM TỪ KHUYNH HƯỚNG DÂN CHỦ TƯ SẢN SANG LẬP TRƯỜNG VÔ SẢN (1919 - 1930) .....</b>	<b>82</b>
<b>3.1. Những tiền đề của sự chuyển biến của phong trào yêu nước và cách mạng Quảng Nam từ 1919 đến 1930 .....</b>	<b>82</b>
3.1.1. Sự chuyển biến về kinh tế và xã hội ở Quảng Nam.....	82
3.1.1.1. Sự chuyển biến về kinh tế .....	82
3.1.1.2. Sự chuyển biến về xã hội.....	85
3.1.2. Ảnh hưởng của phong trào cách mạng thế giới và tư tưởng cách mạng của Nguyễn Ái Quốc.....	89
3.1.3. Ảnh hưởng của phong trào yêu nước và cách mạng Việt Nam từ năm 1919 đến năm 1930.....	91
<b>3.2. Những biểu hiện của sự chuyển biến phong trào yêu nước và cách mạng Quảng Nam từ khuynh hướng dân chủ tư sản sang lập trường vô sản .....</b>	<b>92</b>
3.2.1. Sự chuyển biến của phong trào yêu nước theo khuynh hướng tư sản và sự chuẩn bị tiền đề cho sự hình thành phong trào yêu nước và cách mạng theo xu hướng vô sản ở Quảng Nam.....	92
3.2.2. Sự chuyển biến của phong trào yêu nước và cách mạng theo lập trường vô sản ở Quảng Nam.....	98
3.2.2.1. Chuyển biến về tư tưởng chính trị.....	98
3.2.2.2. Chuyển biến về cơ cấu tổ chức lãnh đạo phong trào.....	104
3.2.2.3. Chuyển biến về phương thức hoạt động.....	115
<i>Tiểu kết chương 3.....</i>	<i>122</i>

<b>Chương 4. ĐẶC ĐIỂM, TÁC ĐỘNG CỦA SỰ CHUYỂN BIẾN PHONG TRÀO YÊU NƯỚC VÀ CÁCH MẠNG QUẢNG NAM TỪ ĐẦU THẾ KỶ XX ĐẾN NĂM 1930 .....</b>	<b>124</b>
<b>4.1. Đặc điểm .....</b>	<b>124</b>
4.1.1. Sự chuyển biến của phong trào yêu nước và cách mạng Quảng Nam trong 30 năm đầu thế kỷ XX thể hiện những đặc điểm chung của cả nước.	124
4.1.2. Những đặc điểm chủ yếu của quá trình chuyển biến trong phong trào yêu nước và cách mạng Quảng Nam từ đầu thế kỷ XX đến năm 1930.....	129
<b>4.2. Tác động của sự chuyển biến phong trào yêu nước và cách mạng Quảng Nam từ đầu thế kỷ XX đến năm 1930.....</b>	<b>144</b>
4.2.1. Góp phần tạo nên quá trình chuyển biến của phong trào yêu nước và cách mạng Việt Nam.....	144
4.2.2. Góp phần vào quá trình chấn hưng nội lực của dân tộc.....	148
4.2.3. Khởi đầu cho sự hội nhập quốc tế và xây dựng địa bàn hoạt động ở nước ngoài.....	149
4.2.4. Gợi mở một số vấn đề có ý nghĩa thiết thực cho công cuộc xây dựng và bảo vệ quê hương Quảng Nam hiện nay.....	151
<i>Tiểu kết chương 4.....</i>	160
<b>KẾT LUẬN.....</b>	<b>162</b>
<b>DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU ĐÃ CÔNG BỐ.....</b>	<b>166</b>
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO.....</b>	<b>167</b>
<b>PHỤ LỤC.....</b>	<b>183</b>

## MỞ ĐẦU

### 1. LÝ DO CHỌN ĐỀ TÀI

Ngày 1/9/1858, thực dân Pháp xâm lược nước ta, nhân dân Việt Nam đã liên tiếp đứng lên đấu tranh để bảo vệ nền độc lập dân tộc trong nửa sau thế kỷ XIX với đỉnh cao là phong trào Cần Vương (1885 - 1896). Mặc dù diễn ra sôi nổi, quyết liệt, cuối cùng phong trào Cần Vương đã thất bại, chứng tỏ hệ tư tưởng phong kiến, chế độ phong kiến không còn là con đường cứu nước cứu dân được nữa. Lịch sử dân tộc đòi hỏi phải có một con đường cứu nước mới hữu hiệu hơn. Đáp ứng yêu cầu lịch sử đó, vào đầu thế kỷ XX, do tác động của những yếu tố trong nước (sự chuyển về kinh tế - xã hội dưới tác động của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất) và ngoài nước (tư tưởng dân chủ tư sản (DCTS) phương Tây và trào lưu “Châu Á thức tỉnh”), phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam chuyển biến theo khuynh hướng cách mạng tư sản với các xu hướng bạo động và cải cách.

Từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất đến năm 1930, phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam tiếp tục trải qua các giai đoạn tìm tòi và định hướng về con đường cứu nước để giải phóng dân tộc, giành độc lập tự do. Phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam tiếp tục chuyển biến theo các con đường cách mạng tư sản và vô sản. Sự chuyển biến này trải qua một quá trình chọn lọc tất yếu của lịch sử để tìm ra con đường phát triển đúng đắn cho phong trào cách mạng (PTCM) Việt Nam. Đây là một vấn đề khoa học lớn cần được lý giải để tìm ra quy luật phát triển của phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam trong 30 năm đầu thế kỷ XX.

Sự chuyển biến của phong trào yêu nước (PTYN) và cách mạng Việt Nam (CMVN) từ đầu thế kỷ XX đến năm 1930 diễn ra trong phạm vi toàn quốc và thể hiện cụ thể ở từng địa phương, phản ánh qua nhịp độ phát triển nhanh chóng về chính trị của các tổ chức yêu nước, cách mạng, cũng như của các hình thái biểu hiện của nó. Trong quá trình chuyển biến của PTYN và CMVN 30 năm đầu của thế kỷ XX, Quảng Nam - vùng đất do tác động của các điều kiện lịch sử, đã có sự chuyển biến theo các trào lưu của dân tộc với những nét nổi bật. Vào đầu thế kỷ XX, Quảng Nam là nơi khởi phát của Phong trào Duy Tân (PTDT) (1903 - 1908) cả nước, đồng thời đây cũng là “cái nôi” của Duy Tân hội (DTH) (1904 - 1912) và Phong trào Đông Du (PTĐĐ) (1905 - 1909). Quảng Nam trở thành trung tâm của PTDT Trung Kỳ, từ Quảng Nam phong trào lan rộng ra cả nước, khởi nguồn, châm ngòi cho phong trào chống sưu thuế của nhân dân miền Trung năm 1908. Quảng Nam còn là một trong ba địa bàn chiến lược của cuộc vận động khởi nghĩa ở Trung Kỳ của tổ chức Việt Nam Quang

phục Hội (VNQPH) (1916), được khởi xướng bởi các sĩ phu yêu nước Quảng Nam và Quảng Ngãi như Trần Cao Vân, Thái Phiên, Lê Ngung, Nguyễn Thụy....

Từ nửa sau những năm 20 của thế kỷ XX, tinh thần yêu nước của nhân dân Quảng Nam đã được soi sáng bởi lý tưởng cộng sản do Nguyễn Ái Quốc truyền bá, mở ra con đường giành độc lập tự do đúng đắn. Từ những hạt giống đỏ trong tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên (VNCMTN) tỉnh Quảng Nam (1927), Đảng bộ Đảng Cộng sản Đông Dương tỉnh Quảng Nam ra đời (1929); và đến tháng 3/1930, Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Quảng Nam được thành lập, đây là một trong những đảng bộ ra đời sớm nhất trong cả nước.

Có thể nói, Quảng Nam là vùng đất thể hiện sự chuyển biến tương đối đầy đủ và rõ nét nhất ở Nam Trung Kỳ trong PTYN và CMVN 30 năm đầu thế kỷ XX. Việc lí giải các cơ sở của sự chuyển biến, trình bày biểu hiện của sự chuyển biến, rút ra đặc điểm và đánh giá tác động của sự chuyển biến này ở Quảng Nam là một sự cần thiết. Nghiên cứu vấn đề này sẽ đưa lại nhiều ý nghĩa khoa học và thực tiễn.

Về mặt khoa học, sẽ góp phần bổ sung vào kết quả nghiên cứu về sự chuyển biến của phong trào giải phóng dân tộc ở Việt Nam trong 30 năm đầu thế kỷ XX; về mặt tư liệu và nhận thức, chứng minh tính đa dạng và phong phú của sự chuyển biến, khẳng định tính tất yếu về sự chuyển biến của phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam; đồng thời, góp phần làm sáng tỏ những nét nổi bật về sự chuyển biến của phong trào giải phóng dân tộc ở Quảng Nam do tác động các yếu tố chung của toàn quốc và sự tác động của nhân tố địa phương. Qua tìm hiểu sự chuyển biến này, sẽ góp phần khẳng định sự đóng góp của nhân dân Quảng Nam đối với tiến trình lịch sử dân tộc trong 30 năm đầu thế kỷ XX.

Về mặt thực tiễn, kết quả nghiên cứu của đề tài sẽ là nguồn tài liệu cần thiết để nghiên cứu và giảng dạy, học tập lịch sử Việt Nam cận đại ở các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và trường trung học phổ thông. Những luận điểm khoa học được rút ra trong đề tài, nhất là về duy tân, đổi mới toàn diện đất nước ở đầu thế kỷ XX vẫn còn có giá trị và cần được kế thừa, phát huy trong công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước hiện nay. Nghiên cứu đề tài này, còn góp phần khơi dậy, giáo dục truyền thống cách mạng, lòng yêu quê hương, đất nước cho các thế hệ nhân dân Quảng Nam hiện nay và mai sau.

Chính từ ý nghĩa khoa học và thực tiễn trên đây, PTYN và cách mạng Quảng Nam (CMQN) từ đầu thế kỷ XX đến năm 1930 đã thu hút sự quan tâm của giới nghiên cứu thể hiện trong một số giáo trình, sách tham khảo, các hội thảo khoa học và

công bố trên các tạp chí khoa học. Tuy nhiên, nghiên cứu về PTYN và CMQN từ đầu thế kỷ XX đến năm 1930 dưới góc độ sự hình thành và phát triển đạt nhiều thành tựu, còn về sự chuyển biến của PTYN và CMQN 30 năm đầu thế kỷ XX còn nhiều vấn đề đáng đặt ra cần tiếp tục làm sáng tỏ như vì sao Quảng Nam là nơi diễn ra sự chuyển biến sớm nhất của PTYN và CMVN đầu thế kỷ XX, và là địa phương có sự chuyển biến sớm hơn các tỉnh Nam Trung Kỳ trên con đường cách mạng vô sản (CMVS); nội dung, quá trình và đặc điểm của sự chuyển biến....

Hiện nay, trước yêu cầu về hội nhập, phát triển kinh tế - xã hội, việc nghiên cứu đề tài này còn nhằm phát huy truyền thống tốt đẹp của quê hương để tạo ra động lực thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương, xây dựng chế độ mới, con người mới.

Xuất phát từ những cơ sở lý luận và thực tiễn trên, chúng tôi chọn đề tài: ***Sự chuyển biến của phong trào yêu nước và cách mạng Quảng Nam từ đầu thế kỷ XX đến năm 1930*** làm luận án Tiến sĩ.

## **2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI NGHIÊN CỨU**

### **2.1. Đối tượng nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu của luận án là sự chuyển biến của PTYN và CMQN từ đầu thế kỷ XX đến năm 1930.

### **2.2. Phạm vi nghiên cứu**

**Về không gian:** Tỉnh Quảng Nam theo giới hạn của địa giới hành chính trong 30 năm đầu thế kỷ XX. Dưới triều Nguyễn, Quảng Nam là vùng đất bao gồm thành phố Đà Nẵng và tỉnh Quảng Nam ngày nay. Năm 1888, dưới sức ép của thực dân Pháp, triều đình Huế (thời vua Đồng Khánh) đã cắt 5 xã ở tả ngạn sông Hàn (Hải Châu, Phước Ninh, Thạch Than, Nam Dương và Nại Hiên Tây) để lập ra nhượng địa Đà Nẵng (Tourane). Đến năm 1901, thực dân Pháp tiếp tục ép buộc vua Thành Thái cắt đất của 8 xã thuộc huyện Hòa Vang (Xuân Gián, Thạch Gián, Liên Trì, Bình Thuận, Xuân Hào, Thanh Khê, Đông Hà Khê, Yên Khê) và 6 xã thuộc huyện Diên Phước, phủ Điện Bàn (Mỹ Khê, An Hải, Tân Thái, Nại Hiên Đông, Mân Quang, Vĩnh Yên) để mở rộng nhượng địa [162]. Như thế, “nhượng địa Tourance” dưới thời thuộc Pháp là vùng đất ở hai bên tả ngạn và hữu ngạn sông Hàn, toàn bộ bán đảo Sơn Trà và vịnh biển Đà Nẵng. Giới hạn địa giới hành chính đó của Đà Nẵng không thay đổi cho đến trước Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Như vậy, tỉnh Quảng Nam theo giới hạn địa giới hành chính trong 30 năm đầu thế kỷ XX không bao gồm thành phố Đà Nẵng. Quảng Nam và Đà Nẵng là hai đơn vị

hành chính độc lập (Quảng Nam là đất “bảo hộ” còn Đà Nẵng là đất “nhượng địa” ). Tuy nhiên, do mối quan hệ mật thiết về truyền thống, lịch sử, văn hóa, chính trị... nên luận án có đề cập đến thành phố Đà Nẵng.

*Về thời gian:* Từ đầu thế kỷ XX đến năm 1930 (28/3/1930). Tuy nhiên, để đảm bảo tính liên tục, thể hiện rõ hơn về sự chuyển biến của PTYN và CMQN từ lập trường phong kiến sang khuynh hướng DCTS rồi lên khuynh hướng CMVS, chúng tôi có đề cập đến phong trào đấu tranh yêu nước ở cuối thế kỷ XIX và PTCM Quảng Nam từ sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Quảng Nam ra đời (1930 - 1931).

### **3. MỤC ĐÍCH VÀ NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU**

#### **3.1. Mục đích**

Mục đích nghiên cứu của luận án là tái hiện bức tranh toàn cảnh về sự chuyển biến của PTYN và CMQN từ đầu thế kỷ XX đến năm 1930 có hệ thống và tương đối đầy đủ, từ đó nêu lên bản chất và khẳng định giá trị lịch sử của sự chuyển biến này.

#### **3.2. Nhiệm vụ**

Để đạt được mục đích nghiên cứu nêu trên, luận án tập trung giải quyết những nhiệm vụ cơ bản sau:

*Thứ nhất*, phân tích những điều kiện khách quan và chủ quan tạo ra sự chuyển biến của PTYN và CMQN từ đầu thế kỷ XX đến năm 1930.

*Thứ hai*, phân tích và trình bày sự chuyển biến của PTYN và CMQN từ đầu thế kỷ XX đến năm 1930 trên các mặt: tư tưởng, mục tiêu cứu nước; tổ chức lãnh đạo và phương thức đấu tranh.

*Thứ ba*, phân tích đặc điểm, tác động của sự chuyển biến của PTYN và CMQN trong 30 năm đầu kỷ XX đối với Quảng Nam và cả nước.

### **4. NGUỒN TÀI LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

#### **4.1. Nguồn tài liệu**

Luận án chủ yếu được xây dựng dựa trên cơ sở các nguồn tài liệu sau đây:

*Một là*, các tài liệu lưu trữ của chính quyền thuộc địa liên quan tới PTYN và CMQN, Đà Nẵng trong 30 năm đầu thế kỷ XX hiện đang lưu trữ lại trung tâm lưu trữ (TTLT) Quốc gia I (Hà Nội), TTLT Quốc gia II (thành phố Hồ Chí Minh), TTLT Quốc gia IV (Đà Lạt), Bảo tàng Cách mạng Việt Nam, tài liệu lưu trữ của Tỉnh ủy Quảng Nam, Thành ủy Đà Nẵng và các huyện, thị trên địa bàn Quảng Nam.

*Hai là*, các văn kiện của Đảng Cộng sản Việt Nam, các tác phẩm của Chủ tịch Hồ Chí Minh, các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước về cách mạng giải phóng dân tộc.

*Ba là*, các công trình nghiên cứu về nhân vật, về PTYN và CMVN và Quảng Nam trong 30 năm đầu thế kỷ XX; các công trình nghiên cứu lịch sử địa phương như: Lịch sử Đảng bộ, lịch sử đấu tranh cách mạng, địa chí của các tỉnh Quảng Nam, Đà Nẵng và các huyện, thành phố trên địa bàn Quảng Nam.

*Bốn là*, các công trình chuyên khảo về sự chuyển biến của PTYN và CMVN nói chung và các địa phương nói riêng.

Ngoài ra, nhằm làm sáng tỏ hơn vấn đề nghiên cứu, luận án cũng chú ý khai thác các tài liệu, sách báo, bài viết ở ngoài nước có liên quan đến đề tài; tài liệu điền dã, hồi ký...

#### **4.2. Phương pháp nghiên cứu**

Trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, tác giả sử dụng phương pháp lịch sử kết hợp với phương pháp logic là chủ yếu. Ngoài ra, để đảm bảo tính chính xác về nội dung, sự kiện và tính thuyết phục của các luận điểm nghiên cứu nêu ra trong luận án, tác giả còn vận dụng linh hoạt các phương pháp nghiên cứu khác như: điền dã, sưu tầm, so sánh, đối chiếu, phân tích, tổng hợp, khái quát... để xử lý tư liệu trước khi tái hiện bức tranh toàn cảnh về sự chuyển biến của PTYN và CMQN trong 30 năm đầu thế kỷ XX.

#### **5. ĐÓNG GÓP CỦA LUẬN ÁN**

*Thứ nhất*, luận án là công trình đầu tiên ở Việt Nam nghiên cứu tương đối có hệ thống và toàn diện về sự chuyển biến của PTYN và CMQN từ đầu thế kỷ XX đến năm 1930. Qua đó, góp phần tái hiện lại quá trình chuyển biến của PTYN và CMQN cũng như cả nước trong 30 năm đầu thế kỷ XX.

*Thứ hai*, luận án phân tích các điều kiện chủ quan và khách quan tạo ra sự chuyển biến của PTYN và CMQN từ đầu thế kỷ XX đến năm 1930. Trên cơ sở đó, góp phần lí giải vì sao Quảng Nam là nơi khởi đầu của sự chuyển biến trong phong trào dân tộc dân chủ (DTDC) ở Việt Nam đầu thế kỷ XX.

*Thứ ba*, luận án trình bày tương đối có hệ thống và đầy đủ về quá trình chuyển biến của PTYN và CMQN từ đầu thế kỷ XX đến năm 1930 với những biểu hiện cụ thể của nó như: tư tưởng, mục tiêu cứu nước; cơ cấu tổ chức lãnh đạo và phương thức đấu tranh. Từ đó, rút ra đặc điểm, phân tích làm rõ sự tác động của sự chuyển biến của PTYN và CMQN trong 30 năm đầu thế kỷ XX đối với Quảng Nam và cả nước.

*Thứ tư*, xây dựng hệ thống tư liệu có giá trị tham khảo liên quan đến sự chuyển biến của PTYN và CMQN và Việt Nam trong 30 năm đầu thế kỷ XX. Kết quả nghiên cứu của luận án sẽ cung cấp một số tư liệu mới, góp phần phục vụ công tác nghiên

cứu, giảng dạy, học tập lịch sử Việt Nam cận đại, đặc biệt là trong 30 năm đầu thế kỷ XX và giáo dục truyền thống cho các thế hệ hiện nay.

## **6. KẾT CẤU CỦA LUẬN ÁN**

Ngoài các phần: Mở đầu (6 trang), Kết luận (4 trang), Danh mục các công trình nghiên cứu (1 trang), Danh mục tài liệu tham khảo (16 trang), phần Nội dung của luận án gồm 4 chương:

Chương 1: Tổng quan vấn đề nghiên cứu (15 trang)

Chương 2: Sự chuyển biến của phong trào yêu nước và cách mạng Quảng Nam từ lập trường phong kiến sang khuynh hướng dân chủ tư sản (từ đầu thế kỷ XX đến 1918) (55 trang)

Chương 3: Sự chuyển biến của phong trào yêu nước và cách mạng Quảng Nam từ khuynh hướng dân chủ tư sản sang lập trường vô sản (1919 - 1930) (41 trang)

Chương 4: Đặc điểm, tác động của sự chuyển biến của phong trào yêu nước và cách mạng Quảng Nam từ đầu thế kỷ XX đến năm 1930 (36 trang)

# NỘI DUNG

## Chương 1

### TỔNG QUAN VỀ VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

#### 1.1. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Quảng Nam - vùng đất “địa linh , nhân kiệt” và những nhân vật tiêu biểu của vùng đất này gắn liền với lịch sử dân tộc đã trở thành đối tượng nghiên cứu của nhiều học giả trong và ngoài nước . Nghiên cứu về nhân vật, về phong trào và về sự chuyển biến của PTYN và CMQN từ đầu thế kỷ XX đến năm 1930 đã có nhiều công trình nghiên cứu. Qua khảo cứu có thể chia thành 2 nhóm công trình nghiên cứu chủ yếu sau:

##### 1.1.1. Nhóm công trình nghiên cứu về sự chuyển biến của phong trào yêu nước và cách mạng ở Việt Nam có liên quan đến Quảng Nam

###### 1.1.1.1. Các công trình nghiên cứu trong nước

Trước năm 1975, có những công trình tiêu biểu : *Nhuộng Tống* (1945), *Tân Việt Cách mạng Đảng* (Việt Nam Thư xã xuất bản ) đã mô tả những bước chuyển biến cơ bản của tổ chức này trước sự ảnh hưởng của Hội VNCMTN trong nửa sau những năm 20 của thế kỷ XX.

Trong thập niên 60 của thế kỷ XX, Anh Minh đã dịch và xuất bản những trước tác của Huỳnh Thúc Kháng như *Huỳnh Thúc Kháng tự truyện* (1963), *Bức thư bí mật gửi Kỳ ngoại hầu Cường Đế* (1967) [88]. Những tác phẩm này của Huỳnh Thúc Kháng đến năm 2000 được Nhà xuất bản (NXB) Văn hóa Thông tin in lại với nhan đề: *Huỳnh thúc Kháng niên phổ* [89]. Các trước tác này, đã cung cấp cho các nhà sử học miền Nam nhiều tư liệu đáng tin cậy do một trong những lãnh tụ của PTDT ghi chép lại, là nguồn tư liệu tin cậy cho tác giả trong quá trình thực hiện luận án.

Lam Giang, *Trần Quý Cáp và tư trào cách mạng tư sản dân quyền đầu thế kỷ XX*, Đông Á xuất bản, Sài Gòn, 1970 [71]. Sơn Nam với *Miền Nam đầu thế kỷ XX, Thiên Địa Hội và cuộc Minh Tân* (NXB Lá Bôi, Sài Gòn, 1971) và *Phong trào Duy Tân Bắc Trung Nam* (NXB Đông Phố, Sài Gòn, 1975); năm 2003, nhân kỷ niệm 100 năm ngày khởi xướng PTDT , NXB Trẻ giới thiệu tập sách *Phong trào Duy Tân ở Bắc, Trung, Nam & Miền Nam đầu thế kỷ XX: Thiên Địa hội và cuộc Minh Tân* [111] là tập hợp hai cuốn sách trên (có chỉnh sửa ) của tác giả Sơn Nam . Tập sách đã giới thiệu bức tranh khá toàn diện về PTDT ở Việt Nam đầu thế kỷ XX ; trong đó có đề cập

khá cụ thể về PTDT ở Quảng Nam - nơi mở đầu và là trung tâm của PTDT cả nước . Tập sách chứa đựng nguồn tư liệu khá phong phú về PTDT và về các nhân vật chủ xướng phát động phong trào.

Trong các công trình nghiên cứu về PTDT trước 1975, tiêu biểu là cuốn *Phong trào Duy Tân* của Nguyễn Văn Xuân, được NXB Lá Bối giới thiệu vào năm 1969, đến năm 1995, công trình được NXB Đà Nẵng tái bản [176]. Công trình này được tác giả dày công nghiên cứu trên cơ sở khai thác tối đa nguồn tư liệu hiện có và tư liệu điền dã, phỏng vấn nhân chứng do chính tác giả thực hiện. Có thể coi đây là công trình đầu tiên nghiên cứu một cách đầy đủ, toàn diện về PTDT từ người lãnh đạo, tổ chức, diễn biến kèm với những nhận định, đánh giá của tác giả. Tuy còn một số hạn chế nhất định trong nhận định còn mang tính chủ quan theo phong cách của một nhà văn, nhưng công trình này được đánh giá rất cao về mặt học thuật và sử liệu, là một trong số ít công trình ở miền Nam được đánh giá cao vào thời gian này. Đây là công trình có đề cập nhiều đến PTDT ở Quảng Nam , chứa đựng nguồn sử liệu phong phú liên quan trực tiếp đến đề tài.

Nguyễn Thế Anh (1974), *Phong trào chống thuế ở Trung Kỳ năm 1908 qua các châu bản triều Duy Tân* [5], bằng nguồn t u liệu chính thống của triều Nguyễn , Nguyễn Thế Anh đã cho chúng ta cái nhìn toàn diện và khá đầy đủ về vụ “Trung Kỳ dân biến” năm 1908 - một phong trào đấu tranh tiêu biểu trong lịch sử dân tộc đầu thế kỷ XX, được khởi phát từ Quảng Nam và lan rộng khắp miền Trung làm rung động chính quyền thực dân phong kiến ; trong đó, nêu lên vấn đề từ PTDT đã dẫn đến phong trào chống thuế ở Trung Kỳ năm 1908.

Đến năm 1975 còn có những công trình viết về lịch sử dân tộc cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, trong đó có đề cập đến các PTYN và CMQN với tư cách là một bộ phận của PTYN và CMVN, tiêu biểu như: Nguyễn Văn Kiệm (1975), *Lịch sử Việt Nam từ đầu thế kỷ XX đến 1918*; Hồ Song (1975), *Lịch sử Việt Nam từ 1919 đến 1929*; Trần Văn Giàu (1975), *Lịch sử Việt Nam từ 1897 - 1914*;...

Từ sau 1975, PTYN và CMVN thu hút được sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu. Trong đó, nổi bật là những bài viết chuyên khảo về sự chuyển biến của PTYN và CMVN nói chung và các địa phương nói riêng trong 30 năm đầu thế kỷ XX đăng trên các tập san Văn - Sử - Địa, tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, Lịch sử Quân sự, Lịch sử Đảng, Triết học. Tiêu biểu như: Hồ Song, Chương Thâu (1997), *Sự chuyển hướng tư tưởng trong phong trào quốc gia - dân tộc Việt Nam đầu thế kỷ XX*, Tạp chí Nghiên

cứu Lịch sử, số 2 [135], đi sâu phân tích về sự chuyển hướng trong tư tưởng cứu nước của tầng lớp sĩ phu yêu nước thức thời Việt Nam ở cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. Trong bối cảnh mới của đất nước ta vào đầu thế kỷ XX, cùng với những tác động của tình hình thế giới, nhất là những chuyển biến ở Đông Á lúc đó, các sĩ phu yêu nước, tiến bộ Việt Nam đã nhận thấy rõ không thể tiếp tục chống Pháp theo lối cũ của phong trào Cần Vương. Họ chủ trương kết hợp cứu nước với duy tân, tiến hành đổi mới, học theo văn minh phương Tây, cải tạo nước Việt Nam cũ, xây dựng nước Việt Nam mới theo hình ảnh của các nước tiên tiến lúc bấy giờ. Đó là sự chuyển biến tư tưởng đầu tiên trong phong trào quốc gia - dân tộc từ sau khi nước ta rơi vào tay thực dân Pháp.

Đình Trần Dương (1997), *Sự chuyển hóa của các tổ chức yêu nước ở Việt Nam trong những năm 1925 - 1930*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 4 [50], tập trung đi sâu phân tích về sự chuyển hóa của các tổ chức yêu nước Việt Nam trong nửa sau thập niên 20 thế kỷ XX với vai trò sáng lập và không ngừng tự cải tổ của các sĩ phu yêu nước tiến bộ đương thời. Trước khi xuất hiện phong trào cộng sản, các PTCM do các sĩ phu yêu nước, tiến bộ ở đầu thế kỷ XX khởi xướng đã lôi cuốn được đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia, đẩy lên cuộc vận động DTDC rộng lớn. Cuộc vận động cách mạng đầu thế kỷ XX đã vươn tới những giá trị đích thực của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, đã thừa nhận vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong việc chuyển hóa các tổ chức yêu nước đương thời theo khuynh hướng CMVS. Đảng Cộng sản Việt Nam là sản phẩm của sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và PTYN Việt Nam, mà trong đó, PTYN là nhân tố cội nguồn và sự chuyển hóa của các tổ chức yêu nước ở Việt Nam trong những năm 1925 - 1930 là một tất yếu, để phù hợp với đặc điểm của thời đại và yêu cầu của sự nghiệp giải phóng dân tộc Việt Nam.

Nguyễn Văn Khánh (2005), *Việt Nam Quốc dân đảng với sự chuyển hóa của phong trào dân tộc Việt Nam trong những năm 20 thế kỷ XX*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 2 [91], phân tích sâu về vai trò góp phần thúc đẩy nhanh quá trình chuyển hóa của phong trào dân tộc Việt Nam theo khuynh hướng CMVS của Việt Nam Quốc dân đảng với tư cách là một trong ba tổ chức cách mạng lớn mạnh nhất nước ta vào những năm 20 thế kỷ XX. Sự thất bại của Việt Nam Quốc dân đảng mà đỉnh cao là khởi nghĩa Yên Bái đã giúp cho các tầng lớp nhân dân ta sớm nhận rõ được những hạn chế và sự bất lực của khuynh hướng cách mạng tư sản, và nhanh chóng chuyển sang con đường CMVS, góp phần tạo nên ưu thế và tiền đề thắng lợi cho khuynh hướng cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam vào đầu những năm 30 thế kỷ XX.

Nguyễn Văn Khánh (2007), *Lịch sử Việt Nam 1919 - 1930: thời kì tìm tòi và*

*định hướng*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, đã trình bày quá trình chuyển biến của lịch sử dân tộc trên nhiều phương diện, trong đó có PTYN và cách mạng.

Huỳnh Công Bá (2009) *Ảnh hưởng của cách mạng tư sản Pháp đối với các sĩ phu yêu nước Việt Nam đầu thế kỷ XX* [8], được in trong tập *Kỷ yếu hội thảo khoa học 220 năm cách mạng tư sản Pháp và quan hệ Việt - Pháp trong lịch sử*. Bài viết đã phân tích rõ ảnh hưởng to lớn của cách mạng Pháp, của tư tưởng dân chủ, dân quyền tư sản và coi đó là nhân tố quan trọng tác động làm “thức tỉnh” các sĩ phu yêu nước Việt Nam, làm chuyển biến tư tưởng và hành động của tầng lớp trí thức yêu nước tiến bộ này từ lập trường phong kiến sang khuynh hướng DCTS.

Trong số các công trình chuyên khảo về sự chuyển biến của PTYN và CMVN, cần phải kể đến: Đinh Trần Dương (2002), *Sự chuyển biến của phong trào yêu nước và cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam trong 30 năm đầu thế kỷ XX*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội [48]. Công trình đã trình bày có hệ thống về sự chuyển biến của PTYN và cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam trong 30 năm đầu thế kỷ XX với những biểu hiện cụ thể từ sự chuyển biến về tư tưởng mục tiêu, tổ chức lãnh đạo cho tới phương thức hành động. Có thể nói, đây là một trong những công trình đầu tiên nghiên cứu chuyên sâu về sự chuyển biến của PTYN và cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam ở đầu thế kỷ XX tương đối có hệ thống và toàn diện. Tuy vậy, do giới hạn về phạm vi, nên công trình chỉ nghiên cứu về sự chuyển biến của PTYN và CMVN nói chung chứ chưa đi sâu nghiên cứu về sự chuyển biến của PTYN và cách mạng ở một địa phương như Quảng Nam.

Doãn Chính, Trương Văn Chung (đồng chủ biên) (2005), *Bước chuyển biến tư tưởng Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX* [36], tổng hợp những bài viết trong cuộc hội thảo khoa học do Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành phố Hồ Chí Minh tổ chức. Công trình đã làm sáng tỏ những tiền đề, giá trị cốt lõi, bền vững của tư tưởng dân tộc, phương cách mà các nhà tư tưởng tiêu biểu tiếp nhận cái mới để tạo ra bước chuyển biến trong tư tưởng và hành động của họ cũng như bước chuyển biến cơ bản của tư tưởng Việt Nam từ lập trường phong kiến sang ý thức hệ tư sản. Đồng thời chỉ rõ: đã phá thế chế quân chủ, thực hiện thể chế dân chủ cộng hòa, đã phá lối học cũ, chủ trương xây dựng một nền giáo dục thực hành và văn hóa thực dụng, kinh tế thương mại, công nghiệp theo phương Tây; đề cao vai trò của con người cá nhân, luật pháp theo khuynh hướng giao lưu với phương Tây là những đặc điểm chung nhất trong tư tưởng của các nhà canh tân, duy tân Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX [36].

Nguyễn Q. Thắng (2006), *Phong trào Duy Tân - các khuôn mặt tiêu biểu* [144], công trình là kết quả của quá trình dày công sưu tầm, nghiên cứu các trước tác của các chí sĩ trong PTDT từ những năm 60 thế kỷ XX của tác giả. Nguyễn Q. Thắng khẳng định PTDT là một cuộc vận động tân văn hóa, dân chủ, dân quyền đầu tiên trong lịch sử CMVN; trong đó, Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp và các đồng chí của họ là những chí sĩ cách mạng tiên phong. Công trình chứa đựng nguồn sử liệu phong phú, cùng những nhận định, đánh giá sâu sắc không chỉ có giá trị về mặt tư liệu mà còn là cơ sở lý luận quan trọng cho chúng tôi nghiên cứu về sự chuyển biến của PTYN và CMQN trong 30 năm đầu thế kỷ XX. Công trình này cùng với: *Huỳnh Thúc Kháng con người và thơ văn* (2001); *Phan Châu Trinh cuộc đời và tác phẩm* (2001) đã làm nên bộ sách nghiên cứu về PTDT của Nguyễn Q. Thắng.

Nguyễn Ngọc Cơ (2007), *Phong trào dân tộc trong đấu tranh chống Pháp ở Việt Nam (1858 - 1918)*, đã nêu lên sự chuyển biến của phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam trong những năm cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX có đề cập đến Quảng Nam với tư cách là bộ phận, là nơi khởi phát của các phong trào đấu tranh yêu nước tiêu biểu của cả nước đầu thế kỷ XX.

Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, Quỹ dịch thuật Phan Châu Trinh, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành phố Hồ Chí Minh, Trung tâm Giáo dục Thường xuyên Nguyễn Văn Tố (2008), *Kỷ yếu Hội thảo khoa học 100 năm Đông Kinh Nghĩa Thục*, NXB Tri Thức [119], tập hợp nhiều bài tham luận có giá trị của nhiều tác giả qua ba cuộc hội thảo được tổ chức tại Hà Nội, Hội An và thành phố Hồ Chí Minh nhằm kỷ niệm 100 năm Đông Kinh Nghĩa Thục. Cuốn sách được biên tập theo ba nhóm chủ đề: Đông Kinh Nghĩa Thục một thế kỷ nhìn lại, Đông Kinh Nghĩa Thục và hôm nay, Đông Kinh Nghĩa Thục qua một số nhân vật; với nội dung điếm lại những dấu son của Đông Kinh Nghĩa Thục và các nhân vật tiêu biểu của Đông Kinh Nghĩa Thục nói riêng và PTDT nói chung; đồng thời các tác giả còn đưa ra những nhận định mới về Đông Kinh Nghĩa Thục. Trên cơ sở đó, khẳng định vai trò, ý nghĩa của Đông Kinh Nghĩa Thục nói riêng và của PTDT nói chung đối với CMVN đầu thế kỷ XX. Đặc biệt, nhấn mạnh ý nghĩa lý luận và thực tiễn của Đông Kinh Nghĩa Thục và PTDT đối với sự nghiệp đổi mới đất nước, nhất là đổi mới giáo dục và đào tạo ngày nay. Đông Kinh Nghĩa Thục nói riêng và PTDT nói chung là một “ *hiện tượng đặc sắc, một tinh ngọc anh minh và dũng cảm khác thường, một nhận thức mới có tính chất chuyển thời đại, cho đến nay vẫn còn mới mẽ và thiết thực* ” [73, tr.12]. Trong đó, có đề cập đến vai trò của Quảng Nam đối với sự hình thành và chuyển biến của

PTDT ở Bắc Kỳ, tiêu nhất là Đông Kinh Nghĩa Thục ở Hà Nội.

Nguyên Phó Chủ tịch nước, Nguyễn Thị Bình nhận xét:

*Mỗi lần nhắc đến các phong trào Duy Tân và Đông Kinh Nghĩa Thục là một lần tôi lại kính ngạc trước tư duy xán lạn và đột phá của các cụ Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Trần Quý Cáp, Nguyễn Quyền, Lương Văn Can... Có lẽ phong trào Duy Tân và Đông Kinh Nghĩa Thục là những tấm gương sinh động nhất cho tiến trình đổi mới tư duy một cách triệt để và táo bạo” [119, tr.13].*

Nguyễn Ngọc Cơ, Trần Đức Cường (2010), *Lịch sử Việt Nam* (tập IV) [38], trình bày về quá trình lịch sử Việt Nam từ nửa sau thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX, đã khái quát về sự chuyển biến của PTYN Việt Nam và nêu lên một số sự kiện liên quan đến PTYN và CMQN đầu thế kỷ XX.

Trương Công Huỳnh Kỳ (chủ biên) (2013), *Giáo trình Lịch sử Việt Nam cận đại (1858 - 1945)* [97], đã đề cập khá chi tiết và cụ thể đến Quảng Nam, với tư cách là nơi khởi phát của nhiều phong trào đấu tranh tiêu biểu của cả nước đầu thế kỷ XX.

Trần Thuận (chủ biên) (2014), *Thái độ của sĩ phu Việt Nam thời tiếp xúc Đông - Tây (từ thế kỷ XVII đến đầu thế kỷ XX)*, NXB Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh [155], đã tập trung phân tích thái độ của sĩ phu Việt Nam trước sự tiếp xúc Đông - Tây ở hai giai đoạn : trước 1858 và từ 1858 đến trước Chiến tranh thế giới thứ nhất . Trên cơ sở tìm hiểu đối sách của các chính quyền phong kiến Việt Nam trong quá trình tiếp xúc Đông - Tây trước sự xâm nhập của chủ nghĩa tư bản , “các tác giả đã phân tích diễn biến tư tưởng và hành động của các sĩ phu tiêu biểu để từ đó khái quát và rút ra những đặc điểm cơ bản về thái độ của sĩ phu Việt Nam ở từng giai đoạn lịch sử nhất định” [155, tr.7]. Nổi bật là công trình đã làm rõ sự phân hóa trong nhận thức tư tưởng của sĩ phu Việt Nam thành nhiều xu hướng khác nhau : bảo thủ, tiếp cận dè dặt, chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức tư tưởng... dẫn đến những cuộc cải cách với nhiều khuynh hướng khác nhau vào cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX . Công trình đã khắc họa được hình ảnh của tầng lớp sĩ phu Việt Nam trong gần 3 thế kỷ đầy biến động, đồng thời đưa ra những luận điểm xác đáng về đặc điểm của sĩ phu Việt Nam và đề xuất những giải pháp cần thiết cho việc hoạch định chiến lược phát triển con người ở nước ta trong thời kỳ đổi mới, hội nhập quốc tế.

Trương Thị Dương (2016), *Phong trào Duy Tân ở Việt Nam đầu thế kỷ XX*, NXB Lý luận chính trị [46]. Đây là công trình nghiên cứu chuyên sâu về PTDT ở Việt

Nam đầu thế kỷ XX tương đối có hệ thống và khá toàn diện từ cơ sở hình thành, hoạt động, vai trò, đặc điểm của phong trào; cùng với sự so sánh, đánh giá những điểm khác biệt giữa PTDT ở Quảng Nam nói riêng, Trung Kỳ nói chung với PTDT trên cả nước và giữa PTDT ở Việt Nam với các nước khác trong khu vực. Công trình này là nguồn tư liệu tham khảo bổ ích cho đề tài luận án.

Liên quan đến các công trình chuyên khảo về sự chuyển biến của PTYN và CMVN trong 30 năm đầu thế kỷ XX còn có các luận án Tiến sĩ như: Đinh Trần Dương (1996), *Sự chuyển biến của phong trào cách mạng giải phóng dân tộc ở Nghệ Tĩnh trong 30 năm đầu thế kỷ XX*, Luận án Phó Tiến sĩ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội [49]. Với 160 trang, gồm 3 chương, luận án đã đi sâu phân tích những điều kiện lịch sử mới; trình bày tương đối đầy đủ và có hệ thống những chuyển biến, cũng như nêu bật những đóng góp của phong trào giải phóng dân tộc ở Nghệ - Tĩnh trong 30 năm đầu thế kỷ XX.

Trần Thị Hạnh (2011), *Quá trình chuyển biến tư tưởng của Nho sĩ Việt Nam trong 30 năm đầu thế kỷ XX*, Luận án Tiến sĩ Triết học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội [78], đã chỉ rõ quá trình chuyển biến, đổi mới tư tưởng của tầng lớp nho sĩ Việt Nam đầu thế kỷ XX diễn ra trong bối cảnh những chuyển biến của lịch sử xã hội Việt Nam và thế giới; đồng thời, của chính bản thân họ với tư cách là người trí thức luôn tự nhiệm với dân tộc. Nó thể hiện logic phát triển của lịch sử tư tưởng Việt Nam, đáp ứng yêu cầu lịch sử xã hội. Quá trình chuyển biến tư tưởng của nho sĩ trong giai đoạn này có vai trò như là dấu gạch nối cần thiết cho sự truyền bá và phát triển của tư tưởng cách mạng vào Việt Nam. Từ đó, thổi bùng lên những PTYN và cách mạng theo những khuynh hướng mới ở Việt Nam trong những năm đầu thế kỷ XX. Trong công trình này, có đề cập đến sự chuyển biến tư tưởng của Phan Châu Trinh và Huỳnh Thúc Kháng.

Nhìn chung, các công trình nghiên cứu về sự chuyển biến của PTYN và CMVN nói chung, cũng như các địa phương nói riêng trong 30 năm đầu thế kỷ XX ở nhiều khía cạnh khác nhau; trong đó, có đề cập cụ thể đến một vài chuyển biến của PTYN và CMQN 30 năm đầu thế kỷ XX, đây là nguồn tư liệu tham khảo quan trọng cho tác giả trong quá trình thực hiện luận án.

#### **1.1.1.2. Các công trình nghiên cứu ngoài nước**

Liên quan đến đề tài còn thu hút sự quan tâm, nghiên cứu của các tác giả nước ngoài như: Cuốn *Les societees secretes en terre d'Annam (Hội kín ở Annam)*, Georges

Coulet, Sai gon, Inprimerice Commerciale, G. Ardin 1926, *Nguyễn Sơn dịch*) [186], *Những vụ nổi loạn chống Pháp ở An Nam từ 1905 đến 1918* của cơ quan An ninh thuộc Phủ toàn quyền Đông Dương đã khái quát những hoạt động chống Pháp của các sĩ phu, văn thân yêu nước trong gần hai thập kỷ đầu của thế kỷ XX, trong đó có đề cập khá chi tiết đến các sự kiện có liên quan trực tiếp đến các nhân vật tiêu biểu ở Quảng Nam đầu thế kỷ XX.

William J. Duiker (1976), *The Rise of nationalism in Vietnam 1900 – 1941 (Sự trỗi dậy của chủ nghĩa dân tộc ở Việt Nam)*, Cornell University Press, London [214], đề cập đến các nhân vật, các tổ chức yêu nước, cách mạng và các phong trào đấu tranh tiêu biểu ở Việt Nam trong hơn 40 năm (1900 - 1941). Qua đó, khẳng định về sự chuyển biến của phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam từ đầu thế kỷ XX đến đầu Chiến tranh thế giới lần thứ II. Trong đó, có đề cập đến Quảng Nam - địa phương với nhiều nhân vật tiêu biểu và là nơi khởi phát của nhiều phong trào đấu tranh tiêu biểu trong những năm đầu thế kỷ XX.

PTYN chống Pháp của nhân dân Việt Nam cũng đã được học giả David Marr, một nhà nghiên cứu về Việt Nam, trong tác phẩm *Vietnamese anti colonialism, 1885-1925*, (1971) cũng đã đề cập đến sự hình thành, phát triển, giá trị lịch sử của PTDT, DTH và PTĐD.

Nhìn chung, đã có rất nhiều công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài. Tuy nhiên, do giới hạn bởi phạm vi và đối tượng nghiên cứu, vì vậy phần lớn các công trình trên đã đề cập đến PTYN và CMQN với tư cách là một bộ phận của PTYN và CMVN chứ chưa đi sâu nghiên cứu về PTCM giải phóng dân tộc trong một giai đoạn nhất định (30 năm đầu thế kỷ XX), ở một địa phương cụ thể như Quảng Nam.

### **1.1.2. Nhóm công trình nghiên cứu về sự chuyển biến của phong trào yêu nước và cách mạng ở Quảng Nam**

Quảng Nam là địa phương quan tâm đến nghiên cứu lịch sử và nhân vật tiêu biểu của địa phương và cả nước thông qua các hội thảo khoa học và xuất bản thành phẩm.

Sở Khoa học - Công nghệ và Môi trường Quảng Nam - Đà Nẵng (1993), *Kỷ yếu Hội thảo Phan Châu Trinh và Huỳnh Thúc Kháng*, NXB Đà Nẵng. Đây là sự kiện mở đầu nghiên cứu về các nhân vật và PTDT ở Quảng Nam. Hội thảo đã tập trung trình bày tư tưởng, chủ trương cứu nước và vai trò của Phan Châu Trinh và Huỳnh Thúc Kháng đối với PTDT ở Quảng Nam và cả nước.

Phòng Văn hóa Thông tin Điện Bàn (Quảng Nam) (1995), *Trần Quý Cáp – chí sĩ duy tân Việt Nam đầu thế kỷ XX*, NXB Đà Nẵng [121], tác phẩm đã góp phần làm sáng tỏ thân thế sự nghiệp, chủ trương cứu nước và đóng góp của Trần Quý Cáp đối với PTYN Việt Nam đầu thế kỷ XX.

Nguyễn Sinh Duy (1996), *Phong trào Nghĩa Hội Quảng Nam*, NXB Đà Nẵng [54], bằng nguồn tư liệu lưu trữ phong phú ở trong và ngoài nước cùng tư liệu điền dã, tác giả đã tái hiện lại toàn bộ cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân đất Quảng do Nghĩa hội Quảng Nam (NHQN) lãnh đạo từ 1885 đến 1887. Phong trào “*Không chỉ đơn thuần là những trận đánh mà có thể nói phong trào là một tổng thể của các mặt quân sự, chính trị, xã hội, văn hóa...*” [54, tr.5]. Đây là một trong những cơ sở cho sự chuyển biến của phong trào yêu nước và cách mạng Quảng Nam đầu thế kỷ XX. Công trình chứa đựng nguồn sử liệu phong phú, đáng tin cậy, cùng những nhận định, đánh giá sâu sắc liên quan trực tiếp đến đề tài.

Lê Thị Kinh (2001), *Phan Châu Trinh qua những tài liệu mới*, (tập 1) [94], (tập 2 xuất bản năm 2003) [95]. Bộ sách chứa đựng nguồn sử liệu mới, phong phú về Phan Châu Trinh do chính tác giả sưu tầm từ nhiều nguồn trong và ngoài nước. Bộ sách đã cung cấp cho độc giả nguồn sử liệu phong phú, đa chiều để từ đó có được cái nhìn toàn diện hơn về Phan Châu Trinh - người khởi xướng, phát động PTDT, mở đầu cho trào lưu cứu nước mới ở Việt Nam đầu thế kỷ XX.

Năm 2003, hội thảo khoa học về *Phong trào Duy Tân ở Quảng Nam (1903 - 1908)* đã đánh dấu một bước tiến mới trong nhận thức về PTDT Quảng Nam nói riêng, cả nước nói chung. Một số vấn đề về điều kiện hình thành và phát triển, những nét nổi bật và vai trò của PTDT Quảng Nam đối với PTYN và CMVN đầu thế kỷ XX đã được khẳng định. Tiếp đó, Sở Văn hóa, Thể thao, Du lịch Quảng Nam (2004), tổ chức hội thảo *Một trăm năm thành lập Duy Tân hội. Thân thế và sự nghiệp Tiểu La Nguyễn Thành*, đề cập đến vai trò của Quảng Nam nói chung, Nguyễn Thành nói riêng đối với sự ra đời và hoạt động của tổ chức DTH.

Nguyễn Ngọc (chủ biên) (2004), *Tìm hiểu con người xứ Quảng*, do Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Nam xuất bản [113], là công trình nghiên cứu công phu của nhiều tác giả về vùng đất và con người xứ Quảng qua hơn 500 năm hình thành và phát triển. Ngoài phần khái quát về địa lý, lịch sử hình thành và phát triển của con người xứ Quảng, công trình đã đi sâu phân tích về con người xứ Quảng trong hoạt động kinh tế, trên lĩnh vực chính trị, văn hóa và trong đánh giặc giữ nước. Cùng với phần phụ lục

phong phú, công trình này là nguồn tư liệu quan trọng và đáng tin cậy cho tác giả trong quá trình hoàn thiện luận án.

Nguyễn Q. Thắng (2005), *Quảng Nam trong hành trình mở cõi và giữ nước* [145]; Nguyễn Sinh Duy (2006), *Quảng Nam những vấn đề sử học* [53], là hai công trình tiêu biểu về Quảng Nam, với nhiều nguồn tư liệu từ nhiều phía khác nhau mà các tác giả đã dày công sưu tầm, nghiên cứu và biên soạn. Hai công trình này đã cho chúng ta cái nhìn khá toàn diện và đầy đủ về quá trình hình thành và phát triển của vùng đất Quảng Nam trong hơn 5 thế kỷ (1400 - 1925) bao gồm: lịch sử, địa lý, chính trị, kinh tế, truyền thống văn hóa, các phong trào đấu tranh yêu nước và các nhân vật tiêu biểu của xứ Quảng; đặc biệt, tác giả Nguyễn Q. Thắng đã nêu lên những đóng góp của Quảng Nam đối với sự phát của nền văn hóa dân tộc và đấu tranh giải phóng dân tộc đầu thế kỷ XX. Hai công trình này là nguồn tư liệu quan trọng, phong phú và đáng tin cậy cho tác giả trong quá trình xây dựng luận án.

Trần Thị Hạnh (2006), *Quá trình chuyển biến tư tưởng ở Huỳnh Thúc Kháng*, Tạp chí Triết học [77], đi sâu phân tích quá trình chuyển biến tư tưởng của Huỳnh Thúc Kháng từ chủ nghĩa yêu nước theo xu hướng DCTS ôn hòa, chuyển sang chủ nghĩa yêu nước dân chủ nhân dân do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Năm 2008, trong bài nghiên cứu *Tư tưởng duy tân của Trần Quý Cáp* đăng trên Tạp chí Khoa học, Đại học Quốc gia Hà Nội, tác giả đã đề cập đến sự chuyển biến trong tư tưởng từ lập trường phong kiến sang tư tưởng DCTS của Trần Quý Cáp trong bối cảnh giao thời ở Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX.

Ngô Văn Minh (2011), *Chí sĩ Lê Cơ*, NXB Đà Nẵng [110], cuốn sách là kết quả của quá trình dày công sưu tầm, nghiên cứu của tác giả về Lê Cơ - nhà thực hành duy tân xuất sắc và về PTDT ở Quảng Nam đầu thế kỷ XX. Cuốn sách chứa đựng nguồn tư liệu phong phú, bổ ích cho tác giả trong quá trình thực hiện luận án.

Vấn đề nghiên cứu còn tiếp tục được thể hiện trong các hội thảo khoa học về các nhân vật, các phong trào đấu tranh yêu nước tiêu biểu ở Quảng Nam như Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp, Nguyễn Thành, PTDT, DTH, phong trào chống sưu thuế 1908, khởi nghĩa VNQPH năm 1916 ở Trung Kỳ...

Nhân kỷ niệm 80 năm ngày mất cụ Phan Châu Trinh, ngày 23/03/2006, tại Hội trường Thống Nhất (thành phố Hồ Chí Minh), Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, Viện Khoa học xã hội Việt Nam phối hợp Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Đà Nẵng và tỉnh Quảng Nam tổ chức "*Hội thảo khoa học tưởng niệm 80*

*năm ngày mất Phan Chu Trinh (24/03/1926 - 24/03/2006)".* Với sự góp mặt của nhiều sử gia, nhà nghiên cứu, hội thảo đã khắc họa sắc nét chân dung nhà tư tưởng dân chủ đầu tiên của Việt Nam. Các tham luận và ý kiến phát biểu tại hội thảo góp phần làm rõ hơn thân thế, cuộc đời hoạt động cách mạng của nhà yêu nước Phan Châu Trinh; đánh giá cao tư tưởng về dân chủ, dân quyền của Phan Châu Trinh trong bối cảnh lịch sử Việt Nam đầu thế kỷ XX; đồng thời, phân tích sâu hơn tác động của xu hướng chính trị, những hoạt động yêu nước cách mạng và đám tang cụ Phan Châu Trinh đối với PTYN Việt Nam ở những thập niên đầu thế kỷ XX.

Năm 2008, Hội thảo khoa học *100 năm phong trào chống thuế ở Quảng Nam (1908 - 2008)* do Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Nam phối hợp với Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam tổ chức tại huyện Đại Lộc, Quảng Nam đã góp phần làm sáng tỏ nguyên nhân, diễn biến, đặc điểm và ý nghĩa của phong trào chống thuế ở Quảng Nam nói riêng, cả nước nói chung; trong đó, có đề cập đến tác động của PTDT do Phan Châu Trinh, Trần Quý Cáp, Huỳnh Thúc Kháng khởi xướng dẫn đến sự bùng nổ của phong trào kháng thuế.

Nguyễn Đình An - Thạch Phương (2010), *Địa chí Quảng Nam - Đà Nẵng*, NXB Khoa học và Xã hội [1]. Một trong những nội dung chính của công trình này là trình bày lịch sử PTYN và đấu tranh cách mạng của nhân dân Quảng Nam, Đà Nẵng. Trong đó, có đề cập đến sự phát triển của PTYN và CMQN 30 năm đầu thế kỷ XX. Tuy vậy, đây là công trình nghiên cứu được viết dưới dạng thông sử và khảo tả; do đó, chưa nghiên cứu về sự chuyển biến của PTYN và CMQN trong 30 năm đầu thế kỷ XX.

Ngày 30/10/2015, tại thành phố Tam Kỳ (Quảng Nam), Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng (thuộc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh) đã phối hợp Ban Tuyên Giáo Tỉnh ủy Quảng Nam tổ chức Hội thảo khoa học: *"Huỳnh Thúc Kháng - Quê hương, gia đình, tuổi trẻ"*. Hội thảo đã làm rõ thân thế, sự nghiệp, quá trình cống hiến của chí sĩ Huỳnh Thúc Kháng. Đặc biệt, với các bài tham luận: Huỳnh Thúc Kháng - từ nhà nho đến nhà duy tân xuất sắc trong thập kỷ đầu của thế kỷ XX; Những đóng góp của cụ Huỳnh Thúc Kháng với PTDT; Những bước chuyển trên con đường cách mạng của cụ Huỳnh Thúc Kháng; Huỳnh Thúc Kháng và việc thực hành chủ trương "tương phản nhi tương thành" trong PTDT ở Quảng Nam đầu thế kỷ XX; Nhân cách tri thức và những hoạt động yêu nước ban đầu của cụ Huỳnh Thúc Kháng; "Chất Quảng Nam" trong người cụ Huỳnh; Noi gương đạo đức Huỳnh Thúc Kháng; Huỳnh Thúc Kháng và sự học ở Tiên Phước; Ảnh hưởng của quê hương Thạnh Bình

đến sự hình thành cốt cách của Huỳnh Thúc Kháng... đã cung cấp thêm cho chúng ta những tư liệu quý về tuổi trẻ và những hoạt động yêu nước đầu tiên của Huỳnh Thúc Kháng. Đồng thời, làm rõ thêm những hoạt động của cụ Huỳnh sau khi thi đỗ Tiến sĩ khoa Giáp Thìn năm 1904 và những hoạt động trong PTDT ở Quảng Nam (1903 - 1908)...

Kỷ niệm 140 năm ngày sinh cụ Huỳnh Thúc Kháng, Quyền Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, ngày 23/9/2016, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Ban Tuyên giáo Trung ương phối hợp với Tỉnh ủy Quảng Nam tổ chức hội thảo khoa học cấp Quốc gia với chủ đề: “*Huỳnh Thúc Kháng với cách mạng Việt Nam và quê hương Quảng Nam*”. Hội thảo đã quy tụ đông đảo các nhà khoa học, nhà nghiên cứu đầu ngành trong cả nước, với gần 65 tham luận khoa học, đã góp phần cung cấp thêm nhiều dữ liệu khoa học, thực tiễn về cuộc đời, sự nghiệp của cụ Huỳnh Thúc Kháng; tiếp tục khẳng định công lao và cống hiến xuất sắc, nổi bật của nhà lãnh đạo Huỳnh Thúc Kháng. Trong đó, các đại biểu, các nhà khoa học đi sâu làm rõ giá trị tư tưởng, đạo đức, con người Huỳnh Thúc Kháng trên các góc độ tiếp cận: Một chí sĩ yêu nước nhiệt thành; nhà lãnh đạo tài năng; nhà hoạt động văn hóa xuất sắc; người con ưu tú của quê hương Quảng Nam...

Hội thảo khoa học *100 năm khởi nghĩa Việt Nam Quang phục Hội tại phủ Tam Kỳ (1916 - 2016)* do Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam và Viện Sử học Việt Nam tổ chức năm 2016 tại thành phố Tam Kỳ, đã góp phần làm sáng tỏ những vấn đề chung của sự kiện này; đồng thời, cũng khẳng định đóng góp của Quảng Nam đối với cuộc khởi nghĩa, khẳng định từ xu hướng cải cách và bạo động từ đầu thế kỷ XX, phong trào đã chuyển biến sang đấu tranh vũ trang do tình thế cách mạng đã xuất hiện, nhưng cuối cùng thất bại, đánh dấu một bước tiến của PTYN ở Trung Kỳ.

Có thể nói các hội thảo khoa học đã cung cấp cho tác giả luận án nguồn tư liệu phong phú, cùng những nhận định, đánh giá sâu sắc về những vấn đề liên quan đến đề tài.

Khảo cứu về lịch sử truyền thống và đấu tranh cách mạng của tỉnh Quảng Nam, thành phố Đà Nẵng và các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Quảng Nam có các tác phẩm tiêu biểu: Tỉnh ủy Quảng Nam - Thành ủy Đà Nẵng (2006), *Lịch sử Đảng bộ Quảng Nam - Đà Nẵng*, NXB Chính trị Quốc gia [162]; Bùi Xuân (2008), *Sự hình thành các tổ chức tiền thân của Đảng ở Quảng Nam và Đà Nẵng*, Tạp chí Lịch sử Đảng, số 10 [175], đã trình bày về quá trình hình thành và phát triển của Hội

VNCMTN và TVCM Đảng trên địa bàn Quảng Nam và Đà Nẵng; nhấn mạnh vai trò của Hội VNCMTN và sự chuyên hóa của TVCM Đảng theo con đường CMVS là bước chuẩn bị cơ bản, vững chắc cho việc thành lập Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Quảng Nam vào đầu năm 1930.

Ban Tuyên giáo Thành ủy Đà Nẵng (2010), *Buổi đầu gieo hạt (Hồi ký)*, (tái bản lần 1), NXB Đà Nẵng. Tập sách gồm 11 hồi ký của các đồng chí tiền bối cách mạng, kể về quá trình tiếp thu chủ nghĩa Mác – Lênin, những hoạt động tuyên truyền cách mạng của các vị cách mạng tiền bối; cũng như quá trình hình thành các tổ chức tiền thân của Đảng và sự ra đời của Đảng bộ Quảng Nam – Đà Nẵng trong những năm 20 đầu 30 thế kỷ XX. Tiếp đó, Ban Tuyên giáo Thành ủy Đà Nẵng (2014), *Đi theo Đường Kách Mệnh (Hồi ký cách mạng)*, NXB Đà Nẵng. Dựa trên nguồn tư liệu lưu trữ tại gia đình, tại Thành ủy Đà Nẵng và Tỉnh ủy Quảng Nam và tư liệu tuyển chọn qua các hồi ký cách mạng do các tiền bối cách mạng của Quảng Nam, Đà Nẵng để lại, tập sách đã phản ánh quá trình “tiếp thu và hành động theo tư tưởng Đường Kách Mệnh” của thể hệ cách mạng đầu tiên của đất Quảng, chủ yếu trong giai đoạn từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Quảng ra đời đến trước cách mạng tháng Tám 1945.

Hai tập Hồi ký trên đã phản ánh những nét cơ bản nhất về quá trình thâm nhập, tiếp thu chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và những hoạt động dân thân theo con đường cách mạng của Nguyễn Ái Quốc của thể hệ cách mạng đầu tiên ở Quảng Nam – Đà Nẵng. Đây là nguồn tư liệu quan trọng cho tác giả luận án.

## **1.2. Kết quả nghiên cứu và những vấn đề cần tiếp tục làm sáng tỏ**

### **1.2.1. Kết quả nghiên cứu**

Qua các công trình như đã nêu trên, có thể rút ra một số nhận xét như sau:

*Thứ nhất*, công tác nghiên cứu về phong trào và sự chuyển biến của PTYN và CMVN nói chung và Quảng Nam nói riêng trong 30 năm đầu thế kỷ XX đã và đang đạt được những thành tựu to lớn. Các trước tác của các nhân vật tiêu biểu cùng các tài liệu liên quan được sưu tầm, tập hợp thành những bộ toàn tập, tuyển tập... và giới thiệu rộng rãi đã cung cấp cho các nhà nghiên cứu những tư liệu thực sự cần thiết và bổ ích. Các công trình trên đã trình bày những nét cơ bản nhất về cuộc đời, sự nghiệp, tư tưởng, những hoạt động chủ yếu và đóng góp của các nhân vật lãnh đạo tiêu biểu cho PTYN, CMVN và Quảng Nam trong những năm đầu thế kỷ XX. Qua đó, đã tiến hành phân tích về sự chuyển biến tư tưởng và hành động của các sĩ phu yêu nước, rút ra những đặc điểm chung của sự chuyển biến của PTYN và CMVN trong 30 năm đầu

thế kỷ XX.

*Thứ hai*, trong thời gian gần đây, sự chuyển biến của PTYN và CMVN nói chung cũng như các địa phương nói riêng đã được quan tâm nghiên cứu và lý giải dưới các góc độ khác nhau. Có thể kể đến các công trình của Đinh Trần Dương, Phạm Thị Lan, Trần Thị Hạnh, Doãn Chính, Trương Văn Chung, Trần Thuận... Với cách tiếp cận đa dạng, nhiều vấn đề khác nhau của sự chuyển biến PTYN và CMVN trong những năm đầu thế kỷ XX đã từng bước được làm sáng tỏ, góp phần giúp cho tác giả luận án có cái nhìn đối sánh giữa PTYN và CMQN với các địa phương khác; đồng thời, gợi mở nhiều hướng đi mới.

*Thứ ba*, việc phân tích đánh giá các điều kiện, nội dung, quá trình và tác động của sự chuyển biến của PTYN và CMQN trong khoảng 30 năm đầu thế kỷ XX chỉ mới bước đầu. Một số vấn đề về sự chuyển biến của PTYN và CMQN cũng đã được một số tác giả nêu lên nhưng còn ở mức độ khái lược, chưa được phân tích đánh giá đầy đủ. Hơn nữa, việc nghiên cứu, đánh giá về đặc điểm, tác động của sự chuyển biến của PTYN và CMQN trong 30 năm đầu thế kỷ XX vẫn ít được đề cập trong các công trình nêu trên.

Thành quả nghiên cứu của các nhà khoa học đi trước mà tác giả tiếp cận trên đây, tuy đa dạng và phong phú, đề cập đến nhiều vấn đề về nhân vật, về phong trào và về sự chuyển biến của PTYN và CMQN nhưng nhìn chung, vẫn chưa có công trình nào nghiên cứu chuyên sâu, mang tính hệ thống về *sự chuyển biến của phong trào yêu nước và cách mạng Quảng Nam từ đầu thế kỷ XX đến năm 1930*. Tuy nhiên, đây là nguồn tư liệu có ý nghĩa, gợi mở để tác giả luận án lựa chọn, hình thành hướng nghiên cứu, đồng thời là những tư liệu quý có giá trị tham khảo trong việc triển khai thực hiện đề tài.

### **1.2.2. Những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu**

Điềm qua các công trình cơ bản của giới nghiên cứu cho thấy, việc nghiên cứu về *“Sự chuyển biến của phong trào yêu nước và cách mạng Quảng Nam từ đầu thế kỷ XX đến năm 1930”* dưới góc độ khảo cứu chuyên sâu chưa trở thành đối tượng nghiên cứu trực tiếp, cụ thể của một công trình nào. Nhiều vấn đề nghiên cứu cần tiếp tục làm sáng tỏ. Cụ thể:

*Thứ nhất*, cần phân tích các nhân tố tạo sự chuyển biến của PTYN và CMQN và lý giải tại sao Quảng Nam có thể đi đầu trong sự chuyển biến của phong trào giải phóng dân tộc đầu thế kỷ XX?

*Thứ hai*, trên cơ sở nguồn tài liệu khai thác được, luận án cần tái hiện một cách chân thực quá trình chuyển biến và rút ra những đặc điểm nổi bật của sự chuyển biến của PTYN và CMQN trong 30 năm đầu thế kỷ XX.

*Thứ ba*, đánh giá khách quan vai trò tác động của xu hướng cải cách trong tiến trình lịch sử dân tộc đầu thế kỷ XX và tác động của sự chuyển biến của phong trào DTDC ở Quảng Nam trong 30 năm đầu thế kỷ XX đối với Quảng Nam và cả nước.

## Chương 2

# SỰ CHUYỂN BIẾN CỦA PHONG TRÀO YÊU NƯỚC VÀ CÁCH MẠNG QUẢNG NAM TỪ LẬP TRƯỜNG PHONG KIẾN SANG KHUYNH HƯỚNG DÂN CHỦ TƯ SẢN (ĐẦU THẾ KỶ XX ĐẾN 1918)

Trong gần 20 năm đầu của thế kỷ XX, dưới tác động của các yếu tố trong và ngoài nước, PTYN và CMQN đã có những chuyển biến mạnh mẽ. Đó là sự chuyển biến của con đường cứu nước: từ đấu tranh vũ trang chống Pháp theo hệ tư tưởng phong kiến ở cuối thế kỷ XIX sang khuynh hướng DCTS đầu thế kỷ XX. Cùng với đó là sự ra đời của các PTYN mới trên vùng đất Quảng Nam theo ý thức hệ tư sản.

### 2.1. Những tiền đề của sự chuyển biến của phong trào yêu nước và cách mạng Quảng Nam đầu thế kỷ XX.

#### 2.1.1. Đặc điểm vùng đất, con người Quảng Nam

Trong diễn trình Nam tiến của dân tộc Việt Nam, Quảng Nam là vùng đất *mở về địa lý*, bắt đầu từ cuộc mở rộng lãnh thổ vào đến bờ Bắc sông Thu Bồn (1307), vào tới Bắc sông Vệ (1402), rồi đến núi Đá Bia (1471) và trở thành một đạo Quảng Nam thừa tuyên rộng lớn ở thời Lê Thánh Tông. Đến thời các chúa Nguyễn thì vùng đất, con người nơi đây là bàn đạp (thủ phủ của trấn Quảng Nam đặt tại Thanh Chiêm) và là nguồn lực trong hành trình tiếp tục mở cõi về phương Nam không chỉ trên đất liền mà còn mở ra tận biển Đông bằng việc tiếp quản, hành xử chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa từ thời vương quốc Chăm-pa để lại.

Vùng đất Quảng Nam trở thành một bộ phận lãnh thổ của nước Đại Việt từ năm 1471. Trong tiến trình lịch sử của dân tộc, Quảng Nam là vùng đất giàu truyền thống yêu nước và đấu tranh cách mạng. Đó là nét đặc trưng của người dân xứ Quảng. Công lao và khí phách của cư dân Quảng Nam từng được Lê Thái Tổ ngợi ca: *Tổ tiên các người đã tận trung với nước, góp sức đánh bại quân thù... lập nên những chiến công hiển hách* [17, tr.23].

Thời Trịnh – Nguyễn phân tranh, người xứ Quảng đã đóng góp vào nhiều chiến công giúp cho Chúa Nguyễn giữ vững xứ Đàng Trong. Chiến công đầu tiên của nhân dân Quảng Nam trong lịch sử chống chủ nghĩa thực dân xâm lược phương Tây là trận hải chiến năm 1596, đánh tan hạm đội Tây Ban Nha mưu đồ xâm chiếm vùng biển Quảng Nam. Trận thắng thủy quân Hà Lan năm 1644 tại vùng biển Nại Hải đã đánh bại âm mưu chiếm Cù Lao Chàm rồi đổ bộ vào Hội An để tiến ra Đà Nẵng của

giới thực dân nước này. Trong cuộc khởi nghĩa Tây Sơn, binh lính quê hương Quảng Nam cùng nhiều vị tướng tài như Thượng thư Bộ binh Trương Công Hy, Đô đốc Kiều Phụng, Đổng Công Trường, Võ tướng Hữu quân Lê Văn Long (Tam Kỳ) trở thành những chiến binh mưu lược, quả cảm trong đoàn quân thần tốc của người anh hùng áo vải đại phá 29 vạn quân Thanh năm 1789.

Trải qua quá trình xây dựng và phát triển, cư dân Quảng Nam đã không ngừng sáng tạo ra những giá trị văn hoá hết sức phong phú và đa dạng. Đất Quảng còn là nơi giao lưu, hội tụ của nhiều giá trị văn hoá; hệ thống những di chỉ, di tích rất phong phú như giếng Chăm, tháp Chăm Mỹ Sơn, Khương Mỹ, Chiên Đàn, Bằng An, thành Trà Kiệu... là những minh chứng hùng hồn cho sức sống và khả năng sáng tạo của con người xứ Quảng. Con người đất Quảng không chỉ biết sáng tạo, chế tác công cụ lao động, sản xuất, tổ chức xã hội mà còn hướng đến sự sáng tạo cái đẹp với nền kiến trúc, mỹ thuật, nghệ thuật hết sức tinh tế; cùng với hệ thống tín ngưỡng, phong tục phong phú và độc đáo. Những đình làng, làng nghề truyền thống, phố cổ Hội An, dinh trấn Thanh Chiêm... là những biểu hiện của hành trình mở cõi và giữ nước hết sức gian khổ mà đầy vẻ vang của ông, cha. Những giá trị văn hoá, lịch sử cổ xưa để lại không những làm giàu thêm, tô đẹp thêm cho văn hoá đất Quảng, góp phần làm phong phú thêm nền văn hoá dân tộc mà còn là di sản văn hoá vô giá của cả nhân loại.

Qua buôn bán và sinh hoạt tôn giáo, từ thế kỷ XVI, cư dân Quảng Nam tiếp xúc với văn hóa của nhiều nước lớn phương Đông (Trung Hoa, Nhật Bản), phương Tây (Pháp, Hà Lan, Bồ Đào Nha, Anh) qua các thương nhân và linh mục đến buôn bán tại Hội An và truyền giáo tại dinh Quảng Nam.

Nhờ có “*núi sông thanh tú cho nên nhiều người có tư chất thông minh dễ học. Sĩ phu có khí tiết cứng cỏi, bạo nói*”[129, tr.15], tạo nên một đặc trưng trong tư duy của người Quảng Nam là tư duy biện luận. Hầu như ở người Quảng Nam luôn hằn sâu trong tư duy của mình một tinh thần phản biện (Cãi) để tồn tại và phát triển.

Xuyên thắm bề dày lịch sử, văn hoá Quảng Nam là truyền thống yêu nước, yêu quê hương và tư tưởng nhân đạo, nhân văn sâu sắc. Người Quảng Nam với ý chí quật cường, lòng quả cảm trong đấu tranh chống ngoại xâm, chống áp bức; cần cù trong lao động, chất phác nhưng cương trực, khảng khái trong quan hệ ứng xử, quyết đoán trong hành động, sống thủy chung và trọng nhân nghĩa.

Quảng Nam vốn có truyền thống hiếu học, là một trong những vùng đất học của cả nước. Trong lịch sử, Quảng Nam từng được mệnh danh là vùng đất “địa linh

nhân kiệt”, sản sinh ra nhiều nhân tài. Quảng Nam là nơi có nhiều trí thức, không chỉ thuộc hàng đại khoa mà còn có rất nhiều người thuộc hàng trung khoa. Theo thống kê, trong lịch sử khoa cử dưới các vua triều Nguyễn, về số lượng đại khoa (tiến sĩ, phó bảng) thì Quảng Nam đứng hàng thứ 6/31 phủ, tỉnh trên cả nước; đứng đầu các tỉnh phía Nam kinh đô Huế (39 vị tiến sĩ, phó bảng). Về số cử nhân có đến 252 người đỗ liên tiếp tất cả 32 khoa thi Hương. (Chỉ xét từ khi Phan Châu Trinh khởi xướng duy tân ngược về trước chừng 20 – 30 năm thì số người có học vị cử nhân của tỉnh này đã ngót số trăm), còn số người đỗ tú tài thì rất đông. Sĩ phu Quảng Nam có nhiều danh hiệu đẹp mà người đương thời dành tặng cho sức học, tinh thần hiếu học của người dân xứ Quảng: “*Ngũ phụng tề phi*”<sup>(1)</sup>, “*Quảng Nam tứ kiệt*”<sup>(2)</sup>, “*Quảng Nam tứ hổ*”<sup>(3)</sup>...

Những nét nổi bật trên đây là cơ sở để đề sĩ phu yêu nước Quảng Nam xem xét lại chế độ phong kiến trước hiện trạng của đất nước và đánh giá các yếu tố mới nảy sinh về kinh tế, chính trị xã hội ở trong nước dưới tác động của chính sách khai thác thuộc địa của thực dân Pháp, cùng sự xuất hiện của tân thư, tân văn và ảnh hưởng của trào lưu “Châu Á thức tỉnh” để xác định một con đường cứu nước mới hữu hiệu hơn: kết hợp cứu nước với duy tân.

Vào đầu thế kỷ XX, tỉnh Quảng Nam có 3 phủ là Điện Bàn, Thăng Bình, Tam Kỳ; 7 huyện là Đại Lộc, Diên Phước, Hòa Vang, Duy Xuyên, Lễ Dương, Quế Sơn, Hà Đông. Năm 1899, hạng miễn diêu và tráng đinh có 52.513 người; năm 1906, có 55.751 người. Số điền thổ năm 1899 có 165.266 mẫu 1 sào; năm 1906 có 173.927 mẫu [129, tr.21].

### **2.1.2. Thất bại của phong trào Cần Vương cả nước và sự kết thúc sớm của phong trào Nghĩa hội Quảng Nam**

Sau khi triều Nguyễn ký các điều ước Quý Mùi (1883) và Giáp Thân (1884), PTYN chống Pháp của nhân dân Việt Nam tiếp tục bùng nổ mạnh mẽ bằng nhiều loại hình với những biểu hiện và mức độ khác nhau. Phong trào Cần Vương (1885 - 1896) là sự tiếp tục cuộc kháng chiến chống Pháp xâm lược của nhân dân Việt Nam từ 1858. Phong trào không phải chỉ bắt đầu từ khi có dụ Cần Vương mà đã được chuẩn bị cả về

---

<sup>(1)</sup> Dùng để chỉ 5 danh sĩ người Quảng Nam cùng đỗ đại khoa vào năm 1898 (Phạm Liệu, Phan Quang, Phạm Tuấn, Ngô Chuân và Dương Hiến Tiên).

<sup>(2)</sup> Bốn vị đỗ Phó bảng đồng khoa Tân Sửu (1901) là Nguyễn Đình Hiến, Nguyễn Mậu Hoán, Võ Vỹ, Phan Châu Trinh.

<sup>(3)</sup> Bốn vị đỗ thủ khoa trong 4 khoa thi Hương liên tiếp: Phạm Liệu, Huỳnh Thúc Kháng, Võ Hoành, Nguyễn Đình Hiến.

vật chất và tinh thần ngay sau khi triều đình Huế kí Hiệp ước Quý Mùi (1883). Đáp lại việc ký kết các điều ước đầu hàng và lệnh bãi binh của triều đình, một phong trào kháng chiến đã bùng nổ khắp nơi, cùng sự phân hoá trong nội bộ triều đình Huế đã dẫn đến cuộc phản công ở kinh thành và dụ Cần Vương được ban bố vào ngày 13/7/1885. Hưởng ứng chiếu Cần Vương, một phong trào yêu nước chống Pháp bùng nổ trên quy mô cả nước do văn thân, sĩ phu yêu nước lãnh đạo. Dù sau đó Hàm Nghi bị bắt (1888), nhưng phong trào Cần Vương vẫn phát triển, nhất là ở Bắc Kỳ và Bắc Trung Kỳ, tiêu biểu là các cuộc khởi nghĩa: Bãi Sậy (1883 - 1892), Hùng Lĩnh (1885 - 1892) và Hương Khê (1885 - 1895).

Quảng Nam là đất “tả trực” của kinh đô Huế, là địa bàn chiến lược quan trọng của phe chủ chiến trong công cuộc chuẩn bị đánh Pháp. Sơn phòng Dương Yên (Sơn phòng Quảng Nam, nay thuộc xã Trà Dương, huyện Bắc Trà My) được phe chủ chiến do Tôn Thất Thuyết đứng đầu xác định là trung tâm chỉ huy cuộc kháng chiến ở phía Nam kinh đô Huế. Vai trò của căn cứ này chỉ sau sơn phòng Tân Sở (Quảng Trị), là mắt xích trọng yếu trong hệ thống sơn phòng phía “tả trực kỳ”, với đường “thượng đạo” nối các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa hình thành vùng căn cứ rộng lớn. Không lâu sau khi vua Hàm Nghi xuất bôn và ban dụ Cần Vương (13/7/1885), phong trào hưởng ứng chiếu Cần Vương ở Quảng Nam bùng nổ đặt dưới sự lãnh đạo của Nghĩa hội Quảng Nam (NHQN) do Trần Văn Dư làm Hội chủ, đặt căn cứ tại sơn phòng Dương Yên.

Vào đầu tháng 9/1885, từ căn cứ Dương Yên (Trà Dương, Bắc Trà My), Trần Văn Dư tiếp tục chỉ huy nghĩa quân đánh chiếm huyện đường Hà Đông (Tam Kỳ), phối hợp với lực lượng của Nguyễn Hàm đánh chiếm phủ Thăng Bình, cùng Nguyễn Duy Hiệu đánh chiếm tỉnh thành La Qua (Điện Bàn). Sau khi làm chủ tỉnh thành, nghĩa quân tịch thu vũ khí, mở kho lương thực phát chuẩn cho dân nghèo, tổ chức chính quyền mới khắp tỉnh, lãnh đạo nhân dân chống thực dân Pháp và ngụy triều Đồng Khánh. Để bảo tồn và phát triển lực lượng, Trần Văn Dư cho thiết lập hệ thống phòng thủ, tổ chức đồn trú tại những nơi huyết mạch, tạo thành thế trận vững chắc cho công cuộc kháng chiến.

Sự lớn mạnh của phong trào Nghĩa hội khiến chính quyền thực dân phong kiến không khỏi lo lắng. Hồ Lệ (Tuần vũ Quảng Nam) phải dâng sớ về Kinh thú nhận sự bất lực của mình và xin về Huế chịu tội. Đồng Khánh đã chuẩn y và đưa Châu Đình Kế làm Tuần vũ Quảng Nam thay cho Hồ Lệ.

Giữa tháng 11/1885, thực dân Pháp quyết định tấn công sơn phòng Dương Yên hòng tiêu diệt đầu não chỉ huy của cuộc kháng chiến. Nghĩa quân đã chống trả quyết liệt nhưng do tương quan lực lượng quá chênh lệch nên Trần Văn Dư quyết định tổ chức cho nghĩa quân rút lui để bảo toàn lực lượng nhằm tiếp tục cuộc kháng chiến. Đến cuối tháng 11/1885, các căn cứ chỉ huy như Dương Yên, An Lâm, Đại Đồng... bị địch bao vây và lần lượt thất thủ. Hội chủ Trần Văn Dư bị Tuần vũ Châu Đình Kế bắt và sát hại. Nguyễn Duy Hiệu được Tôn Thất Thuyết cử làm Binh bộ Tả Tham tri kiêm Tổng đốc Nam Ngãi để tiếp tục tiến hành cuộc kháng chiến.

Đầu năm 1886, Nguyễn Duy Hiệu chọn thung lũng Trung Lộc (ở vùng rừng núi Quế Sơn), làm nơi đặt trung tâm đầu não của Nghĩa hội với tên gọi *Tân tỉnh Trung Lộc*. Tân tỉnh được Nghĩa hội xây dựng thành trung tâm lãnh đạo của cuộc kháng chiến với đủ 6 bộ, nha, thự, trại, nhà và đền Văn Thánh do Tổng đốc Nguyễn Duy Hiệu đứng đầu, Huỳnh Bá Chánh làm Bộ chánh và Phan Bá Phiến giữ chức Án sát. Các phủ, huyện đều có chính quyền, quân đội đặt dưới quyền các tán lý quân vụ. Lần đầu trong cuộc kháng chiến chống Pháp, một chính quyền kháng chiến được thành lập với đầy đủ những thiết chế của một bộ máy công quyền, tồn tại có hiệu lực trong khi chính quyền tay sai đã được thiết lập do Đồng Khánh đứng đầu. Baille, Khâm sứ Trung Kỳ lúc ấy đã thừa nhận Nguyễn Duy Hiệu đã xây dựng Tân tỉnh trở thành một “vương quyền thật sự trong tỉnh”. Đây là nét nổi bật nhất của phong trào Cần Vương Quảng Nam.

Với chiến thuật du kích, nghĩa quân dựa vào những nơi hiểm yếu, xây đồn, đắp lũy chống Pháp và tay sai, tiến đánh nhiều nơi: Quế Sơn, Thăng Bình, Điện Bàn, Hà Đông, Duy Xuyên... Đồng thời, nghĩa quân còn tích cực vận động nhân dân thực hiện tiêu thổ kháng chiến, dời nhà vào vùng do nghĩa quân làm chủ, tổ chức sản xuất, thu thuế, khai mỏ... để có nguồn lực nuôi quân và phát triển cuộc kháng chiến lâu dài. Chính sách bất hợp tác và chiến thuật “vườn không nhà trống” phát huy hiệu quả tốt, thể và lực của nghĩa quân ngày càng lớn mạnh khiến cho quân Pháp và chính quyền Nam triều phải đối phó hết sức khó khăn.

Trên đà phát triển, trong 6 tháng đầu năm 1886, nghĩa quân đã 2 lần tấn công vào tỉnh thành La Qua, đánh phá các đồn bốt, sở chỉ huy của quân Pháp và tay sai ở khắp tỉnh Quảng Nam, Đà Nẵng và Quảng Ngãi, giành những thắng lợi quan trọng như Nam Chơn, Bãi Chài, Gò Muồng (Quảng Nam), Bình Sơn, Vạn Lý (Quảng Ngãi). Trong đó, trận Nam Chơn là một trong những chiến thắng tiêu biểu nhất của nghĩa quân gây kinh hoàng cho quân Pháp. Thanh thế Nghĩa hội lên cao, lực lượng

nghĩa quân không ngừng lớn mạnh, hầu như làm chủ tình thế của cả tỉnh Quảng Nam. Trong thời gian này, nghĩa quân còn phối hợp với nghĩa quân Cần Vương ở Quảng Ngãi, Bình Định đánh chiếm huyện lỵ Bình Sơn, tấn công Nha sơn phòng Quảng Ngãi (Vạn Lý) khiến quân Pháp và nguy triều Đồng Khánh hết sức hoang man.

Trước sự lớn mạnh của phong trào, thực dân Pháp và chính quyền phong kiến quyết định cử Nguyễn Thân và Phan Liêm đem quân tấn công vào trung tâm đầu não của nghĩa quân ở tân tỉnh Trung Lộc. Lực lượng nghĩa quân bị tổn thất khá nặng nề, nhiều thủ lĩnh bị hành quyết, nhiều người bị bắt về Huế để giam giữ, tra khảo.

Trong tình thế bất lợi, Nguyễn Duy Hiệu cùng Phan Bá Phiến quyết định bỏ căn cứ Trung Lộc đem toàn bộ lực lượng còn lại lên sơn phận An Lâm (nay thuộc xã Tiên Hà, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam) lập đồn cứ hiểm. Được sự chi viện của quân Pháp, quân triều đình dưới sự chỉ huy của Nguyễn Thân tiếp tục tập kích căn cứ An Lâm và Gò Mây (Phước Sơn), lực lượng nghĩa quân bị tổn thất hết sức nặng nề, toàn bộ gia quyến của lãnh tụ Nghĩa hội Nguyễn Duy Hiệu bị bắt.

Nhận thấy Nghĩa hội đã bước vào giai đoạn suy tàn, Nguyễn Duy Hiệu đã quyết định giải tán Nghĩa hội, tự nộp mình cho Pháp, Phan Bá Phiến uống thuốc độc tự tận. Ngày 1/10/1887, triều đình Đồng Khánh đã thi hành bản án tử hình đối với lãnh tụ Nghĩa hội Nguyễn Duy Hiệu.

Sự hy sinh của hai thủ lĩnh NHQN là Nguyễn Duy Hiệu và Phan Bá Phiến đã khép lại một phong trào đấu tranh yêu nước của nhân dân Quảng Nam, tuy ngắn ngủi, nhưng không kém phần sôi động, oanh liệt. Thất bại của phong trào NHQN nói riêng và phong trào Cần Vương trong cả nước nói chung đã chứng tỏ sự bất lực của ngọn cờ “trung quân ái quốc” trước các nhiệm vụ của lịch sử. Sự thất bại sớm của phong trào Cần Vương ở Quảng Nam đã ảnh hưởng to lớn đến lực lượng sĩ phu yêu nước đất Quảng trong việc sớm xác định con đường cứu nước mới theo hướng tiến bộ hơn. Đó là con đường cứu nước kết hợp với duy tân nhằm giành lại độc lập tự do, đưa đất nước đến văn minh tiến bộ. Trong đó, phải gắn mục tiêu dân tộc với dân chủ trong cuộc đấu tranh chống đế quốc và phong kiến tay sai; phải tăng cường khối đoàn kết dân tộc, phát huy cao độ tinh thần yêu nước trong các tầng lớp nhân dân để phân hóa, cô lập kẻ thù; phải đổi mới phương pháp đấu tranh với nhiều hình thức phong phú, đa dạng mới có khả năng đánh bại kẻ thù.

Các sĩ phu yêu nước tiến bộ - những người khởi xướng các phong trào đấu tranh yêu nước, giải phóng dân tộc đất Quảng đầu thế kỷ XX đã từng hít thở không

khí Cần Vương. Một số người trực tiếp lãnh đạo hoặc tham gia phong trào Cần Vương như Tiểu La Nguyễn Thành, Đỗ Đăng Tuyển, Lê Vĩnh Huy, Châu Thượng Văn ... cùng với các sĩ phu tiến bộ Trung Kỳ, tiêu biểu là Phan Bội Châu, Đặng Thái Thân... thành lập Duy Tân Hội (DTH) vào năm 1904 trên đất Quảng Nam với chủ trương cứu nước kết hợp với duy tân bằng con đường “bạo động”. Một số khác đã chứng kiến phong trào Cần Vương, tiêu biểu là Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp,... khởi xướng PTDT với chủ trương “khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh” bằng con đường “cải cách”.

Chính sự tồn tại và phát triển của phong trào Cần Vương Quảng Nam nói riêng và cả nước nói chung đã tác động tới sự hình thành con đường cứu nước mới ở Việt Nam đầu thế kỷ XX với hai xu hướng “bạo động” và “cải cách” mà Quảng Nam là nơi khởi phát của cả hai xu hướng này. Sự thất bại của phong trào Cần Vương Quảng Nam (1885 - 1887) là một trong những nhân tố tác động dẫn đến sự ra đời sớm của xu hướng cải cách do Phan Chu Trinh làm đại diện. Có thể nói, sự tồn tại và phát triển, cùng sự thất bại sớm của phong trào Cần Vương cuối thế kỷ XIX đã tạo tiền đề cho sự chuyển biến của PTYN và CMQN từ lập trường phong kiến sang khuynh hướng DCTS đầu thế kỷ XX.

### **2.1.3. Sự chuyển biến về kinh tế - xã hội ở Quảng Nam và Đà Nẵng đầu thế kỷ XX**

Đến cuối thế kỷ XIX, về cơ bản thực dân Pháp đã hoàn thành công cuộc bình định bằng quân sự đối đầu với phong trào kháng chiến của nhân dân Việt Nam và có thể bắt tay vào việc tổ chức khai thác, bóc lột thuộc địa. Toàn quyền Đông Dương Paul Doumer tuyên bố: “*Vào thời điểm này tình hình chính trị trên toàn xứ Đông Dương không có gì đáng lo ngại hay thật sự xấu*” [44, tr.483]. Trên cơ sở đó, Paul Doumer vạch ra chương trình hành động với mục đích biến Đông Dương thành thuộc địa khai thác bậc nhất và đảm bảo siêu lợi nhuận cho Pháp. Nội dung chương trình cần thực hiện được ông tóm tắt như sau:

- 1. Tổ chức Phủ Toàn quyền và các bộ máy cai trị địa phương;*
- 2. Cứu vãn tình hình tài chính hiện tại và thiết lập các nguồn lực cho tương lai bằng cách tạo ra một chế độ tài khóa thích hợp với từng địa phương, với tình trạng xã hội, phong tục tập quán của dân cư cũng như các yêu cầu về ngân sách của mỗi địa phương đó;*
- 3. Cung cấp cho Đông Dương các công cụ phát triển kinh tế, các hệ*

*thống đường sắt, đường bộ, đường thủy và cảng để phát huy giá trị của xứ này;*

*4. Tăng cường sản xuất và thương mại thuộc địa bằng cách thúc đẩy mạnh công cuộc khai thác thuộc địa của người Pháp và tạo thêm việc làm cho người bản xứ;*

*5. Đảm bảo việc phòng thủ Đông Dương bằng cách thiết lập các vùng yểm trợ của hạm đội cũng như tăng cường quân đội thuộc địa và các căn cứ hải quân tại thuộc địa;*

*6. Hoàn tất công cuộc bình định Bắc Kỳ, đảm bảo hòa bình và sự ổn định trên các tuyến biên giới của vùng này;*

*7. Mở rộng ảnh hưởng của Pháp , phát triển các lợi ích của Pháp tại Viễn Đông , nhất là tại các quốc gia láng giềng với thuộc địa” [43, tr.486-487].*

Vốn là một chuyên gia tài chính , Paul Doumer đề xuất những giải pháp mang tính chiến lược và cấp thiết để biến Đông Dương thành thuộc địa khai thác bậc nhất , mang lợi nhuận tối đa về cho nước Pháp.

Quảng Nam - Đà Nẵng là một trong những địa bàn trọng điểm trong cuộc khai thác thuộc địa của thực dân Pháp ở Việt Nam . Từ năm 1889, thực dân Pháp tách Đà Nẵng thành đất “nhượng địa”, còn Quảng Nam nằm dưới chế độ cai trị “bảo hộ”. Bộ máy thống trị của thực dân Pháp ở Quảng Nam về cơ bản giống như các tỉnh Trung Kỳ, đứng đầu tỉnh là viên Công sứ người Pháp (Tòa Công sứ đóng tại thị xã Hội An) để giám sát và chỉ huy hệ thống quan lại Nam triều bù nhìn trong tỉnh. Chính quyền Nam triều cơ bản vẫn được giữ nguyên như cũ, đứng đầu là Tổng đốc, tỉnh đường đóng tại thành La Qua (Điện Bàn); dưới Tổng đốc có Bố chính, Án sát, Lãnh binh và các tri phủ, tri huyện. Bộ máy chính quyền làng xã có lý trưởng, phó lý và ngũ hương trông coi. Để phục vụ cho việc đàn áp nhân dân và PTCM ở địa phương, ngoài công cụ là quân đội, cảnh sát, sở mật thám, Pháp còn cho lập hệ thống nhà lao trên khắp địa bàn tỉnh (13 nhà lao); trong đó, Hội An và Vĩnh Điện là hai nhà lao lớn cấp tỉnh; ở các phủ, huyện có 11 nhà lao. Quân đội (lính khố xanh), cảnh sát và các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh đều đóng ở Hội An do người Pháp đứng đầu và chỉ huy. Hội đồng tỉnh Quảng Nam gồm 13 người thì có đến 10 người Pháp và do Công sứ Pháp làm Chủ tịch.

Về kinh tế, thực dân Pháp nắm độc quyền ở những ngành kinh tế then chốt như ngân hàng, khai thác mỏ, đồn điền, xuất nhập khẩu và ở những mặt hàng chính như rượu, muối, thuốc phiện,... Tư bản Pháp nắm quyền khai thác các mỏ vàng Bồng Miêu, than Nông Sơn.

*Trong lĩnh vực công nghiệp và thủ công nghiệp*, chính sách hạn chế phát triển công nghiệp bản xứ của thực dân Pháp đã ảnh hưởng to lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực này của người Việt. Cuối thế kỷ XIX, khi khảo sát, tìm hiểu công nghệ sản xuất mía đường ở Quảng Nam, Lanessan đã cảnh báo: “*Các nhà công nghiệp Pháp cần đề phòng tình trạng xảy ra như ở Bom-bay. Ở Bom-bay các xưởng dệt không phải ở trong tay tư bản Anh mà ở trong tay các nhà tư bản bản xứ, các nhà công nghiệp bản xứ*” [30, tr.60]. Trên cơ sở đó, Hội nghiên cứu Đông Dương đã chủ trương nên để cho các nhà tư bản Pháp mở xí nghiệp sản xuất, còn các nhà làm đường ở Quảng Nam và Trung Kỳ chỉ nên đóng vai trò trông mía, cung cấp nguyên liệu, hoặc có chăng chỉ giới hạn ở quy mô sản xuất nhỏ. Như vậy, ngay từ đầu, Pháp đã thực hiện ý đồ ngăn cản tư sản người Việt thành lập các xí nghiệp, công ty lớn có thể cạnh tranh với các công ty tư bản Pháp và đó cũng chính là chủ trương nhất quán của thực dân Pháp trong suốt thời kỳ thống trị Việt Nam.

Dù bị chính quyền thực dân và tư bản Pháp chèn ép, nhưng các nhà sản xuất, kinh doanh trong các ngành thủ công nghiệp ở Quảng Nam và Trung Kỳ không chịu thoái lui. Họ nhanh chóng nắm bắt nhu cầu thị trường, đẩy mạnh sản xuất, mở rộng thị trường, cải tiến công nghệ. Đến đầu thế kỷ XX, nhiều sản phẩm thủ công có xuất xứ từ đất Quảng đã có mặt ở nhiều thành thị, trung tâm buôn bán trên cả nước; xuất hiện những nhà tư bản trong một số ngành thủ công nghiệp như làm đường, dệt, gốm, sứ...

Trong ngành sản xuất đường, các chủ xưởng ở Quảng Nam là những người đi tiên phong trong việc cải tiến công nghệ để nâng cao năng suất. Từ việc sử dụng các bàn trục ép bằng gỗ, dùng sức kéo của trâu, bò là phổ biến trước đây, nhiều chủ xưởng đã đầu tư vốn mua bàn trục ép bằng sắt. Việc sử dụng các bàn trục ép bằng sắt đã tăng năng suất sản xuất đường lên đáng kể. Báo cáo của Khâm sứ Trung Kỳ năm 1903 chỉ rõ: “*Việc sản xuất đường hiện nay nhiều không thể kể xiết, các trục ép mía làm việc suốt ngày đêm, thiếu cả thuyền mành đi biển để chở đường đi Faifo và Đà Nẵng*” [176, tr.79].

Trong ngành dệt, từ cuối thế kỷ XIX, ở Quảng Nam cũng đã hình thành những

vùng chuyên ươm tơ, dệt lụa, nhiễu, the điển hình là Thi Lai, Phú Bông, Chợ Chùa, Mã Châu... (Duy Xuyên) và cũng đã có hiện tượng thuê mướn nhân công trong quá trình sản xuất. Sang đầu thế kỷ XX, sau thời gian tích lũy vốn, các chủ xưởng đã mở rộng hoạt động sản xuất theo hướng hiện đại, đầu tư mua máy dệt kiểu mới thay cho khung cửi truyền thống, mở rộng thị trường ra khu vực thành thị. Trong Chiến tranh thế giới thứ nhất, ngành dệt ở Quảng Nam cũng có nhiều chuyển biến trong sản xuất. Bên cạnh những cơ sở sản xuất cũ đã xuất hiện thêm nhiều cơ sở mới, Quảng Nam cùng với Bình Định, Phú Yên, Nha Trang là những vùng trọng điểm, dẫn đầu Trung Kỳ và cả nước về diện tích trồng dâu nuôi tằm.

Có thể nhận thấy rằng, từ đầu thế kỷ XX, ở Quảng Nam đã diễn ra quá trình tích lũy tư bản, một số nhà tư bản bản địa đã tích lũy được một lượng vốn nhất định và quá trình phân hoá trong đội ngũ thợ thủ công cũng diễn ra khá phổ biến, thể hiện ở việc một số người làm ăn phát đạt, tích góp được nhiều tiền bạc nên “làm nhà gạch, mua đất tư”; đồng thời, làm phá sản những người khác cùng ngành. Khi Chiến tranh thế giới thứ nhất nổ ra, với những điều kiện khách quan thuận lợi, các ngành nghề thủ công ở Quảng Nam có nhiều chuyển biến đã làm cho quá trình phân hoá trong đội ngũ thợ thủ công diễn ra mạnh mẽ hơn, sự tích lũy tư bản diễn ra nhanh hơn, số người bị phá sản trở thành lao động làm thuê cũng nhiều hơn; đồng thời, số người giàu có lên, đầu tư mở xưởng sản xuất lớn, thậm chí thành lập công ty, xí nghiệp, mở rộng thị trường tiêu thụ cũng ngày càng đông hơn trước. Đây chính là tiền đề quan trọng để từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, tư sản dân tộc không ngừng vươn lên, lực lượng lao động làm thuê phát triển nhanh chóng góp phần quan trọng vào sự chuyển biến của PTYN và CMQN trong ba thập niên đầu thế kỷ XX.

*Thương nghiệp* là lĩnh vực hoạt động khởi sắc, sôi nổi nhất với số lượng người tham gia đông, gồm nhiều thành phần, đa dạng về hình thức kinh doanh. Với địa phương có truyền thống công thương nghiệp, các nhà kinh doanh, tư sản ở Quảng Nam đã nhanh chóng nắm bắt cơ hội, mạnh dạn bỏ vốn lập công ty bao mua sản phẩm, cung cấp cho thị trường. Hội An là trung tâm thương mại lớn nhất của tỉnh Quảng Nam.

Trong những năm 1914 - 1918, hoạt động kinh doanh thương mại ở Quảng Nam và Đà Nẵng có những chuyển biến khá rõ nét. Do điều kiện chiến tranh, hàng hoá của Pháp và các nước khác khó nhập cảng vào Việt Nam; do đó, thương nhân người Hoa và người Việt có cơ hội để đẩy mạnh hoạt động trao đổi, mua bán. Khối

lượng hàng hoá vận chuyển ven bờ (nội địa) qua cảng Đà Nẵng không ngừng tăng lên trong những năm từ 1914 đến 1918 đã chứng minh điều đó.

**Bảng 2.1: Khối lượng hàng hoá vận chuyển ven bờ (nội địa) qua cảng Đà Nẵng từ 1914 đến năm 1918** [176, tr.139]

Năm	1914	1915	1916	1917	1918
Nhập cảng (ngàn tấn)	22	27	27	19	34
Xuất cảng (ngàn tấn)	14	16	15	16	23
Tổng	26	43	42	35	57

Ở Quảng Nam, lao động nông nghiệp vẫn chiếm phần lớn dân số, trong khi đó phần lớn ruộng đất bị thực dân Pháp, địa chủ phong kiến chiếm đoạt. Tư bản Pháp nắm quyền khai thác nguồn lợi về cây công nghiệp và cây lúa, chiếm đoạt 17.200 ha trong tổng số 117.101 ha đất canh tác để lập đồn điền trồng lúa ở An Hoà, chè ở Đức Phú, Chiên Đàn, Phước Lợi, Tây Sơn, lập các trạm canh nông và nhà máy kén ươm tơ nhằm cung cấp sợi cho công ty dệt vải xuất cảng. Từ đầu thế kỷ XX, khi Pháp tăng cường đầu tư vào nước ta, cơ sở hạ tầng, giao thông được cải thiện đã tạo điều kiện cho nền kinh tế hàng hoá được mở rộng. Xu hướng kinh doanh hàng hoá trong nông nghiệp mở ra, nhất là khi các đặc sản nông nghiệp của xứ Quảng như quế, tiêu, chè...được tư bản Pháp xuất khẩu ra thị trường thế giới.

Đầu thế kỷ XX, ở Quảng Nam, các sản phẩm nông nghiệp như lúa gạo, ngô, lạc, bông, quế, tiêu, chè, sắn...được buôn bán trên thị trường ngày càng nhiều. Quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa bắt đầu xâm nhập vào nông thôn Quảng Nam. Cùng với quá trình đó, cũng đã xuất hiện một số nhà kinh doanh trong nông nghiệp. Họ bỏ tiền mua ruộng đất, lập đồn điền kinh doanh, thuê mướn nhân công, sản xuất các sản phẩm nông nghiệp để đem bán trên thị trường. Nông thôn Quảng Nam thời kỳ này bắt đầu xuất hiện những người giàu lên nhanh chóng (phú nông) nhờ vào hoạt động kinh doanh trong nông nghiệp. Tuy nhiên, số lượng các đồn điền chủ, phú nông chưa nhiều, diện tích các đồn điền không lớn và phương thức bóc lột chủ yếu cũng chỉ là phát canh thu tô theo quan hệ sản xuất phong kiến. Do đó, xu hướng tư sản địa chủ hoá chưa phát triển mạnh ở Quảng Nam và nông nghiệp cũng không phải là lĩnh vực thu hút nhiều nhà kinh doanh. Mặc dù vậy, hiện tượng tư sản bỏ vốn kinh doanh trong nông nghiệp đã xuất hiện và quan hệ tư bản chủ nghĩa trong nông nghiệp đã mở ra. Điều đó, đã góp phần tạo ra những chuyển biến lớn về kinh tế - xã hội Quảng Nam

đầu thế kỷ XX; tạo tiền đề cho sự chuyển biến của PTYN và CMQN trong giai đoạn này.

Trong chương trình khai thác thuộc địa lần thứ nhất (1897 - 1914), *giao thông vận tải và khai mỏ* là những lĩnh vực được Pháp tập trung đầu tư để xây dựng cơ sở hạ tầng, khai thác triệt để nguồn tài nguyên khoáng sản ở nước ta. Nhận thấy được tiềm năng, thế mạnh và nhu cầu trong các lĩnh vực này, tư bản Pháp đã tìm cách chiếm độc quyền. “*Từ đầu thế kỷ XX, tư bản Pháp đã thành lập Công ty vận tải ô tô Bắc Trung Kỳ và Lào (SAMANAL) để chiếm lĩnh thị trường vận tải trên các tuyến đi ở các tỉnh Trung kỳ và sang Lào*” [123, tr.45]. Riêng lĩnh vực giao thông vận tải được người Pháp đầu tư với số vốn lớn 128 triệu phờ-răng, tạo ra bước phát triển của hệ thống giao thông vận tải ở Việt Nam đầu thế kỷ XX. Nhiều tuyến đường mới được mở ra và đưa vào khai thác, góp phần tạo ra mạng lưới giao thông đường bộ hiện đại và thuận tiện hơn nhiều so với trước.

Từ đầu thế kỷ XX, ở Đà Nẵng và Quảng Nam bắt đầu xuất hiện những nhà tư bản hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực giao thông vận tải, nhất là nghề xe kéo phát triển rất nhanh chóng. Ở Đà Nẵng đã hình thành các công ty xe kéo, làm ăn ngày càng phát đạt, thu hút lực lượng lao động (phu kéo) khá lớn khoảng từ 200 - 250 người và cạnh tranh với tư bản ngoại quốc như công ty Hào Hưng, Cửu Thạch, Đồng Lợi.

Thực dân Pháp giữ độc quyền về ngân hàng, nguồn vốn được tập trung vào ba chi nhánh ngân hàng lớn ở Đà Nẵng: Ngân hàng Đông Dương (Banque de Indochine), Ngân hàng Pháp - Hoa (Banque de Franco - Chinois) và Nông Tín Bình Dân. Trong đó, Ngân hàng Đông Dương và Ngân hàng Pháp - Hoa do tư sản Pháp và tư sản người Hoa nắm giữ có thế lực lớn, bao trùm trên mọi lĩnh vực kinh doanh, nắm giữ những then chốt kinh tế ở Đà Nẵng và Trung Kỳ. Các công ty lớn đều có chi nhánh tại Đà Nẵng để thu tóm, vơ vét và độc quyền kinh doanh như Công ty hàng hải Massageries Maritime, Công ty dịch vụ bốc dỡ Sacric, Công ty nhập khẩu chế biến nông sản Dennis Frèdres Sica... Chính quyền thuộc địa lập hàng rào thuế quan, độc quyền kinh doanh muối, rượu, thuốc phiện và đánh thuế rất cao. Đà Nẵng trở thành trung tâm đô thị mới lớn nhất ở miền Trung.

Có thể nói, thực dân Pháp đã thi hành chính sách cai trị độc quyền về kinh tế, chuyên chế về chính trị, kết hợp giữa việc duy trì phương thức sản xuất phong kiến với việc thiết lập có hạn chế phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa trên vùng đất Quảng Nam và Đà Nẵng. Phương thức đó, đã làm nảy sinh những yếu tố kinh tế mới

mang tính chất thuộc địa và nửa phong kiến vận hành theo cơ chế thị trường tư bản chủ nghĩa, bước đầu làm biến đổi bộ mặt thành thị và nông thôn Quảng Nam - Đà Nẵng trong những năm đầu thế kỷ XX; tạo ra sự chuyển biến và sự phân hoá trong giai cấp xã hội Quảng Nam. Sự chuyển biến bước đầu về kinh tế - xã hội ở Quảng Nam và Đà Nẵng tuy còn nhiều hạn chế, song làm cho những người yêu nước đương thời thấy được sự hơn hẳn của chế độ tư bản đối với chế độ phong kiến, hiểu được sở dĩ Pháp có sức mạnh để xâm lược và thống trị nhân dân Việt Nam là nhờ đi theo con đường tư bản chủ nghĩa. Chính điều này là một trong những nhân tố thúc đẩy PTYN Quảng Nam chuyển biến theo khuynh hướng dân chủ tư sản.

Tóm lại, sự chuyển biến về kinh tế - xã hội ở Quảng Nam và Đà Nẵng vào đầu thế kỷ XX tạo ra cơ sở vật chất và tinh thần cho sự chuyển biến PTYN theo khuynh hướng DCTS.

#### **2.1.4. Ảnh hưởng của tư tưởng canh tân ở Việt Nam cuối thế kỷ XIX**

Ở Việt Nam, vào nửa sau thế kỷ XIX, những sĩ phu có tinh thần canh tân đất nước như Nguyễn Trường Tộ, Nguyễn Lộ Trạch, Phạm Phú Thứ, ... đã ít nhiều nhận ra được những bài học cấp thiết từ sự thành công của nước Nhật sau cuộc Minh Trị Duy Tân. Nguyễn Trường Tộ đã nhiều lần đề nghị triều đình noi gương người Nhật thực hiện mở cửa, đặt quan hệ thương mại với các nước phương Tây, học tập khoa học kỹ nghệ phương Tây, thực hiện chính sách ngoại giao mềm dẻo, triệt để lợi dụng sự kiềm chế lẫn nhau giữa các nước đế quốc để bảo vệ độc lập dân tộc. Nguyễn Lộ Trạch cũng kêu gọi học tập Nhật Bản để duy tân đất nước, thực hiện văn minh hoá, làm cho “phú quốc cường binh” [155, tr.224]. Phạm Phú Thứ với tư tưởng, quan điểm thực tế, xuất phát từ “cái học thực nghiệm” trong suốt chặng đường phục vụ công quyền, ông đã đề xuất những đề nghị (cả những đề nghị đã được thực thi và còn trong dự ước) mang tính chiến lược nhất quán và cả những sách lược nhằm canh tân toàn diện đất nước theo gương Nhật Bản và các nước phương Tây. Phạm Phú Thứ cùng với Nguyễn Trường Tộ, Nguyễn Lộ Trạch... đã “hiền kế” cho vua Tự Đức cả một chương trình cải cách rộng lớn nhằm cứu nguy cho đất nước trước họa xâm lăng. Nhưng cuối cùng những đề nghị cải cách của các ông đều bị loại bỏ (mặc dù những đề nghị của Phạm Phú Thứ đã được chấp nhận và thực thi một phần) bởi nhãn quan hẹp hòi của giới cầm quyền phong kiến cố chấp, khiến chương trình cải cách của các ông rơi vào quên lãng. Tuy nhiên, tư tưởng canh tân của các sĩ phu ở cuối thế kỷ XIX ảnh hưởng to lớn đến PTDT đầu thế kỷ XX. *“Chính các nhà lãnh đạo phong trào Duy Tân đều cho rằng quan điểm của phong trào đã chịu ảnh hưởng từ tư tưởng Phạm*

*Phú Thứ, Nguyễn Trường Tộ, Nguyễn Lộ Trạch trong nhân sinh quan và thế giới quan của mình” [145, tr. 298].*

### **2.1.5. Tác động của Tân thư , Tân văn và phong trào cách mạng tư sản ở Châu Á**

Từ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, do ảnh hưởng của chủ nghĩa DCTS phương Tây, PTCM dân tộc và cải cách dân chủ theo khuynh hướng tư sản trở thành một trào lưu phổ biến và nổi bật ở nhiều nước thuộc địa và nửa thuộc địa phương Đông. Đây là thời kỳ “Châu Á thức tỉnh”, cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc mang nội dung mới: gắn liền cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc với giành quyền dân chủ và phát triển đất nước theo con đường tư bản chủ nghĩa. Đó là PTDT, cách mạng Tân Hợi (1911) bùng nổ ở Trung Quốc, những cải cách của Rama V ở Xiêm, phong trào “Lương tri xã” (Budi Ôtômô) ở Indônêia, tổ chức Đồng minh Hội ở Singapo, hoạt động của Hội Liên hiệp Phật giáo ở Miến Điện (Myanma), phong trào “Thổ Nhĩ Kỳ trẻ”, cuộc vận động cải cách ở Iran, cuộc vận động giải phóng dân tộc theo con đường DCTS ở Ấn Độ... PTCM DCTS trên đây là sức mạnh tinh thần cổ vũ nhân dân yêu nước Việt Nam hướng tới một con đường cứu nước tiến bộ hơn. Đặc biệt là tình hình Trung Quốc và Nhật Bản ảnh hưởng sâu sắc đến Việt Nam.

Đối với Việt Nam, một nước gần gũi có quan hệ gắn bó lâu đời nhiều mặt và cùng cảnh ngộ, những biến cố ở Trung Quốc cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, đã ảnh hưởng trực tiếp , nhanh chóng và mạnh mẽ , tạo ra những chuyển biến to lớn trong nhận thức, tư tưởng và hành động của tầng lớp sĩ phu yêu nước Việt Nam đầu thế kỷ XX. Trong những năm 90 của thế kỷ XIX, nhiều sách báo của phái cấp tiến Trung Quốc theo đường thương mại đã được đưa vào Hải Phòng , Huế, Đà Nẵng, Hội An, Sài Gòn ... nơi có đông đồng bào Hoa kiều sinh sống . Những Tân thư này có thể dễ dàng mua được và buôn bán Tân thư trở thành một ngành thương mại quan trọng của người Hoa ở các đô thị lớn, đặc biệt là ở kinh đô Huế: “*Sách vở thời ấy do những ghe lớn đưa theo hàng hoá rồi có những thuyền nhỏ buôn sách chèo lên neo đậu ở một bến nào đó như Phú Vân Lâu để chờ người tới chọn mua. Đó cũng là một trong những ngành thương mại quan trọng của người Trung Hoa ở đế đô*”. [180, tr.30].

Nguồn Tân thư, Tân văn qua con đường Trung Quốc được lưu truyền vào nước ta chủ yếu bao gồm các tác phẩm của Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu như *Khống Tử vi chế khảo, Đại Đồng thư, Tân Dân thuyết, Thời vụ báo, Âm Bãng thất văn tập, Trung Đông chiến kỷ, Pháp Phổ chiến kỷ*...; các tác phẩm của Rút-xô, Mông-tet-xkiơ

(*Dân ước luận, Vạn pháp tinh lý*); cùng nhiều tài liệu khác được truyền sang nước ta từ sau cuộc Mậu Tuất chính biến như *Thanh Nghị báo, Tân Dân tùng báo, Trung Quốc hồn, Mậu Tuất chính biến...* Các sách báo mới này thể hiện tư tưởng DCTS tiến bộ, chứa đựng những kiến thức mới so với sách vở của Nho học, đề cập đến nhiều vấn đề của thế giới lúc bấy giờ, đặt ra yêu cầu phải cải cách nền kinh tế, chính trị, giáo dục... theo lối phương Tây.

Các tân thư, tân văn đã giúp cho sĩ phu Việt Nam đương thời từ bỏ nhanh chóng sự luyến tiếc chế độ phong kiến, cung cấp cho họ những hiểu biết mới về tư tưởng chính trị và truyền cho họ ngọn lửa nhiệt tình cách mạng. Nhiều sĩ phu tiến bộ Việt Nam (trong đó sĩ phu yêu nước tiến bộ Quảng Nam là những người đi đầu hưởng ứng) rủ nhau tìm cách tiếp cận với tân thư, tân văn và hăng hái đứng ra tiếp nhận tư tưởng tư sản phương Tây qua các sách báo nói trên rồi truyền bá vào nước ta.

Sự ảnh hưởng mạnh mẽ của Tân thư, Tân văn đến tư tưởng và thái độ của sĩ phu Việt Nam và Quảng Nam vào đầu thế kỷ XX đã được chứng minh trong nhiều tài liệu. Qua việc đọc được Tân thư đã làm thay đổi sâu sắc trong nhận thức của Phan Bội Châu, giúp ông hiểu được “tình trạng cạnh tranh” của các liệt cường trên thế giới và thấy được “thảm trạng quốc vong chủng diệt”. Trong *Tự Phán*, Phan Bội Châu đã kể lại cuộc gặp với Nguyễn Thượng Hiền ở Huế vào năm 1897 rằng: “*Tiên sinh cho tôi mượn mấy bộ sách như Trung Đông chiến kỷ, Pháp Phổ chiến kỷ, Doanh hoàn chí lược, tôi vì xem những pho sách ấy mới hiểu được tình trạng cạnh tranh ở trong hoàn hải, thảm trạng quốc vong chủng diệt càng kích thích trong óc sâu lắm*” [155, tr.221].

Phan Châu Trinh đã hồ hởi đón nhận và có sự thay đổi mạnh mẽ về nhận thức sau khi đọc được Tân thư. Trong *Phan Tây Hồ Tiên sinh lịch sử*, Huỳnh Thúc Kháng cho biết:

*Sách mới, báo mới xuất hiện đã tràn qua nước ta, mà ảnh hưởng nhất là sách của Khang Hữu Vi, cùng Lương Khải Siêu, vì sách ấy nói dân quyền, tự do, phát minh được chân tướng văn minh Âu Tây nhiều. Tiên sinh (Phan Châu Trinh) thường qua lại với ông Thân Trọng Huề, Đào Nguyên Phổ mượn sách ấy xem, trong lòng ham thích quên ngủ, quên ăn, từ đó trong tư tưởng đổi hẳn ra một cách mới mẻ* [89, tr.14].

Trong *Huỳnh Thúc Kháng niên phổ*, tác giả đã xác nhận sự ảnh hưởng của Tân thư đối với chính mình và các sĩ phu cùng thời:

*...tại Trung Quốc sau cuộc Mậu Tuất chính biến và Canh Tý liên binh,*

*sĩ phu hơi tỉnh ngộ, có phong triều hoan nghênh Âu học chuyển động toàn quốc, sách báo của Khương Hữu Vi, Lương Khải Siêu (phái lãnh tụ duy tân), dần dần du nhập vào nước ta, tin Nga - Nhật chiến tranh đến tận bên ta, không như thời bế tắc trước. Năm trước đó có quan Thị lang Thân Trọng Huề (có sang Pháp du học) có tờ sớ xin bỏ khoa cử, tại kinh có Đào Tào Pha (Đào Nguyên Phổ) mua được nhiều sách mới (như Mậu Tuất chính biến, Trung Quốc hồn, Nhật Bản duy tân sử, Tân dân tùng báo, cùng sách Âu dịch ra Pháp văn), nhất là Phan Tây Hồ tuy tâm bàn Tây học (lúc bấy giờ làm Thừa biện Bộ Lễ), tôi ở ngoài không thi, thường với Tây Hồ đến nhà Đào, có bao nhiêu tân thư đọc hết, biết được đôi chút biến thiên của thế giới, thật bắt đầu từ năm ấy [88, tr.33].*

Báo Thần Chung (Sài Gòn) đã ví cuốn *Âm băng thất* của Lương Khải Siêu như “*một thang thuốc hay với người mang bệnh trầm kha*”, còn cuốn *Trung Quốc hồn* chỉ “*là một tập sách vài mươi trang mà thay đổi lòng người như chớp, một tập sách chỉ nói chuyện nước Tàu mà làm cho hai mươi triệu dân Nam phấn khởi*”. “*Những Thanh Nghị báo, Tân Dân tùng báo, Âm băng thất, Tự do thư, Trung Quốc hồn đã đánh thức đám sĩ phu ta gần như trực tiếp, vì trong đó nói chuyện nước Tàu mà có nhiều chỗ trùng bệnh với người mình lắm*” [73].

Từ những dẫn chứng như trên, cho chúng ta xác nhận những ảnh hưởng sâu sắc của làn sóng Tân thư, Tân văn đối với sự mở mang trí thức và chuyển biến tư tưởng của tầng lớp trí thức yêu nước Việt Nam và Quảng Nam đầu thế kỷ XX. Trên cơ sở những biến đổi về kinh tế - xã hội, cộng với ảnh hưởng của cuộc vận động duy tân cứu nước ở Trung Quốc từ ngoài dội vào, tư tưởng DCTS bắt đầu xuất hiện trên vũ đài chính trị Việt Nam mà những sĩ phu yêu nước Quảng Nam là một trong những người đi đầu tiếp thu và hưởng ứng.

Đầu thế kỷ XX, Nhật Bản trở thành một đế quốc mạnh ở châu Á, cùng với các liệt cường trên thế giới chia nhau quyền lợi ở Trung Quốc. Vì tranh giành quyền lợi, mâu thuẫn với nhau, dẫn đến cuộc Chiến tranh Nga - Nhật (1904 - 1905). Trong cuộc chiến tranh này, Nhật đã giành thắng lợi, buộc đế quốc Nga phải trả những quyền lợi đã chiếm ở Mãn Châu, thừa nhận Nhật chiếm Triều Tiên và cắt cho Nhật miền Nam bán đảo Xakhalin.

Chiến thắng của Nhật có tiếng vang lớn trên thế giới, nhất là đối với các dân tộc ở châu Á. Nước Nhật được xem là người anh cả, là vị cứu tinh của các dân tộc da

vàng. Một xu hướng thân Nhật và mong chờ sự giúp đỡ của Nhật phát triển ở Trung Quốc, Việt Nam, Thái Lan, Miến Điện, Ấn Độ... trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. Phan Châu Trinh coi chiến thắng của Nhật trước Nga như là tiếng sét “trời long đất lở”, động lực của cuộc Duy Tân Trung Quốc “vang dội bốn phía”, có sức tác động to lớn đến sĩ phu trong nước: “*Bỗng nhiên một tiếng sét nổ ra, trời long đất lở, dư ba của cuộc chiến tranh Nhật – Nga, động lực của cuộc duy tân Trung Quốc vang dội bốn phía, lay động cả nước. Do đó, các cử động, các đảng phái trong nước cũng theo đó mà nổi lên*”[52, tr.578]. Cùng với đó, nguồn Tân thư từ “anh cả da vàng” như *Nhật Bản duy tân tam thập niên sử, Văn minh khái lược luận, Khuyển học thiên...* đã được truyền bá đến Việt Nam.

Động lực của cuộc duy tân Trung Quốc, nhất là chiến thắng vang dội của Nhật trước đế quốc Nga có sức hút mãnh liệt đối với tầng lớp sĩ phu yêu nước Việt Nam đầu thế kỷ XX, họ tiếp tục nuôi hy vọng về sự thắng lợi trước chủ nghĩa thực dân phương Tây như người “anh cả da vàng” đã từng làm được. Từ đó, ở Việt Nam nói chung và đất Quảng nói riêng, các sĩ phu yêu nước tin tưởng rằng, Nhật Bản đã thành công trong việc học tập theo văn minh phương Tây, thì Việt Nam cũng sẽ thành công nếu dốc lòng theo con đường ấy. Phan Bội Châu vốn đã rất ấn tượng về cuộc duy tân ở Nhật Bản sau khi đọc tác phẩm *Nhật Bản duy tân tam thập niên sử* và cho đến khi tận mắt chứng kiến những thành công của người Nhật, ông hoàn toàn tin tưởng vào viễn cảnh một nước Việt Nam hùng mạnh như nước Nhật sau khi tiến hành duy tân. Trong *Tự phán*, Phan Bội Châu viết:

*Sau cuộc Duy tân rồi thì tư cách nội trị, quyền lợi ngoại giao đều do ta nắm giữ. Sự nghiệp văn minh ngày càng tiến bộ, phạm vi thế lực ngày càng mở mang. Sau Duy tân rồi dân trí sẽ mở mang, dân khí sẽ lớn mạnh, dân quyền sẽ phát đạt, vận mệnh nước ta do dân ta nắm giữ. Nước Nhật Bản bây giờ cũng như nước Việt Nam sau này vậy [78, tr.226].*

Sau khi trực tiếp khảo sát nhiều nơi trên đất Nhật, Phan Châu Trinh có ấn tượng sâu sắc về trình độ dân trí của người Nhật. Điều khiến Phan Châu Trinh tâm đắc nhất về nước Nhật chính là dân trí và dân quyền:

*Nay chúng ta thử ghé mắt xem qua tình hình Á - Âu, Nhật Bản là nước đồng văn đồng chủng với chúng ta. Bốn mươi năm trước họ đã lập ra Hiến pháp, cho dân bầu cử Nghị viện; việc chính trị trong nước theo*

*công ý của dân chớ vua không được tự chuyên cả. Vì thế nên nước họ được cường thịnh, nay đã đứng đầu Đông Á... [52, tr. 597].*

Bên cạnh đó, các sĩ phu yêu nước nhận thấy rằng, phải dựa vào viện trợ của nước ngoài mới có thể đánh đuổi được Pháp. Vì vậy, họ đã hướng về Nhật Bản, một nước "đồng văn đồng chủng", lại là nước tân tiến. Cho nên, bàn về việc cầu viện, Tiểu La đã khẳng định: Vậy thì bây giờ muốn tìm ngoại viện không gì bằng sang Nhật là hơn cả [33]. Một phong trào sang Nhật cầu học - PTĐĐ, diễn ra rất sôi nổi từ 1905 đến 1909 là một trong những nét nổi bật của phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam đầu thế kỷ XX.

Có thể nói, PTĐT ở Trung Quốc, Nhật Bản, chiến thắng của Nhật đối với Nga hoàng cùng với các Tân thư, Tân văn chuyển tải nội dung tư tưởng tư sản phương Tây đã ảnh hưởng sâu sắc đến Việt Nam, như một hồi chuông "tỉnh mộng" đối với các sĩ phu yêu nước Việt Nam và Quảng Nam lúc bấy giờ, hướng họ đi vào con đường cứu nước theo tư tưởng DCTS. Trong tác phẩm *Bức thư bí mật*, Huỳnh Thúc Kháng đã nhận xét:

*Địa ngục mấy tầng, ngọn triều Âu tràn vào bốn mặt, đồng nội mịt mù, đêm dài vắng vặc, bỗng đâu gà hàng xóm gáy lên một tiếng, giấc mộng quân chúng thoát tỉnh dậy: Sau cuộc Trung - Nhật chiến tranh (1894), Canh Tý liên binh (1900), người Trung Hoa đã dịch các học thuyết Đông Tây; sách báo của danh nhân như Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu; tạp chí của phái cách mạng Tôn Dật Tiên lần lần lọt vào nước ta. Trong học giới có bạn đã sẵn có tư tưởng quốc gia cùng lòng đau đớn với giống nòi, được đọc loại sách báo nói trên, như trong buồng tối bỗng chợt thấy tia sáng lọt vào, những học thuyết mới "Cạnh tranh sinh tồn", "Nhân quyền tự do" gần chiếm cả cái chủ đích môn học khoa cử ngày trước, mà một tiếng sét nổ ùng, có sức kích thích mạnh nhất, thấm vào tâm não người Việt Nam ta là trận chiến tranh 1904 Nhật Bản thắng Nga... [87, tr. 36].*

Trong bối cảnh chung của lịch sử dân tộc đầu thế kỷ XX, PTYN và CMQN chuyển biến theo khuynh hướng DCTS, tiến hành kết hợp cứu nước với duy tân, nằm trong trào lưu duy tân cải cách đầu thế kỷ XX. Cuộc vận động cứu nước kết hợp với duy tân theo khuynh hướng DCTS khởi phát đầu tiên ở Quảng Nam gắn liền với hoạt

động của Phan Chu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp và PTDT Trung Kỳ; của Phan Bội Châu, Nguyễn Thành và DTH.

Tóm lại, đến đầu thế kỷ XX, thực dân Pháp đã áp đặt ách thống trị đối với Việt Nam nói chung, Quảng Nam nói riêng. Đó là sự áp bức về chính trị, bóc lột về kinh tế, nô dịch về văn hoá. Tình hình chính trị - xã hội Việt Nam có sự biến đổi, nhiều giai cấp, tầng lớp mới ra đời. Mặt khác, trước sự suy tàn của chế độ phong kiến và những yêu cầu mới của lịch sử, cùng sự thất bại sớm của phong trào Cần Vương ở các tỉnh Nam Trung Kỳ (1885 - 1887), các sĩ phu yêu nước đất Quảng đã ý thức được sự lỗi thời của thiết chế xã hội cũ về mọi mặt, họ nhận thấy rằng, "quan niệm trung quân ái quốc" của thời kỳ Cần Vương không thể là con đường cứu nước, cứu dân được nữa. Đấu tranh chống Pháp và tay sai không chỉ bằng đấu tranh vũ tranh truyền thống mà bằng cả các biện pháp chính trị, kinh tế, văn hoá, phải kết hợp cứu nước với duy tân. Đây là những tiền đề vật chất và tinh thần cho sự hình thành một khuynh hướng cách mạng mới trên vùng đất Quảng Nam - khuynh hướng cách mạng DCTS.

Đúng lúc đó, các tân thư, tân văn của Trung Quốc, Nhật Bản dội vào nước ta đã giới thiệu những tư tưởng DCTS của phương Tây dưới lăng kính của tư tưởng lập hiến. Các học thuyết về nhân đạo, dân quyền của những nhà tư tưởng trong Trào lưu triết học Ánh sáng Pháp thế kỷ XVIII cũng truyền bá vào Việt Nam, được các sĩ phu yêu nước tiến bộ Quảng Nam tiếp thu nồng nhiệt. Trào lưu tư tưởng đó, đã cổ vũ, hướng họ theo lý tưởng của cuộc Cách mạng Pháp (1789), cuộc vận động Duy Tân (1898) và Cách mạng Tân Hợi (1911) ở Trung Quốc, giúp họ đoạn tuyệt những tư tưởng quân chủ bảo hoàng, chuyển sang tư tưởng dân chủ cộng hoà. Mặt khác, hơn 3 thập niên duy tân, Nhật Bản đã trở thành một nước tư bản hùng mạnh, nhất là sau chiến thắng vang dội của quân đội Nhật trong Chiến tranh Nga - Nhật (1904 - 1905) càng củng cố niềm tin của các sĩ phu yêu nước đất Quảng vào con đường cách mạng tư sản. Đây là một trong những cơ sở khách quan cho các PTYN và cách mạng mới ra đời trên đất Quảng Nam theo ý thức hệ tư sản. Đó là PTDT (1903 - 1908), PTĐD (1905 - 1909) gắn liền với vai trò khởi xướng, phát động của các chí sĩ yêu nước nhiệt thành Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp, Nguyễn Thành...

Như vậy, đến đầu thế kỷ XX, dưới tác động của công cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của Pháp, cùng ảnh hưởng của tân thư, tân văn và PTCM tư sản Châu Á đã tạo ra những tiền đề chủ quan và khách quan cho sự chuyển biến của PTYN và CMQN từ lập trường phong kiến sang lập trường có khuynh hướng DCTS.

## **2.2. Sự chuyển biến của phong trào yêu nước và cách mạng Quảng Nam theo khuynh hướng dân chủ tư sản đầu thế kỷ XX**

Độc lập dân tộc và canh tân đất nước luôn là khát vọng của nhân dân Việt Nam. Ở đầu thế kỷ XX, khát vọng giành lại độc lập tự do, xây dựng và phát triển đất nước giàu mạnh, sánh ngang với các liệt cường trên thế giới đã trở thành mục đích lý tưởng, thôi thúc mọi người Việt Nam yêu nước chiến đấu quên mình, vượt qua mọi thử thách, tìm kiếm và lựa chọn con đường cứu nước đúng đắn. Sự chuyển biến của PTYN và CMQN trong gần 20 năm đầu thế kỷ XX trên cả ba phương diện: tư tưởng, mục tiêu cứu nước; cơ cấu tổ chức và phương thức hoạt động là một minh chứng.

### **2.2.1. Chuyển biến về tư tưởng, mục tiêu cứu nước**

Từ đầu thế kỷ XX, trước sự bất lực của con đường cứu nước theo ngọn cờ phong kiến, trong điều kiện lịch sử mới, các sĩ phu yêu nước tiến bộ đã tìm ra hướng đi mới cho PTCM Việt Nam. Bên cạnh các phong trào đấu tranh vũ trang truyền thống dần đi vào bế tắc, vào đầu thế kỷ XX, sĩ phu yêu nước đã phát động các phong trào duy tân, cải cách toàn diện từ tư tưởng, văn hóa, giáo dục... nhằm tạo nên những chuyển biến to lớn trong xã hội; tạo ra những nội lực mới cho công cuộc giải phóng dân tộc. Điều kiện, tiền đề lịch sử mới đã tác động và tạo ra sự chuyển biến mạnh mẽ trong tư duy cứu nước và hoạt động thực tiễn của sĩ phu yêu nước đầu thế kỷ XX. Họ hiểu rằng để chiến thắng một kẻ thù hơn hẳn chúng ta cả “một nền văn minh” không chỉ có lòng yêu nước với vũ khí thô sơ được mà phải có trình độ văn minh tương đương. Tức phải làm cho dân giàu, nước mạnh, phải thực hành cải cách theo hướng tư bản chủ nghĩa. Đó chính là bài học thực tế mà các sĩ phu yêu nước Việt Nam rút ra từ sự thất bại của PTYN chống Pháp cuối thế kỷ XIX. Từ đó, họ bắt đầu thay đổi mạnh mẽ trong tư duy cứu nước. Trước tiên, họ nhận thức lại thực trạng xã hội Việt Nam, tìm nguyên nhân của sự lạc hậu, nguyên nhân dẫn đến mất nước. Tiếp đến, họ tiếp nhận những tư tưởng của thời đại - tư tưởng DCTS phương Tây để tích hợp với những giá trị tư tưởng truyền thống phương Đông tạo nên diện mạo và nội dung mới cho phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam đầu thế kỷ XX.

Quảng Nam – vùng đất giàu truyền thống yêu nước, từ khi Pháp nổ súng xâm lược rồi đặt ách cai trị thì tư tưởng chủ chiến, ái quốc nhằm khôi phục chủ quyền, giành lại độc lập dân tộc, mưu cầu hạnh phúc cho đồng bào trở thành tư tưởng cốt lõi và hành động chính trị của đại bộ phận người dân xứ Quảng. Nếu ở cuối thế kỷ XIX, chúng ta đã chứng kiến sự thay đổi quan niệm về “trung quân ái quốc” ở Nguyễn Duy

Hiệu, đến đầu thế kỷ XX, Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp, Nguyễn Thành... đã vươn tới con đường cứu nước mới, góp phần hình thành và phát triển con đường cứu nước mới theo khuynh hướng DCTS ở Việt Nam. Trong phần này, chúng tôi đi sâu phân tích sự chuyển biến trong tư duy cứu nước của các đại diện ưu tú cho PTYN và CMQN đầu thế kỷ XX như Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp, Nguyễn Thành...

### **2.2.1.1. Nhận thức lại thực trạng xã hội, tìm nguyên nhân dẫn đến mất nước**

Các sĩ phu yêu nước cho rằng nguồn lực, tài lực của đất nước bị ngoại bang chiếm đoạt, kinh tế - xã hội nghèo nàn, lạc hậu là do quan lại đốn hèn, tham lam và một phần lỗi lớn thuộc về lực lượng trí thức bảo thủ, bạc nhược, mất chí khí, thờ ơ trước vận mệnh nguy nan của quốc gia, quốc dân. Theo Phan Châu Trinh, trong thế giới ngày nay, khi các nước đua tranh nhau trên đường phát triển, chí mạo hiểm, ý thích thám hiểm đang thịnh hành, vậy mà ở nước ta các tầng lớp chỉ “loanh quanh xó bếp”, trí thức thì chìm đắm trong văn chương, thi cử, chẳng biết gì về nhân tình thế thái. Sĩ phu thì chỉ biết “*ganh đua vào con đường luân cú, hót nịnh, không biết liêm sĩ là gì*” [167], chỉ biết lấy Nho giáo ra làm chỗ dựa mà cũng không hiểu Nho giáo là gì chứ nói gì đến việc hiểu và học văn minh Âu - Mỹ:

*Khốn nạn thay cho các dân tộc An Nam ta, đến bây giờ trong dân tộc mà gọi là các ông nho học, nghĩa là các ông có học được ít chữ tàu, mà nhất là những ông đã đỗ được cử nhơn, tân sĩ, nhưng các ông đó tôi dám nói chắc là không hiểu Nho giáo là gì, vậy mà mở miệng ra là cứ đem Nho giáo ra để làm chỗ dựa, để bài bác cái văn minh kim thời, là cái văn minh mà các ông không hiểu gì cả [52, tr.794].*

Nhận thức được sự lạc hậu của nền giáo dục Nho học, Trần Quý Cáp chủ trương bài xích lối học cử nghiệp, công kích cái học từ chương và theo ông chính nền giáo dục Nho học với lối học khoa cử, tầm chương, trích cú, phi thực tiễn đã tạo ra đội ngũ quan lại đốn hèn, chỉ biết ăn bổng lộc của vua, bóc lột dân nhưng lại cam chịu nhục nhã, quỳ gối trước quân xâm lược, làm ngơ trước cảnh nước mất, dân bị nô lệ chỉ vì cái lợi riêng tư:

*Dân ta nay cực đà như chó,*

*Sao quan còn võng đỡ ngáng ngà*

*...Dám hỏi mấy người công khanh, hầu bá*

*Ăn cơm vua, cầm quyền nước, ngồi mà lo những chuyện chi chi!*

...

*Nước mất rồi mua lại được không? [121].*

Trần Quý Cáp chỉ rõ, nho sĩ nước ta đương thời chỉ giỏi văn sách theo lối cổ học, “*ngũ ngôn bát cổ đôi câu*”, “*những nghĩa, những văn, những thi, những phú, những trường thiên, đoản cú, những tán, tự, bi, minh*”; chìm đắm trong việc khen chê những sự kiện trong lịch sử nước Tàu “*bịa đôi đường Nghiêu Chích khen chê, lời văn rất giọng Tàu bè*”[121]; được coi là học rộng, kẻ sĩ, là người tài trong thiên hạ mà “*Đông Kinh, Tây Cống hỏi ngài ở đâu? Ngán ngơ ngài chỉ lắc đầu*”, “*Tò mò hỏi năm châu lớn nhỏ, ủa, việc ngoại dương, tao có biết chi mô na*” [121].

Từ đó, sĩ phu yêu nước Quảng Nam đầu thế kỷ XX kết luận tình trạng trí thức bạc nhược, mất chí khí; quan lại đốn hèn, tham lam như vậy thì đất nước rơi vào tay kẻ thù phương Tây hơn hẳn chúng ta về mọi phương diện là điều không thể tránh khỏi.

Không chỉ phê phán chế độ phong kiến lạc hậu, lỗi thời, các sĩ phu tiến bộ đất Quảng còn lên án mạnh mẽ sự thâm độc, tàn bạo của chế độ thực dân thống trị. Để thức tỉnh tinh thần dân tộc trong cuộc đấu tranh chống lại kẻ thù trực tiếp là chủ nghĩa thực dân, giành lại độc lập tự do cho đất nước, sĩ phu yêu nước Quảng Nam đã phê phán, lên án mạnh mẽ các chính sách thâm độc, vạch trần những thủ đoạn tinh vi, lừa bịp của thực dân Pháp.

Trong *Thư gửi Toàn quyền Beau* (1906), Phan Châu Trinh đã nêu lên những chính sách cai trị và chính sách sưu thuế của thực dân Pháp thi hành ở Việt Nam. Trong đó, tệ sưu thuế và sưu dịch là điển hình cho chính sách bóc lột của người Pháp. Ông chỉ rõ: Các cơ quan trong bộ máy cai trị của Pháp từ các cục, ngành như cục Thương chính, cục Lục bộ, cục Canh nông, cục Cảnh sát, lính khố xanh và quan Pháp, quan Y tế chúng đậu, bộ phận nào cũng tệ hại. Thực dân Pháp còn dùng mọi biện pháp, thủ đoạn để vơ vét, tận thu như hăm dọa, cưỡng bức, lừa đảo, bắt hối lộ, đàn áp, giam cầm... Mặt khác, thực dân Pháp còn dung dưỡng bọn quan lại sâu mọt người Việt, đục khoét nhân dân... [166]. Qua đó, Phan Châu Trinh tố cáo tội ác của thực dân Pháp trước công luận, đồng thời khích động tinh thần yêu nước của nhân dân.

Cùng quan điểm với Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng cho rằng chính

sách cai trị, bóc lột tàn bạo của chính quyền thực dân phong kiến làm cho tài nguyên quốc gia bị cạn kiệt, cùng tình trạng quan lại tham lam vô độ khiến đời sống nhân dân càng trở nên thống khổ. Cụ Huỳnh thảng thẩn chỉ ra: Chính sách thuế khóa nặng nề, quan lại tham ô là nguyên nhân chính khiến dân tình rơi vào tình cảnh điêu đứng.

*Mỗi năm đến kỳ thuế, trong nhân gian chạy sập chạy ngựa, trống mõ om sòm, gông cùm hò hét, tình cảnh thật là rắc rối. Đó là chưa kể cái lệ phụ thu lạm bổ của bọn hoạn lại gian hào, mồ hôi nước mắt cứ cào trong dân gian đã đến đấy, tiền chưa lên đến kho Nhà nước, mà rớt rã đã lọt vào túi thâm đâu đâu [164, tr.282].*

Như vậy, dù cách nhìn, phương thức phê phán, đấu tranh có khác nhau, song các sĩ phu yêu nước đất Quảng đầu thế kỷ XX thống nhất với nhau là phê phán chế độ thực dân phong kiến nhằm hướng đến mục đích chống kẻ thù cứu nước. Họ cho rằng, chính sự thống trị giáo điều, cực đoan của Nho giáo là nguyên nhân của sự lạc hậu, nguyên nhân dẫn đến mất nước. Chính sách cai trị, bóc lột tàn bạo của chính quyền thực dân phong kiến đã trực tiếp đưa đến tình cảnh dân tình thống khổ. Với tinh thần yêu nước nồng nàn, ý thức trách nhiệm cao của kẻ sĩ, các sĩ phu đất Quảng đầu thế kỷ XX đã không thể làm ngơ trước thảm trạng của xã hội và họ “*đã phê phán trực diện, thẳng thắn, có phần gay gắt bằng những ngôn từ sắc sảo nhất vào mọi mặt của đời sống xã hội, vào mọi tầng lớp trong xã hội Việt Nam*” [78, tr.71]. Từ đó, chúng ta có thể nhận định rằng, chính thảm trạng của xã hội Việt Nam dưới ách thống trị của chế độ thực dân phong kiến đã tạo động lực để sĩ phu yêu nước Quảng Nam đầu thế kỷ XX tích cực thay đổi nhận thức, chuyển biến tư tưởng và hành động cứu nước.

Sĩ phu yêu nước Quảng Nam đầu thế kỷ XX đã tấn công mạnh mẽ vào hệ tư tưởng Nho giáo lạc hậu, giáo điều; phê phán, lên án thực trạng xã hội Việt Nam dưới ách thống trị của chế độ thực dân phong kiến. Họ chỉ ra nguyên nhân sâu xa dẫn đến mất nước là sự thua kém của xã hội ta so với phương Tây. Họ cho rằng sự kém cỏi đó bắt nguồn từ việc duy trì quá lâu sự thống trị của Nho giáo và chính sách cai trị thâm độc, tàn bạo của chủ nghĩa thực dân. Bởi, trong lịch sử mấy nghìn năm, Việt Nam đã từng đối đầu với những kẻ thù mạnh hơn hẳn, nhưng dẫu sao ta và chúng cũng cùng trình độ văn hóa, cùng nền văn minh. Đến cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, khi chúng ta đối đầu với chủ nghĩa thực dân đế quốc - một kẻ thù mang tính toàn cầu, khác biệt về văn minh, hơn hẳn ta về trình độ khoa học kỹ thuật, trình độ tư duy lí luận... nên thất bại là điều đã được dự báo trước. Và để đòi lại được độc lập, tự do không còn cách nào khác là phải khắc phục khoảng cách về trình độ văn minh đó, tự thay đổi để

đưa dân tộc mình vượt lên. Qua đó, chúng ta nhận thấy điểm khác biệt lớn giữa sĩ phu đất Quảng đầu thế kỷ XX với sĩ phu thời kỳ trước đó là họ không chỉ phê phán thực trạng xã hội Việt Nam, phê phán những khuyết điểm của Nho giáo mà còn chỉ ra được đường hướng mang tính khả thi cao để khắc phục những khuyết điểm đó. Đó chính là sự chuyển biến bước đầu mang tính chất bản lề trong tư duy cứu nước của sĩ phu yêu nước Quảng Nam, tạo tiền đề cho sự chuyển biến mạnh mẽ của PTYN và CMQN đầu thế kỷ XX theo khuynh hướng DCTS.

### **2.2.1.2. Hình thành tư tưởng cứu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản**

Giành lại độc lập chủ quyền và xây dựng phát triển đất nước theo con đường văn minh tiến bộ là hai nhiệm vụ cốt lõi mà lịch sử dân tộc đặt ra ở cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. Trước yêu cầu của lịch sử, các sĩ phu yêu nước đất Quảng đã phê phán hệ tư tưởng chính trị Nho giáo để tiếp thu tư tưởng dân chủ dân quyền tư sản. Bằng kinh nghiệm học tập được từ công cuộc duy tân Nhật Bản, Mậu Tuất chính biến (1898), cách mạng Tân Hợi Trung Quốc (1911), các sĩ phu yêu nước Quảng Nam đầu thế kỷ XX bắt đầu xây dựng và hình thành tư tưởng cứu nước theo khuynh hướng DCTS. Từ đó, tư duy cứu nước của sĩ phu đất Quảng thay đổi nhanh chóng, họ cho rằng: *“cái căn cốt để có thể thay đổi vận mệnh đất nước, giành lại độc lập chủ quyền là vấn đề dân chủ, dân quyền”* [78, tr.90]. Do vậy, tư tưởng cứu nước của sĩ phu đất Quảng đầu thế kỷ XX là tập trung chủ yếu vào việc giải quyết yêu cầu đặt ra của lịch sử dân tộc đó là độc lập chủ quyền và văn minh tiến bộ cho dân tộc.

Tư tưởng cứu nước theo khuynh hướng DCTS của sĩ phu yêu nước Quảng Nam đầu thế kỷ XX có thể tổng hợp, khái quát thành những vấn đề như sau:

***\* Giành lại độc lập dân tộc và xây dựng phát triển đất nước giàu mạnh, văn minh là mục tiêu xuyên suốt của phong trào yêu nước và cách mạng Quảng Nam***

Độc lập dân tộc và phát triển đất nước là mục đích thống nhất của các cuộc vận động duy tân kết hợp với cứu nước ở Quảng Nam đầu thế kỷ XX. Đó là điểm thống nhất trong tư tưởng cứu nước của các sĩ phu yêu nước đất Quảng, dù có khác nhau về phương pháp và hình thức nhưng các cuộc vận động yêu nước và cách mạng do sĩ phu yêu nước tiến bộ khởi xướng đều hướng đến mục đích tối thượng là giành lại độc lập dân tộc, xây dựng phát triển đất nước theo con đường văn minh tư bản chủ nghĩa. Đây là một điểm mới về tư tưởng chính trị so với các nhà cải cách cuối thế kỷ XIX.

Từ yêu cầu bảo vệ độc lập chủ quyền quốc gia ở cuối thế kỷ XIX, các nhà canh tân Quảng Nam và Việt Nam như Phạm Phú Thứ, Nguyễn Trường Tộ, Nguyễn Lộ

Trạch đã đề xuất những dự án cải cách toàn diện về kinh tế, quân sự, ngoại giao, văn hóa làm cho nước mạnh, đủ sức chống xâm lược bảo vệ nền độc lập dân tộc. Tuy nhiên, các nhà canh tân cuối thế kỷ XIX chưa đề cập đến triều đình phong kiến, chế độ quân chủ chuyên chế như là đối tượng để duy tân mà họ vẫn đề cao chế độ quân chủ với uy quyền tuyệt đối của nhà vua, vẫn duy trì chế độ quân chủ tập quyền chuyên chế. Do vậy, đó chỉ mới là sự chuyên biến, đổi mới bước đầu trong tư duy cứu nước của các nhà canh tân cuối thế kỷ XIX, chứ họ chưa tiếp cận, đề cập đến vấn đề cách mạng - đó là lật đổ chế độ quân chủ, thiết lập chế độ xã hội mới tiến bộ hơn.

Sang đầu thế kỷ XX, trước yêu cầu mới của lịch sử dân tộc, dưới tác động của xu thế thời đại, tư duy cứu nước của sĩ phu Quảng Nam có sự chuyên biến mạnh mẽ. Họ nhận thấy, cứu nước không chỉ là đánh đuổi kẻ thù để khôi phục lại chủ quyền độc lập mà cứu nước gắn với cứu dân, cứu nước gắn liền với duy tân để giành lại độc lập chủ quyền, xây dựng phát triển đất nước giàu mạnh, văn minh. Từ đó, họ đề xuất và chủ xướng các phong trào vận động duy tân, cải cách; các PTCM rộng lớn và họ đặt trọn niềm tin vào nhân dân - động lực chính của các cuộc vận động cách mạng; họ tin vào người dân với tinh thần yêu nước, quyết tâm cao và có khả năng tự lập thì hoàn toàn có thể đưa đất nước, dân tộc thoát khỏi cảnh nô lệ, vươn lên sánh vai cùng các liệt cường trên thế giới.

Phan Châu Trinh, người có tư tưởng dân chủ sớm nhất ở Việt Nam, đã xác định rõ mục đích trong tư tưởng cứu nước của mình là đánh đổ phong kiến và đưa dân tộc Việt Nam đi theo con đường DCTS. Trong tác phẩm *Pháp - Việt liên hiệp hậu chi tân Việt Nam*, Ông viết: “*Nay đem trong cả nước giả chia làm hai đảng; một là đảng cách mệnh, hai là đảng tự trị. Người khởi phát đảng cách mệnh là Phan Bội Châu, người khởi phát đảng tự trị là Phan Châu Trinh*” [167, tr.66]. Trong phần so sánh sự giống, khác nhau về tính chất, chí khí, cảnh ngộ giữa ông và Phan Bội Châu, ông viết tiếp: “*Nay thử đem trong cả nước giả chia làm hai đảng: một là đảng chủ trương chủ nghĩa bài Pháp độc lập, hai là đảng chủ trương chủ nghĩa cây Pháp tự trị; nhưng tóm lại lúc bấy giờ thật chưa thành hình thức đảng phái*” [166, tr.76].

Căn cứ vào cách so sánh của Phan Châu Trinh trong các đoạn trích trên, chúng ta nhận thấy rõ mục tiêu chính trị trước mắt của ông là dựa vào Pháp để đòi tự trị (Ý Pháp đòi tự trị), thiết lập chế độ tự trị sau đó mới tính đến việc giành độc lập hoàn toàn. Như vậy, Phan Châu Trinh chủ trương giành độc lập bằng 2 giai đoạn: trước tiên là đòi tự trị sau đó hướng đến giành độc lập hoàn toàn. Trong khi, Phan Bội Châu chủ trương “bài Pháp” đánh đuổi Pháp để giành độc lập. Hay nói một cách khác, đánh

đuổi Pháp giành lại độc lập dân tộc là mục tiêu tiên quyết trong chủ trương cứu nước của Phan Bội Châu. Đó chính là điểm khác biệt căn bản về mục tiêu trước mắt và phương pháp đấu tranh giữa hai nhà yêu nước lớn, hai đại diện tiêu biểu nhất của PTYN và CMVN đầu thế kỷ XX.

“Ý Pháp cầu tự trị” là mục tiêu trước mắt trong chủ trương cứu nước của Phan Châu Trinh nhằm tận dụng các điều kiện công khai hợp pháp để vận động cứu nước trong bối cảnh lịch sử lúc bấy giờ. Trong tác phẩm *Tinh quốc hồn ca II*, tác giả tiếp tục khẳng định mục tiêu là đòi tự trị cho dân tộc Việt Nam:

*Chánh tự trị bắt đầu hứa trước,*

*Định hạn kỳ phỏng ước mấy năm,*

*Chủ trương đã có chỉ nam,*

*Trăm điều tự khởi lỗi lầm sai ngoa [165, tr.383].*

Tuy nhiên, đây chỉ là sách lược, mục đích cuối cùng của Phan Chu Trinh là đi đến giành độc lập tự do. Điều này, được thể hiện trong quan điểm của ông vào đầu thế kỷ XX: “*Không cần hô hào đánh Pháp chỉ nên đề xướng dân quyền, dân đã giác ngộ rồi mới mưu tính đến việc khác*”, và được tái khẳng định trong bức thư Phan Châu Trinh gửi Nguyễn Ái Quốc vào năm 1922 [167].

Đối với Huỳnh Thúc Kháng, tư tưởng về quốc gia dân tộc là tư tưởng cơ bản làm nên đường lối cách mạng của ông. Theo Huỳnh Thúc Kháng, quốc gia và dân tộc luôn gắn liền với nhau, quốc gia phải được xây dựng trên nền tảng dân tộc thống nhất cùng với các yếu tố về lãnh thổ chủ quyền, nền văn hiến và được điều chỉnh bởi hệ thống pháp luật tiên tiến. Huỳnh Thúc Kháng quan niệm dân tộc hợp nhất là nền tảng của quốc gia cũng như xây nhà phải có nền móng vững chắc. Ông viết: “... *cái quốc gia ấy phải lấy dân tộc làm nền tảng, dân tộc hợp nhất thì quốc gia mới có chân đứng. Không thể dân tộc rã rời tan tác mà nói quốc gia, cũng như xây nhà lầu trên vạc đất cát sụt, tầng lầu không dựa được vào đâu và không đứng giữa không được*”[149, tr.203].

Theo Huỳnh Thúc Kháng, quốc gia được coi là độc lập thống nhất thì phải có quyền dân tộc tự quyết. Quyền dân tộc tự quyết là yếu tố hàng đầu để khẳng định tính độc lập thống nhất của quốc gia cùng với các yếu tố hợp thành khác như sự cường thịnh, dân khí mạnh, dân trí cao... Ông viết: “... *dân tộc nào mà dân đức hoàn toàn, dân trí khai thông, dân khí mạnh mẽ thì dân tộc ấy có quyền tự quyết, dân tộc nào mà*

*dân đức, dân trí, dân khí không có thì dân tộc phải phải tiêu diệt, lệ chung đó không sao tránh được” [149, tr.208].*

Trên quan điểm đó, Huỳnh Thúc Kháng nhấn mạnh rằng ước muốn có một quốc gia độc lập thống nhất là khát vọng của mọi người dân đất Việt, song muốn khát vọng đó trở thành hiện thực thì phải chấn hưng dân khí, nâng cao dân trí, phát triển dân tộc cường thịnh. Theo Huỳnh Thúc Kháng, tiền hành duy tân làm cho dân tộc cường thịnh là để đòi lại độc lập chủ quyền, thống nhất quốc gia. Đó là sự chuyển biến quan trọng trong tư duy cứu nước của Huỳnh Thúc Kháng, là nội dung chủ đạo trong tư tưởng duy tân của ông.

Cũng trên quan điểm dân tộc là gốc, là nền tảng của quốc gia độc lập thống nhất, cụ Huỳnh chỉ ra dân tộc Việt Nam được cấu thành bởi mấy chục dân tộc anh em cùng sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam, thống nhất về chính trị và có nền văn hiến lâu đời. Vì vậy, để bảo tồn quốc gia thì cần phải chăm lo, vun đắp cho dân tộc, từ đó mới có thể tiến lên giành quyền bình đẳng một cách hoàn toàn: *“Ký giả vẫn nhận thấy cái thuyết bình đẳng cho là tuyệt đối của hạnh phúc nhân loại, song phải trải qua các giai cấp dân tộc, quốc gia mới tiến lên được nên nhất định từ con đường đó mà lần lần bước đi (...) chứ không thể “quên hẳn cái tình thế nước mình được” [149, tr. 204].* Như vậy, Huỳnh Thúc Kháng đã có chuyển biến lớn trong tư duy cứu nước, ông vượt qua bản thân, vượt lên quan niệm “tôn tộc” của Nho giáo để tiến bước dài đến tiếp thu tư tưởng quốc gia thống nhất, dân tộc tự quyết, hướng đến việc giành lại độc lập chủ quyền dân tộc trên cơ sở phát triển dân tộc cường thịnh, xây dựng đất nước mạnh giàu.

Tư tưởng về quốc gia dân tộc là một trong những điểm nổi bật rất đáng chú ý của Trần Quý Cáp. Ông cho rằng muốn giành lại được độc lập dân tộc, đòi lại được tự do cho nhân dân thì một mặt cần phải đấu tranh lật đổ chế độ phong kiến quan liêu, chống lại thực dân đế quốc; mặt khác phải chú trọng đến phát triển dân trí, chấn hưng dân khí và cải thiện dân sinh. Như vậy, trong tư duy cứu nước của Trần Quý Cáp, độc lập dân tộc luôn gắn liền với quốc gia cường thịnh, gắn với tự do văn minh và phú cường của nhân dân. Đó cũng là tư tưởng cốt lõi xuyên suốt của PTDT Quảng Nam và Việt Nam đầu thế kỷ XX.

Bên cạnh đó, với lòng tự hào dân tộc sâu sắc, Trần Quý Cáp luôn muốn khơi dậy tinh thần yêu nước truyền thống, chấn hưng non sông đất nước, thức tỉnh tinh thần nho sĩ ra khỏi nghiệp khoa cử hư danh, cứu dân cứu nước. Ông viết:

*Ai ôi đừng dậy mà trông  
Nước ta một góc Á Đông kém gì  
Trên Lạc Hồng dưới thời Trần Lý  
Kẻ non tâm sĩ khí ai bì [144, tr.267].*

**\* Về mô hình thể chế nhà nước**

Quan niệm về mô hình thể chế nhà nước tương lai là một nội dung trong hệ thống tư tưởng chính trị của sĩ phu đất Quảng đầu thế kỷ XX. Trên cơ sở nhận thấy được sự ưu việt của chủ nghĩa dân trị so với quân trị, dù có khác nhau về quan điểm và phương pháp tiến hành nhưng nhìn chung sĩ phu yêu nước Quảng Nam đầu thế kỷ XX đều chủ trương xóa bỏ chính thể quân chủ xây dựng thể chế dân chủ cộng hòa với vai trò làm chủ của nhân dân.

Đề hướng đến mục tiêu trước mắt là đòi tự trị cho dân tộc Việt Nam, Phan Châu Trinh chủ trương thiết lập chế độ đại nghị với thiết chế trung tâm là nghị viện, đại diện cho quyền lợi, ý chí, nguyện vọng của nhân dân:

*Có viện thay mặt quốc dân,  
Có quan trách nhiệm đại thần phụng công. [165, tr.383].*

Sau này trong *Quân trị và Dân trị chủ nghĩa*, Phan Châu Trinh đã mô tả về một thể chế nhà nước tương lai theo chính thể dân chủ phương Tây với tam quyền phân lập. Cụ thể bao gồm:

Nghị viện (Quốc hội) bao gồm: Hạ viện có quyền lập pháp, do dân bầu ra, công dân từ 21 tuổi trở lên được quyền bầu cử và từ 25 tuổi trở lên được quyền ứng cử. Thượng viện (Viện Nguyên lão) không phải do dân bầu mà do hội đồng ở các tỉnh đề cử và được nhà nước công nhận.

Tổng thống (Giám quốc) - người được bầu ra từ Nghị viện và phải thể trung thành với hiến pháp dân chủ.

Thủ tướng (Nội các Tổng trưởng) đứng đầu cơ quan hành pháp do nghị viện bầu ra và chịu trách nhiệm trước nghị viện, là người thay quyền cho tổng thống để tránh tình trạng lạm dụng, chuyên quyền của tổng thống.

Viện Tư pháp có quyền độc lập với Nghị viện và Quốc vụ viện (Chính phủ), xử án dựa trên luật pháp không phân biệt quan chức chính phủ hay dân thường.

Như vậy, Phan Châu Trinh thể hiện rõ quan điểm về mô hình nhà nước dân chủ lập hiến, toàn bộ hoạt động của chính quyền đều được điều chỉnh bởi hệ thống pháp luật, bị giám sát bởi nhân dân; đồng thời, quyền và nghĩa vụ của nhân dân cũng được pháp luật quy định rõ. Đó chính là mô hình thể chế nhà nước dân chủ pháp quyền tư sản ở các nước phương Tây (Anh, Pháp) trong những thập niên đầu thế kỷ XX.

Cùng quan điểm với Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng và Trần Quý Cáp chủ trương thiết lập mô hình chính thể dân chủ độc lập theo khuynh hướng DCTS phương Tây. Các ông đều đề cao mô hình quản lý xã hội bằng pháp luật, lấy hiến pháp làm công cụ quản lý để hạn chế quân quyền độc tôn. Hiến pháp phải gắn với chủ quyền quốc gia, với độc lập dân tộc, cùng với hệ thống pháp luật tiên tiến đại diện phản ánh nguyện vọng của nhân dân và pháp luật là do nhân dân quy định.

Đối với các sĩ phu theo con đường duy tân bạo động như Nguyễn Thành cùng Phan Bội Châu, Lê Võ, Đặng Tử Kính... đã sáng lập DTH (1904) và phát động PTĐD (1905 - 1909) từ đất Quảng Nam với chủ trương phát huy sức mạnh nội lực, cầu viện Nhật Bản nhằm gây thanh thế để đánh đuổi giặc Pháp khôi phục độc lập chủ quyền dân tộc và thiết lập thể chế quân chủ lập hiến theo mô hình nước Nhật. Đến năm 1912, các sĩ phu yêu nước tiến bộ Quảng Nam đã tán thành chủ trương của VNQPH là thành lập chế độ dân chủ cộng hòa, đó là thể chế tiến bộ và cần thiết : *“Chính thể dân chủ cộng hòa là là một chính thể rất tốt đẹp. Quang phục quân trong khi đánh đuổi giặc Pháp đồng thời cũng xây dựng một nước cộng hòa dân chủ. Quyền bính của nước là của chung toàn dân do nhân dân quyết định. Những dấu vết độc hại của chính thể chuyên chế không còn nữa [78, tr.100].*

VNQPH là sự tiếp nối kế thừa, quy tụ lực lượng của PTĐT, PTĐD, phong trào chống sưu thuế và phát triển lên một bước mới cao hơn. Qua đó, chúng ta có thể nhận thấy sự chuyển biến rõ rệt trong việc xác định mô hình chính thể nhà nước tương lai qua sự chuyển biến trong tư duy cứu nước của các nhân vật tiêu biểu khởi xướng, lãnh đạo PTYN Quảng Nam và Việt Nam đầu thế kỷ XX như Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Phan Bội Châu, Nguyễn Thành... và được thể hiện rõ qua các phong trào đấu tranh yêu nước tiêu biểu từ DTH, PTĐD đến VNQPH và cuộc khởi nghĩa năm 1916 ở Trung Kỳ. Nếu DTH khi mới ra đời với mục đích khôi phục lại nước Việt Nam ngoài ra chưa có chủ nghĩa gì khác, chưa đề cập tới mô hình chính thể nhà nước tương lai thì đến năm 1906, cương lĩnh của Hội đã xác định là khôi phục độc lập và thiết lập nhà nước quân chủ lập hiến theo mô hình của nước Nhật. Và khi

VNQP ra đời (1912) đã xác định rõ: Khôi phục nước Việt Nam thành lập cộng hòa dân chủ Việt Nam và thiết lập chế độ đại nghị tư sản [100]. Suy cho đến cùng, đó là việc thiết lập một thể chế chính trị dân chủ hướng tới xây dựng một mô hình xã hội tương lai mà trong đó nhân dân là chủ và được làm chủ trong thực tế.

Khác với tư tưởng tôn quân quyền của Nho giáo (đề cao vai trò và quyền lực tuyệt đối của nhà vua, nhân dân chỉ là những thần dân được chăn dắt bởi một ông vua), sĩ phu tiến bộ Quảng Nam đầu thế kỷ XX quan niệm rằng “dân là chủ nước, nước là của dân”. Họ quan niệm trong một nước có 3 điều quan trọng là nhân dân, đất đai và chủ quyền; trong đó nhân dân đứng ở vị trí trung tâm. Quan niệm đó, hoàn toàn đối lập với quan niệm của Nho giáo, đó là sự chuyển biến căn bản trong tư tưởng từ quân chủ sang dân chủ, là bước nhảy vọt về chất, là sự thay đổi to lớn hoàn toàn mới mẻ, đi từ thân phận nô lệ của “thần dân” trong chế độ phong kiến đến địa vị của “công dân” làm chủ xã hội trong chế độ dân chủ.

Phan Châu Trinh, người có tư tưởng dân chủ sớm nhất ở Việt Nam, từ thực tế hoạt động yêu nước, qua quá trình thể nghiệm con đường dân chủ bằng việc phát động PTDT, qua những năm tháng bị tù đầy cũng như có thời gian trải nghiệm thực tế trên đất Pháp, tư tưởng dân chủ của Phan Châu Trinh có những chuyển biến lớn, ngày càng sâu sắc và hoàn thiện hơn.

Về vai trò vị trí của nhân dân, Phan Châu Trinh cho rằng dân là gốc, nhân dân vừa là mục tiêu vừa là động lực của dân chủ, dân quyền. Nhân dân là nguồn gốc của mọi quyền lực chính trị, quyền lực chính trị tối cao là ở nơi dân (dân là người đại diện cho ý chí chung) chứ không phải do thần thánh hay thượng đế trao cho. Trong *Thất điều thư*, Phan Châu Trinh đã đưa ra định nghĩa: Nước (Quốc gia) là do hiệp dân lại mà thành, Triều đình (Chính phủ) là những người được ủy quyền cho, phải thuận theo ý muốn của dân mà làm những việc lợi dân, ích nước [167]. Theo đó, Phan Châu Trinh chỉ rõ quyền lực chính trị bắt nguồn từ nhân dân, chính phủ chẳng qua chỉ là người đại diện cho ý chí nguyện vọng của nhân dân, chính phủ có quyền lực là do nhân dân ủy quyền giao cho; do đó, phải thuận theo ý muốn của nhân dân mà phục vụ lợi ích chung.

Phan Châu Trinh chủ trương xây dựng nhà nước dân chủ pháp quyền theo mô hình của nước Pháp. Trong đó, ông nhấn mạnh đến quyền con người (dân quyền) và ông coi đó là cốt lõi trong việc xây dựng một quốc gia văn minh.

Đối với Phan Châu Trinh, mục đích của chế độ dân chủ là dân được làm chủ về

mặt chính trị, được thực hiện các quyền công dân (dân quyền) một cách tự do như tự do hội họp, tự do suy nghĩ, tự do ngôn luận. Đặc điểm nổi bật trong tư tưởng Phan Châu Trinh là dân chủ luôn gắn liền với tự do, mở rộng tự do là để củng cố nền dân chủ. Hay nói cách khác, các quyền tự do cơ bản của công dân được thực hiện đầy đủ là điều kiện để đảm bảo cho một nền dân chủ thực chất, khẳng định vai trò, vị trí trung tâm, quan trọng nhất của nhân dân trong thể chế dân chủ. Phan Châu Trinh chủ trương xây dựng nền dân chủ thực sự đi từ việc đảm bảo các quyền cơ bản nhất của người dân; tức là nền dân chủ được xây dựng từ dưới lên gắn với vai trò vị trí quan trọng nhất của nhân dân. Muốn vậy, theo ông, dân trí phải được khai thông, dân khí phải được chấn hưng, dân sinh phải cường thịnh, dân tộc tự cường. Có như vậy, thì mới đảm bảo đó là nền dân chủ thực chất thay thế cho chế độ quân chủ.

Phan Châu Trinh một mặt đề cao vai trò của dân chủ, dân quyền; khẳng định vai trò vị trí của nhân dân trong chế độ dân chủ thực sự, nhưng ông lại chủ trương dựa vào thực dân Pháp - là đế quốc xâm lược, nô dịch, là kẻ thù của dân tộc Việt Nam để thực hiện các quyền dân chủ. Đó chính là điểm mâu thuẫn cũng là hạn chế lớn nhất trong tư tưởng dân chủ của Phan Châu Trinh. Do vậy, tính khả thi của chủ trương đó là không cao và trên thực tế, thực dân Pháp chưa bao giờ xem Phan Châu Trinh là “đồng minh” và luôn tìm cách tiêu diệt ông, dù ông cho rằng nền dân chủ Pháp là hình mẫu cần hướng đến.

Qua quá trình tham gia hoạt động chính trị và hoạt động cách mạng, tư tưởng về vai trò, vị trí của nhân dân trong tư tưởng của Huỳnh Thúc Kháng ngày càng chuyển biến về chất và dần hoàn thiện. Điều đó, được thể hiện qua các hoạt động của ông trong hai giai đoạn lịch sử khác nhau: giai đoạn phát động, lãnh đạo PTDT và giai đoạn tham gia chính quyền Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sau Cách mạng tháng Tám 1945.

Trong giới hạn của nội dung này, chúng tôi chỉ tập trung phân tích quan điểm tư tưởng về vai trò, vị trí của nhân dân trong tư tưởng Huỳnh Thúc Kháng ở giai đoạn ông là nhà duy tân theo khuynh hướng DCTS đầu thế kỷ XX.

Từ thực tiễn của xã hội Việt Nam, từ sự thấu hiểu nỗi khổ của người dân, Huỳnh Thúc Kháng đã khẳng định vai trò, vị trí, quyền làm chủ của nhân dân trong xã hội hiện tại và tương lai: “... tóm lại toàn cuộc trong thế giới đem hiện tại mà suy nghiệm cái cuộc tương lai thì trên địa cầu này “dân” chính là vị chủ nhân không ai giành được mà không ai cãi được” [149, tr.199]. Và ông tiếp tục khẳng định dân là

trường tồn, dân là vạn đại, điều đó không gì thay đổi được như “*mặt trời mới mọc rồi ra không mây mù gì che đậy cả*” [149].

Ở một khía cạnh khác, Huỳnh Thúc Kháng cho rằng mâu thuẫn giữa người dân lao động mà chủ yếu là nông dân với địa chủ phong kiến và thực dân bắt nguồn từ sự xúi giục từ bên ngoài, từ sự thiếu hiểu biết của người lao động, từ sự đói nghèo. Và do vậy, để giải quyết mâu thuẫn đó nên lấy nhân đạo để đối đãi với nhau, nhân nhượng lẫn nhau, yêu thương nhau. Đây là điểm hạn chế lớn trong tư tưởng của Huỳnh Thúc Kháng, ông chưa thừa nhận những cuộc đấu tranh mang tính dân tộc và giai cấp của quần chúng nhân dân và do vậy chưa nhìn thấy được vai trò và sức mạnh của nhân dân trong các cuộc cách mạng.

Nhìn chung tư tưởng về mô hình chính thể nhà nước tương lai theo quan điểm của sĩ phu yêu nước Quảng Nam đầu thế kỷ XX khá linh hoạt, phong phú, có quá trình chuyển biến từ quân chủ lập hiến đến dân chủ cộng hòa và cuối cùng hướng đến thành lập một chính thể dân chủ cộng hòa trong đó nhân dân là chủ và làm chủ.

Tóm lại, PTYN và CMQN đầu thế kỷ XX (với những đại diện ưu tú như Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp, Nguyễn Thành...), trong những điều kiện lịch sử mới đã có sự chuyển biến căn bản trong tư tưởng chính trị và mục tiêu cứu nước. Trên nền tảng của chủ nghĩa yêu nước truyền thống, dưới sự ảnh hưởng, tiếp thu tư tưởng dân chủ, tư tưởng duy tân, cách mạng Đông - Tây, các sĩ phu yêu nước tiến bộ Quảng Nam đầu thế kỷ XX đã tiến một bước dài trên con đường chuyển biến tư tưởng: từ chủ chiến, ái quốc nhằm khôi phục chủ quyền dân tộc sang cứu nước kết hợp với duy tân, phát triển đất nước mạnh giàu theo khuynh hướng DCTS. Bước khởi đầu cho quá trình chuyển biến đó là sự phê phán hệ tư tưởng phong kiến lạc hậu, lỗi thời, cùng với sự tiếp thu tư tưởng dân chủ phương Tây, tích hợp với những giá trị tinh hoa văn hóa dân tộc để hình thành chủ thuyết dân chủ theo khuynh hướng DCTS phương Tây.

Nội dung chủ yếu của sự chuyển biến tư tưởng thể hiện ở những vấn đề về mục tiêu cứu nước, mô hình thể chế nhà nước, phương pháp cách mạng. Đó là những vấn đề trọng tâm và cấp thiết theo quan điểm của sĩ phu yêu nước Quảng Nam đương thời. Trong đó, khôi phục độc lập chủ quyền quốc gia, duy tân phát triển đất nước mạnh là mục tiêu xuyên suốt, gắn với việc thiết lập thể chế nhà nước dân chủ cộng hòa. Sĩ phu đất Quảng đầu thế kỷ XX chủ trương xây dựng mô hình xã hội dân chủ, tự do, bình đẳng dựa vào sự phát triển toàn diện; trong đó, vai trò của phát triển kinh

tế, văn hóa giáo dục là chủ đạo. Xã hội lí tưởng tương lai theo quan niệm của họ có sự khác biệt lớn so với xã hội thuộc địa nửa phong kiến đương thời, trong đó, nhân dân có vị trí là người làm chủ xã hội và vai trò trung tâm, quan trọng nhất, nhân dân vừa là mục tiêu vừa là động lực trong quá trình phát triển xã hội theo hướng văn minh. Xã hội tương lai sẽ là một xã hội mang giá trị nhân văn cao cả, được tích hợp bởi những giá trị tốt đẹp trong truyền thống văn hóa dân tộc với các giá trị trong luân lí, đạo đức Đông - Tây và được duy trì, điều chỉnh bởi pháp luật tiên tiến cùng nền dân đức phát triển cao.

Chuyển biến tư tưởng giải phóng dân tộc theo khuynh hướng DCTS ở Quảng Nam đầu thế kỷ XX diễn ra trong sự kết hợp những yếu tố bên trong, bên ngoài, chủ quan và khách quan, là nền tảng cơ bản để tạo ra những chuyển biến trong cơ cấu tổ chức và phương thức hoạt động thực tiễn.

### **2.2.2. Chuyển biến về cơ cấu tổ chức lãnh đạo phong trào**

Cơ cấu tổ chức lãnh đạo là một nội dung quan trọng thể hiện sự chuyển biến của phong trào DTDC ở Việt Nam nói chung, Quảng Nam nói riêng. Trong chiều sâu của phong trào, xét trên phương diện con người, cũng như các tổ chức mà họ hợp thành thì đó là một quá trình liên tục, nhờ vậy mà nó không ngừng được củng cố, mở rộng, dù có lúc mạnh, lúc yếu, có lúc gần như phải nằm im [49].

#### **2.2.2.1. Từ Nghĩa hội Quảng Nam đến Duy Tân Hội**

Quảng Nam là đất “tả trực” của kinh đô Huế, là địa bàn chiến lược trọng yếu của phe chủ chiến trong công cuộc chuẩn bị đánh Pháp. Theo lệnh của phe chủ chiến do Tôn Thất thuyết đứng đầu, các sĩ phu yêu nước Quảng Nam đã thành lập Nghĩa hội Quảng Nam (NHQN) do Trần Văn Dư làm Hội trưởng, Nguyễn Duy Hiệu làm Hội phó, nhằm tập hợp những người yêu nước trên đất Quảng; đồng thời, chuẩn bị về mọi mặt để đánh Pháp giành lại độc lập. NHQN được tổ chức từ tỉnh xuống phủ huyện. Sau khi được cử làm Chánh sơn phòng sứ (1884), Trần Văn Dư đã đề nghị triều đình cho tu sửa, củng cố sơn phòng Quảng Nam (Dương Hòa, Thăng Bình, Quảng Nam) nhằm xây dựng sơn phòng Quảng Nam thành trung tâm chỉ huy thứ hai sau Tân Sở, tạo thế liên hoàn, tăng cường thế và lực cho các tỉnh “tả trực kỳ”.

Ngay sau khi dụ Cần Vương được ban bố (13/7/1885), phát huy truyền thống quyết chiến, đi đầu chống Pháp, nhân dân Quảng Nam - Đà Nẵng đã nhất tề đứng lên ứng nghĩa. NHQN do Tiến sĩ Trần Văn Dư làm hội chủ, đã phát hịch kêu gọi nhân dân toàn tỉnh đứng lên chống Pháp. Lời dụ của Hàm Nghi cùng hịch của văn thân

Quảng Nam đã hiệu triệu toàn dân trong tỉnh đứng lên ứng nghĩa, tập hợp dưới ngọn cờ Cần Vương, nguyện đem hết sức lực để diệt thù cứu nước. Khắp nơi trong tỉnh, các quan lại có tinh thần kháng Pháp, các nhà khoa bảng, cả võ cử, âm sinh, cũng đứng ra mộ quân, tập hợp lực lượng chống Pháp. Không khí “ứng nghĩa Cần Vương” ấy được Huỳnh Thúc Kháng miêu tả: “*Nghĩa hội lâm tập, quân hịch phong tri*” (Nghĩa hội mọc lên như rừng rậm, quân hịch truyền khắp như gió bay) [54].

Lực lượng tham gia Nghĩa hội gồm đủ các thành phần từ giới chức sắc cho đến muôn dân. Theo ghi nhận của bài thơ dân gian *Đại loạn năm Ất Dậu* (khuyết danh), thì Nghĩa hội đã tập hợp được mọi thành phần dân chúng từ tỉnh thành đến thôn xóm (cử nhân, tú tài, tán dương, tán lí, võ sanh, võ cử, đốc chiến, đốc binh... chánh tổng, phó tổng, thiên hộ, bá hộ... trùm làng, trùm khoán... tráng sĩ, tráng dân...), phản ánh khí thế hào hùng, tinh thần và thái độ yêu nước của các tầng lớp nhân dân Quảng Nam trong cuộc kháng chiến chống Pháp ở nửa cuối thế kỷ XIX. Tác giả Charles Fourniau, trong tác phẩm *Annam - Tonkin (1885 - 1896)* đã đưa ra nhận xét: “*Tất cả dân binh trong làng đều trở thành nghĩa quân chiến đấu dưới ngọn cờ của vua Hàm Nghi. Làng nào cũng vậy, họ tập hợp lại, tất cả cùng quyết tâm vì mục đích giúp vua chống xâm lược*” [189, tr.46]. Điều đó, chứng tỏ Nghĩa hội đã thực sự trở thành trung tâm tập hợp, đoàn kết các lực lượng yêu nước Quảng Nam chống Pháp vì độc lập dân tộc, là sự thể hiện tập trung của tư tưởng chủ chiến, ái quốc của người dân xứ Quảng trong cuộc kháng chiến chống xâm lược Pháp để đòi lại độc lập trong khuôn khổ chế độ phong kiến ở nửa cuối thế kỷ XIX.

Sau khi đánh chiếm tỉnh thành và các phủ huyện, NHQN chuyển sang làm chức năng của chính quyền kháng chiến. Nguyễn Duy Hiệu làm Tổng đốc, Huỳnh Bá Chánh giữ chức Bố chánh, Phan Bá Phiến là Án sát,... các Tú tài như Trần Đình giữ chức Tán tương quân vụ... Âm sinh Nguyễn Hàm lúc đó mới 18 tuổi cũng đứng ra mộ được hơn trăm nghĩa binh, tổ chức một cánh quân ứng nghĩa, được giao giữ chức Tán tương quân vụ kiêm Thương biện tỉnh vụ. Hoàng giáp Phạm Như Xương được mời tham gia Nghĩa hội và là người khởi thảo bản Hịch văn thân Quảng Nam.

Với hệ thống tổ chức như trên, NHQN được tổ chức theo mô hình của một chính quyền phong kiến cấp tỉnh. Bên dưới, các địa phương đều có tổ chức chính quyền do các Chánh huyện hội đứng đầu, nghĩa quân đặt dưới quyền của các Tán lí quân vụ. Thành phần lãnh đạo hầu hết là văn thân, sĩ phu, quan lại triều đình có tinh thần chủ chiến và một số thân hào, số lượng lên đến vài trăm người. Khác với các tỉnh Nam Trung Kỳ, phần lớn văn thân, sĩ phu tham gia lãnh đạo phong trào là tầng lớp

dưới, không đỗ đạt cao, từ cử nhân trở xuống; ở Quảng Nam, lãnh đạo phong trào quy tụ những người có học vị, đỗ đạt cao, có tiếng tăm trong xã hội như Tiến sĩ Trần Văn Dư, Phó bảng Nguyễn Duy Hiệu, Hoàng giáp Phạm Như Xương...

Phong trào NHQN từ chỗ làm chủ ở từng địa phương đã phát triển rộng khắp, tiến lên đánh chiếm tỉnh thành La Qua, Sơn phòng Dương Yên, làm chủ tỉnh thể của cả tỉnh Quảng Nam và lập Tân tỉnh. Sơn phòng Dương Yên không ngừng được củng cố với hệ thống phòng thủ khá kiên cố; Trung Lộ với vị trí chiến lược xung yếu, địa thế hiểm trở, đất đai màu mỡ được chọn xây dựng thành Tân tỉnh, nơi đặt trung tâm đầu não kháng chiến của Nghĩa hội. Tân tỉnh không chỉ là nơi đặt trung tâm đầu não kháng chiến mà còn là trung tâm hành chính với đầy đủ thiết chế của một bộ máy công quyền (tổ chức gồm đủ 6 bộ, nha, thư, trại, nhà và đền Văn Thánh) để điều hành mọi hoạt động của NHQN. Trong *Văn tế Nguyễn Duy Hiệu*, chỉ rõ chính quyền Tân tỉnh được tổ chức hết sức quy củ và chặt chẽ:

*“Lối tổ chức rất nên qui củ, có hệ thống quân giai;*

*Việc điều hành rất đổi nghiêm minh, có cơ quan hành chính”* [54].

Đây là chính quyền kháng chiến cấp tỉnh duy nhất thành lập, có tổ chức quy củ và khá hoàn chỉnh, tồn tại có hiệu lực song song với chính quyền trung ương trong cuộc kháng chiến chống Pháp ở cuối thế kỷ XIX. Điều đó, chứng minh cho ý chí, quyết tâm kháng chiến đến cùng vì độc lập tự do của người dân xứ Quảng. Chính vì vậy, Khâm sứ Trung Kỳ Baille đã nhận xét: Hiệu là “vua thứ hai”, là người đã xây dựng Quảng Nam “thành một vương quyền thật sự” đối lập với chính quyền phong kiến thực dân.

Nghĩa quân còn phối hợp với nghĩa quân Cần vương Quảng Ngãi, Bình Định đánh chiếm huyện lỵ Bình Sơn, giết chết lãnh binh Nguyễn Tiến Quý, tấn công nha sơn phòng Quảng Ngãi khiến quân Pháp và chính quyền Nam triều hết sức hoang mang. Theo Phan Bội Châu, trong tác phẩm *Việt Nam vong quốc sử* thì địa bàn hoạt động của NHQN là toàn vùng “tả trực kỳ” bao gồm ba tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi và Bình Định, quy tụ lực lượng lãnh đạo lên đến vài trăm người, đa số là những người có danh vọng, tiếng tăm. “*Bấy giờ, Nghĩa hội Quảng Nam ở ba tỉnh, không dưới vài trăm người, đều là người có tên tuổi*” (tam tỉnh Nghĩa hội, quân dữ ngã thực chủ chi ... Thời Quảng Nam tam tỉnh Nghĩa hội, bất hạ số bách nhơn, thử kỳ hữu danh giả...) [54, tr.51-52]. Chính lời tâm sự của Nguyễn Duy Hiệu với Phan Bá Phiến trong tình thế nguy cấp, đã chỉ rõ NHQN là trung tâm điều hành và có địa bàn hoạt động gồm cả

ba tỉnh vùng “tả trực kỳ”: “Nghĩa hội ba tỉnh ông với tôi thật chủ trương. Việc đã không thể làm thì chỉ có thể chết mà thôi....” [145]. Qua đó, chúng ta có thể nhận định rằng, NHQN là một tổ chức yêu nước với mục đích đánh Pháp giành lại độc lập trong khuôn khổ chế độ phong kiến, có địa bàn hoạt động rộng bao gồm ba tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi và Bình Định, là tổ chức tiêu biểu của phong trào Cần Vương của vùng “tả trực kỳ”.

Phong trào Cần Vương Quảng Nam tuy chỉ tồn tại trong 2 năm (9/1885 - 9/1887) nhưng đã có những thành tựu đáng kể: là nơi đặt trung tâm chỉ đạo phong trào kháng chiến ở các tỉnh Nam Trung Kỳ, thành lập được chính quyền kháng chiến cấp tỉnh. Nghĩa hội đã có lúc làm chủ được toàn tỉnh, bao vây cô lập tỉnh thành La Qua, cảng Đà Nẵng và các thị trấn, huyện lỵ khiến cho chính quyền tay sai đã không ít lần phải cầu cứu triều đình và thực dân Pháp ở Huế, đồng thời, đẩy thực dân Pháp vào tình trạng gặp không ít khó khăn, tổn thất mới bình định được.

Dù sớm thất bại nhưng Nghĩa hội đã thực sự trở thành nơi “tụ nghĩa”, thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân và văn thân tham gia, có phạm vi hoạt động rộng khắp trong tỉnh và có sự liên kết một cách chủ động với Quảng Ngãi, Bình Định để tạo thành địa bàn “tam tỉnh nghĩa hội”; có tổ chức quy củ, chiến đấu với tinh thần quyết chiến, tạo ra tiền đề cho PTYN đầu thế kỷ XX như mong mỏi của Nguyễn Duy Hiệu: “*Còn đảng ta sau này có kẻ làm thành chí ta, tức là ta sống đó*” [54, tr.152].

Do hạn chế về khách quan và cả chủ quan, phong trào NHQN dần đi đến tan rã vào tháng 9/1887 sau 2 năm hoạt động. Tuy thất bại, nhưng từ trong phong trào đã đào luyện được những hạt nhân, ươm mầm cho các PTYN ở Quảng Nam vào đầu thế kỷ XX.

Đầu thế kỷ XX, trong khi ở phía Bắc Hoàng Hoa Thám vẫn duy trì cuộc chiến đấu trong vô vọng, Thanh Nghệ Tĩnh chưa đủ thời gian để phục hồi lực lượng sau thất bại của Phan Đình Phùng; thì ở Nam - Ngãi có gần 10 năm để tiềm dưỡng lực lượng kể từ sau thất bại của phong trào Nghĩa Hội (9/1887). Hơn thế nữa, “tinh thần nghĩa hội” trong các tầng lớp nhân dân vốn là các nghĩa binh vẫn còn được nuôi dưỡng. Đặc biệt, vẫn còn đó những nhân vật quan trọng của nghĩa hội năm xưa như Tiểu La Nguyễn Thành, Đỗ Đăng Tuyên, Châu Thượng Văn... vẫn âm thầm chuẩn bị phương lược, tập hợp lực lượng, nung nấu ý chí cho ngày quật khởi. Chính trong điều kiện lịch sử đó đó, mà Quảng Nam nghiêm nhiên trở thành nơi khởi phát của khuynh hướng cách mạng mới đầu thế kỷ XX - khuynh hướng cách mạng DCTS, là đại bản

doanh của cả hai xu hướng “bạo động” và “cải cách”.

Chính trên vùng đất Quảng Nam này, một số sĩ phu yêu nước tiên bộ như Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp... những người đã chứng kiến phong trào Cần Vương, khởi xướng PTDT với chủ trương “khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh”, kết hợp cứu nước với duy tân, phát triển đất nước theo con đường văn minh tư sản, theo hình mẫu của các nước phương Tây tiên tiến. Để thực hiện mục tiêu đó, các lãnh tụ của PTDT đã tổ chức rất nhiều hình thức tổ chức hội để tập hợp quần chúng và thực hành duy tân cải cách như hội nông, hội thương, hội học, hội trồng quế, hội nuôi tằm - dệt vải, diễn thuyết hội, tài trợ hội (hội trồng cây), hội cắt tóc ngắn, hội mặc đồ Tây... PTDT (1903 - 1908) phát khởi từ đất Quảng Nam, lan rộng ra toàn quốc, tạo thành một cuộc vận động cải cách dân chủ rộng lớn trên phạm vi cả nước ở đầu thế kỷ XX.

Cũng vào đầu thế kỷ XX, trên mảnh đất Quảng Nam, các sĩ phu đã từng tham gia phong trào Cần Vương như Nguyễn Thành, Đỗ Đăng Tuyển, Lê Vĩnh Huy, Châu Thượng Văn... cùng với những sĩ phu yêu nước tiên bộ Trung Kỳ như Phan Bội Châu, Đặng Thái Thân... thành lập tổ chức cứu nước mới – sau này gọi là Duy Tân Hội (DTH).

DTH ra đời năm 1904, tại Thăng Bình, Quảng Nam do Nguyễn Thành, Phan Bội Châu cùng 20 đồng chí khác đồng sáng lập và đề cử Cường Để làm Hội trưởng. Những hội viên trọng yếu: Phan Bội Châu, Nguyễn Thành, Lê Võ, Đặng Thái Thân, Đặng Tử Kính, Trình Hiền; ban đầu Hội chưa đề ra thể chế chính trị, mục đích chính của Hội là đánh Pháp giành độc lập dân tộc. Nhiệm vụ trước mắt của Hội bao gồm: phát triển thế lực của hội cả về người và tài chính, xúc tiến việc chuẩn bị cho bạo động và các công việc sau đó, chuẩn bị xuất dương cầu viện và phương thức cầu viện [100].

Để thực hiện các nhiệm vụ trọng yếu trên, DTH tiến hành phân công trách nhiệm cụ thể cho từng nhóm thành viên. Theo đó, nhiệm vụ mở rộng thế lực của hội, phát triển hội viên, tích góp tài chính và chuẩn bị cho bạo động vũ trang được giao cho Trình Hiền, Lê Võ và Đặng Tử Kính đảm nhiệm. Còn nhiệm vụ hết sức quan trọng và phải tuyệt đối bí mật là xác định phương châm và thủ đoạn xuất dương cầu viện thì giao cho Phan Bội Châu và Nguyễn Thành định liệu.

Đầu năm 1905, Phan Bội Châu, Đặng Tử Kính và Tăng Bạt Hổ lên đường sang Nhật. Theo sự phân công của tổ chức, các ông lo công việc “cầu viện” ở nước ngoài,

còn Nguyễn Thành và Đặng Thái Thân thì điều hành DTH trong nước. Chuyển ra nước ngoài đầu tiên đã giúp Phan Bội Châu mở rộng tầm mắt, ông nhận ra, muốn cứu nước không chỉ bằng con đường bạo động thuần túy mà phải kết hợp với duy tân, chấn hưng kinh tế, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài, xuất bản sách báo, nâng cao lòng yêu nước căm thù giặc trong nhân dân. Từ đó, Phan Bội Châu chuyển từ tư tưởng “cầu viện” sang “cầu học” và phát động phong trào Đông Du (PTĐĐ). Mục đích của Hội được điều chỉnh, bổ sung với chủ trương kết hợp cứu nước với duy tân nhằm giành lại độc lập chủ quyền, đưa đất nước phát triển lên con đường văn minh tư sản tiên bộ. Mục đích này được thể hiện trong Cương lĩnh của Hội do Phan Bội Châu soạn thảo vào năm 1906.

Sự thành lập tổ chức DTH đánh dấu sự chuyển biến về mặt tư tưởng, tổ chức và biện pháp đấu tranh của PTYN chống Pháp ở Việt Nam nói chung, Quảng Nam nói riêng trong những năm đầu thế kỷ XX, do các sĩ phu yêu nước tiên bộ lãnh đạo. Tổ chức này đã có hệ thống những tiểu ban hoạt động, những trách nhiệm được phân công, mối quan hệ thống nhất giữa bộ phận lãnh đạo với cơ sở quần chúng yêu nước được xác lập, thể hiện một bước tiến mới so với cách tổ chức của Nghĩa hội trước đó.

#### **2.2.2.2. Quá trình cải tổ Duy Tân Hội và thành lập Việt Nam Quang phục Hội**

Chủ trương cầu viện quân sự bị khước từ đã giúp Phan Bội Châu và các đồng chí của ông nhận ra rằng nước ngoài dù có đồng văn, đồng chủng cũng không thể đem quân của họ để giải phóng cho nước ta được và nếu họ có làm thì cũng vì một âm mưu nào đó, thậm chí sẽ mang theo mối họa cho một nước khác. Từ đó, Phan Bội Châu chuyển hướng tư tưởng, chú trọng vào việc xây dựng thực lực cho cách mạng và theo ông chỉ có thể dựa vào thực lực của chính mình mới có thể mưu đồ công cuộc giải phóng cho mình.

Tháng 6/1905, Phan Bội Châu cùng Đặng Tử Kính trở về nước phối hợp cùng các hội viên DTH nhằm đẩy mạnh cuộc vận động xuất dương cầu học và thành lập các hội Học, hội Thương, hội Nông, đẩy mạnh công tác kinh tài. Đất Quảng là nơi khởi phát và là bản doanh của DTH và PTĐT, sự kết hợp khéo léo giữa DTH và PTĐT đã hình thành nên hàng loạt tổ chức kinh tế, xã hội mang tính quần chúng nhằm thực hiện yêu cầu nhiệm vụ giải phóng dân tộc. Sự ra đời của các tổ chức kinh tế, xã hội mang tính quần chúng ở Quảng Nam vào đầu thế kỷ XX không chỉ thể hiện sự chuyển biến về tổ chức mà còn đánh dấu bước tiến mới trong tư tưởng cứu nước, là

bước chuyển biến lớn về phương thức đấu tranh: từ lấy vũ trang, bí mật làm phương thức đấu tranh chủ yếu ở cuối thế kỷ XIX sang kết hợp bạo động vũ trang với vận động cải cách; kết hợp hoạt động kinh tế, văn hóa công khai với chính trị bí mật.

PTĐĐ (1905 - 1909) diễn ra sôi nổi trên phạm vi cả nước và Nam Kỳ là nơi có số du học sinh đông nhất, song Quảng Nam là một địa bàn quan trọng. Trên thực tế, việc tổ chức vận động thanh niên đi du học, việc vận động kinh phí gửi sang Nhật như cuộc gặp gỡ giữa người giúp việc của Tiểu La với Trần Nhật Thị ở Nam Kỳ, việc tổ chức thương cuộc Hội An, hay các hoạt động dưới hình thức trò chơi như đá gà, đua ngựa... ở Nam Thanh sơn trang nhằm trao đổi liên lạc giữa các sĩ phu và vận động tài chính cho thấy rằng Quảng Nam là một trong những địa bàn chiến lược của PTĐĐ cả nước.

Năm 1908, phong trào chống sưu thuế bùng nổ tại Quảng Nam rồi nhanh chóng lan ra các tỉnh miền Trung, thực dân Pháp đàn áp dã man phong trào khiến các chiến sĩ yêu nước kẻ bị tử hình, người bị cầm tù, Nguyễn Thành bị bắt và đày đi Côn Đảo. Sau khi Nguyễn Thành bị bắt, lưu học sinh trên đất Nhật cũng lao đao, một phần thiếu kinh phí hoạt động, một phần Pháp - Nhật cấu kết nhau trục xuất du học sinh Việt Nam, Phan Bội Châu buộc phải rời đất Nhật, PTĐĐ kết thúc (1909).

Sau khi PTĐĐ (1905 - 1909) tan rã, phần lớn lưu học sinh Việt Nam ở Nhật đã về nước. Con đường đào tạo nhân tài, cũng cố tổ chức ở Nhật Bản đã khép lại với Phan Bội Châu. Bị buộc phải rời khỏi đất Nhật, Phan Bội Châu cùng một số đồng chí trở lại Trung Quốc, rồi sang Xiêm ẩn náu, nuôi dưỡng phong trào và đợi thời phục quốc. Tháng 10/1911, cách mạng Trung Quốc thành công đã đem đến cho Phan Bội Châu và các đồng chí của ông niềm tin mới, họ đều hướng tới Trung Hoa Dân quốc, họ xem đây là cơ hội tốt cho CMVN. Vì vậy, ông cùng các đồng chí của mình quay trở lại Trung Quốc tiếp tục cuộc vận động cứu nước. Trong *Niên biểu*, Phan Bội Châu viết:

*Tôi nghĩ Đảng cách mệnh Trung Hoa thành công thì chính phủ bấy giờ không phải là chính phủ thối nát như trước; nước Trung Hoa tất nhiên hùng cường không kém gì Nhật Bản, nếu hai nước Trung - Nhật đều dốc toàn lực để tiêu diệt bọn xâm lược Âu Châu thì không những Việt Nam ta mà cả Ấn Độ, Phi Luật Tân cũng đồng thời độc lập [100, tr.175].*

Tháng 6/1912, trong “Đại hội nghị” với sự góp mặt nhiều đại biểu, DTH đã quyết định cải tổ tổ chức này và thành lập VNQPH. Tôn chỉ duy nhất của Hội là

“Đánh đuổi giặc Pháp, khôi phục nước Việt Nam, thành lập nước cộng hòa dân quốc Việt Nam” [100], [119]. Cường Để được bầu làm Hội trưởng, Phan Bội Châu làm Tổng lý.

Về tổ chức, VNQPH chia làm ba bộ phận trọng yếu: *Bộ Tổng vụ* do Cường Để kiêm nhiệm làm Bộ trưởng và Phan Bội Châu làm Phó Bộ trưởng. *Bộ Bình nghị* gồm đủ đại biểu của cả 3 kỳ, mỗi kỳ cử một người có tuổi, có học thức và danh vọng sung vào (Bắc Kỳ: Nguyễn Thượng Hiền, Trung Kỳ: Phan Bội Châu, Nam Kỳ: Nguyễn Thần Hiến). *Ban Chấp hành* có 10 ủy viên đặc trách về Quân vụ, Kinh tế, Giao tế, Văn thư, Thứ vụ. Ngoài ra, Hội còn cử 3 ủy viên về nước đảm nhiệm công tác vận động, tuyên truyền (Bắc Kỳ: Đặng Xung Hồng, Trung Kỳ: Lâm Quán Trung, Nam Kỳ: Đặng Bình Thành) [100].

Với chủ trương dùng bạo động vũ trang để đánh đuổi giặc Pháp, VNQPH tổ chức ra Quang phục Quân gồm nhiều loại binh chủng như bộ binh, pháo binh, có Bộ Tổng Tư lệnh, Tổng Tham mưu... Quân lính được biên chế thành Ngũ, Thập, Cai, Đội, Cơ vệ, Doanh, Trấn, Quận.

Sau khi thành lập, tháng 8/1912, theo chủ trương của Tổng hội, Lâm Quán Trung đã bí mật trở về Trung Kỳ để xây dựng hệ thống tổ chức, phát triển lực lượng và gây quỹ tài chính cho Hội. Ông đã bắt liên lạc với các sĩ phu yêu nước đã từng tham gia PTYN đầu thế kỷ XX để xúc tiến thành lập Kỳ bộ VNQPH Trung Kỳ, thu hút đông đảo các sĩ phu yêu nước tiến bộ như Lê Ngung, Nguyễn Sụy, Thái Phiên, Trần Cao Vân, Lê Đình Dương, Phan Thành Tài, Đoàn Bông, Phạm Cao Châm... trong đó, Thái Phiên, Trần Cao Vân, Lê Ngung, Nguyễn Sụy giữ vai trò lãnh đạo Kỳ bộ Trung Kỳ. PTYN Quảng Nam đặt trong phạm vi ảnh hưởng của tổ chức này. Sự kiện đó, đánh dấu một bước tiến mới về mặt tư tưởng và tổ chức của PTYN Quảng Nam.

Như vậy, từ NHQN (1885) đến DTH (1904) và VNQPH (1912) là quá trình chuyển biến về chất trong cơ cấu tổ chức lãnh đạo PTYN & CM Quảng Nam theo xu hướng “bạo động”. NHQN dù tổ chức khá qui củ nhưng xét về bản chất thì đó cũng chỉ là một tổ chức hội kín, chưa có cương lĩnh, chủ trương gì mới. Mục đích và hoạt động của Hội hoàn toàn bị chi phối bởi tư tưởng “trung quân” và được hợp thành bởi những người mang nặng tư tưởng Nho giáo, với mục đích duy nhất là “phò vua, cứu nước”. DTH ra đời năm 1904, dù tiền thân của nó là các dư đảng Cần Vương, được hợp thành bởi những người đã từng tham gia phong trào chống Pháp ở cuối thế kỷ

XIX dưới ngọn cờ Cần Vương nhưng nay đã có sự chuyển biến lớn trong tư duy cứu nước, họ đã trở thành những sĩ phu tư sản hóa với hy vọng tiếp tục chiến đấu cho độc lập tự do của đất nước một cách có hiệu quả hơn, trong một tổ chức mới mang tính cách mạng, dưới ngọn cờ tư sản.

Nếu như mục đích ban đầu của DTH là “*cốt sao khôi phục được nước Việt Nam, thành lập ra một chính phủ độc lập, ngoài ra chưa có chủ trương gì khác*” [100], [119], tức chỉ là một nhóm, có tính chất cá nhân thì đến đầu năm 1906, đã đề ra cương lĩnh rõ ràng: “*khôi phục nước Việt Nam, thành lập nước quân chủ lập hiến*” [100], [119]. Đó không chỉ là bước tiến dài trong tư tưởng và mục tiêu cứu nước của DTH mà còn là sự chuyển biến lớn trong tổ chức để tiến gần hơn đến một đảng chính trị theo đúng nghĩa của từ này.

DTH tuy tổ chức còn lỏng lẻo, nhưng với việc xác định những nhiệm vụ quan trọng trước mắt, gắn với những trách nhiệm đã được phân công cụ thể (Nguyễn Thành, Đặng Thái Thân chịu trách nhiệm chính cho việc xây dựng thực lực của Hội cả về con người và tài chính ở trong nước; còn Phan Bội Châu, Đặng Tử Kính và Tăng Bạt Hổ lo việc “cầu viện”, xây dựng thế lực của Hội ở nước ngoài), cùng với đó đã hình thành hệ thống những tiểu ban hoạt động một cách có tổ chức (hội tuyên truyền, hội nông, hội thương, hội học...) và như vậy, tất yếu đã tạo ra những mối liên hệ được đảm bảo và có tính tổ chức trong sự điều hành chung của DTH. Hơn thế nữa, với việc phát động PTĐĐ (1905 - 1909) cùng với đó là sự ra đời của các tổ chức hỗ trợ như Việt Nam công hiến Hội<sup>(1)</sup>, Đông Á đồng minh Hội<sup>(2)</sup>, Hội Điền - Quê - Việt liên minh<sup>(3)</sup> nhằm thực hiện ý đồ đào tạo nhân tài, thức tỉnh dân tộc, chấn hưng đất nước, đoàn kết dân tộc và liên kết quốc tế đã tạo ra những mối liên hệ rộng rãi của DTH ở ngoài nước. Nghiên cứu về cấu trúc của DTH, G. Boudarel đã nhận xét:

*Dù tổ chức này có lỏng lẻo đến đâu, rõ ràng nó vẫn gắn liền những điều sau này sẽ diễn ra hơn tất cả những điều từ trước đến đây đã làm cho đến năm 1900, phong trào dân tộc ở Việt Nam không có một cơ cấu hữu cơ nào hết, tất cả đều dựa trên những mối liên hệ trung thuận, vấn đề từ*

---

<sup>(1)</sup> Gồm 4 bộ lớn: Bộ kinh tế chuyên lo thu chi; Bộ kỹ luật: phục trách thi đua, khen thưởng, kỷ luật; Bộ Giao tế: phụ trách quan hệ giao thiệp; Bộ Văn thư: lo công tác văn thư, lưu trữ.

<sup>(2)</sup> Nhằm thực hiện ý đồ liên kết toàn Châu Á, đoàn kết các chí sĩ lưu vong của Trung Quốc, Triều Tiên, Ấn Độ, Philippin cùng sống ở Nhật Bản để bàn định kế hoạch hợp tác cứu nước.

<sup>(3)</sup> Thành lập theo sáng kiến của Phan Bội Châu, thu hút tất cả học sinh người Quê Châu, Vân Nam (Trung Quốc) và các nhà hoạt động cách mạng của Việt Nam nhằm giúp đỡ giải phóng đất nước khỏi ách thống trị và sự ràng buộc của đế quốc.

*nay sẽ khác. Bởi vì đã có một hệ thống những tiểu ban hoạt động, những trách nhiệm được phân công; những liên hệ được đảm bảo, đã có mối liên hệ rộng rãi, chú ý đào tạo nhân tài, đoàn kết toàn dân, giành độc lập, mang lại lợi ích cho mọi người; không phục vụ cho lợi ích của một riêng ai hoặc cho một ông vua nào, lý tưởng – hệ tư tưởng chung của Hội là dân chủ [49, tr.64].*

Với việc phát động PTĐD, đã đánh dấu mốc quan trọng trong quá trình chuyển biến về tư tưởng và cơ cấu tổ chức của PTYN và CMQN và Việt Nam đầu thế kỷ XX. Có thể nói rằng, Phan Bội Châu và những người yêu nước đất Quảng theo xu hướng “bạo động” là những người đầu tiên biết nhìn ra biển lớn, tư tưởng cứu nước của họ không còn bị bó hẹp trong phạm vi trong nước như các thế hệ trước đây mà họ đã phóng tầm nhìn ra nước ngoài, hướng ra bên ngoài để vận động, xây dựng, tổ chức lực lượng cứu nước.

Những hoạt động của PTĐD với sự ra đời và hoạt động khá sôi nổi của các tổ chức hỗ trợ ở trong và ngoài nước là một bước tiến dài về cơ cấu tổ chức của PTYN và CMQN và Việt Nam đầu thế kỷ XX; là sự kết hợp xây dựng, tổ chức, tập hợp lực lượng yêu nước, đào tạo, bố trí những con người đứng đầu các mắt xích quan trọng trong hệ thống tổ chức của DTH.

Đến VNQPH (1912) với tôn chỉ “*Đánh đuổi giặc Pháp, khôi phục nước Việt Nam, thành lập nước cộng hòa dân quốc Việt Nam*” [100], [119]; cùng với hệ thống tổ chức quy củ, chặt chẽ từ nước ngoài cho đến trong nước cho chúng ta thấy rằng tổ chức do Phan Bội Châu sáng lập trên nền tảng của DTH đã tiến tới gần một chính đảng cách mạng thực sự. Quảng Nam là một địa bàn quan trọng trong hệ thống tổ chức đó.

Dù cách mạng Việt Nam đang rơi vào giai đoạn thoái trào sau vụ “Trung Kỳ dân biến” 1908, nhưng sự ra đời của VNQPH đã làm nhen nhóm lại PTYN và CM trong nước. Tại Nam Trung Kỳ, cơ sở cách mạng vẫn còn giữ được ở một số nơi, đặc biệt là ở Nam - Ngãi: Trong suốt những năm 1909 - 1912, cơ sở cách mạng ở Nam - Ngãi vẫn còn một số yếu nhân của phong trào vẫn ngấm ngầm xây dựng lại cơ sở, bí mật thư từ và liên lạc với bên ngoài. Hầu hết các sĩ phu trong PTĐD, PTDT, chống thuế chưa bị sa vào tay giặc đều tập trung xung quanh Thái Phiên và Lê Ngung để hoạt động [97]. Hoạt động của Thái Phiên và Lê Ngung ở Nam - Ngãi đã tạo điều kiện để chương trình và tuyên ngôn của Hội từ bên ngoài truyền về nước và thâm

nhập vào phong trào quần chúng, các cơ sở cách mạng từng bước được gây dựng lại, nhất là khi các chiến sĩ trong PTDT được Pháp trả tự do trở về tham gia hoạt động. Tại Quảng Nam, sau khi tiếp thu được Chương trình và Tuyên ngôn của Hội, đông đảo các sĩ phu yêu nước tiến bộ Nam - Ngãi đã gia nhập và tổ chức ra Kỳ bộ VNQPH Trung Kỳ. Dù mới chỉ là một cơ sở của Hội ở Nam - Ngãi, chưa có hệ thống tổ chức, lãnh đạo thống nhất toàn Trung Kỳ; phương hướng hoạt động còn mang tính chung chung, còn trông chờ vào ngoại viện bên ngoài, nhưng coi hoạt động bên trong là chủ yếu, nên sự ra đời của Kỳ bộ VNQPH Trung Kỳ là sự tiếp tục thể hiện quyết tâm đi theo con đường cách mạng DCTS, lấy vũ trang bạo động làm phương thức hành động chủ yếu của các sĩ phu yêu nước tiến bộ Trung Kỳ, phản ánh một xu thế tất yếu của CMVN.

Như vậy, từ NHQN đến DTH và VNQPH là bước tiến dài về cơ cấu tổ chức lãnh đạo của PTYN và CMQN cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. Nếu ở cuối thế kỷ XIX, NHQN là một tổ chức mang nặng tính chất của một hội kín, bị chi phối hoàn toàn bởi tư tưởng “trung quân”, phò vua cứu nước. Sang đầu thế kỉ XX, khi trên thế giới đã hình thành những đảng cách mạng với hệ thống tổ chức chặt chẽ, quy củ, thì ở nước ta DTH - tân đảng cách mạng có quy mô toàn quốc, ra đời trên đất Quảng Nam cũng có một bước chuyển vượt lên trên tầm của một hội kín, tiến gần với một đảng chính trị. Cho đến khi VNQPH ra đời, với hệ thống tổ chức quy củ từ trung ương đến địa phương, đã chứng tỏ rằng tổ chức này đang tiến rất gần tới một chính đảng cách mạng thực sự. Đó là cơ sở lý luận và thực tiễn của việc lập ra một chính đảng cách mạng hiện đại, cương lĩnh về một nước Việt Nam độc lập, ban đầu theo chế độ quân chủ lập hiến, sau chuyển sang thành dân chủ cộng hòa.

### **2.2.3. Chuyển biến về phương thức hoạt động**

Sự chuyển biến của một PTYN và cách mạng (phong trào dân tộc, dân chủ) cụ thể không chỉ bao hàm quá trình chuyển biến về tư tưởng chính trị, cơ cấu tổ chức lãnh đạo mà còn được phản ánh qua sự chuyển biến về phương thức tiến hành. Tức nó được biểu hiện bằng những hoạt động thực tiễn cơ bản, cụ thể có liên quan tổng thể tới phong trào. Vấn đề này, trong gần 20 năm đầu thế kỷ XX ở Quảng Nam do tác động của những điều kiện lịch sử cụ thể, phong trào DTDC chủ yếu diễn ra theo hai phương thức: bạo động duy tân, cải cách duy tân và sự kết hợp giữa hai xu hướng này. Trong phần này, chúng tôi tập trung phân tích những hoạt động thực tiễn chủ yếu theo 2 khuynh hướng bạo động duy tân và cải cách duy tân dưới sự dẫn đạo của tư tưởng DCTS do sĩ phu yêu nước Quảng Nam tiến hành.

### **2.2.3.1. Phương thức hoạt động theo lập trường cứu nước của Duy Tân Hội và Việt Nam Quang phục Hội**

DTH là các tổ chức theo xu hướng bạo động gắn với vai trò lãnh đạo của Nguyễn Thành và Phan Bội Châu. DTH ra đời năm 1904, tại Quảng Nam nhằm hiện thực hóa mục tiêu cứu nước giải phóng dân tộc bằng con đường cách mạng bạo động. Để thực hiện mục tiêu đó, Hội vạch kế hoạch hành động gồm 3 điểm chính: Mở rộng thế lực của Hội về người và tài chính; xúc tiến công cuộc chuẩn bị bạo động và trù liệu cử người xuất dương cầu viện [100, tr.140].

Căn cứ vào kế hoạch hành động trên, chúng ta nhận thấy phương thức hoạt động chủ yếu theo lập trường cứu nước của DTH là tự lực và cầu ngoại viện.

Cầu ngoại viện là vấn đề quan trọng đặc biệt được Nguyễn Thành và Phan Bội Châu bàn tính kỹ càng và đi đến thống nhất tiến hành cầu viện Nhật Bản. Tuy nhiên, khi chủ trương cầu viện quân sự bị thất bại và theo lời khuyên của những người cấp tiến ở Nhật Bản, Trung Quốc, Phan Bội Châu đã chuyển hướng sang cầu học nhằm đào tạo, bồi dưỡng nhân tài, làm nền tảng chấn hưng dân khí, khai dân trí và kiến tạo nên PTĐD. Với việc phát động PTĐD (1905 - 1909), đã đánh dấu bước chuyển biến mới trong phương thức cứu nước của DTH và Phan Bội Châu: chuyển từ xu hướng bạo động sang xu hướng bất bạo động, điều này thể hiện sự uyển chuyển, linh hoạt trong tư tưởng và hành động của các lãnh tụ DTH. Từ đây, Phan Bội Châu, Nguyễn Thành và các đồng chí của họ kết hợp bạo động với cải cách để kết hợp cứu nước với duy tân.

Để thức tỉnh tinh thần dân tộc, kêu gọi Đông du, Phan Bội Châu và các nhà lãnh đạo DTH đã sáng tác nhiều thơ, văn như: *Việt Nam vong quốc sử* (1905), *Khuyến quốc dân tự trợ du học văn* (1906), *Hải ngoại huyết thư* (1906), *Đề tỉnh quốc dân hồn* (1907), *Tân Việt Nam* (1907), *Việt Nam vong quốc sử khảo* (1908)... Những tác phẩm thấm đượm tinh tình yêu nước và cách mạng đã góp phần to lớn thức tỉnh tinh thần yêu nước, kêu gọi đấu tranh, tập hợp và đoàn kết lực lượng để chống Pháp và tay sai, tạo nên một PTYN sôi nổi theo khuynh hướng duy tân cách mạng ôn hòa.

Việc chính quyền Nhật Bản từ chối sự giúp đỡ về quân sự đã giúp Phan Bội Châu nhận ra tầm quan trọng của thực lực cách mạng và muốn mưu đồ công cuộc giải phóng chỉ có thể dựa vào thực lực của chính mình. Ông cho rằng, để cứu nước, giải phóng dân tộc thì cần phải có một nguồn lực cần thiết để lật đổ ách thống trị của thực dân Pháp, mà trước hết là nguồn lực trong nước - nguồn nội lực; còn “ngoại viện” chỉ

là để gây thanh thế cho nội lực mà thôi [33]. Tức chúng ta cần phải tiến hành: một mặt xây dựng và phát triển sức mạnh của các yếu tố cấu thành nội lực như chính trị, kinh tế, văn hóa, truyền thống và con người Việt Nam; tinh thần đoàn kết, ý chí tự lực, tự cường của dân tộc Việt Nam; mặt khác, phải tranh thủ sự giúp đỡ, viện trợ từ bên ngoài để vừa bổ sung, tăng cường sức mạnh nội lực, vừa tiếp thu, học tập kinh nghiệm của những nước tiên tiến. Từ đó, Phan Bội Châu và DTH tập trung đẩy mạnh các hoạt động nhằm xây dựng thực lực cho cách mạng cả trong và ngoài nước.

Tháng 6/1905, Phan Bội Châu và Đặng Tử Kính trở về nước, sau khi gặp gỡ và bàn bạc với các đồng chí trong DTH, Phan Bội Châu vạch kế hoạch hành động tiếp theo của Hội gồm 3 điểm chính: 1. Nhanh chóng đưa Cường Để ra nước ngoài; 2. Lập các hội Nông, hội Thương, hội Học để tập hợp quần chúng; 3. Chọn ngay một số thanh niên thông minh, hiếu học, chịu được lao khổ đưa đi học nước ngoài [100, tr.142].

Kế hoạch hành động của DTH từ nửa cuối năm 1905 cho thấy, sự chuyển biến rõ rệt trong tư tưởng và phương thức hoạt động của tổ chức này: từ xuất dương “cầu viện” sang xuất dương “cầu học”, nhằm đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ cốt cán cho cách mạng; từ mong chờ sự viện trợ về lực lượng, vũ khí, phương tiện quân sự từ bên ngoài sang tập trung xây dựng thực lực cho cách mạng mà trọng tâm là việc thành lập, phát triển các hội nông, hội thương, hội học để tập hợp quần chúng, phát triển thực lực cách mạng cả về người và tài chính. Như vậy, phương thức hoạt động của DTH đã chuyển từ lấy bạo động vũ trang làm phương thức trọng tâm (trước 6/1905) sang lấy duy tân cải cách ôn hòa làm trọng tâm (từ 6/1905) nhằm tăng cường sức mạnh nội lực cho dân tộc.

Chủ trương và hoạt động của DTH và Phan Bội Châu đã tạo dựng nên PTĐĐ sôi nổi, được hưởng ứng của đông đảo nhân dân từ Bắc chí Nam. Trong năm 1906, số lượng du học sinh Việt Nam đến Nhật chưa nhiều lắm. Theo *Niên Biểu* của Phan Bội Châu thì đầu năm có Cường Để sang, sau đó thì một số thanh niên ở Trung Kỳ và Bắc Kỳ, còn ở Nam Kỳ thì chỉ mới có Trần Trọng Khắc và Bùi Mộng Vũ. Từ năm 1907, do ảnh hưởng của *Khuyến quốc dân tự trợ du học văn* và kết quả của vận động ở trong nước nên số lượng du học sinh sang Nhật tăng lên nhanh chóng. Có thời điểm có đến 100 người tập trung ở Hồng Kông để chờ tàu sang Nhật [106, tr.22]. Theo các công trình nghiên cứu về PTĐĐ ở trong và ngoài nước đều công bố, tính đến năm 1908, số lượng du học sinh Việt Nam ở Nhật Bản vào khoảng 200 người (Nam Kỳ khoảng 100, Bắc Kỳ khoảng 50, Trung Kỳ khoảng gần 50).

Được sự giúp đỡ của các chính khách Nhật Bản, du học sinh Việt Nam được đưa vào học ở những trường lớn, nổi tiếng như *Đông Á đồng văn thư viện*, *Chấn võ học viện* và được đào tạo về văn hóa, đặc biệt là quân sự cần thiết cho công cuộc đánh Pháp giành độc lập dân tộc và kiến thiết đất nước sau này. Năm 1907, Phan Bội Châu thành lập tổ chức *Công hiến Hội* để quản lý và điều hành các hoạt động của du học sinh nhằm trang bị tốt nhất cho họ những kiến thức cần thiết cho công cuộc khôi phục độc lập và duy tân đất nước về sau. Sau vụ “Trung Kỳ dân biến” năm 1908, Pháp - Nhật cấu kết với nhau trục xuất du học sinh Việt Nam tại Nhật Bản, Phan Bội Châu và DTH bắt đầu chuyển hướng về cách mạng Trung Quốc và các dân tộc bị áp bức Á Đông để chống kẻ thù chung. Bằng các hoạt động cụ thể như cộng tác với *Vân Nam tạp chí*, cùng các chí sĩ Triều Tiên, Trung Quốc, Ấn Độ, Philippin thành lập *Hội Đông Á đồng minh*; sáng kiến thành lập *Hội Diền - Quế - Việt liên minh* đã chứng tỏ bước tiến mới về tư tưởng, tổ chức và phương pháp tiến hành cách mạng ở Phan Bội Châu và những người lãnh đạo DTH. Họ bắt đầu chuyển từ lập trường lợi ích cách mạng quốc gia sang lợi ích chung của các dân tộc bị áp bức và cách mạng thế giới; chuyển từ phương thức “cầu viện” Nhật Bản là chủ yếu sang kết hợp mở rộng liên kết với các dân tộc khác cùng cảnh ngộ để tiến tới cùng làm cách mạng chống kẻ thù chung. Tình hình trên đây ảnh hưởng trực tiếp đến PTYN và CMQN.

Ở trong nước, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Tiểu La, công cuộc xây dựng và phát triển thực lực của DTH không ngừng được đẩy mạnh. Tại Quảng Nam và các tỉnh, DTH đã khéo léo kết hợp với các sĩ phu yêu nước trong PTDT tổ chức các hội học, hội nông, hội thương... chăm lo sản xuất kinh doanh, thu lợi, quyên góp tài chính. Theo tài liệu của Sở Mật thám Pháp, Nguyễn Thành đã có mối quan hệ mật thiết với 72 cơ sở thương hội trên toàn miền, ông còn góp cổ phần kinh doanh để lấy tiền gửi cho Phan Bội Châu lo kinh phí cho học sinh du học, số tiền DTH trong nước vận động gửi sang Nhật lên đến 12.000 đồng.

Ngoài những hoạt động kết hợp với PTDT để tổ chức các hội buôn, hội nông, hội học, tại Thăng Bình, Quảng Nam còn thường xuyên tổ chức các hoạt động dưới hình thức vui chơi như đá gà, đua ngựa, đánh cờ... Những hoạt động hợp pháp này, làm vỏ bọc cho mục đích quyên góp tiền cho phong trào du học và những cuộc mật bàn về những vấn đề cách mạng quan trọng giữa những người lãnh đạo phong trào trong cả nước.

Đến năm 1912, các sĩ phu yêu nước tiền bộ Quảng Nam đã gia nhập Việt Nam Quang Phục hội, lập ra Kỳ bộ VNQP Trung Kỳ, tranh thủ tình thế do Chiến tranh

thế giới thứ nhất (1914-1918) tạo ra, đã ra sức chuẩn bị công cuộc khởi nghĩa, tranh thủ vận động được vua Duy Tân làm minh chủ, sự tham gia một số quan lại và binh lính yêu nước, của đông đảo các sĩ phu yêu nước tiến bộ và nhân dân Trung Kỳ, phản ánh xu thế tất yếu của CMVN lúc bấy giờ. Cuộc vận động khởi nghĩa của tổ chức VNQPH tại Trung Kỳ (1916) cùng với cuộc Khởi nghĩa Thái Nguyên (1917) là hai sự kiện tiêu biểu nhất của phong trào yêu nước và cách mạng Việt Nam trong giai đoạn 1914-1918.

Tóm lại, chủ trương làm cách mạng bạo động để giải quyết mâu thuẫn giữa dân tộc ta với thực dân Pháp là khuynh hướng chủ đạo và xuyên suốt trong đường lối cứu nước của DTH, VNQPH và Phan Bội Châu. Tuy nhiên, qua thực tiễn, cùng với sự tác động của những nhân tố bên trong và bên ngoài, DTH và VNQPH đã có những chuyển biến rõ nét mang tính linh hoạt và sáng tạo trong phương thức hoạt động. Khi mới thành lập, DTH lấy việc “cầu ngoại viện” để tiến hành bạo động vũ trang làm phương thức hoạt động chủ yếu, thì kể từ khi bị từ chối giúp đỡ về quân sự của Nhật Bản, Trung Quốc, DTH đã chuyển từ cầu viện quân sự sang cầu học, tập trung xây dựng thực lực cách mạng ở trong nước, tăng cường sức mạnh nội lực của dân tộc. Đó là bước khởi đầu cho quá trình kết hợp đồng thời hai phương thức bạo động vũ trang và cải cách duy tân, làm cách mạng ôn hòa; sự kết hợp tăng cường sức mạnh “nội lực” của dân tộc làm chủ yếu với việc tranh thủ, tận dụng triệt để nguồn “ngoại lực” để nhân sức mạnh nội lực, tạo nên sức mạnh tổng hợp (nội lực và ngoại lực) nhằm hướng đến mục đích tối cao là cứu nước, giải phóng dân tộc. Đến VNQPH, phương thức đấu tranh vũ trang đã nâng lên một bước mới trên các mặt: tổ chức, quy mô, lực lượng và phương thức tiến hành.

### **2.2.3.2. Phương thức hoạt động theo chủ trương duy tân cải cách của Phan Châu Trinh**

Đất Quảng trong những năm đầu thế kỷ XX không chỉ là địa bàn chiến lược của DTH mà còn là trung tâm của cuộc vận động duy tân rộng lớn khắp Bắc - Trung - Nam. “*Đó là cuộc vận động nhằm duy tân đất nước, tự cường dân tộc, phá bỏ các trì trệ cổ hủ phong kiến, xây dựng một xã hội mới dân chủ*” [78, tr.156].

Cuộc vận động duy tân cải cách theo khuynh hướng DCTS khởi phát đầu tiên ở Quảng Nam với các lãnh tụ Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp.

Khác với chủ trương của DTH, các sĩ phu yêu nước tiến bộ Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp... chủ trương làm cách mạng ôn hòa, bất bạo

động, bằng phương pháp đấu tranh hòa bình, hợp pháp, đòi dân sinh, dân chủ một cách công khai. Với phương châm trực tiếp vận động dân chúng duy tân, không thông qua triều đình hay đưa kiến nghị, dự án lên chính quyền phong kiến; hoạt động công khai, bất bạo động, không cầu ngoại viện, không thành lập đảng phái hay bất kỳ hội kín nào; nội dung chủ yếu là nâng cao dân trí, chấn hưng dân khí, phát triển dân sinh, vận động dân quyền nhằm hướng đến xây dựng xã hội mới dân chủ. Về thực chất, đó là nội dung của tư tưởng giải phóng dân tộc, làm cách mạng dân chủ theo xu hướng cách mạng ôn hòa của Phan Chu Trinh và những người lãnh đạo PTDT Quảng Nam và việc triển khai thực hiện những nội dung của tư tưởng đó chính là thực thi lộ trình của công cuộc giải phóng dân tộc [78].

Với phương châm đã được xác định, từ năm 1903, Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp đã đứng ra vận động công cuộc duy tân ở Quảng Nam. Từ Quảng Nam, phong trào nhanh chóng lan rộng ra nhiều địa phương khác trong cả nước.

Cuộc vận động duy tân ở Quảng Nam diễn ra trên nhiều lĩnh vực tư tưởng, chính trị, văn hoá, kinh tế, xã hội..., bao gồm hoạt động rất đa dạng, từ lập hội buôn bán, hội canh nông, mở trường học, đến việc vận động bãi trừ phong tục tập quán hủ bại, truyền bá những tư tưởng về mục đích, nội dung và phương thức duy tân, vấn đề tự cường, vấn đề dân chủ, dân quyền, vận động đời sống mới như cắt tóc ngắn, mặc áo ngắn, xóa bỏ các hủ tục lạc hậu...

*Hoạt động tuyên truyền vận động duy tân:* từ năm 1903, thông qua hình thức diễn thuyết, sáng tác thơ văn, Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp đã tiến hành cuộc vận động tuyên truyền duy tân rầm rộ ở Quảng Nam và sau đó là ở các địa phương khác khắp Trung Kỳ. Lê Cơ, một người bà con đã được lĩnh hội tư tưởng và nhiệt huyết duy tân sớm nhất từ chính Phan Châu Trinh. Vì vậy, cũng trong năm 1903, Lê Cơ đã sẵn sàng đứng ra nhận chức Lý trưởng làng Phú Lâm (Tiên Phước) nhằm tạo dựng cơ sở, thực hiện những cải cách, dọn đường để phát động PTDT. Phú Lâm dưới sự chỉ đạo của Lê Cơ đã trở thành “làng duy tân kiểu mẫu”, đóng vai trò vô cùng quan trọng trong PTDT ở Quảng Nam cũng như cả nước trong những năm đầu thế kỷ XX.

Tinh thần và biện pháp duy tân đã được Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp truyền đến tận các vùng rừng sâu nước độc, núi non hiểm trở ở phía Tây Quảng Nam. Do khí hậu “độc địa”, công cuộc thương sơn mở nhàn điền không

đạt hiệu quả như mong muốn, Trần Quý Cáp cùng các bạn của ông vẫn không nản chí, họ tiếp tục công cuộc vận động hiến đất, hùn vốn, hợp sức lập nông hội, mở trường học, tuyên truyền vận động cải cách phong tục, lối sống ở vùng đồng bằng Điện Bàn, Hòa Vang.

Đến năm 1905, khi phong trào Duy Tân diễn ra rầm rộ ở Quảng Nam, “Bộ ba Quảng Nam”<sup>(1)</sup> tiến hành Nam du để đẩy mạnh công cuộc vận động duy tân tại các tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Bình Thuận. Năm 1906, trong kỳ thi Hương tại Bình Định, ba ông đã tham gia khảo hạch và tạo nên các phẩm thơ phú nổi tiếng *Chí thành thông thánh* và *Danh ngọc lương sơn*, tỏ rõ thái độ lên án nhà cầm quyền, chống đối quan lại luôn cuối; bài xích khoa cử, lối học từ chương... trực tiếp cổ động cho tân học, đề cao cái học mới. Sự kiện này đã gây tiếng vang lớn, làm lay động tư tưởng của các trí thức nho học ở đất Trung Kỳ lúc bấy giờ.

Tiếp tục công cuộc Nam du, ba “kiều tướng” của đất Quảng Nam đã gặp các văn thân, sĩ phu yêu nước tại Bình Thuận. Trong gần một tháng ở tại đây, Phan Châu Trinh đã vận động lập Thư xã, để giảng giải sách báo mới, nhằm truyền bá tư tưởng dân chủ, tự cường; khởi xướng lập Hội Thanh niên tập thể dục; kêu gọi mở trường học dạy kiến thức mới để nâng cao dân trí, dân khí; vận động tổ chức những hội kinh tế để phát triển kinh tế, cải thiện dân sinh, tạo ra nguồn tài chính cho cuộc vận động cứu nước, dẫn đến sự ra đời của Công ty Liên Thành và Trường Dục Thanh vào năm 1907.

*Hoạt động lập Thương hội, Nông hội:* Các nhà duy tân Quảng Nam cho rằng làm giàu là một trong những biện pháp tối ưu để có thể giành lại độc lập dân tộc và phát triển đất nước theo con đường văn minh tiến bộ. Vì vậy, người Việt Nam phải tự mình nỗ lực chấn hưng công nghệ và thương mại nước nhà, phải có chí làm giàu. Khi nào có trong tay một nền kỹ nghệ và thương mại phát triển, khi đó quốc dân mới cường thịnh, xã hội tiến bộ, văn minh. PTDT ở Quảng Nam khởi đi từ “Hợp thương, Dĩ thương hợp quần” (Hội buôn - Dùng buôn bán để hợp nhau lại), dùng hoạt động kinh tế, chủ yếu là buôn bán làm chỗ dựa cho giáo dục và văn hoá.

Cuộc vận động duy tân về kinh tế ở Quảng Nam tập trung vào việc chấn hưng thực nghiệp, phủ định quan niệm của xã hội phong kiến “trọng nông ức thương”. Các chí sĩ duy tân đã hô hào lập công ty sản xuất buôn bán, lập hội đoàn kinh doanh... Họ hùn vốn, thành lập những tổ chức kinh doanh, vừa thực hành thực nghiệp, vừa kêu gọi

---

<sup>(1)</sup> Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp

mọi người đẩy mạnh sản xuất và dùng hàng nội hoá. Với chủ trương “dĩ thương hợp quần”, lấy buôn bán để tập hợp nhau lại cùng lo việc nước nên việc buôn bán gọi là “quốc thương” và việc thành lập các hội buôn chung gọi là “hợp thương” hay “thương hội”.

Ở Quảng Nam có ba thương hội quan trọng: thương hội Diên Phong do ông Phan Thúc Duyệt điều khiển; hội buôn Thăng Bình ở làng Phú Lâm do Lê Cơ chủ trương và thương cuộc Hội An do Nguyễn Toàn đặc trách.

Hợp thương Diên Phong do Phan Thúc Duyệt chủ trương, quản lý, thuộc làng Phong Thử, Điện Bàn. Thương hội tổ chức buôn bán những mặt hàng nông, lâm, thổ sản chủ yếu như: vải, sợi, đường, heo, dầu phụng; vận chuyển bằng ghe bầu xuống thương cuộc Hội An hoặc vượt biển đi các tỉnh khác. Đây là thương hội có quy mô lớn, trình độ tổ chức khá quy củ, có ban giám đốc quản lý và đội ngũ nhân viên lên đến 40 người. Hợp thương Diên Phong trở thành đầu não cho các thương cuộc trong tỉnh.

Nằm ở vị trí thuận lợi, thương cuộc Hội An đóng vai trò rất quan trọng trong hoạt động thương mại của PTDT ở Quảng Nam đầu thế kỷ XX. Trụ sở của thương cuộc là một căn nhà khá rộng, tọa lạc trên đường Chùa Cầu. Phạm vi hoạt động giao thương khá rộng trên cả tỉnh Quảng Nam và các tỉnh lân cận. Thương cuộc buôn bán nhiều loại hàng hóa với các hình thức sỉ và lẻ như: *“vải, gạo, đường, quế, tơ là những hàng chính bán cho Trung Hoa; cau khô, đường mất tre, dầu phụng bán sỉ cho các ghe ở tứ phương về mua đem bán lại cho các chợ thôn quê”* [180, tr.153].

Thương cuộc Hội An còn bán cả tân thư, bản đồ, sách vở, bút mực... Thương cuộc nằm ở thành phố cảng sầm uất, nên việc tổ chức, quản lý khá quy củ và có tính “chuyên nghiệp”. Tất cả các loại hàng hóa đều được phân loại, xếp đặt ngăn nắp, có niêm yết giá và có mặt hàng đã có nhãn mác như nước mắm Nam Ô; hàng xuất, nhập đều được cập nhật, quản lý bằng sổ sách cẩn thận. Có thể khẳng định rằng, Thương cuộc Hội An là thương cuộc được tổ chức theo hăng buôn kiểu mới ở nước ta lúc bấy giờ và trở thành nơi tụ hội của các sĩ phu nhiệt huyết duy tân Quảng Nam và cả nước. Trên cơ sở này, các sĩ phu đã thành lập ra Quảng Nam hiệp thương công ty vào năm 1907 theo hình thức cổ phần.

Phạm vi hoạt động của các thương hội không chỉ bó hẹp trên địa bàn Quảng Nam mà mở rộng ra Huế, Nghệ An và cả Hà Nội. Các thương hội ở Quảng Nam đã trở thành mô hình kiểu mẫu ban đầu cho hoạt động duy tân về kinh tế của PTDT cả

nước, được các nhân sĩ tinh khác đến học hỏi kinh nghiệm, trong đó có cả các nhân sĩ duy tân nổi tiếng ở Bắc Kỳ như Lương Trúc Đàm nhằm chuẩn bị cho việc mở các thương hội khác [180].

Sự phát triển mạnh mẽ của thương nghiệp đã tạo ra hiệu ứng tích cực để nông nghiệp tiến theo. Nông nghiệp được tổ chức dưới hình thức các nông hội, trại cày, sơn trang... để tập trung nhiều năng lực, khai khẩn nhiều đất hoang, trồng những loại cây có thể xuất khẩu đem lại nguồn lợi lớn như quế, tiêu, chè...

Tại khu vực Nam Quảng Nam, từ năm 1906, theo Huỳnh Thúc Kháng, hàng loạt nông hội trồng quế, tiêu, chè với các quy mô lớn, nhỏ được thành lập ở vùng núi phía Tây Quảng Nam như Tiên Phước, Quế Sơn, Trà My, Hiên (Đông Giang và Tây Giang ngày nay), Giăng (Nam Giang)...; bởi ở đây có điều kiện đầu tư để lập vườn quế, tiêu, chè...đưa lại giá trị cao. Từ xưa, thương lái Trung Hoa là những người nắm độc quyền ngoại thương ở Quảng Nam, và tất nhiên họ không thể bỏ qua những mặt hàng mang lại lợi nhuận lớn như tiêu, quế, chè; đặc biệt là quế. Họ ép nông dân phải bán rẻ, bán non những sản phẩm của mình, bán cả vườn nhưng chỉ đặt trước với số tiền rất nhỏ. Do đó, khi các Thương hội, Công ty ra đời để hùn những nguồn vốn lớn cho vay tránh bán non, trữ được sản phẩm, chờ được giá và tìm thị trường để xuất khẩu đã đáp ứng được nhu cầu về vốn, giá cả và đầu ra cho nông dân. Đó là lý do vì sao phong trào “mở vườn quế, lập vườn chè” phát triển ở các huyện miền núi phía Tây Quảng Nam. Phong trào lên cao đến độ thu hút cả quan lại của triều đình. Đề đốc Trần Tuệ, người được cử trông coi việc làm đường sá lên mỏ vàng Bồng Miêu bị quân chúng bức tử vào năm 1908, bởi do cưỡng bức dân để chiếm đoạt đất đai nhằm lập trang trại trồng quế, tiêu.

Ở vùng Bắc Quảng Nam, do tác động của điều kiện tự nhiên, chủ yếu tập trung vào việc trồng ngũ cốc. Giữa năm 1906, Trần Quý Cáp cùng các bạn đồng tâm đã mộ người lên tận vùng Sẻ<sup>(1)</sup>, đầu nguồn sông Thu Bồn khai khẩn đất hoang, lập nhân điền Cờ Vi (rẫy Cờ Vi). Nơi đây đất đai bằng phẳng, rất màu mỡ, thuận lợi cho gieo vãi, trồng trọt, nhất là cây bắp. Công việc tiến hành rất thuận lợi được một thời gian, tuy nhiên do điều kiện giao thông trắc trở, hoạt động vận chuyển hàng hóa rất khó khăn, cùng với khí hậu khắc nghiệt, bệnh sốt rét rừng hoành hành, đã khiến cho công cuộc khai hoang, lập nhân điền của Trần Quý Cáp phải bỏ giữa chừng và quy tụ về lại đồng bằng.

---

<sup>(1)</sup> Cách Tân tỉnh Trung Lộc (Quế Lộc, Nông Sơn) của Nghĩa hội Cần Vương khoảng gần 30 km về phía Tây.

Không thành công trong cuộc khai hoang lập Nông hội ở vùng núi phía Tây, Trần Quý Cáp quay về đồng bằng lập Nông hội Yên Nê ở vùng giáp ranh giữa huyện Hòa Vang và phủ Điện Bàn. Nông hội Yên Nê với diện tích khoảng 20 mẫu đất do lý hương và nông dân tự nguyện hiến cho. Nông hội trồng các loại sắn, khoai, bắp, được quản lý bởi ông Học Bạng (bố vợ Thái Phiên) và hai anh em Tú Diêu, Hương Bung. Đây là nông hội lớn và được tổ chức quản lý quy củ bậc nhất ở vùng đồng bằng phía Bắc Quảng Nam. Ngoài Yên Nê, phong trào khai phá đất hoang, lập nông hội cũng diễn ra mạnh ở Đại Lộc với nông hội Bửu Sơn và Duy Xuyên với nông hội Thấp Mỹ Sơn. Đây là những nông hội lớn, diện tích mỗi nông hội lên đến gần 50 mẫu, trồng chủ yếu các loại sắn, khoai, bắp; riêng ở Thấp Mỹ Sơn còn có trồng lúa.

Phong trào lập hội thương, hội nông diễn ra sôi nổi và rộng khắp Quảng Nam, lan rộng ra cả Trung Kỳ, ảnh hưởng đến Bắc Kỳ, thu hút đông đảo quần chúng tham gia. Sức ảnh hưởng, lan tỏa của phong trào lập Hội đã ăn sâu vào trong nhân dân, trở thành phương thức để làm giàu. Thương hội và nông hội gắn bó mật thiết với nhau, tương trợ cho nhau và trở thành hậu thuẫn cho PTDT Quảng Nam. Việc các sĩ phu hợp nhau lại thành lập công ty kinh doanh là một hiện tượng hết sức mới mẻ. Họ làm kinh tế vì lợi nhuận là một phần nhưng phần nhiều là muốn làm gương cho dân chúng để gương cao ngọn cờ chấn hưng thực nghiệp, hướng đến tự cường dân tộc. Đó không chỉ là sự chuyển biến lớn về tư tưởng chính trị khi các sĩ phu đất Quảng hiểu ra được chủ quyền dân tộc không chỉ có chủ quyền chính trị mà cả chủ quyền kinh tế; độc lập không chỉ gắn với thái bình mà còn gắn với phú cường. Vì lẽ đó, để cứu nước, giành lại độc lập không chỉ bằng phương thức vũ trang bạo động mà còn là sự đua tranh kinh tế để tự cường dân tộc. Hay nói cách khác, đối với các nho sĩ duy tân đất Quảng đầu thế kỷ XX, làm giàu, phát triển kinh tế, để tự cường dân tộc cũng là phương thức để cứu nước.

Hoạt động lập hội học cũng diễn ra sôi nổi. Tại Quảng Nam có 48 trường tân học, tiêu biểu nhất là Trường Phú Lâm, Trường Diên Phong, Trường Cẩm Toại. Nội dung giáo dục theo lối cách tân, ngoài chữ Hán, còn có chữ quốc ngữ, chữ Pháp. Những kiến thức khoa học sơ giản được giảng dạy trong nhà trường.... Vấn đề dân chủ dân quyền được phổ biến thông qua chương trình học hoặc trong các buổi diễn thuyết cổ động tuyên truyền.

*Hoạt động cải cách phong tục, lối sống:* Ngoài các hoạt động lập thương hội, nông hội, mở trường học... PTDT Quảng Nam đầu thế kỷ XX, còn chú trọng đến việc thay đổi lối sống, lề lối sinh hoạt hằng ngày, phong tục tập quán, nghi lễ... theo cách

mới, đề cao tinh thần khoa học và coi đó là một trong những nội dung, liên quan trực tiếp đến công cuộc văn minh hóa, tiến bộ hóa xã hội. Đây là một nội dung quan trọng để thực hiện “khai dân trí” và làm cuộc “tân dân”. Do đó, từ lúc khởi xướng, Phan Châu Trinh đã sáng tác những bài ca, bài vè, tổ chức những buổi diễn thuyết để tuyên truyền cổ động cho nền văn hoá mới tiến bộ hơn. Trong bài *Tỉnh quốc hồn ca I*, Phan Châu Trinh phê phán thói mê tín dị đoan, kêu gọi mọi người “bền gan chắc dạ”, vững tin vào bản thân:

*Người mình không tự cường, tự miễn*

*Chỉ mơ màng những chuyện hư vô*

*Đổ cho tại mã, tại mô*

*Đổ cho số phận, đổ cho tại thời*

...

Và ông: *Khuyên khắp thị thành, thôn xã*

*Đừng tin càn, tin chạ mà bậy.*

*Thử xem các nước Đông, Tây*

*Xưa nay trời giúp người ngậy bao giờ [165, tr.355-356].*

Cuộc vận động mặc “áo quần cụt”, bỏ thói ăn trầu để răng trắng, cắt móng tay ngắn, đi giày....diễn ra sôi nổi. Đáng chú ý nhất là hoạt động “cắt tóc ngắn” được xem là linh hồn của phong trào về mặt phong hoá. Cắt tóc ngắn trở thành biểu tượng của ý chí canh tân và từ bỏ cái cũ lạc hậu. Về vận động cụt tóc, có bài vè:

*Cúp hê! cúp hê!*

*Tay mặt cầm kéo,*

*Tay trái cầm lược,*

*Cúp hê! cúp hê!*

*Đừng đình cho khéo*

*Bỏ cái ngu này*

*Bỏ cái dại này*

*Học theo người Tây...*

*Phen này ta cúp*

*Phen sau ta cạo...*

Bản thân Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp...cũng tiến hành Tây hoá trong cách ăn mặc và đầu tóc. Phan Châu Trinh cũng đã tạo ra “mốt Tây Hồ”. Ông “*vận một cái áo bành tô và một chiếc quần vải nội hoá Quảng Nam nhuộm đen, thắt cái cà vạt cũng bằng vải đen, đi đôi giày “dôn” mở vạt và đội cái nón “cát trắng”*” [33, tr.201]. Lê Cơ là một tấm gương về văn hoá mới với hình thể bên ngoài như người Tây: to lớn, râu ria, ăn mặc đồ Tây, không mặc cảm trước võ quan thực dân... Bản thân các nhà duy tân thực hiện trước để làm gương nhằm vận động, tuyên truyền, giải thích cho dân hiểu. Các ông Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp...đã len lỏi vào từng xóm thôn, đi từ làng này qua xã nọ để hô hào thuyết phục mọi người thực hành công cuộc duy tân. Từ đây, một phong trào dùng hàng nội hoá, cắt tóc ngắn, mặc Âu phục, bài trừ hủ tục diễn ra khắp các làng xã của tỉnh Quảng Nam.

Trước sự phát triển của PTDT, chính quyền thực dân đã nhận thấy được sự nguy hiểm của các hoạt động này. Báo cáo của Công sứ Quảng Nam (số 184, ngày 5/12/1907) nêu rõ:

*Con số người gia nhập Hội (buôn & nông) ở Quảng Nam ngày càng tăng (...) có những nơi toàn xã cùng gia nhập. Hàng tháng hội họp vào những ngày nhất định, mồng 1 và 15 rất đều đặn. Họp ở các chợ chính, có cuộc số người dự lên đến cả ngàn người (...) Họ ca ngợi nông nghiệp và thương mại như là phương thức để làm giàu và nhờ đó mà trở nên mạnh. Nhưng chính những cuộc hội họp đó mà những người lãnh đạo tiếp xúc với dân chúng làm cho dân quen nghe theo lời khuyên của họ, và sau này sẽ tuân theo mệnh lệnh của họ”* [53, tr.96].

Điều đáng lưu ý là những tư tưởng duy tân cải cách của các nhân sĩ yêu nước tiên bộ được truyền bá vào trong quần chúng, đã làm trỗi dậy ý thức dân tộc, dân chủ; làm cho họ giác ngộ được quyền và lợi ích của mình, tạo ra hiệu quả trực tiếp là châm ngòi cho phong trào chống thuế ở Trung Kỳ 1908. Phong trào chống sưu thuế ở miền Trung năm 1908 là kết quả của cuộc vận động dân tộc, dân chủ theo khuynh hướng DCTS trong những năm đầu thế kỷ XX, là một trong những sự kiện đánh dấu bước phát triển mới của PTYN và CMVN. Đây không phải đơn thuần là một phong trào đấu tranh chống sưu thuế mà thực chất là một vụ dân biến. Nét đặc sắc trên đây cùng với những biểu hiện phong phú, đa dạng của nó đã trở thành một dấu hiệu mới đe dọa

thật sự nền thống trị của Pháp. Đây là nguyên nhân khiến thực dân Pháp đã đàn áp khốc liệt phong trào này nói riêng và PTYN cách mạng đầu thế kỷ XX nói chung.

Ở đây, có một điều cần lưu ý là sau khi phong trào Duy Tân Quảng Nam bị đàn áp vào năm 1908, các sĩ phu tiến bộ và nhân dân yêu nước theo xu hướng cải cách duy tân của Phan Châu Trinh đã tích cực nuôi dưỡng ý chí cứu nước, chờ thời và sẵn sàng tham gia cuộc vận động cứu nước do VNQPH tiến hành. Tiêu biểu là cuộc vận động khởi nghĩa của VNQPH ở Trung Kỳ năm 1916, trong đó Quảng Nam là một trong ba địa bàn chiến lược của cuộc vận động này.

Tóm lại, để hoàn thành các nhiệm vụ, mục tiêu cứu nước được đặt ra, trước hết phải tạo ra thực lực về chính trị, kinh tế, văn hóa, quân, sự..., phải nâng cao được dân trí, chấn hưng được dân khí, bồi dưỡng được nhân tài và phát triển bền vững dân sinh dưới các hình thức công khai và hợp pháp. Vì vậy, bên cạnh hình thức đấu tranh vũ trang của thời kỳ trước vẫn được duy trì (DTH, VNQPH), các sĩ phu yêu nước thời kỳ này đã kết hợp nhiều biện pháp mới về chính trị, kinh tế, văn hoá, ngoại giao, tiến hành cuộc vận động cải cách sâu rộng trong quần chúng. Họ lập các hội yêu nước (DTH, VNQPH) để tập hợp lực lượng, tổ chức đấu tranh; từ cầu viện chuyển sang cầu học, đưa thanh niên xuất dương du học để đào tạo nhân tài (PTĐD); mở trường học, xuất bản sách báo, tuyên truyền phổ biến kiến thức mới, diễn thuyết, bình văn, hô hào cải cách phong tục, lập hội buôn, phát triển công thương nghiệp (PTDT); biểu tình bao vây tỉnh thành, huyện lỵ đưa yêu sách (Vụ dân biến ở Trung Kỳ 1908); đoàn kết, tranh thủ sự viện trợ của các nhà yêu nước châu Á đối với CMVN (tham gia thành lập Đông Á Đồng minh Hội, Hội chấn Hoa hưng Á...), tranh thủ sự ủng hộ của các lực lượng tiến bộ ở Trung Quốc, Nhật, Pháp. Phương thức hoạt động trên đây thể hiện sự chuyển biến của PTYN và cách mạng từ lập trường phong kiến sang khuynh hướng dân chủ tư sản.

## **Tiểu kết chương 2**

Sự chuyển biến của PTYN và CMQN trong gần 20 năm đầu thế kỷ XX gắn liền với sự chuyển biến của tình hình thế giới và trong nước mà vai trò khởi xướng, tổ chức, lãnh đạo thuộc về các sĩ phu yêu nước tiến bộ với những đại diện như Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp, Nguyễn Thành, Phan Bội Châu... Họ là những người đi tiên phong trong cuộc cách mạng tư tưởng văn hóa, tấn công mạnh mẽ vào thành trì của thực dân Pháp và chế độ phong kiến đã lỗi thời, kìm hãm sự phát triển của xã hội; tạo ra những chuyển biến mới trong nhận thức tư tưởng, là

động lực to lớn để xã hội Quảng Nam vượt qua “vòng kim cô” của Nho giáo. Từ đó, tạo ra những chuyển biến mạnh mẽ trong cơ cấu tổ chức lãnh đạo phong trào, phương thức tiến hành đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân Quảng Nam và làm dấy lên những phong trào đấu tranh sôi nổi, rộng khắp trên đất Quảng Nam vào những năm đầu thế kỷ XX.

Sự chuyển biến của PTYN và CMQN những năm đầu thế kỷ XX, dù không đi đến thành công do ở Quảng Nam nói riêng và Việt Nam nói chung lúc này chưa hội tụ đầy đủ các điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội chín muồi của một cuộc vận động cách mạng tư sản. Vì vậy, sự chuyển biến này chưa đạt tới trình độ của một cuộc cách mạng tư sản như ở châu Âu. Điều này, phải đợi đến mấy năm sau đó, dưới ảnh hưởng của chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn, nhất là từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất với sự ra đời của hai giai cấp tư sản và tiểu tư sản, cùng sự lớn mạnh của bộ phận trí thức Tây học được đào tạo trong nhà trường Pháp - Việt thì mới được thực hiện. Tuy vậy, quá trình chuyển biến của PTYN và CMQN trong gần 20 năm đầu thế kỷ XX đã tạo ra những tiền đề tư tưởng, kinh tế, xã hội vững chắc đưa phong trào DTDC Quảng Nam tiếp tục chuyển biến, bước vào giai đoạn phát triển mới - giai đoạn tìm con đường giải quyết khủng hoảng về tư tưởng và đường lối cứu nước theo lập trường CMVS. Quá trình đó như một giai đoạn trung gian chuyển tiếp cần thiết giữa hai giai đoạn phát triển của PTYN và CMQN từ lập trường phong kiến sang khuynh hướng DCTS và đến lập trường CMVS trong 30 năm đầu thế kỷ XX.

Sự chuyển biến của PTYN và CMQN những năm đầu thế kỷ XX là sự chuyển biến mang tính quy luật, là một bộ phận không thể tách rời sự chuyển biến của PTYN chống Pháp của nhân dân Việt Nam, góp phần to lớn vào sự chuyển biến chung của phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam những năm đầu thế kỷ XX.

### **Chương 3**

## **SỰ CHUYỂN BIẾN CỦA PHONG TRÀO YÊU NƯỚC VÀ CÁCH MẠNG QUẢNG NAM TỪ KHUYNH HƯỚNG DÂN CHỦ TƯ SẢN SANG LẬP TRƯỜNG VÔ SẢN (1919 - 1930)**

### **3.1. Những tiền đề của sự chuyển biến của phong trào yêu nước và cách mạng Quảng Nam từ 1919 đến 1930**

#### **3.1.1. Sự chuyển biến về kinh tế và xã hội ở Quảng Nam**

##### **3.1.1.1. Sự chuyển biến về kinh tế**

Dù thắng trận nhưng nước Pháp bước ra khỏi cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất với những tổn thất nặng nề cả về kinh tế, tài chính, lâm vào tình trạng khủng hoảng về mọi mặt. Để giải quyết vấn đề này, thực dân Pháp đẩy mạnh khai thác thuộc địa, trong đó Đông Dương (mà chủ yếu là Việt Nam) với những tiềm năng lớn (cung cấp ½ của cải vật chất của cả hệ thống thuộc địa cho chính quốc trong chiến tranh thế giới thứ nhất, là thị trường cung cấp những sản phẩm có giá trị cao và nhu cầu thị trường thế giới lớn như lúa gạo, cao su và quặng mỏ) đã nổi lên hàng đầu trong chính sách khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp.

Trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai (1919 - 1929), nhất là từ 1924 trở đi, Pháp tiến hành đầu tư ồ ạt vào các ngành kinh tế Việt Nam với tốc độ và quy mô lớn gấp nhiều lần so với trước chiến tranh. Nếu trong 30 năm (1888 - 1918), Pháp đầu tư vào Đông Dương (chủ yếu là Việt Nam) khoảng 1 tỉ phờ-răng, thì chỉ tính riêng trong 7 năm 1924 - 1930 tổng mức vốn đầu tư của Pháp gấp 7 lần so với trước chiến tranh.

Sự tăng cường đầu tư đó của Pháp đã đưa tới sự mở rộng kinh doanh của những công ty đã hoạt động từ trước và sự ra đời ngày càng nhiều của các công ty mới, mở rộng ngành nghề kinh doanh; với sự góp sức của ngân hàng, nhất là Ngân hàng Đông Dương. Tính đến năm 1929, ở Việt Nam, tư bản Pháp đã có 146 công ty hoạt động trong các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, khai mỏ và thương nghiệp. Hướng đầu tư khai thác lần này cũng khác so với thời kỳ đầu, nếu trong lần khai thác thứ nhất Pháp tập trung đầu tư chủ yếu vào khai mỏ và giao thông vận tải, thì trong lần khai thác thứ hai này tư bản Pháp đổ xô vào kinh doanh nông nghiệp, song song với việc đẩy mạnh hoạt động khai thác khoáng sản [100]. Việt Nam thực sự trở thành một thuộc địa khai thác của tư bản tài chính Pháp. Nền kinh tế Việt Nam có nhiều

chuyên biến trong nông nghiệp, công nghiệp, giao thông vận tải và thương nghiệp nhưng tất cả đều do độc quyền Pháp nắm giữ. Trong điều kiện đó, thành phần kinh tế tư bản chủ nghĩa Việt Nam đã có nhiều cố gắng để len lõi, vươn lên nhưng còn rất nhỏ bé và yếu ớt. Bên cạnh quan hệ sản xuất mới - tư bản chủ nghĩa đã xâm nhập, ở nông thôn Việt Nam vẫn tồn tại phổ biến quan hệ sản xuất phong kiến dù đã lạc hậu nhưng vẫn được thực dân Pháp dung dưỡng và duy trì đã trở thành trở ngại lớn đối với sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam. Do vậy, mà sự tăng cường đầu tư, đẩy mạnh khai thác của Pháp trong công cuộc khai thác lần hai chỉ làm rõ nét hơn chứ không hề làm thay đổi bản chất nền kinh tế Việt Nam. Đó là nền kinh tế thuộc địa nửa phong kiến, với đặc điểm nổi bật là sự phát triển mất cân đối trong cơ cấu kinh tế. Về cơ cấu vùng:

*Miền Bắc và miền Nam nền kinh tế còn ít nhiều phát triển; còn miền Trung từ trước đến sau chỉ trừ một vài chuyển biến có tính chất cục bộ ở Vinh - Bến Thủy, Quảng Nam - Đà Nẵng... , còn lại các khu vực khác hầu như vẫn ở trong tình trạng nghèo nàn, lạc hậu. Riêng các khu vực miền núi chuyển biến không có gì, người dân vẫn sống theo phương thức du canh, du cư, chủ yếu tận dụng những sản vật có sẵn trong tự nhiên [100, tr.217].*

Trong đợt khai thác thuộc địa lần thứ hai, ở Trung Kỳ, hàng loạt các tập đoàn tư bản Pháp đổ vốn vào kinh doanh đồn điền, phát triển thương mại, công nghiệp, giao thông vận tải... trong đó, Quảng Nam - Đà Nẵng là một trong những trọng điểm đầu tư của Pháp.

*Trong nông nghiệp, tư bản Pháp nắm quyền khai thác nguồn lợi về cây công nghiệp và cây lúa, chiếm đoạt 17.200 ha trong tổng số 117.101 ha đất canh tác để lập đồn điền trồng lúa ở An Hoà, chè ở Đức Phú, Chiên Đàn, Phước Lợi, Tây Sơn, lập các trạm canh nông và nhà máy hấp kén ươm tơ ở Giao Thủy nhằm cung cấp sợi cho công ty dệt vải xuất cảng của chúng [162]. Bên cạnh đó, tư sản người Việt ở Quảng Nam - Đà Nẵng cũng hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp, tập trung chủ yếu vào hoạt động thu mua nông lâm thổ sản ở nông thôn và miền núi về các thành thị bán hoặc đem xuất cảng. Tiêu biểu có công ty của Lê Quý ở Đà Nẵng chuyên buôn bông, vải sợi, đưa hàng đến bán ở các thành phố lớn như Hà Nội, Hải Phòng, Sài Gòn; công ty của Lê Văn Tập, Trương Liên, Nguyễn Hữu Quý, Kim Quy chuyên buôn gạo và xuất khẩu nông thổ sản [123].*

*Trong lĩnh vực thủ công nghiệp, Quảng Nam là một trong những tỉnh có nghề thủ công phát triển từ trước, sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, dưới tác động của công cuộc khai thác lần hai của Pháp, Quảng Nam đã hình thành những vùng chuyên sản xuất hàng thủ công bán ra thị trường như dệt ở Duy Xuyên, Mã Châu (Hội An), gốm Thanh Hà (Hội An), mía đường Duy Xuyên... Duy Xuyên từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất là vùng chuyên canh trồng dâu nuôi tằm dệt lụa, nhiễu, vải. Ở đây, đã hình thành các xưởng sản xuất với quy mô vừa, sử dụng từ 15 - 20 nhân công. Tuy nhiên, công ty Nam Hưng Tư nghiệp Hợp xã<sup>(1)</sup> ở Hội An mới là công ty điển hình về kỹ thuật sản xuất hiện đại và sản xuất theo quy mô công nghiệp trong ngành dệt ở Trung Kỳ.*

*Trong công nghiệp, tư bản Pháp hoàn toàn độc chiếm với các hoạt động chủ yếu là khai thác than ở Nông Sơn, vàng ở Bồng Miêu... Riêng ngành in, sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, xuất hiện Công ty in của Huỳnh Thúc Kháng đặt trụ sở tại Đà Nẵng. Đến năm 1927, Công ty Huỳnh Thúc Kháng mở thêm 1 cơ sở nữa là Nhà in Tiếng Dân ở Huế.*

*Kinh doanh thương nghiệp là lĩnh vực hoạt động sôi nổi nhất ở Quảng Nam - Đà Nẵng từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất với sự tham gia buôn bán trong nhiều ngành nghề, nhiều mặt hàng khác nhau của tư sản người Việt.*

*Những cửa hiệu, hội buôn, công ty thương mại xuất hiện từ trước đây làm ăn phát đạt lên, có số vốn lớn, lợi nhuận cao và giữ được vị trí quan trọng trên thị trường. Số lượng cửa hàng, cửa hiệu mới thành lập không ngừng tăng lên, nhất là tại trung tâm đô thị lớn như Đà Nẵng, Hội An [123, tr.37].*

Số liệu thống kê về số lượng người Việt đóng thuế môn bài ở các tỉnh, thành phố Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi trong các năm 1921 - 1922 cho thấy rõ điều đó.

---

<sup>(1)</sup> Nam Hưng tư nghiệp hợp xã là công ty cổ phần, chuyên mở xưởng dệt lụa, ương tơ, nhuộm lụa và buôn bán xuất nhập cảng tơ lụa do Nguyễn Tấn Hà sáng lập vào năm 1926, đặt cơ sở tại Hội An. Số vốn khi mới thành lập là 42.000 đồng, chia làm 84 cổ phần, thị trường buôn bán của công ty là khắp cả nước và sang tận Lào, Miên.

**Bảng 3.1: Thống kê số lượng người Việt đóng thuế môn bài ở các thành phố, tỉnh: Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi trong các năm 1921 – 1922**

[160, tr. 211-212]

Năm	Đà Nẵng		Quảng Nam		Quảng Ngãi	
	Số người	Số tiền (đồng)	Số người	Số tiền (đồng)	Số người	Số tiền (đồng)
1921	295	6.071	215	3.246	106	2.000
1922	297	4.999	224	3.496	112	2.144
Cộng	592	11.071	439	6.742	218	4.144

Qua bảng số liệu trên cho thấy, tổng số người đóng thuế môn bài và tổng số tiền đóng (trong 2 năm 1921 và 1922) ở Đà Nẵng gấp 3 lần Quảng Ngãi; ở Quảng Nam gấp 2 lần Quảng Ngãi. Điều đó chứng tỏ, hoạt động sản xuất kinh doanh công thương nghiệp ở Đà Nẵng, Quảng Nam tăng nhanh hơn so với Quảng Ngãi cả về số lượng người tham gia kinh doanh và số lượng tiền đóng thuế môn bài.

Hoạt động kinh doanh thương nghiệp ở Quảng Nam - Đà Nẵng từ sau thế chiến thứ nhất, nhất là trong những năm 1924 - 1926 phát triển nhanh chóng. Điều đó, còn được chứng minh qua khối lượng hàng hóa xuất khẩu ra bên ngoài luôn lớn hơn hàng nhập khẩu ở cảng Đà Nẵng trong cùng thời gian trên. Nếu so với cảng Bến Thủy (Vinh) trong cùng thời gian đó thì khối lượng hàng xuất - nhập qua cảng Đà Nẵng lớn hơn nhiều. Cụ thể: năm 1924, Đà Nẵng xuất gấp 1,8 lần, nhập gấp 4,3 lần ở Bến Thủy. Năm 1926, Đà Nẵng xuất gấp 1,5 lần, nhập gấp 5 lần ở Bến Thủy.

**Bảng 3.2: Khối lượng hàng xuất - nhập khẩu qua cảng Đà Nẵng và Bến Thủy năm 1924 và 1926 [125]**

Cảng	1924		1926	
	Xuất (tấn)	Nhập (tấn)	Xuất (tấn)	Nhập (tấn)
Đà Nẵng	72.000	42.000	64.000	51.000
Bến Thủy	39.361	9.751	41.012	10.076

Sự phát triển về kinh tế đã dẫn đến sự phân hóa về xã hội ở Quảng Nam sâu sắc hơn.

### 3.1.1.2. Sự chuyển biến về xã hội

Công cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của Pháp đã làm cho xã hội Quảng Nam tiếp tục phân hóa mạnh hơn. Các giai cấp mới hình thành và trưởng thành song song với các giai cấp cũ không ngừng biến động.

*Giai cấp địa chủ phong kiến:* Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, trong khi các thành phần kinh tế tư bản chủ nghĩa có những bước phát triển mạnh mẽ hơn trước thì thế lực của giai cấp địa chủ phong kiến vẫn không suy giảm. Trái lại, được sự che chở của thực dân Pháp, địa chủ phong kiến không ngừng củng cố vững chắc thế lực của giai cấp mình bằng cách tập trung ngày càng cao ruộng đất, tư liệu sản xuất chủ yếu trong nông nghiệp vào tay giai cấp mình. Ở Quảng Nam cũng diễn ra tình trạng tương tự, theo thống kê phú nông, địa chủ chiếm 85.220/ tổng số 117.101 héc ta đất canh tác toàn tỉnh. Điển hình có địa chủ chiếm hàng ngàn héc ta như Thất Sáu (Bình Quế - Thăng Bình) có 3.000 mẫu, Cai Nghi (Duy Tân - Duy Xuyên) 1.000 mẫu, Bát Kiện, Hồ Song (Tam Kỳ) có trên 500 mẫu... [39, tr.60]. Đại bộ phận địa chủ ở nông thôn thường cho thuê ruộng từng mùa hoặc phát canh thu tô. Một số địa chủ chuyển qua thu tô bằng tiền, bỏ vốn mở hiệu buôn, góp cổ phần... Bên cạnh đó, có một số tư bản bỏ tiền mua đất phát canh thu tô. Vì thế, ở Quảng Nam từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất đã hình thành tầng lớp địa chủ kiêm thương gia và ngược lại thương gia kiêm địa chủ và do đó mà địa chủ và tư sản có mối quan hệ gắn bó với nhau.

*Giai cấp nông dân* là lực lượng đông đảo nhất trong xã hội Việt Nam hồi đầu thế kỷ XX. Ở Quảng Nam, nông dân bị thực dân Pháp và phong kiến chiếm đoạt hết ruộng đất. Theo số liệu thống kê của Sở Trồng trọt Đông Dương năm 1925, toàn tỉnh có 462.000 nhân khẩu lao động nông nghiệp nhưng chỉ sở hữu 42.681 ha diện tích canh tác [162], tính bình quân mỗi nhân khẩu lao động nông nghiệp chỉ sở hữu 0,09 ha. Do không có ruộng đất hoặc thiếu ruộng đất và các tư liệu sản xuất khác, nên nông dân phải đi cày thuê, làm mướn để kiếm sống; do vậy, đa phần là bần cố nông. Nông dân phải nộp địa tô từ 40% đến 70% hoa lợi, cùng những khoản địa tô phụ khác như tô trâu, tô nước, tô nông cụ...

Tình cảnh nông dân còn cùng cực hơn nữa dưới ách sưu thuế của chính quyền thực dân phong kiến. Theo quy định của chính quyền thực dân, từ cuối năm 1919, tất cả mọi người từ 18 đến 60 tuổi trên cả nước không phân biệt giàu nghèo đều phải đóng 2,5 đồng thuế thân/người/năm, thuế điền từ 0,5 đến 2,3 đồng/mẫu ruộng/người/năm và từ 1,0 đến 1,9 đồng/mẫu đất/người/năm. Không những thế, để tăng nguồn thu từ thuế ruộng, đất thực dân Pháp đã quy định lại đơn vị đo đạc làm tăng diện tích đất dẫn đến tăng thuế. Ngoài thuế trực thu, đè nặng lên vai người nông

dân là các loại thuế gián thu như thuế muối, thuế chợ, thuế đò, thuế rượu và thuế phiện.

Thuế khóa nặng nề cùng với chính sách độc quyền thương mại, độc chiếm thị trường, hạ giá nông sản của thực dân Pháp khiến các ngành nghề thủ công truyền thống ở nông thôn bị bóp chết. Nông dân lâm vào cảnh khốn cùng, phá sản; tình trạng thất nghiệp, nửa thất nghiệp ở nông thôn ngày càng tăng lên. Trong tình cảnh đó, buộc đông đảo nông dân nghèo ở nông thôn phải bỏ làng đi kiếm sống ở tỉnh thành, làm mỏ, xí nghiệp, đồn điền. Tình hình trên đã tạo ra nguồn lao động dồi dào và rẻ mạt cho các công ty tư bản.

*Tầng lớp tiểu tư sản:* Dưới tác động của chương trình khai thác thuộc địa của thực dân Pháp, tầng lớp tiểu tư sản ở Quảng Nam phát triển khá nhanh về số lượng, ước tính chiếm khoảng 30% dân số trong tỉnh [162]; phần lớn sống ở các thị xã, thị trấn. Họ bao gồm nhiều lớp người khác nhau: tiểu thương, tiểu chủ, thợ thủ công, người buôn bán nhỏ, viên chức, giáo viên, học sinh... Địa vị kinh tế yếu ớt, đời sống luôn bị đe dọa, tài năng bị kìm hãm, tự do dân chủ bị tước đoạt, phần lớn họ chịu ảnh hưởng của các PTYN chống Pháp ở cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. Tầng lớp tiểu tư sản có hoài bão về độc lập dân tộc, dân chủ tự do, muốn bảo vệ truyền thống tốt đẹp của dân tộc; được tiếp thu những tư tưởng tiến bộ. Một bộ phận trí thức mới ở Quảng Nam trở thành những người tiên phong chuyển tải chân lý cứu nước mới của thời đại vào PTYN Việt Nam nói chung và Quảng Nam nói riêng. Do vậy, tiểu tư sản tham gia tích cực và ngày càng đông đảo trong các phong trào chống đế quốc, chống phong kiến, giải phóng dân tộc, đòi tự do dân chủ. Với linh tính chính trị nhạy bén cùng trình độ tri thức, tầng lớp tiểu tư sản trí thức nhanh chóng bắt nhịp với thời cuộc, vươn lên trở thành tầng lớp lãnh đạo đưa PTYN và CMQN phát triển theo xu hướng tiến bộ. Đây cũng là một nhân tố góp phần tạo ra sự chuyển biến của PTYN và CMQN theo xu hướng vô sản trong nửa sau những năm 20 của thế kỷ XX.

*Giai cấp tư sản người Việt ở Quảng Nam* được hình thành và phát triển trong công cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của Pháp. Thế lực kinh tế yếu ớt, bị tư sản Pháp và tư sản người Hoa chèn ép. Tuy nhiên, trong điều kiện lịch sử mới khá thuận lợi từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, họ đã nhanh chóng tham gia vào hoạt động kinh tế ở đất Quảng trong các lĩnh vực như thầu cung ứng vật tư, thầu làm đường sá, cầu cống, dinh thự hoặc làm đại lý cho Pháp, một số khác lập hiệu buôn, chung vốn lập công ty và trưởng thành nhanh chóng. “*Từ năm 1923 - 1927, các công ty tư sản người Việt được thành lập như Công ty Huỳnh Khâm, Quảng Nam Hiệp thương Công*

ty, Công ty Quảng Long An, Nam Hưng Tư nghiệp Hợp xã, Công ty Vận tải Hào Hưng...” [162, tr.59]. Một số tư sản kiêm địa chủ giàu lên nhanh chóng nhờ hoạt động xây cất nhà cho thuê, cho vay lãi hoặc kinh doanh ruộng đất theo cách bóc lột địa tô như Cửu Cang, Thông Đăng, Cửu Huỳnh ở Hội An; Nghè Mại, Nghè Phụng, Nghè Giá ở Đà Nẵng [162].

Số lượng tư sản người Việt ở Quảng Nam - Đà Nẵng không nhiều, hoạt động kinh doanh tập trung chủ yếu ở Hội An và Đà Nẵng, phụ thuộc nhiều vào tư sản Pháp và tư sản người Hoa, thường là đại lý thương nghiệp, cung cấp dịch vụ. Xu hướng chính trị của họ yếu ớt, có tính chất xu thời, cải lương.

*Giai cấp công nhân:* Công nhân ở Quảng Nam số lượng không lớn (đến sau năm 1918, tính cả Quảng Nam - Đà Nẵng khoảng 4.600 người), phân bố chủ yếu ở các mỏ, đồn điền, cảng, các công sở và các hãng tư nhân. Họ bị bóc lột thậm tệ, làm việc nặng nhọc, lương thấp, thường bị chủ, cai đánh đập chửi mắng, cúp lương, đuổi việc và không được bảo hiểm tai nạn, trợ cấp khi ốm đau. Tính tập trung chưa cao, số công nhân ăn lương chính ngạch rất ít, phần lớn là hưởng lương công nhật, cu ly và học việc. Đa số công nhân Quảng Nam có gia đình gắn bó với nông thôn hoặc có người làm công nhân theo thời vụ rồi về làm nông. Đây là lực lượng mới, có vai trò phù hợp với xu thế phát triển của lịch sử. Với đầy đủ những đặc điểm của giai cấp mình, công nhân Quảng Nam từng bước hình thành lực lượng chính trị độc lập và thống nhất về tổ chức khi có đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo.

Những chuyển biến về chính trị, kinh tế, xã hội đã làm cho mối quan hệ truyền thống giữa địa chủ phong kiến và nông dân mất đi vai trò độc tôn trong xã hội Quảng Nam. Quan hệ xã hội bao trùm là mối quan hệ giữa thực dân Pháp với toàn thể nhân dân Quảng Nam. Bên cạnh đó, một quan hệ xã hội mới nảy sinh, quan hệ giữa tư sản (nước ngoài và Việt Nam) với vô sản. Các mối quan hệ xã hội này làm cho những mâu thuẫn trong xã hội Quảng Nam nảy sinh từ cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX sâu sắc hơn, đặc biệt là mâu thuẫn giữa nhân dân Việt Nam với thực dân Pháp và các thế lực tay sai. Đây chính là cơ sở xã hội để tạo ra sự chuyển biến của phong trào DTDC theo hai hệ tư tưởng tư sản và vô sản ở Quảng Nam diễn ra trong những năm 20 của thế kỷ XX.

### **3.1.2. Ảnh hưởng của phong trào cách mạng thế giới và tư tưởng cách mạng của Nguyễn Ái Quốc**

Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918) kết thúc, nhưng hậu quả của nó để

lại cho nhân loại là hết sức nặng nề. Ngoài những thiệt hại vô cùng lớn về vật chất và con người, cuộc chiến đã làm thay đổi vị trí và tương quan lực lượng giữa các nước tư bản; đồng thời, còn đưa đến một hệ quả khách quan tất yếu nằm ngoài ý muốn của các nước tư bản: đó là cuộc Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 bùng nổ và thắng lợi đưa đến sự ra đời của nhà nước vô sản đầu tiên trên thế giới, mở ra thời kỳ lịch sử mới trong tiến trình lịch sử nhân loại, thời kỳ quá độ của nhân dân thế giới từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội.

Thắng lợi của cách mạng tháng Mười Nga đã mở ra con đường giải phóng dân tộc cho các nước phương Đông:

*Cách mạng tháng Mười đã bắt một cái cầu nối liền cách mạng vô sản phương Tây và cách mạng giải phóng dân tộc phương Đông lập thành một mặt trận cách mạng rộng lớn của giai cấp vô sản và các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới dưới sự lãnh đạo của giai cấp vô sản đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc [100, tr.220].*

Cách mạng tháng Mười thắng lợi, Quốc tế Cộng sản thành lập (1919). Sau khi ra đời, Quốc tế Cộng sản tập trung truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin, đề ra đường lối, phương hướng và trực tiếp chỉ đạo, giúp đỡ các nước thuộc địa và phụ thuộc trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân đế quốc giải phóng dân tộc. Dưới ảnh hưởng trực tiếp của cách mạng tháng Mười, tại Châu Á, các đảng cộng sản lần lượt ra đời: Indônêxia (5 - 1920), Trung Quốc (7 - 1921)...

Thắng lợi của cách mạng tháng Mười Nga, sự tồn tại của Liên Xô và những hoạt động của Quốc tế Cộng sản đã giương cao ngọn cờ của chủ nghĩa Mác - Lênin, chỉ cho giai cấp vô sản và nhân dân các nước thuộc địa trên thế giới con đường cách mạng đúng đắn, hiệu triệu và tổ chức họ đứng lên đấu tranh để tự giải phóng. Những chuyển biến mới của tình hình thế giới từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất đã ảnh hưởng to lớn đối với phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam. Trong thời gian này, chủ nghĩa Mác - Lênin được truyền vào Việt Nam, tạo ra những nhân tố mới, làm chuyển hướng đường lối phát triển của cách mạng Việt Nam - đi theo con đường của cách mạng tháng Mười Nga. Đây là một nhân tố cực kỳ quan trọng, tạo ra sự chuyển biến về lập trường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc - từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa Mác - Lênin.

Không tán thành con đường của các bậc tiền bối đi trước, Nguyễn Tất Thành quyết tâm đi tìm con đường cứu nước mới vào tháng 6/1911. Sau nhiều năm bôn ba

hầu hết các châu lục trên thế giới, năm 1917, Nguyễn Tất Thành trở lại Pháp, gia nhập Đảng Xã hội Pháp, vì đây là tổ chức duy nhất bên ngoài nhân dân thuộc địa và theo đuổi lý tưởng của Đại Cách mạng Pháp 1789: tự do - bình đẳng - bác ái. Trên đất Pháp, Người vừa lao động kiếm sống, vừa tích cực hoạt động chính trị. Hoạt động của Người đã có tiếng vang và sức ảnh hưởng mạnh mẽ, đặc biệt ngày 18/6/1919, thay mặt những người Việt Nam yêu nước, Nguyễn Ái Quốc gửi đến Hội nghị Versailles *Bản yêu sách của nhân dân An Nam*. Bản yêu sách gồm 8 điểm, đòi Chính phủ Pháp và các nước đồng minh phải thừa nhận các quyền tự do, dân chủ, quyền bình đẳng và quyền dân tộc tự quyết của dân tộc Việt Nam. Giữa 7/1920, Nguyễn Ái Quốc đọc được *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa* của Lênin đăng trên báo *Nhân đạo* của Đảng Xã hội Pháp. Luận cương đã giúp Nguyễn Ái Quốc khẳng định: Chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ [100]. Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XVIII của Đảng Xã hội Pháp (12/1920), Nguyễn Ái Quốc đã bỏ phiếu tán thành Quốc tế III và tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp. Sự kiện này, đã đánh dấu bước nhảy vọt trong tư tưởng chính trị của Nguyễn Ái Quốc, từ lập trường yêu nước chuyển sang lập trường cộng sản. Như vậy, Nguyễn Ái Quốc từ người yêu nước đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, tìm ra con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc và trở thành người cộng sản đầu tiên của Việt Nam. Từ đây, Nguyễn Ái Quốc tích cực hoạt động nhằm truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin đến với các dân tộc thuộc địa và về Việt Nam; chuẩn bị các điều kiện về tư tưởng, chính trị và tổ chức cho sự ra đời của chính đảng vô sản ở Việt Nam. Trong những năm 20 của thế kỷ XX, qua những tác phẩm và bài viết của Nguyễn Ái Quốc, tiêu biểu nhất là *Bản án chế độ thực dân Pháp*, *Đường Kách mệnh*, một hệ thống quan điểm lý luận về cách mạng giải phóng dân tộc và phát triển xã hội theo xu hướng tiến hóa của thời đại đã hình thành và được truyền bá vào Việt Nam, thúc đẩy phong trào dân tộc nước ta phát triển mạnh mẽ.

Thông qua những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc, tư tưởng cách mạng của Người truyền bá vào Việt Nam trở thành ánh sáng soi đường cho lớp thanh niên yêu nước Việt Nam đầu thế kỷ XX đi tìm chân lý cứu nước, là ngọn cờ hướng đạo cho PTCM Việt Nam trong thời kỳ vận động thành lập Đảng; là sự chuẩn bị về tư tưởng, chính trị và tổ chức cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam đầu năm 1930, chấm dứt thời kỳ mò mẫm đi tìm con đường cứu nước chân chính, mở ra thời kì mới của cách mạng Việt Nam - thời kì phát triển nhảy vọt trong cuộc vận động giải phóng dân

tộc của nhân dân Việt Nam. Như vậy, Nguyễn Ái Quốc mở ra con đường cách mạng đúng đắn cho cách mạng Việt Nam – con đường cách mạng vô sản.

### **3.1.3. Ảnh hưởng của phong trào yêu nước và cách mạng Việt Nam từ năm 1919 đến năm 1930**

Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, phong trào DTDC tư sản tiếp tục phát triển. Nó là sự kế thừa và phát triển của PTYN và cách mạng đầu thế kỷ XX với nhiều nét mới. Thành phần lãnh đạo có sự chuyển biến, trong giai đoạn này chủ yếu thuộc về giai cấp tư sản dân tộc, đặc biệt là tầng lớp tiểu tư sản trí thức tân học. Tầng lớp sĩ phu yêu nước tiên bộ vẫn còn có vai trò như những hoạt động của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Lê Văn Huân, Huỳnh Thúc Kháng, Ngô Đức Kế, Hoàng Văn Khải...

Khôi phục độc lập cho dân tộc, giành các quyền tự do dân chủ cho nhân dân trong khuôn khổ chế độ DCTS vẫn là tư tưởng và mục tiêu chủ yếu của phong trào DTDC tư sản sau Chiến tranh thế giới thứ nhất. Tuy nhiên, trong phong trào DTDC tư sản có nhiều khuynh hướng khác nhau: Chủ nghĩa dân tộc tư sản cải lương, Chủ nghĩa dân tộc tư sản ôn hòa, Chủ nghĩa dân tộc tư sản cách mạng.

Về phương thức đấu tranh, cuộc đấu tranh tiếp tục diễn ra trên tất cả các mặt của đời sống xã hội. Phương thức đấu tranh chủ yếu là đấu tranh chính trị, kinh tế, văn hoá với hai hình thức bí mật và công khai diễn ra phong phú đa dạng hơn trước. Đấu tranh vũ trang cũng là một phương thức hoạt động của phong trào thể hiện chủ yếu trong hoạt động của Việt Nam Quốc dân Đảng. Sự phối hợp hoạt động trong nước và ngoài nước tiếp tục được duy trì.

Nét nổi bật đầu tiên của phương thức đấu tranh là sự xuất hiện ngày càng phổ biến các tổ chức chính trị yêu nước như Đảng Lập hiến, Tân Việt Nam Thanh niên đoàn (Tâm Tâm Xã), Việt Nam Nghĩa đoàn, Phục Việt (sau đổi thành Hưng Nam,...), Đảng Thanh niên, Đảng An Nam độc lập, Thanh Niên Cao vọng đảng, đặc biệt là Việt Nam Quốc dân đảng. Việc xây dựng tổ chức có tính hệ thống hơn, các hiệp hội nghề nghiệp cũng xuất hiện.

Xuất bản sách báo để làm công cụ, phương tiện tuyên truyền vận động được đẩy mạnh hơn giai đoạn trước, các nhà xuất bản, các tờ báo, tạp chí như *Thực nghiệp dân báo*, *Hữu Thanh*, *Khai hóa nhật báo*, *Tiếng chuông rè*, *L'Annam*, *Người nhà quê*, *Tiếng Dân*.... cùng với các báo và tạp chí đã xuất bản đầu thế kỷ XX.

Các hình thức mít tinh, biểu tình, đưa kiến nghị ngày càng phổ biến hơn, biết

tận dụng các điều kiện, tinh thể để phát động các PTYN dân chủ công khai... Đặc biệt, tầng lớp tiểu tư sản trí thức đã tổ chức, lãnh đạo các cuộc đấu tranh đòi tự do dân chủ với các hình thức đấu tranh như mít tinh, biểu tình, đưa kiến nghị, truy điệu... Các phong trào đấu tranh chống trục xuất người Trung Kỳ và Bắc Kỳ ra khỏi Nam Kỳ (1925), đòi thả Phan Bội Châu (1925) và phong trào để tang Phan Chu Trinh (1926),... là những cuộc biểu dương lực lượng hùng hậu, thức tỉnh của lòng yêu nước và nguyện vọng giải phóng dân tộc của toàn thể nhân dân Việt Nam. Cũng trong 3/1926 tại Sài Gòn, còn xảy ra một cuộc đấu tranh chính trị sôi nổi, một cuộc thử thách lòng yêu nước chân chính của đông đảo thanh niên xung quanh buổi đón tiếp Bùi Quang Chiêu ở Pháp về nước và yêu cầu nhà cầm quyền phải trả lại tự do cho Nguyễn An Ninh do Đảng Thanh niên và Đảng Lập hiến khởi xướng. Trong bối cảnh chung đó, sau khi trở thành một giai cấp và vươn lên trình độ tự giác, tư sản Việt Nam cũng tìm cách vươn lên trên chính trường Việt Nam bằng ưu thế của mình trong lĩnh vực kinh tế và chính trị trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam có sự biến chuyển hơn trước Chiến tranh thế giới thứ nhất nhưng vẫn bị thực dân Pháp chi phối và lũng đoạn. Cùng với các yêu cầu cải cách canh tân về chính trị, văn hoá, vấn đề canh tân kinh tế để tạo ra nền kinh tế dân tộc tiên bộ thực sự cũng đặt ra một cách cấp bách.

Cùng với sự chuyển biến của PTYN tư sản, phong trào dân tộc vô sản hình thành và phát triển do Nguyễn Ái Quốc mở đường, với sự ra đời, hoạt động và chuyển hóa của tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên (Hội VNCMTN), Tân Việt Cách mạng Đảng (TVCM Đảng)... Phong trào công nhân ngày càng phát triển mạnh mẽ và vươn lên trình độ tự giác vào năm 1929. Tất cả các phong trào trên đây như luồng sinh khí mới thổi bùng lên ngọn lửa yêu nước của nhân dân Quảng Nam, tạo ra sự chuyển biến mới về con đường cứu nước ở vùng đất này theo hai xu hướng tư sản và vô sản.

### **3.2. Những biểu hiện của sự chuyển biến trong phong trào yêu nước và cách mạng Quảng Nam từ khuynh hướng dân chủ tư sản sang lập trường vô sản**

#### **3.2.1. Sự chuyển biến của phong trào yêu nước theo khuynh hướng tư sản và sự chuẩn bị tiền đề cho sự hình thành phong trào yêu nước và cách mạng theo xu hướng vô sản ở Quảng Nam**

Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, trên cơ sở kế thừa và phát triển của PTYN và cách mạng đầu thế kỷ XX, trong bối cảnh lịch sử mới, phong trào DTDC theo khuynh hướng DCTS ở Quảng Nam tiếp tục phát triển với nhiều nét mới. Dưới tác

động của tình hình quốc tế và trong nước, phong trào DTDC ở Quảng Nam diễn ra sôi nổi với sự tham gia của các giai cấp và tầng lớp mới, có nội dung, hình thức tổ chức đấu tranh mới. Đấu tranh cho độc lập dân tộc, tự do, dân chủ cho nhân dân vẫn là mục tiêu cốt yếu của phong trào DTDC theo khuynh hướng tư sản ở Quảng Nam. Phương thức đấu tranh chủ yếu là đấu tranh chính trị với hai hình thức bí mật và công khai diễn ra đa dạng và phong phú hơn trước.

Nhiều chí sĩ của các PTĐD, PTDT, phong trào chống sưu thuế và khởi nghĩa VNQPH vẫn bị tù đày, một số đã ra khỏi tù. Hầu hết vẫn giữ vững chí khí, tâm nguyện tiếp tục con đường cách mạng giải phóng dân tộc và phát triển xã hội theo tư tưởng DCTS. Họ tập trung chủ yếu vào các hoạt động văn hóa, xã hội mang tính công khai như phát triển trường học mới, mở mang báo chí, hoạt động nghị trường nhằm cổ động tinh thần yêu nước và tư tưởng dân chủ, dân quyền trong nhân dân. Đại biểu cho hoạt động yêu nước công khai của tầng lớp sĩ phu yêu nước tiến bộ là Huỳnh Thúc Kháng.

Sau khi được trả tự do (1921), Huỳnh Thúc Kháng tiếp tục con đường “cách mạng công khai” của mình bằng các hoạt động báo chí, nghị trường để chống chính quyền thực dân phong kiến. Năm 1926, Huỳnh Thúc Kháng ra tranh cử vào Viện Dân biểu Trung Kỳ. Nhân dân Quảng Nam đã vận động bỏ phiếu cho đại diện của mình là Huỳnh Thúc Kháng đắc cử dân biểu và được bầu làm Viện trưởng Viện Dân biểu Trung Kỳ. Trong 3 năm (1926 - 1928), giữ chức Viện trưởng, Huỳnh Thúc Kháng đã sử dụng nghị trường để làm phương tiện đấu tranh đòi thực hiện những cải cách vì dân, vì nước. Ông đề nghị chính quyền thực dân bỏ các hình luật vô nhân đạo, đòi phải có hiến pháp riêng cho nhân dân An Nam, mở rộng quyền của Viện Dân biểu, nhân dân phải được tự do bầu cử, không bị hạn chế, cấm đoán... [164, tr.128]. Những yêu cầu của ông không được chấp nhận. Với tinh thần dân tộc, ý chí, quyết tâm hành động vì dân, vì nước, cụ Huỳnh đã phản kháng chế độ thực dân bằng cách từ chức Viện trưởng Viện Dân biểu Trung Kỳ như chính ông thừa nhận đó là sự lựa chọn tất yếu và kịp thời: “*Sự từ chức của tôi là hợp thời, là tất yếu, căn lượng kỹ càng chứ không phải là tiểu khí đâu*” [164, tr.290]. Sau khi rời nghị trường, ông quyết định lấy báo chí để tiếp tục phương châm “làm cách mạng công khai” của mình. Huỳnh Thúc Kháng đã sáng lập, làm chủ nhiệm, kiêm chủ bút tờ báo Tiếng Dân. Đây là tờ báo đối lập đầu tiên ở Trung Kỳ, công khai bênh vực quyền lợi cho nhân dân và tuyên truyền tư tưởng yêu nước, tư tưởng dân chủ, dân quyền tồn tại từ 8/1927 đến 4/1943.

Trong bối cảnh lịch sử mới, phong trào đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ của

nhân dân Quảng Nam liên tiếp nổi ra và dân đi vào chiều sâu với nhiều hình thức phong phú, đa dạng như cổ động dùng hàng nội, bài trừ hàng ngoại, mở trường tân học, bài trừ mê tín dị đoan, truyền truyền nam nữ bình quyền, đòi tăng lương giảm giờ làm... Nét mới của phong trào là các phong trào đấu tranh của nông dân, công nhân, phong trào của giai cấp tư sản dân tộc, của tầng lớp tiểu tư sản trí thức (học sinh, sinh viên, trí thức, công chức).

Do bị chiếm đoạt phần lớn ruộng đất và tư liệu sản xuất chủ yếu, bị áp bức bóc lột nặng nề, nông dân Quảng Nam liên tục nổi dậy đấu tranh chống thực dân phong kiến nhằm đòi giảm tô, giảm thuế, chống đi phu, đi lính... Tiêu biểu như ở Tiên Phước, liên tục trong các năm 1919, 1922, 1923, 1924 nông dân các làng xã nổi dậy chống cướp đất lập đồn điền, chống quan lại tham ô... Đỉnh cao là cuộc đấu tranh của nông dân các xã, thôn Na Sơn, Đông Bình, Phú Nhơn, Phú Hữu, Phú Toàn, Bình Huệ của tổng Đông Việt nhất loạt đòi hoãn thuế vào năm 1924 và đã thu được thắng lợi, buộc chính quyền phong kiến phải chấp nhận. Sau thắng lợi của cuộc vận động tranh cử cho Huỳnh Thúc Kháng, ngay trong kỳ khai mạc khóa họp đầu tiên của Viện Dân biểu Trung Kỳ (1926), nhân dân Tiên Phước đã gửi 250 lá đơn đòi cải cách chế độ sưu thuế [18].

Các cuộc đấu tranh của công nhân đòi tăng lương, giảm giờ làm, đòi quyền lợi bảo hiểm... diễn ra ở các hầm mỏ, đồn điền, xí nghiệp trên khắp địa bàn cả tỉnh như bãi công của công nhân mỏ vàng Bồng Miêu, đồn điền lúa An Hòa (1920), công nhân làm đường Phước Hội (1925), công nhân hầm sơn Sacorit... Phong trào bãi khóa của học sinh cũng diễn ra sôi nổi ở Đà Nẵng (1926), Hội An (1927)...

Đầu năm 1926, học sinh trường công ở Đà Nẵng bãi khóa đòi nhà trường phải thay đổi chương trình giáo dục nhồi sọ, nô dịch. Cùng với phong trào đấu tranh của học sinh Trung Kỳ ở Vinh, Huế, Quy Nhơn, năm 1927, ở Hội An nổi ra cuộc bãi khóa của lớp học sinh sư phạm chống tên Đốc Ký ý thể cậy quyền ức hiếp học sinh, ăn hối lộ, buộc Công sứ Pháp phải đứng ra dàn xếp, bắt viên đốc học phải xin lỗi học sinh. Học sinh Quảng Nam còn tích cực tham gia phong trào đấu tranh đòi dân sinh dân chủ ở Huế, tập trung ở Nhà hội Quảng Nam, tham gia tổ chức bãi khóa tại Trường Trung học Khải Định (Lyceé Khải Định, tức Trường Quốc học Huế).

Hưởng ứng phong trào chấn hưng thực nghiệp của giai cấp tư sản Việt Nam, tư sản người Việt ở Quảng Nam đã liên kết với nhau, góp vốn lập hội buôn, thành lập công ty để chống lại sự độc quyền, chèn ép của tư sản Pháp và Hoa kiều, cổ động

dùng hàng nội hóa, bài trừ ngoại hóa.... Hoạt diễn ra ở Hội An, Đà Nẵng nơi tập trung phần lớn các cơ sở kinh tế trọng yếu của đất Quảng.

Hoạt động chấn hưng thực nghiệp của tư sản người Việt ở Quảng Nam chủ yếu tập trung vào đề cao vai trò của thực nghiệp đối với đất nước, chống tư tưởng “trọng nông ức thương”; chấn hưng nội hóa, bài trừ ngoại hóa; đẩy mạnh phát triển công thương nghiệp tư bản dân tộc bằng cách lập hội buôn, thành lập công ty cổ phần; lập các hội công thương để cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi. Trong đó, phát triển công thương nghiệp là nội dung trọng tâm. Năm 1926, *Nam Hưng tư nghiệp hợp xã* thành lập ở Hội An dưới dạng công ty cổ phần với sự góp vốn của nhiều người gồm: Nguyễn Tấn Hà, Mai Văn Hội, Huỳnh Thanh, Võ Luyện, Nguyễn Tăng Hân, Trương Xuân Hoàng, Lê Hữu Tư... vốn ban đầu là 42.000 đồng, chia làm 840 cổ phần [123]. Khi mới thành lập, công ty chuyên thu mua các sản phẩm dệt từ các xưởng dệt trong tỉnh, nhất là ở Duy Xuyên đem bán khắp cả nước và xuất khẩu sang Lào, Miên. Khi có nguồn vốn lớn, họ chủ trương mở xưởng dệt, ương tơ, nhuộm lụa ngay tại Quảng Nam, nhằm phát triển ngành dệt trong tỉnh và cạnh tranh với tư sản người Pháp, người Hoa.

Bùi Huy Tín thành lập *Công ty Thủy nông* (1926) với số vốn ban đầu 60.000 đồng, chia làm 600 cổ phần, chuyên nhận làm thủy nông ở Điện Bàn, Duy Xuyên, Đại Lộc và nhận thầu các công trình xây cất nhà cửa ở Đà Nẵng. Công ty vận tải ô tô *Hào Hưng* ở Đà Nẵng do Nguyễn Văn Tùng và Phạm Phú Hào làm chủ với số vốn ban đầu là 1.200 đồng, sau đó với sự tham gia của nhiều người số vốn không ngừng tăng lên: năm 1928 là 7.200 đồng, đến năm 1929 tăng lên đến 60.000 đồng [123].

Tư sản người Việt ở Quảng Nam - Đà Nẵng còn mở rộng liên kết, góp vốn với tư sản ở các tỉnh khác để thành lập công ty, mở rộng phạm vi kinh doanh, tăng cạnh tranh với tư sản nước ngoài. Tiêu biểu, năm 1926, Huỳnh Khâm thành lập Công ty *Trung Kỳ thực nghiệp* đặt trụ sở tại Quảng Ngãi, với sự góp vốn của Huỳnh Khâm (Đà Nẵng), Hồ Tự (Quảng Nam), Vương Quang Nhơn, Nguyễn Ngọc Toán, Ngô Lự, Hồ Trung (Quảng Ngãi), số vốn ban đầu là 2.000 đồng. Đến giữa năm 1927, sau 3 đợt góp vốn, *Trung Kỳ thực nghiệp* của Huỳnh Khâm đã có 160 người tham gia góp vốn, với tổng số vốn lên đến 16.000 đồng [123].

Để bảo vệ quyền lợi trong kinh doanh, tư sản Quảng Nam đã tham gia thành lập các hiệp hội nghề nghiệp như *Trung Kỳ công thương gia hội* do Bùi Huy Tín làm Chánh Hội trưởng. Tư sản người Việt ở Quảng Nam - Đà Nẵng còn tham gia vào *Hội*

*Trung Bắc Kỳ công thương đồng nghiệp*<sup>(1)</sup>, có chi nhánh tại Đà Nẵng nhằm bảo vệ quyền lợi lẫn nhau trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tư sản ở Quảng Nam - Đà Nẵng tích cực tham gia vào phong trào “tẩy chay khách trú”, vận động dùng hàng nội hóa, bài trừ ngoại hóa; đòi các quyền lợi về xuất cảng, cũng như tham gia các hoạt động chính trị khác của giới mình. Năm 1926, tư sản người Việt ở Quảng Nam - Đà Nẵng đấu tranh đòi giảm thuế xuất cảng đường từ 5 phờ-răng/tạ xuống còn 3 phờ-răng/tạ và đòi chính quyền thực dân không cho tư bản Pháp độc quyền xuất cảng đường. Một số chủ xưởng dệt ở Quảng Nam đã mạnh dạn mang sản phẩm của mình đi dự các hội chợ trong và ngoài nước để quảng bá sản phẩm, cổ động cho phong trào vận động dùng hàng nội hóa, chống hàng ngoại. Một bộ phận tư sản ở Quảng Nam - Đà Nẵng tích cực tham gia vào cuộc tranh luận trên diễn đàn báo *Tiếng Dân*, *Thực nghiệp Dân báo* để hô hào chấn hưng thực nghiệp, phát triển kinh tế dân tộc, kêu gọi tương trợ nhau chống lại thế lực của tư bản Pháp và Hoa kiều.

Đỉnh cao của phong trào DTDC ở Quảng Nam là vào những năm 1925 - 1926, cùng với cả nước, nhân dân Quảng Nam tích cực hưởng ứng cuộc vận động lấy chữ ký đòi ân xá cụ Phan Bội Châu và tổ chức lễ truy điệu cụ Phan Châu Trinh. Cuộc vận động đã thu hút hàng ngàn người tham gia, diễn ra trên khắp các địa phương nhất là các vùng trung tâm như Tam Kỳ, Hội An tạo thành một phong trào đấu tranh yêu nước và dân chủ rộng lớn.

Tháng 4/1926, ở Tam Kỳ, lễ truy điệu cụ Phan Châu Trinh được thanh niên, giáo viên, học sinh tổ chức trọng thể tại trường tiểu học Pháp - Việt thu hút hàng ngàn người tham dự, kéo dài trong 3 ngày [147]. Ở Tiên Phước, các nhà yêu nước đã vận động nhân dân đốt đuốc, thắp đèn, quét dọn đường sá, san ngõ, lập bàn thờ để tang cụ Phan Châu Trinh [18]. Ở Đà Nẵng, lễ truy điệu cụ Phan Châu Trinh được tổ chức trọng thể, có ban tổ chức lễ tang do Nguyễn Văn Tùng - Ủy viên Hội đồng thành phố làm Trưởng ban với sự tham gia của hơn 700 người [146]. Lễ truy điệu được tổ chức vào ngày 4/4/1926, chủ tế Nguyễn Văn Tùng đã đọc điệu văn ca ngợi sự nghiệp của chí sĩ yêu nước họ Phan và bày tỏ niềm tiếc thương vô hạn của nhân dân thành phố đối với cụ. Đây là dịp để nhân dân Quảng Nam thể hiện tinh thần yêu nước, biểu dương lực lượng, đồng thời đòi các quyền tự do dân chủ một cách công khai.

---

<sup>(1)</sup> Thành lập năm 1920, trụ sở chính đặt tại Hà Nội. Hội có hệ thống chi hội trải dài trên cả nước. Ở Trung Kỳ có các chi hội tại Vinh – Bến Thủy, Đà Nẵng, Phan Rang.

Những cuộc đấu tranh trên đây của các giai cấp, tầng lớp nhân dân là những cuộc biểu dương lực lượng thể hiện sự thức tỉnh của lòng yêu nước và nguyện vọng giải phóng dân tộc, giành tự do dân chủ của nhân dân Quảng Nam.

Từ các cuộc vận động, nhiều tổ chức yêu nước ra đời trên đất Quảng Nam thể hiện sự chủ động của những người yêu nước đất Quảng trong công cuộc vận động cứu nước. Cuối năm 1925, xuất hiện *Hội Đức Trí Thể dục* ở Tam Kỳ và *Hội Ái hữu lái xe miền Trung*<sup>(1)</sup> ở Đà Nẵng, *Hội đá bóng Ô - Rô* ở Hội An (1926)... đã tập hợp những thanh niên yêu nước tương trợ giúp đỡ nhau và giáo dục tư tưởng yêu nước, thức tỉnh tinh thần dân tộc. Những tổ chức trên đây chưa có tôn chỉ mục đích rõ ràng và phương pháp hành động khoa học, chứng tỏ tầng lớp thanh niên tiểu tư sản yêu nước muốn có một tổ chức cách mạng với đường lối đúng đắn và khoa học để lãnh đạo họ. Trong một thời gian ngắn, Hội “Đức trí thể dục” ở Tam Kỳ phát triển nhanh chóng về số hội viên, lúc cao nhất thu hút trên 500 người tham gia, duy trì hoạt động đến cuối năm 1927; *Hội Ái hữu lái xe miền Trung* đã phát triển lên đến 200 hội viên... Các tổ chức trên đều trở thành tổ chức quần chúng của Hội VNCMTN sau này.

Nhìn chung, sau thế chiến thứ nhất, phương thức đấu tranh chủ yếu là đấu tranh chính trị công khai với nhiều hình thức phong phú, đa dạng hơn trước. Lực lượng sĩ phu yêu nước tiến bộ dù không còn giữ vai trò chủ đạo như trong 20 năm đầu thế kỷ XX, song vẫn còn có những đóng góp tích cực cho cuộc đấu tranh DTDC của nhân dân đất Quảng. Lực lượng tiểu tư sản trí thức tân học và tư sản người Việt trở thành lực lượng nắm quyền lãnh đạo phong trào. Vị thế kinh tế của tư sản người Việt ở Quảng Nam ngày càng tăng lên, ý thức giai cấp không ngừng phát triển và những hoạt động đấu tranh của họ là một bộ phận quan trọng, thể hiện những đặc điểm nổi bật của sự chuyển biến của PTYN và CMQN từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất.

Tất cả các PTYN và dân chủ trên đây, ở những mức độ khác nhau đã biểu hiện tinh thần dân tộc, ý thức dân chủ, biểu hiện mối mâu thuẫn giữa nhân dân ta với đế quốc Pháp. Nội dung đấu tranh mới mẻ, đa dạng của phong trào thể hiện ở nhiều mức độ khác nhau, từ chống chính sách kìm hãm, chèn ép về mặt kinh tế, đòi những quyền tự do dân chủ thông thường đến chống chính sách hà khắc đàn áp những người yêu nước và cao hơn nữa là biểu hiện quyết tâm giành lại độc lập dân tộc, lật đổ nền thống trị của đế quốc Pháp. Phong trào được sự hưởng ứng và tham gia của đông đảo quần

---

<sup>(1)</sup> Thành lập đầu 1926 do hội đồng Tùng làm Hội trưởng danh dự, tập hợp anh em lái xe từ Đà Nẵng đến Nha Trang nhằm tương trợ giúp đỡ nhau và giáo dục tư tưởng yêu nước. Hội lấy hội quán công ty Hào Hưng làm cơ quan liên lạc, số hội viên lúc cao nhất lên đến 200 người.

chúng nhất là các tầng lớp ở thành thị. Tính mới mẻ, sự đa dạng về nội dung và hình thức đấu tranh là những biểu hiện rõ nét của sự chuyển biến về phương thức hoạt động trong PTYN và CMQN từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất. Chính sự phát triển sôi nổi của phong trào là điều kiện thuận lợi cho sự thâm nhập và truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào đất Quảng, tạo sự chuyển biến của PTYN và CMQN theo khuynh hướng CMVS. Từ trong các phong trào này, nhiều người đã vươn lên tham gia các tổ chức yêu nước tiến bộ như TVCM Đảng, Hội VNCMTN, tiếp cận với lập trường CMVS. Sự hình thành và phát triển mạnh mẽ của các tổ chức yêu nước ở Quảng Nam, đặt ra yêu cầu bức thiết là phải hình thành tổ chức cách mạng, có đường lối chính trị rõ ràng để đảm nhận sứ mệnh lãnh đạo và tiếp tục đưa PTYN và CMQN đi lên. Đáp ứng yêu cầu đó, trong năm 1927, ở Quảng Nam - Đà Nẵng đã thành lập các tổ chức cách mạng thuộc Hội VNCMTN và TVCM Đảng.

Tóm lại, phong trào DTDC ở Quảng Nam từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất tuy không rầm rộ, quyết liệt như các phong trào trước đó, nhưng đã tạo ra nhiều nhân tố mới, là bước chuyển biến quan trọng và kịp thời, tạo ra những tiền đề cần thiết cho sự thâm nhập của chủ nghĩa Mác - Lênin vào đất Quảng; là cầu nối cho bước chuyển biến của PTYN và CMQN từ khuynh hướng DCTS sang lập trường CMVS ở nửa sau thập niên 20 của thế kỷ XX.

### **3.2.2. Sự chuyển biến của phong trào yêu nước và cách mạng theo xu hướng vô sản ở Quảng Nam**

#### **3.2.2.1. Chuyển biến về tư tưởng chính trị**

Từ giữa những năm 20 của thế kỷ XX, do tác động của các nhân tố trong nước và ngoài nước, phong trào DTDC ở Quảng Nam tiếp tục phát triển mạnh mẽ và phân hóa theo hai khuynh hướng: phong trào theo khuynh hướng DCTS vẫn tiếp tục phát triển, đồng thời, một phong trào DTDC mới theo khuynh hướng vô sản hình thành. Hiện tượng lịch sử này được đánh dấu bằng sự ra đời của hai tổ chức cách mạng ở Quảng Nam trong năm 1928 là Hội VNCMTN tỉnh Quảng Nam và TVCM Đảng tỉnh Quảng Nam.

Sự chuyển biến của PTYN và CMQN từ khuynh hướng DCTS sang xu hướng CMVS trong những năm 20 thế kỷ XX gắn liền với vai trò của lực lượng thanh niên trí thức tân học mà đại diện là Đỗ Quang, Đỗ Quý, Lê Quang Sung, Thái Thị Bôi, Phan Thêm (Cao Hồng Lãnh), Lê Văn Hiến... Tiếp bước truyền thống yêu nước và cách mạng của các bậc tiền bối, với sự nhạy bén và quyết tâm của tuổi trẻ, thế hệ

thanh niên trí thức tân học đất Quảng nửa đầu thế kỷ XX đã nhanh chóng tiếp cận khuynh hướng cứu nước mới – khuynh hướng CMVS.

Những năm đầu thập niên 20 (thế kỷ XX), những học sinh Quảng Nam ở Huế, trọ tại Nhà hội Quảng Nam<sup>(1)</sup> như Đỗ Quang, Lê Quang Sung, Thái Thị Bôi, Phan Long, Lê Văn Hiến, Nguyễn Sơn Trà... đã được tiếp xúc với sách báo tiến bộ như *Tam dân chủ nghĩa* (Tôn Dật Tiên), *Ấm băng tập* (Lương Khải Siêu), *Hải ngoại huyết thư* (Phan Bội Châu), *Thất điều thư*, *Đạo đức luân lý Đông Tây* (Phan Châu Trinh), *Hồi trống tự do* (Trần Huy Liệu), *Tân thế kỷ*, *Người cùng khổ*, *Việt Nam hồn*... đã giúp họ “ít nhiều hiểu về hai chữ cách mạng” [23]. Đặc biệt, nhiều lần được nghe Phan Bội Châu trực tiếp thuyết giảng thơ văn yêu nước, những vấn đề thời sự chính trị, xã hội và Vương Thúc Oánh<sup>(2)</sup> tuyên truyền, giác ngộ cách mạng đã tác động mạnh mẽ, tạo sự chuyển biến cơ bản trong tư tưởng của lớp thanh niên yêu nước đất Quảng. Trong Hồi ký, Phan Văn Định<sup>(3)</sup> kể lại cuộc “đấu tranh tư tưởng” trong nội bộ nhóm thanh niên trí thức yêu nước sau khi nghe Phan Bội Châu nói Pháp - Việt đề huề:

*... một hôm cụ bảo chúng tôi: “Ta với Pháp nên đề huề với nhau dân giàu nước mạnh”. Chúng tôi hỏi cụ đề huề với Pháp là thế nào? Cụ nín thinh... Bữa trước khuyên lớp trẻ nên tìm cách thoát ách nô lệ của Pháp, hôm nay lại khuyên nên bắt tay với chúng.*

*... Như thế có được không? Có đúng không, có thực không? Như thế bọn Pháp có còn là thực dân xâm lược nữa không? Hòa hợp, công bằng giữa ta và chúng ư? Hay đây chỉ là hỏa mù che kiếp mất nước, làm nô lệ? Băn khoăn, nghi hoặc rồi tranh cãi gay gắt với nhau cái ý cụ Phan [23, tr.56].*

Kế thừa truyền thống yêu nước của quê hương và trực tiếp được các nhà yêu nước tiền bối giáo huấn đã tác động to lớn đến sự chuyển biến tư tưởng của lớp thanh niên trí thức tân học Quảng Nam đầu thế kỷ XX. Lê Văn Hiến<sup>(4)</sup> và những người bạn của ông thực sự “xúc động” và “sung sướng” khi được nghe “Ông già Bến Ngự” trực tiếp bình giảng thơ văn yêu nước. Để rồi “dần dần tôi càng thấm thía nỗi khổ nhục

<sup>(1)</sup> Nhà hội Quảng Nam thành lập những năm 1917, 1918 với mục đích là giúp đỡ chỗ ăn ở cho học sinh Quảng Nam, Đà Nẵng ra học tại Huế.

<sup>(2)</sup> Vương Thúc Oánh là con rể của Phan Bội Châu, phái viên của Tổng bộ Hội VNCOMTN.

<sup>(3)</sup> Phan Văn Định là người sáng lập Hội Ái hữu lái xe miền Trung (1926), tham gia Hội VNCOMTN ở Đà Nẵng từ 1927, cán bộ cốt cán của Tỉnh bộ Hội VNCOMTN Quảng Nam và trở thành Bí thư đầu tiên của Tỉnh ủy Quảng Nam từ 3/1930.

<sup>(4)</sup> Lê Văn Hiến là học sinh Quảng Nam học ở Huế, trọ tại Nhà hội Quảng Nam. Năm 1927, tham gia thành lập Hội VNCOMTN đầu tiên ở Đà Nẵng, cán bộ cốt cán của Tỉnh bộ Hội VNCOMTN Quảng Nam.

*của người dân mất nước. Những con đường vút bỏ gông xiềng, thoát ách nô lệ... cũng dần dần hiện ra trong tâm trí tôi. Tôi nghĩ, nhiều anh chị em học sinh hồi đó chắc cũng có tâm tư, tình cảm như vậy” [23, tr.123-124].*

Đỗ Quý<sup>(1)</sup> và những học sinh tại Nhà hội Quảng Nam đã thừa nhận do đọc nhiều sách báo tiên bộ mà “*chúng tôi biết được chút ít về chủ nghĩa Cộng sản và nước Nga Xô viết*” [23]; họ cũng thừa nhận sự hấp dẫn của *Chủ nghĩa Tôn Văn* đối với tuổi trẻ đang tìm đường cứu nước, nhưng chỉ có chủ nghĩa Mác – Lênin mới chiếm được cảm tình của họ: “*anh em học sinh tại Nhà hội Quảng Nam có cảm tình với xã hội của nước Nga Xô viết hơn cả*” [23].

Rõ ràng, do sớm hấp thụ tư tưởng tiên bộ mà lớp thanh niên trí thức yêu nước Quảng Nam đầu thế kỷ XX đã có sự chuyển biến sâu sắc trong tư tưởng và hành động, giúp họ nhận thức được “*để quốc Pháp là kẻ thù không đội trời chung với dân ta, phải thoát ách nô lệ, phải đánh Pháp*” [23]; thấy rõ sự cần thiết phải “*tìm con đường cứu nước mới chứ không thể dựa vào thực dân Pháp hay đế quốc Nhật để giành độc lập tự do*” [23, tr.207]. Và điều đó, càng thôi thúc họ, kích thích họ hăng hái tham gia các phong trào yêu nước, đưa họ đến với chủ nghĩa Mác – Lênin và trở thành những “*hạt giống đỏ*” gieo mầm cho phong trào cộng sản đất Quảng. Phan Văn Định và những người đồng chí của ông đã mừng khôn xiết “*như người đi rừng lạc lối tìm được người dẫn đường*” [23] khi nghe Lê Văn Hiến và Nguyễn Tường<sup>(2)</sup> giới thiệu về Hội VNCCMTN – một tổ chức cách mạng tiên tiến, có tôn chỉ và mục đích rõ ràng là đánh Pháp giải phóng dân tộc.

Trong những năm 1925 - 1927, dưới ảnh hưởng của phong trào CMVS thế giới và những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc, qua nhiều con đường khác nhau, chủ nghĩa Mác - Lênin bắt đầu thâm nhập vào đất Quảng. Đến cuối năm 1927, trên đất Quảng Nam - Đà Nẵng hình thành và hoạt động sôi nổi của ba chi bộ Hội VNCCMTN (2 ở Đà Nẵng và 1 ở Hội An). Đầu năm 1928, Tỉnh bộ Hội VNCCMTN Quảng Nam thành lập trên cơ sở thống nhất ba chi bộ trên.

Ra đời trong bối cảnh đặc biệt, được sự chuẩn bị chu đáo về tư tưởng và lí luận, Hội VNCCMTN tỉnh Quảng Nam nhanh chóng trở thành một tổ chức chính trị có ảnh hưởng lớn trong tỉnh. Tôn chỉ của Hội VNCCMTN: “*Trước làm cách mạng quốc*

---

<sup>(1)</sup> Đỗ Quý (em ruột Đỗ Quang) tham gia Hội VNCCMTN từ 1927 đến 1930, đồng sáng lập và là Ủy viên BCH An Nam Cộng sản Đảng.

<sup>(2)</sup> Nguyễn Tường là học sinh trường kĩ nghệ Huế, tham gia Hội VNCCMTN tháng 03/1927. Tháng 08/1927 ông ra trường và làm việc tại Bưu Điện Đà Nẵng.

gia, sau làm cách mạng thế giới để xây dựng chủ nghĩa cộng sản” [24, tr.6]. Cẩm nang hoạt động của Hội là tác phẩm *Đường Kách Mệnh*. Tôn chỉ, mục đích của Hội VNCMTN thể hiện rõ xu hướng CMVS: trước làm cách mạng giải phóng dân tộc, tiến tới liên hiệp vô sản toàn thế giới để làm cách mạng thế giới và xây dựng chủ nghĩa cộng sản thế giới. Tôn chỉ của Hội không chỉ giải quyết vấn đề độc lập dân tộc mà còn đặt CMVN trong mối quan hệ mật thiết với cách mạng thế giới, là một bộ phận của cách mạng thế giới, hướng đến mục tiêu giải phóng người lao động trên toàn thế giới. Với việc lấy *Đường Kách Mệnh* làm cẩm nang hoạt động đã thể hiện rõ tính chất vô sản của tổ chức này. *Đường Kách Mệnh* là tác phẩm đầu tiên vận dụng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin để giải quyết những vấn đề thực tiễn ở Việt Nam, mang giá trị lịch sử lớn lao và góp phần quyết định vào sự thắng thế của học thuyết Mác - Lênin ở Quảng Nam nói riêng và Việt Nam nói chung khi đảng của giai cấp vô sản chưa ra đời trong nửa sau những năm 20 đầu 30 của thế kỷ XX.

Hội VNCMTN tỉnh Quảng Nam ra đời là biểu hiện của quyết tâm theo đuổi lý luận cách mạng tiên tiến của tuổi trẻ Quảng Nam - Đà Nẵng trong việc tiếp thu và truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin, bước đầu đánh dấu sự chuyển biến của PTYN Quảng Nam theo khuynh hướng CMVS. Đây là chính đảng yêu nước theo khuynh hướng vô sản lớn nhất ở Quảng Nam trước khi có Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Quảng Nam ra đời, là biểu hiện cụ thể của sự chuyển biến sang khuynh hướng CMVS, đánh dấu bước phát triển mới về tư tưởng chính trị, tổ chức của phong trào DTDC ở Quảng Nam từ sau thế chiến thứ nhất. Tuy chưa phải là một đảng cộng sản nhưng tổ chức Hội VNCMTN đã hoạt động theo nguyên tắc và phương pháp của một đảng vô sản kiểu mới.

Có thể nói, sự xuất hiện của Hội VNCMTN đã bước đầu làm thay đổi cục diện tư tưởng của dân tộc Việt Nam nói chung, Quảng Nam nói riêng theo xu hướng tiến bộ nhất của nhân loại. Hội đã đưa đến cho những người yêu nước Việt Nam những khái niệm mới, nội dung mới của cuộc đấu tranh giành độc lập tự do và hướng đi tới tương lai của dân tộc Việt Nam. Nhờ đó, nhân dân Việt Nam hiểu rõ “ai là bạn”, “ai là thù”, hiểu rõ trên con đường cách mạng ấy cần có Đảng, có chủ nghĩa, cần liên minh các lực lượng, các tầng lớp xã hội trong nước trong cùng một mặt trận chung chống đế quốc và tay sai. Đồng thời, mở rộng tầm nhìn ra thế giới, biết rõ giai cấp vô sản và các dân tộc bị áp bức là những người bạn đồng minh tự nhiên trên mặt trận chống đế quốc và các thế lực phản động, xây dựng niềm tin ở bạn bè quốc tế trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin, khẳng định niềm tin tất yếu sẽ giải phóng được dân tộc, giải

phóng được giai cấp, sẽ đổi được kiếp người nô lệ thành những chủ nhân của đất nước, được sống ấm no, hạnh phúc, tự do.

Khác với Hội VNCOM, TVCM Đảng là một tổ chức yêu nước đã trải qua nhiều lần thay đổi, cải tổ. Tiền thân của TVCM Đảng là Hội Phục Việt, qua nhiều lần đổi tên, cuối cùng tại Đại hội lần thứ nhất ở Huế (7/1928), Hội chính thức mang tên TVCM Đảng.

Thời kỳ đầu khi mới thành lập, TVCM Đảng là tổ chức yêu nước chưa có lập trường giai cấp rõ ràng, đi theo chủ nghĩa quốc gia dân tộc, chịu ảnh hưởng của tư tưởng cách mạng Pháp 1789. Trong quá trình hoạt động, dưới ảnh hưởng của Hội VNCOM, lập trường chính trị của TVCM Đảng dần thay đổi và chuyển mạnh sang khuynh hướng CMVS. Từ sau Đại hội lần thứ nhất (7/1928), TVCM Đảng thực sự trở thành tổ chức cách mạng mang tính chất xã hội chủ nghĩa, với chủ trương chính trị nêu rõ: *“Liên hiệp cả các đồng chí trong ngoài, trong thì dẫn đạo công nông binh, quân chúng, ngoài thì liên lạc với các dân tộc bị áp bức để đánh đổ đế quốc chủ nghĩa đang kiến thiết một xã hội bình đẳng, bác ái”* [100, tr.272]. Trong chương trình hành động, TVCM Đảng xác định rõ chủ trương làm cách mạng trải qua hai thời kỳ: thời kỳ phá hoại tức là đánh đổ thực dân phong kiến bằng vũ lực để giành lại độc lập dân tộc; sau đó chuyển sang thời kỳ quá độ thực hiện chuyên chính vô sản, thực thi quyền bình đẳng cho mọi tầng lớp trong xã hội.

Ở Quảng Nam, cuối năm 1926 một tiểu tổ TVCM Đảng được thành lập, đến 1927 phát triển thêm 5 đảng viên và thành lập chi bộ đảng do Bùi Châu<sup>(1)</sup> làm Bí thư. Tại Đại hội Kỳ bộ TVCM Đảng ở Huế (1928), Bùi Châu trúng cử vào Ban Chấp hành (BCH) Kỳ bộ và được phân công trực tiếp phụ trách địa bàn Quảng Nam. Ông đã tiến hành củng cố tổ chức và thành lập Tỉnh bộ TVCM Đảng Quảng Nam, cử ra BCH Tỉnh bộ gồm 5 người, do chính ông làm Bí thư. Phát triển đảng viên của TVCM Đảng Quảng Nam khá hạn chế, tính đến năm 1929 toàn tỉnh mới có 20 đảng viên, hoạt động chủ yếu là ở Đà Nẵng thông qua các nhóm đọc sách báo, cứu tế, học nghề. Hiệu sách Trung Tân ở đường Marc Pourpe, Đà Nẵng (nay là đường Phan Châu Trinh) là cơ sở phát hành sách báo để tuyên truyền chủ trương chính trị của TVCM Đảng, trong đó có cả sách báo truyền bá tư tưởng chủ nghĩa Mác - Lênin.

Cuối 1928 đầu 1929, do ảnh hưởng của Hội VNCOM, nội bộ TVCM Đảng

---

<sup>(1)</sup> Bùi Châu, quê Hà Tĩnh vào làm việc tại Bưu Điện Đà Nẵng. Năm 1928, trúng cử vào BCH Kỳ bộ Trung Kỳ và được phân công phụ trách Quảng Nam.

có sự phân hóa mạnh mẽ dẫn đến xuất hiện những chi bộ cộng sản đầu tiên do phái tả trong TVCM Đảng tổ chức. Trên cơ sở đó, Đông Dương Cộng sản Liên đoàn được thành lập (cuối 1929). Trong lúc đó, Tổng bộ TVCM Đảng ở Huế bị tan vỡ, TVCM Đảng ở Quảng Nam bị phân tán, sau đó một số đảng viên đã bắt liên lạc và gia nhập vào Đảng Cộng sản Việt Nam. Theo Hồi ký của Bùi Châu, số đảng viên TVCM Đảng ở Quảng Nam đã gia nhập vào Đảng Cộng sản gồm: Bùi Châu, Nguyễn Soạn, Lê Cao Phong, Nguyễn Kim, Nguyễn Khiết và Hân. Riêng Uyển không hoạt động nữa, tự ra khỏi tổ chức, Đặng Văn Tế và Tung chuyển công tác đi nơi khác; còn những người khác (5 người) không liên lạc được [23, tr.296].

Ngoài ra, trong thời gian này ở phủ Tam Kỳ cũng xuất hiện một nhóm TVCM Đảng do các nhà yêu nước là cốt cán của các PTYN trước đây (từng tham gia phong trào chống thuế 1908, khởi nghĩa VNQPH 1916) như Trần Xán, Nguyễn Chi, Nguyễn Quế... lập ra. Thông qua danh nghĩa của các hội buôn bán lâm sản để vận động, liên kết những người yêu nước trong và ngoài phủ chống Pháp cứu nước. Trước sự ảnh hưởng mạnh mẽ của Hội VNCMTN, nhóm này nhanh chóng chuyển theo khuynh hướng CMVS và hầu hết thành viên của nhóm gia nhập và trở thành đảng viên Đảng Cộng sản sau khi Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Quảng Nam ra đời (28/3/1930).

Sự hình thành và phát triển mạnh mẽ, cùng ảnh hưởng sâu rộng và gần như tuyệt đối của Hội VNCMTN ở Quảng Nam, cùng sự chuyển hóa nhanh chóng của đại bộ phận đảng viên TVCM Đảng theo chủ nghĩa cộng sản đã phản ánh xu thế phát triển tất yếu của PTYN và CMQN theo khuynh hướng vô sản trong nửa sau những năm 20 thế kỷ XX.

Với sự ra đời của Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Quảng Nam ra đời (28/3/1930), phong trào yêu nước và cách mạng Quảng Nam vận động theo Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng, đánh dấu phong trào yêu nước và cách mạng Quảng Nam chuyển biến theo lập trường cách mạng vô sản. Sau khi thành lập, Ban Chấp hành Tỉnh ủy lâm thời đã ra thông cáo về việc thành lập Đảng bộ và tổ chức dẫn đạo công nông binh, nhân dân lao động bị áp bức đấu tranh chống đế quốc và phong kiến giành độc lập, tự do dân chủ. Thông cáo có đoạn:

*Cùng: Các đồng chí cộng sản và Tân Việt*

*Anh chị em thợ thuyền, dân cày và những người lao khổ bị áp bức...*

*Chúng tôi báo cáo cùng các đồng chí cộng sản, các đồng chí Tân Việt*

*biết Ban Tỉnh ủy lâm thời tỉnh Quảng Nam của Đảng Cộng sản Việt Nam đã thành lập, để hướng đạo công nông binh và những người lao khổ bị áp bức đấu tranh thực hiện Chính cương của Đảng. Các đồng chí trong chi bộ An Nam Cộng sản đảng và chi bộ Tân Việt Cách mạng đảng ở Tourane từ nay được coi như là chi bộ của Tỉnh ủy lâm thời Quảng Nam, cấm mọi hoạt động biệt phái.*

*Công nông binh liên hiệp đánh đổ đế quốc Pháp và phong kiến Nam triều!*

*Đông Dương hoàn toàn độc lập muôn năm!*

*Đảng Cộng sản Việt Nam muôn năm!*

*Le 28 Mars.1930*

*Đảng Cộng sản Việt Nam*

*Tỉnh ủy lâm thời Quảng Nam [162, tr.79-80]*

### **3.2.2.2. Chuyển biến về cơ cấu tổ chức lãnh đạo phong trào**

Sự hình thành và phát triển của các tổ chức Hội VNCOM, TVCM Đảng đã thúc đẩy phong trào DTDC theo khuynh hướng vô sản ở Quảng Nam phát triển mạnh mẽ. Đồng thời, đánh dấu bước phát triển mới về mặt tổ chức chính đảng cách mạng trong PTYN và CMQN từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918).

#### **3.2.2.2.1. Sự ra đời và hoạt động của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên Quảng Nam**

Từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918), dưới tác động của những nhân tố mới, trong bối cảnh lịch sử mới, ngọn lửa yêu nước vẫn đang âm ỉ trong lòng nhân dân đất Quảng có điều kiện bùng lên. Và từ trong các PTYN này, từ nửa sau những năm 20 của thế kỷ XX, một số thanh niên yêu nước Quảng Nam đã tiếp xúc được với những sách báo tiến bộ và cách mạng như *Tiếng dân, Tân thế kỷ, Người cùng khổ, Việt Nam hôn...* Nhờ đó, chủ nghĩa Mác - Lênin có điều kiện thâm nhập vào đất Quảng. Một trong những đầu mối quan trọng đưa chủ nghĩa Mác - Lênin đến với Quảng Nam chính là những học sinh người Quảng Nam đang theo học tại Huế, trọ tại Nhà Hội Quảng Nam. Tại đây học sinh Quảng Nam đã có dịp tiếp xúc với sách báo tiến bộ, được sự dạy dỗ của những giáo viên cấp tiến, được tiếp xúc và nghe cụ Phan Bội Châu khuyên bảo; đặc biệt được Vương Thúc Oánh là phái viên Hội VNCOM

gặp gỡ và truyền bá tư tưởng cách mạng.

Trong những năm 1926 - 1927, phong trào học sinh bãi khóa chống chế độ giáo dục vong bản, đòi cải cách chương trình giáo dục diễn ra rầm rộ từ Nam chí Bắc. Cuộc bãi khóa lớn của học sinh hai trường Quốc Học và Đồng Khánh (07/4/1927) đã dẫn đến cuộc tổng bãi khóa của học sinh ở Huế nổ ra vào ngày 10/4/1927. Nhà Hội Quảng Nam đã biến thành trung tâm lãnh đạo cuộc tổng bãi khóa.

Chính quyền thực dân đàn áp dữ dội, đóng cửa trường. Số thanh niên Quảng Nam tại Nhà Hội phân tán khắp nơi. Trong bối cảnh đó, Đỗ Quang, phái viên Hội VNCMTN đã kịp thời bắt liên lạc với một số học sinh tham gia bãi khóa và vận động thành lập Ban vận động Hội VNCMTN Quảng Nam (gồm có Đỗ Quang, Đỗ Quý, Lê Quang Sung, Phan Long và Thái Thị Bôi); đến tháng 06/1927, Ban vận động chuyển về Đà Nẵng hoạt động, lấy Trường Tư thực Cụ Tùng<sup>(1)</sup> làm cơ quan liên lạc cách mạng đồng thời là nơi dạy học và sinh sống.

Trong bối cảnh cần phải nhanh chóng phát triển đảng viên, xây dựng tổ chức nhằm chống lại những tư tưởng cách mạng quốc gia nửa vờ, tháng 09/1927, Chi bộ Hội VNCMTN Quảng Nam thành lập tại Đà Nẵng. Chi bộ gồm có Đỗ Quang (Bí thư), Đỗ Quý, Lê Quang Sung, Phan Long, Lê Văn Hiến, Tôn Gia Huồng, Thái Thị Bôi và Lê Thị Huyền.

Ở Đà Nẵng, trong thời gian này còn có một tổ chức Hội VNCMTN do Nguyễn Tường phát triển dựa trên cơ sở những cốt cán của Hội Ái hữu lái xe miền Trung gồm có Phan Văn Định, Nguyễn Văn Giao, Nguyễn Hữu Tự. Nhóm này, sau đó phát triển lên thành ba tổ VNCMTN với 11 hội viên<sup>(2)</sup>. Xu hướng phát triển chủ yếu của nhóm này là lực lượng công nhân lao động như lái xe, làm thuê cho các hãng buôn, công sở ở Đà Nẵng. Về sau, qua sự giới thiệu của Vương Thúc Oánh, nhóm Hội VNCMTN của Nguyễn Tường đã thống nhất và chịu sự chỉ đạo của Hội VNCMTN Quảng Nam.

Ở Hội An, qua sự giới thiệu của Phan Thêm (Cao Hồng Lãnh), Hội VNCMTN Quảng Trị đã thành lập chi bộ Hội VNCMTN (10/1927) tại nhà thờ Đức An (nay 129 Trần Phú - Hội An) do Phan Thêm làm Bí thư. Do hoàn cảnh chỉ đạo xa xôi để tiện trong chỉ đạo và sinh hoạt, Hội VNCMTN Quảng Trị đề nghị Vương Thúc Oánh giới thiệu và chuyển giao chi bộ này trực thuộc Hội VNCMTN tỉnh Quảng Nam.

---

<sup>(1)</sup> Là ngôi nhà tranh nằm cạnh nhà ông Hội đồng Nguyễn Văn Tùng, nay là số 54 Trần Bình Trọng - Đà Nẵng (đã gắn bia di tích lịch sử).

<sup>(2)</sup> Gồm: Nguyễn Tường, Phan Văn Định, Nguyễn Hữu Trợ, Nguyễn Hữu Tự, Nguyễn Văn Giao, Nguyễn Nghi, Phan Hữu Mỹ, Võ Hiến và hai anh Lộc và Thu.

Tại Tam Kỳ, từ giữa 1927, một số cựu học sinh tại Huế sớm được tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lênin, do Khuru Thúc Cự chủ trì đã thành lập nhóm cách mạng hoạt động theo tôn chỉ của Hội VNCMTN. Thông qua tờ sách *Chiêu Anh thư quán* để hoạt động và truyền bá tư tưởng CMVS trong thanh niên tiến bộ ở Tam Kỳ. Từ nhóm thanh niên cách mạng này, Hồ Đắc Thành và Phạm Cự Hải đã phát triển và thành lập nhóm hoạt động cách mạng mới tại An Hòa gồm 3 người: Võ Minh, Trần Ngọc Giới và Lương Hợp Phó [147].

Như vậy, trong vòng 6 tháng cuối năm 1927, trên các địa bàn quan trọng của Quảng Nam như Đà Nẵng, Hội An, Tam Kỳ đã hình thành và hoạt động sôi nổi của các tổ chức, nhóm Hội VNCMTN. Ngay từ ban đầu, các tổ chức, nhóm Hội VNCMTN trên khắp địa bàn Quảng Nam đã sớm có liên lạc với nhau, tạo cơ sở cho sự thống nhất vào một tổ chức chung.

Trên cơ sở đó, đầu năm 1928, hội nghị tại Giếng Bông (Đà Nẵng) đã hợp nhất các tổ chức, nhóm hội VNCMTN và thành lập Tỉnh bộ Hội VNCMTN Quảng Nam. Hội nghị bầu ra BCH gồm: Đỗ Quang, Phan Thêm, Nguyễn Tường, Nguyễn Thái, Phan Long, Thái Thị Bôi, Lê Văn Hiến do Đỗ Quang làm Bí thư [162]. Rõ ràng, sự hình thành của tổ chức Hội VNCMTN tại Quảng Nam là sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác - Lênin với PTYN ở Quảng Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất. Tuy chưa phải là một tổ chức cộng sản, nhưng tổ chức này hoạt động theo nguyên tắc và phương thức của một đảng vô sản.

Sau khi ra đời, Hội VNCMTN Quảng Nam tiến hành đẩy mạnh phát triển hội viên, mở rộng tổ chức, cử người đi dự các lớp huấn luyện tại Quảng Châu - Trung Quốc theo chủ trương của Tổng bộ. Đầu năm 1929, theo chủ trương của Kỳ bộ Trung Kỳ, nhằm tăng cường phát triển hội viên và tổ chức về địa bàn nông thôn, chi bộ Đà Nẵng được tách ra khỏi Tỉnh bộ Quảng Nam và trực thuộc Kỳ bộ Trung Kỳ do Đỗ Quang phụ trách. BCH Tỉnh bộ Quảng Nam được cơ cấu lại gồm Trần Văn Tăng, Nguyễn Thái, Phan Văn Định do Trần Văn Tăng làm Bí thư.

Chủ trương của Kỳ bộ phát huy hiệu quả tích cực, công tác phát triển hội viên, mở rộng tổ chức ra địa bàn nông thôn phát triển mạnh. Tính đến 5/1929, trên địa bàn Quảng Nam - Đà Nẵng đã có 5 chi bộ với hơn 50 hội viên.

**Bảng 3.3: Số lượng chi bộ và hội viên Hội VNCMTN Quảng Nam năm 1929**

Phủ, Huyện, Thị xã, Thành phố	Chi bộ	Số lượng hội viên	Nhóm	Số lượng thành viên
Đà Nẵng, Hòa Vang	2	27	0	0
Hội An	2	15	0	0
Điện Bàn	1	7	0	0
Tam Kỳ	0	1	2	7
Thăng Bình	0	1	0	0
Duy Xuyên	0	1	0	0
Tổng cộng	5	52	2	7

Nguồn: Tác giả thống kê từ các sách Lịch sử Đảng bộ các huyện, thị xã, thành phố [11], [12], [14], [146], [162]

Ngoài ra, Hội còn xây dựng và phát triển các tổ chức hội quần chúng hỗ trợ như hội ái hữu, hội nữ công, tổ chức dạy nghề, nhóm đọc sách báo, nhóm luyện tập thể thao ở cả thành thị và nông thôn; nhất là tại Đà Nẵng, Hội VNCMTN đã vận động được khoảng 20 thanh niên trong Hội Thể thao Đà Nẵng (Sport Touranais) tham gia, tổ chức công hội được phát triển trong công ty, nhà máy như Staca, Bưu điện, Nhà máy đèn, bến tàu. Đặc biệt, Hội Ái hữu lái xe miền Trung và Hội Hòa Hưng (công ty Hòa Hưng) đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển hội viên và tổ chức quần chúng của Hội VNCMTN Quảng Nam. Công tác vận động phụ nữ cũng phát triển mạnh với sự ra đời của Đà thành Nữ công học hội<sup>(1)</sup> gồm 40 hội viên do Thái Thị Bôi phụ trách.

Như vậy, trong những năm 1927 - 1929, Tỉnh bộ Hội VNCMTN Quảng Nam đã có sự phát triển khá nhanh về tổ chức, mở rộng ra địa bàn nông thôn với 5 chi bộ, hơn 50 hội viên và nhiều nhóm, tổ chức quần chúng hỗ trợ khác, có ảnh hưởng lớn trong tỉnh. Nguyễn Thiệu, Ủy viên Kỳ bộ Trung Kỳ nhận xét: Phong trào ở Tourane, Quảng Nam trong thời gian này là khá nhất so với các tỉnh Trung Kỳ; có nhiều cơ quan, có cả đoàn thể phụ nữ... Nghệ An cũng khá nhưng chưa có tổ chức phụ nữ [153]. Tỉnh bộ Hội VNCMTN Quảng Nam kết hợp chặt chẽ các hoạt động tuyên truyền, cổ động với tổ chức và đấu tranh, thông qua tuyên truyền giác ngộ để mở rộng

<sup>(1)</sup> Thành lập ngày 12/5/1928, có 40 hội viên, tập hợp chủ yếu là vợ con công chức, thương gia thành phố.

hàng ngũ, đưa hội viên tham gia đấu tranh của quần chúng và qua đấu tranh để xây dựng tổ chức về số lượng và chất lượng. Trong đấu tranh, Tỉnh bộ Hội VNCOMTN kết hợp đấu tranh toàn diện về kinh tế với chính trị, tư tưởng. Đó là sự vận dụng nguyên tắc hoạt động chung của tổ chức Thanh Niên vào điều kiện tỉnh Quảng Nam. Nó khác hẳn với các hoạt động của các tổ chức trước đó và ngay cả với các tổ chức đương thời. Nhờ có đường lối đúng đắn và phương pháp hoạt động thích hợp, uy tín của Hội VNCOMTN ngày càng lan rộng trong các tầng lớp nhân dân. Hội đã thực sự trở thành người lãnh đạo, tổ chức quần chúng đấu tranh chống các thế lực thực dân và tay sai giành quyền lợi hàng ngày, bảo vệ và phát triển lực lượng cách mạng.

#### **3.2.2.2.2. Sự ra đời và hoạt động của Tân Việt Cách mạng Đảng Quảng Nam**

Cùng với sự ra đời của Hội VNCOMTN, trong những năm 1926 - 1929, ở Quảng Nam còn có sự ra đời của tổ chức TVCM Đảng. Không lâu sau khi TVCM Đảng được thành lập ở Huế (7/1926), ở Quảng Nam một tổ TVCM Đảng đầu tiên ra đời vào tháng 12/1926 tại Đà Nẵng và 2 nhóm TVCM Đảng xuất hiện tại Tam Kỳ, hàng tháng có sinh hoạt và đóng nguyệt phí [179]. Năm 1927, tổ TVCM Đảng tại Đà Nẵng phát triển thêm 5 đảng viên và thành lập một chi bộ do Bùi Châu làm Bí thư. Sau Đại hội Kỳ bộ TVCM Đảng ở Huế (1928), TVCM Đảng Quảng Nam được củng cố, phát triển thành Tỉnh bộ và cử BCH gồm Bùi Châu, Đặng Văn Tế, Nguyễn Kim, Nguyễn Khiết, Lê Khắc Nho do Bùi Châu làm Bí thư. Theo Hội ký của Bùi Châu, tính đến năm 1929, TVCM Đảng Quảng Nam đã phát triển tổ chức ra các địa bàn trọng yếu trong tỉnh như Đà Nẵng, Hội An, Tam Kỳ, Điện Bàn, Đại Lộc với gần 20 đảng viên<sup>(1)</sup> [23].

---

<sup>(1)</sup> Ngoài 16 người tác giả đã thống kê (Bảng 3.4), theo Hội ký của Bùi Châu vẫn còn một số người nữa ở Hội An, Điện Bàn, Đại Lộc đã được kết nạp.

**Bảng 3.4: Danh sách đảng viên Tân Việt Cách mạng Đảng ở Quảng Nam**

STT	Họ và tên	Năm vào Đảng	Quê quán	Chức vụ, trách nhiệm được phân công
1	Bùi Châu	1927	Hà Tĩnh	Bí thư, phụ trách chung
2	Nguyễn Khiết	1927	Hòa Mỹ, Hòa Vang, Đà Nẵng	Ủy viên BCH, phụ trách nông dân
3	Lê Khắc Nhơn	1927	Quảng Nam	Ủy viên BCH, phụ trách công nhân
4	Nguyễn Kim	1927	Hòa Mỹ, Hòa Vang, Đà Nẵng	Ủy viên BCH, phụ trách nông dân
5	Đặng Văn Tế	1927	Hòa Mỹ, Hòa Vang, Đà Nẵng	Ủy viên BCH, phụ trách thanh niên, học sinh
6	Trần Thị Loan	1927	Hà Tĩnh	Phụ trách vận động phụ nữ
7	Nguyễn Tung	1927	Quảng Nam	Phụ trách công nhân
8	Quế	1927	Nha Trang	Phụ trách thanh niên, học sinh
9	Nguyễn Soạn	1928	Đại Lộc, Quảng Nam	
10	Lê Cao Phong	1928	Đại Lộc, Quảng Nam	
11	Hân	1928	Đại Lộc, Quảng Nam	
12	Nguyễn Uyển	1928	?	
13	Phan Văn Bào	1928	Sơn Tây	
14	Trợ Phước	1928	Quảng Nam	
15	Nguyễn Thúy	1929	Điện Bàn, Quảng Nam	
16	Thuận	1929	?	

Nguồn: Tác giả thống kê từ Hồi ký của các vị lão thành cách mạng và Lịch sử Đảng bộ các địa phương [11], [12], [14], [23], [24], [146], [162]

Công tác xây dựng và phát triển tổ chức, tập hợp quần chúng của TVCM Đảng Quảng Nam khá hạn chế, tính đến năm 1929, toàn tỉnh mới có gần 20 đảng viên cùng các nhóm cứu tế, học nghề, đọc sách báo...TVCM Đảng Quảng Nam đã xây dựng được một số cơ sở ở nông thôn như Đại Lộc, Điện Bàn, Hòa Vang, nhưng hoạt động rất hạn chế; hoạt động chủ yếu là ở Đà Nẵng thông qua hiệu sách Trung Tân (Đà Nẵng) để phát hành sách báo tuyên truyền và làm nơi đặt trụ sở của tổ chức.

Cuối năm 1929, TVCM Đảng có sự phân hóa mạnh mẽ dẫn đến sự xuất hiện của những chi bộ cộng sản do phái tả trong TVCM Đảng tổ chức. Trên cơ sở đó, 1/1/1930 Đông Dương Cộng sản Liên đoàn được thành lập. Cùng thời gian đó, Tổng bộ TVCM Đảng ở Huế bị tan vỡ, nhiều cán bộ đảng viên bị bắt, ở Quảng Nam các đảng viên TVCM Đảng phân tán đi khắp nơi, hoặc nằm im chờ liên lạc. Sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Quảng Nam ra đời thì họ gia nhập vào Đảng.

Nhìn chung, trong suốt thời gian tồn tại (1926 - 1929), TVCM Đảng Quảng Nam hoạt động khá yếu, công tác phát triển đảng viên, mở rộng tổ chức hạn chế, không trực tiếp vận động được một phong trào đấu tranh nào. Vì vậy, ảnh hưởng của TVCM Đảng ở Quảng Nam không sâu rộng bằng Hội VNCMTN. Bùi Châu thừa nhận:

*“Chúng tôi phát triển Đảng không được rộng rãi, thời gian những năm 1927 – 1928 có nhiều thuận lợi... Nhưng thời gian này, chúng tôi đã bỏ nhiều thời giờ để bàn về vấn đề thống nhất hai tổ chức Đảng và đợi chờ kết quả, nên tổ chức Đảng cũng như tuyên truyền giác ngộ quần chúng không được mạnh mẽ, rộng rãi để có tác dụng thúc đẩy phong trào đi lên hơn nữa” [23, tr.298-299].*

Tuy nhiên, sự ra đời của TVCM Đảng Quảng Nam đã hình thành thêm một tổ chức cách mạng theo đường lối của chủ nghĩa Mác – Lênin, góp phần truyền bá, giác ngộ quần chúng; đặt cơ sở cho sự phát triển của PTCM theo khuynh hướng vô sản ở Quảng Nam trong nửa sau thập niên 20 thế kỷ XX.

Từ sự hình thành và phát triển của Hội VNCMTN và TVCM Đảng ở Quảng Nam, chúng tôi rút ra một số nhận xét như sau:

*Một là, ở Quảng Nam trong những năm 1926 - 1929, có sự hình thành và phát triển song song của cả hai tổ chức Hội VNCMTN và TVCM Đảng. Cả hai đều có khuynh hướng cộng sản và có đóng góp chung trong việc truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào đất Quảng. Trên địa bàn Quảng Nam lúc này, ngoài hai tổ chức trên không có một tổ chức nào khác. Do vậy, hầu như không có đấu tranh gay gắt giữa hai đường lối CMVS và cách mạng tư sản; không có sự tranh giành ảnh hưởng lẫn nhau, cả hai đều có xu hướng thống nhất và đã nhiều lần đặt vấn đề thống nhất nhưng chưa thành công. Trong Hồi ký, Bùi Châu nhận xét: “không có sự va chạm gì, bên nào lo bên ấy, không gây chia rẽ, tranh giành ảnh hưởng lẫn nhau. Đến khi có Đảng Cộng sản ra đời thì hai bên thống nhất lại, thực hiện việc đoàn kết dễ dàng...” [23, tr.298].*

*Hai là*, Hội VNCMTN Quảng Nam hình thành từ 3 đầu mối: Ban vận động Hội VNCMTN do Đỗ Quang vận động thành lập tại Huế sau chuyển về Đà Nẵng hoạt động, nhóm Hội VNCMTN ở Đà Nẵng do Nguyễn Tường phát triển dựa trên cơ sở là Hội Ái hữu lái xe miền Trung và chi bộ Hội VNCMTN tại Hội An do Phan Thêm phát triển xuất phát từ Hội VNCMTN Quảng Trị.

*Ba là*, đầu mối trực tiếp đề đưa chủ nghĩa Mác - Lênin đến với đất Quảng và hình thành Hội VNCMTN Quảng Nam là từ Huế và Quảng Trị, thông qua những học sinh Quảng Nam đang học tại Huế, trọ tại Nhà Hội Quảng Nam. Nơi đây, trở thành “*vườn ươm giáo dục chính trị, tư tưởng, nơi gieo mầm cách mạng*” [23, tr.121] trong lớp thanh niên trí thức đất Quảng đầu thế kỷ XX. Hội VNCMTN Quảng Nam là tổ chức đóng vai trò quyết định trong việc truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin ở Quảng Nam và thúc đẩy PTCM Quảng Nam chuyển biến theo khuynh hướng vô sản.

Sự hình thành và phát triển của hai tổ chức Hội VNCMTN và TVCM Đảng, nhất là Hội VNCMTN đã có tác động to lớn đến sự truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin, đến sự chuyển biến của PTYN và CMQN theo khuynh hướng CMVS, đánh dấu bước phát triển mới về mặt tổ chức chính đảng trong phong trào DTDC Quảng Nam từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918).

Sự ra đời và phát triển của tổ chức Hội VNCMTN cũng như TVCM Đảng ở Quảng Nam là biểu hiện của sự chuyển biến về tư tưởng và tổ chức từ khuynh hướng DCTS sang khuynh hướng vô sản. Đây là cuộc vận động chính trị, một quá trình chuẩn bị về tinh thần, chính trị, tư tưởng và tổ chức cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc trong thời đại mới, là một hình thức quá độ tiến tới thành lập Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Quảng Nam, góp phần vào quá trình hình thành Đảng Cộng sản Việt Nam.

### **3.2.2.2.3. Sự ra đời của Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Quảng Nam**

Những năm cuối thập niên 20 của thế kỷ XX, phong trào DTDC Việt Nam phát triển mạnh mẽ, trong đó Bắc Kỳ là nơi có phong trào mạnh nhất. Kỳ bộ Hội VNCMTN ở Bắc Kỳ phát triển mạnh với số lượng hội viên chiếm hơn ½ (900/ 1600) hội viên của cả nước. Hơn nữa, thông qua phong trào vô sản hóa (từ cuối 1928) và nhất là tác động trực tiếp của phong trào cộng sản qua con đường Trung Quốc dội vào, khiến nhiều hội viên tiên tiến của Kỳ bộ Hội VNCMTN Bắc Kỳ càng sớm nhận thấy được sự cấp thiết phải thành lập một đảng cộng sản để thay thế cho Hội

VNCMTN (đã dần hết vai trò) lãnh đạo và đưa phong trào CMVN tiếp tục tiến lên.

Sau khi đoàn đại biểu Kỳ bộ Hội VNCMTN Bắc Kỳ đưa ra ý kiến phải giải tán Hội VNCMTN và thành lập đảng cộng sản để lãnh đạo CMVN tại Đại hội lần thứ I của Hội VNCMTN (5/1929) không được Đại hội chấp nhận dẫn đến tình trạng phân liệt trong Hội VNCMTN. Ngày 17/6/1929, những người tiên tiến trong Kỳ bộ Hội VNCMTN Bắc Kỳ thành lập Đông Dương Cộng sản Đảng, phát đi tuyên ngôn, cương lĩnh của Đảng và ngay sau đó cử đại biểu đi vào miền Trung, miền Nam để phát triển tổ chức. Hoạt động của Đông Dương Cộng sản Đảng tác động mạnh mẽ đến Kỳ bộ Hội VNCMTN Nam Kỳ và TVCM Đảng. Tổng bộ Hội VNCMTN và Kỳ bộ Hội VNCMTN Nam Kỳ đã quyết định thành lập An Nam Cộng sản Đảng (7/1929); các đại biểu tiên tiến của TVCM Đảng cũng ra tuyên đạt chính thức thành lập Đông Dương Cộng sản Liên đoàn (9/1929).

Sự ra đời của ba tổ chức cộng sản vào cuối năm 1929 khẳng định xu thế phát triển tất yếu, là tiền đề trực tiếp tạo nên bước phát triển nhảy vọt của phong trào CMVN vào đầu năm 1930; chứng tỏ sự thắng thế của khuynh hướng vô sản trong phong trào DTDC Việt Nam. Đó còn là biểu hiện chứng tỏ những điều kiện để thành lập đảng cộng sản đã hoàn toàn chín muồi trong phạm vi cả nước. Tình hình trên, ảnh hưởng đến các tổ chức cách mạng theo xu hướng vô sản ở Quảng Nam.

Trong các tổ chức thuộc Kỳ bộ Hội VNCMTN Trung Kỳ, Hội VNCMTN tỉnh Quảng Nam được chính quyền thực dân xếp vào hàng thứ 5, xét về tầm quan trọng của sự phát triển, sau các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Trị, Quảng Ngãi:

*Cái nôi cách mạng ở trong tỉnh Nghệ An đã cung cấp những thành viên đầu tiên của Hội Thanh Niên và những người tích cực hoạt động nhất; phong trào sau khi đã lan ra tỉnh lân cận là Thanh Hóa rồi được phát triển từ Bắc đến Nam, lan rộng ra các tỉnh khác cho đến Quảng Ngãi. Những tỉnh xét về tầm quan trọng của sự phát triển của Hội Thanh Niên có thể được sắp xếp theo thứ tự sau: 1. Nghệ An, 2. Hà Tĩnh, 3. Quảng Trị, 4. Quảng Ngãi, 5. Quảng Nam, 6. Thừa Thiên - Huế. Ở mỗi tỉnh đó, thành lập một đảng bộ có ủy ban chấp hành của nó là Tỉnh bộ. Quảng Bình, Phú Yên, Khánh Hòa chỉ có vài ủy viên. Điều đó đã được phát giác qua một cuộc xử án [145, tr.15-16].*

Cùng với sự phát triển mạnh của Hội VNCMTN ở Quảng Nam, xu hướng cộng sản ở đây cũng xuất hiện sớm. Cuối năm 1929, trong xu thế thành lập các đảng cộng

sản trên cả nước, nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của PTCM đất Quảng, Đảng bộ Đông Dương Cộng sản đảng tỉnh Quảng Nam được thành lập trên cơ sở Hội VNCOMTN Quảng Nam. Tỉnh ủy lâm thời gồm Phan Văn Định, Phạm Thanh, Nguyễn Thái do Phan Văn Định làm Bí thư. Ở Đà Nẵng vào cuối năm 1929, Xứ ủy Trung Kỳ thành lập Thị ủy Đà Nẵng trực thuộc Xứ ủy do Hồ Sĩ Thiệu làm Bí thư.

Đầu năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời trên cơ sở hợp nhất các tổ chức cộng sản trên phạm vi cả nước. Ở Quảng Nam - Đà Nẵng, tiếp thu chủ trương hợp nhất của Trung ương Đảng, ngày 28/3/1930, BCH Lâm thời Tỉnh Đảng bộ Quảng Nam của Đảng Cộng sản Việt Nam ra thông cáo về việc thành lập Đảng bộ và tổ chức dẫn đạo công nông binh, nhân dân lao động bị áp bức đấu tranh chống đế quốc và phong kiến giành độc lập, tự do dân chủ. [162, tr.79-80]. BCH lâm thời Tỉnh ủy gồm có Phan Văn Định, Phạm Thâm, Nguyễn Thái do Phan Văn Định làm Bí thư; về sau Xứ ủy bổ sung thêm 3 đồng chí vào BCH và Phạm Thâm được cử làm Bí thư thay Phan Văn Định.

Ngay sau khi thành lập, Tỉnh ủy đã cử cán bộ, đảng viên về các địa phương để xây dựng, phát triển hệ thống tổ chức cơ sở đảng. Chỉ trong năm 1930, nhiều chi bộ đảng đã được thành lập trên khắp địa bàn Quảng Nam. Tính đến cuối năm 1930, trên địa bàn Quảng Nam - Đà Nẵng đã hình thành được hệ thống tổ chức cơ sở đảng gồm 1 Tỉnh ủy, 1 Thị ủy, 2 Phủ ủy, 2 Huyện ủy, 18 chi bộ, 3 tổ đảng với tổng cộng 88 đảng viên.

**Bảng 3.5: Số lượng cơ sở đảng và đảng viên ở Quảng Nam - Đà Nẵng cuối 1930**

Phủ/huyện/thị xã	Thị ủy	Phủ ủy	Huyện ủy	Chi bộ	Số lượng đảng viên
Hội An				2	11
Điện Bàn		1		5	22
Đại Lộc			1	2 tổ đảng	4
Duy Xuyên		1		5	29
Thăng Bình					2
Quế Sơn			1	2 và 1 tổ đảng	15
Tam Kỳ				1	5
Đà Nẵng	1			3	10
Tổng cộng	1	2	2	18 và 3 tổ đảng	88

Nguồn: Tác giả thống kê từ lịch sử Đảng bộ các địa phương [11], [12], [14], [18], [146], [162].

Bên cạnh việc phát triển tổ chức Đảng, Tỉnh ủy Quảng Nam còn chú trọng xây dựng hệ thống mạng lưới các tổ chức quần chúng như nông hội đỏ, công hội đỏ, cứu tế đỏ...; các nhóm quần chúng biến tướng như nhóm đọc sách báo tiến bộ, nhóm luyện tập võ nghệ, hội đá bóng... nhằm tập hợp lực lượng quần chúng và tạo nguồn phát triển đảng. Các địa phương như Hội An, Điện Bàn, Đại Lộc, Tam Kỳ là những nơi có hệ thống tổ chức quần chúng được xây dựng sâu rộng trong nhân dân.

Sự ra đời của Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Quảng Nam với đường lối chính trị đúng đắn, sáng tạo, với hệ thống tổ chức chặt chẽ, sâu rộng trong nhân dân đã chấm dứt hoàn toàn thời kỳ khủng hoảng về đường lối và tổ chức lãnh đạo, chấm dứt sự phân hóa của các tổ chức cách mạng trong phong trào CMQN; đánh dấu mốc lịch sử của nhân dân Quảng Nam bước vào thời kỳ mới - thời kỳ đấu tranh DTDC theo ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội dưới sự lãnh đạo thống nhất của Đảng Cộng sản Việt Nam. Sự ra đời của Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Quảng Nam đánh dấu sự chuyển biến hoàn chỉnh về mặt tổ chức cách mạng tại tỉnh Quảng Nam.

### 3.2.2.3. Chuyển biến về phương thức hoạt động

Sự chuyển biến về tư tưởng chính trị và tổ chức của PTYN và CMQN theo khuynh hướng vô sản từ nửa sau thập niên 20 thế kỷ XX tạo tiền đề cho phương thức hoạt động có những chuyển biến quan trọng. PTYN và CMQN từ nửa sau thập niên 20 thế kỷ XX diễn ra với nội dung và hình thức đấu tranh mới, đa dạng, phong phú như tuyên truyền vận động cách mạng, đào tạo huấn luyện đội ngũ, xây dựng phát triển hệ thống tổ chức các hội quần chúng để tập hợp lực lượng, tổ chức các cuộc đấu tranh... nhằm chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho sự ra đời của chính đảng vô sản ở Quảng Nam.

#### 3.2.2.3.1. Tuyên truyền vận động cách mạng

Tuyên truyền vận động cách mạng là phương thức được những người yêu nước theo xu hướng vô sản quan tâm, diễn ra dưới nhiều hình thức phong phú như báo chí, thơ văn, xuất bản phẩm, rải truyền đơn, treo cờ cách mạng, diễn thuyết...

*Báo chí, thơ văn, xuất bản phẩm:* Kế thừa kinh nghiệm của các bậc tiền bối, các thế hệ thanh niên trí thức tân học yêu nước Quảng Nam tiếp tục sử dụng thơ văn, báo chí, xuất bản phẩm... để làm vũ khí đấu tranh trên mặt trận tư tưởng. Tiêu biểu cho thế hệ trí thức mới đất Quảng là Đỗ Quang, Lê Quang Sung, Thái Thị Bôi, Phan Thêm... những người năng động, nhạy cảm sớm được tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lênin và bắt đầu quá trình truyền bá tư tưởng CMVS vào đất Quảng.

Từ trong phong trào bãi khóa của học sinh tại Huế (4/1927), Đỗ Quang đã nhanh chóng tiếp cận số học sinh Quảng Nam đang theo học ở đây và vận động thành lập Ban vận động Hội VNCOMTN Quảng Nam. Cùng với những hoạt động tích cực của Phan Thêm và Nguyễn Tường đã giúp cho chủ nghĩa Mác - Lênin nhanh chóng được truyền bá rộng rãi trên đất Quảng Nam và dẫn đến sự ra đời của các Chi bộ Hội VNCOMTN ở Quảng Nam vào cuối năm 1927.

Trong những năm 1927 - 1929, các chi bộ Hội VNCOMTN ở Quảng Nam tích cực vận động tuyên truyền nhằm phát triển hội viên, xây dựng tổ chức. Tại Đà Nẵng, Chi bộ Hội VNCOMTN Quảng Nam đã cho tuyên truyền cương lĩnh, điều lệ của Hội, in tác phẩm *Đường Kách Mệnh* để làm tài liệu vận động và truyền bá tư tưởng CMVS. Tại Duy Xuyên, Phan Thêm cho chuyển báo *Người cùng khổ* lên Trà Kiệu cho Nguyễn Liệu, Nguyễn Quang Hiệp, rồi dần lan rộng đến số thanh niên, học sinh, giáo giới tiến bộ ở Trà Kiệu, Thi Lai, Mã Châu, Tân Mỹ... [11]. Từ đó, chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng CMVS được truyền bá trên mảnh đất Duy Xuyên, mở đầu cho thời

kỳ vận động thành lập tổ chức đảng cộng sản sau này. Tại Tam Kỳ, nhóm Hội VNCOMTN lập tờ sách *Chiêu Anh thư quán* và thông qua các tổ chức biến tướng như hội đọc sách báo mới, hội bình thơ, hội đá bóng, hội trồng dưa để truyền bá tư tưởng yêu nước, học thuyết Mác - Lênin.

TVCM Đảng mở hiệu sách Trung Tân ở Đà Nẵng làm đại lý cho Quang Hải Tùng thư, phát hành sách báo tiên bộ, truyền bá tư tưởng yêu nước, trong đó có cả sách tuyên truyền tư tưởng CMVS mua từ Pháp, Trung Quốc.

Để đẩy mạnh công tác tuyên truyền, Tỉnh bộ Hội VNCOMTN Quảng Nam thuê ngôi nhà tại xóm Giếng Bộng (nay là đường Trưng Nữ Vương Đà Nẵng) làm cơ quan in ấn truyền đơn, thơ ca cách mạng, tài liệu phục vụ công tác tuyên truyền. Theo Đỗ Quý, ông chính là người được Đỗ Quang giao nhiệm vụ in ấn tài liệu cho tổ chức. “*Giấy in bây giờ là loại giấy bồi của Tây, chúng tôi rọc đôi ra in rất gọn và cuộn lại chuyển đi cũng dễ. Máy móc không có... chúng tôi in bằng đồng sương vừa rẻ tiền vừa nhanh chóng phi tang khi mật thám ập đến*” [23, tr.264-265]. Tài liệu in ấn tại đây không chỉ phục vụ cho công tác tuyên truyền trong tỉnh mà còn được lưu hành ở các tỉnh Trung Kỳ, đặc biệt là tác phẩm *Đường Kách Mệnh* của Nguyễn Ái Quốc [145].

Khi Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Quảng Nam ra đời, công tác vận động, tuyên truyền được đẩy mạnh, ngoài tờ báo *Bể xiêng* của Xứ ủy Trung Kỳ được bí mật lưu hành, Tỉnh ủy Quảng Nam ra báo *Lưỡi cày*, Thị ủy Đà Nẵng ra báo *Còi nhà máy* để làm cơ quan ngôn luận và phương tiện tuyên truyền cách mạng. Tại Hội An, Tỉnh ủy đã cho xây dựng cơ sở bí mật<sup>(1)</sup> để in ấn và phân phối tài liệu, truyền đơn cho các cơ sở đảng ở các phủ, huyện trong tỉnh.

*Rải truyền đơn, treo cờ cách mạng, diễn thuyết*: Rải truyền đơn là hình thức tuyên truyền phổ biến nhất và có tác dụng lớn thúc đẩy sự chuyển biến trong phương thức vận động cách mạng ở Quảng Nam từ cuối những năm 20 thế kỷ XX.

Tại Đà Nẵng, nhân kỷ niệm ngày Quốc tế Lao động 1/5/1928, truyền đơn được rải từ Trường Nữ qua Trại lính khố xanh đến bót tù, từ chợ Hàn xuống sở Bru điện đến gần trại lính khố đỏ [162]. Tại Hội An, nơi có đông đảo đồng bào Hoa kiều sinh sống, Tỉnh bộ Hội VNCOMTN Quảng Nam chủ trương rải truyền đơn vận động đồng bào Hoa kiều kêu gọi trả tự do cho các đồng chí trong Tổng bộ Hội VNCOMTN bị bắt

---

<sup>(1)</sup> Ban đầu đặt tại cơ sở cách mạng, sau đó chuyển qua khu mã vôi Trường Lệ (nay là Cẩm Châu, Hội An). Để đảm bảo bí mật, Tỉnh ủy đã chỉ đạo Trần Thị Dư và Nguyễn Lộc làm đám cưới giả và mua một ngôi nhà ở gần giếng ông Còm (Trường Lệ, Cẩm Châu, Hội An) để đặt cơ sở.

ở Quảng Châu (Trung Quốc). Theo Đỗ Quy, một trong những người trực tiếp thực hiện nhiệm vụ này thì “*mỗi đồng chí trong tổ chức Thanh Niên được giao năm phong bì để sẵn sàng chuyển tận tay cho các nhà Hoa kiều*” [23, tr.265].

Đặc biệt, nhân kỷ niệm cách mạng tháng Mười Nga (7/11/1929), truyền đơn, áp phích, cờ, báo đã được rải, dán, treo với số lượng lớn trên khắp các địa bàn trọng yếu của Quảng Nam, nhất là ở thành phố “nhượng địa” Đà Nẵng. *Báo cáo của cảnh sát trưởng Abadie Albert về việc rải truyền đơn cộng sản, ngày 8/11/1929, cho biết: từ chiều ngày 6/11 (lúc 18 giờ) cho tới 7 giờ sáng hôm sau (7/11) “tổng cộng chúng tôi đã thu được: 450 truyền đơn, 20 áp phích, 4 tờ báo và 5 lá cờ”* [23, tr.350-351]. “*Tóm tắt các tài liệu đó là: “Đả đảo tư bản, đả đảo giai cấp tư sản, lật đổ chính phủ Pháp và chính phủ An Nam. Tường thuật một số cuộc bãi công hay biểu tình”* [23, tr.350]. Truyền đơn “*viết bằng chữ Quốc ngữ và chữ Hán, có huy hiệu búa liềm, in bằng mực đỏ và tím trên giấy trắng thường dùng, cỡ 31x20”* [23, tr.347] và rải tập trung ở những nơi quan trọng, đông người qua lại, tập trung nhiều người lao động như đồn lính khố xanh, trường học, nhà ga, bến tàu, các đường bờ sông, các nhà máy, chợ... với mục đích là đưa các nội dung tuyên truyền đến được với quần chúng một cách nhanh nhất. Theo thừa nhận của cảnh sát và mật thám Pháp thì “*truyền đơn đã vào tay dân chúng*” dù số lượng không nhiều lắm [23].

Trong phong trào cách mạng 1930 - 1931, truyền đơn xuất hiện ngày càng nhiều, phong phú về hình thức. Nhân ngày Quốc tế lao động 1/5/1930, Tỉnh ủy Quảng Nam đề ra chủ trương và tổ chức treo cờ đỏ búa liềm, rải truyền đơn ở khắp các phủ huyện trong tỉnh.

Tại Duy Xuyên, cờ đỏ búa liềm, truyền đơn, biểu ngữ, khẩu hiệu đồng loạt xuất hiện ở nhiều nơi. Cờ đỏ được treo trước phủ đường và trên Cầu Móng để thuyền bè xuôi ngược trên sông Thu Bồn nhìn rõ. Truyền đơn kêu gọi nhân dân đấu tranh đòi:

1. *Giảm thuế thân.*
2. *Ngày làm 8 giờ và tăng lương.*
3. *Phản đối bắt lính, phản đối quốc trái.*
4. *Phản đối đem lính An Nam đi ngoại quốc và đem lính ngoại quốc bán giết nhân dân An Nam.*
5. *Bồi thường cho những người bị nạn trong các cuộc biểu tình.*

## 6. Tự do biểu tình, bãi công [11, tr.38].

Tại Điện Bàn, cờ đỏ được treo ngay trước dinh Tổng đốc Quảng Nam, trước phủ đường, ở Cây Cốc, trên cánh đồng Thanh Hà... [12]. Truyền đơn cách mạng xuất hiện ở nhiều nơi, với nội dung kêu gọi công nhân đấu tranh đòi tăng lương, giảm giờ làm...; nông dân đòi hoãn sưu thuế... Tại Thăng Bình, cờ đỏ được treo trên nóc nhà Lục Giác, trước phủ đường; truyền đơn xuất hiện ở ngã tư Hà Lam, Ngọc Phô... [17]. Tại Tam Kỳ, truyền đơn được rải ở mỏ vàng Bồng Miêu kêu gọi công nhân đấu tranh và tuyên truyền sự ra đời của Đảng Cộng sản. Trong nội thị Đà Nẵng, Hội An và trên tuyến Quốc lộ 1 “*đoạn từ cầu Bà Rén đến Hương An và từ Nam Phước đến cầu Chìm, nơi đâu cũng thấy truyền đơn cách mạng. Nội dung tuyên truyền kêu gọi công nhân đấu tranh đòi tăng lương, bớt giờ làm, chống đánh đập, đòi hoãn sưu thuế cho nông dân*” [162, tr.85.]

Tại trung tâm tỉnh lỵ Hội An, thành phố vốn yên tĩnh này đã có một ngày (1/5/1930) thật sự “náo loạn” với chính quyền thực dân phong kiến. Trong Hồi ký, Trần Kim Bảng<sup>(1)</sup> kể lại:

*Truyền đơn trắng phớ. Trên đường, hàng rào, trên các con đường trước nhà máy đèn, từ đường Chùa Cầu xuống chùa ông Bồn, đường Quảng Đông... đều có. Ở ngã tư giữa hai con đường Hội An và Chùa Cầu có một lá cờ búa liềm to được treo cao mãi tới 9 giờ sáng địch mới tháo xuống được...”* [23, tr.277-278]

Sau đợt đấu tranh ngày 1/5/1930, phong trào tiếp tục phát triển với hình thức đấu tranh mới - các cuộc diễn thuyết công khai được tổ chức ở các địa bàn trọng yếu trong tỉnh. Ở Hội An, cuộc diễn thuyết công khai đầu tiên được tổ chức lúc 12 giờ ngày 24/8/1930, ở gần chùa Quảng Triệu (nay là 76, Trần Phú) do đồng chí Trần Kim Bảng làm diễn giả đã thu hút hàng ngàn người tham dự: “*Đồng chí Trần Kim Bảng giả trang như một nông dân tiến đến mục tiêu, phóng lên một chiếc ghế đá đặt tại đó, tay phát cờ, miệng hô hào quần chúng tham gia dự diễn thuyết... Đồng chí Trần Kim Bảng đồng loạt kêu gọi mọi người đứng lên làm cách mạng, đánh đổ thực dân phong kiến và ủng hộ Xô viết Nghệ Tĩnh*” [162, tr.86].

Sau thắng lợi ở Hội An, các cuộc diễn thuyết chớp nhoáng được Tỉnh ủy tổ

---

<sup>(1)</sup> Trần Kim Bảng là học sinh Quảng Nam học tại Huế, tham gia “Sinh hội đỏ” năm 1929. Năm 1930, được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương, sau đó chuyển về hoạt động tại Hội An giữ chức vụ Phó Bí thư Tỉnh ủy Quảng Nam từ 1930 – 1931.

chức ở Duy Xuyên, Quế Sơn, Điện Bàn. Ở Duy Xuyên, cuộc diễn thuyết được tổ chức tại Gò Rạch, làng Chiêm Sơn Đông thu hút 200 quần chúng của 5 xã Phú Nham, Kiêu Tây, Chiêm Sơn, Đông Yên và Thi Lai tham dự. Cùng với cờ đỏ búa liềm, các khẩu hiệu “Đảng Cộng sản Việt Nam muôn năm!”, “Nhiệt liệt hưởng ứng phong trào đấu tranh của nông dân Nghệ Tĩnh!” được trương lên trong cuộc diễn thuyết. Các cuộc diễn thuyết đã gây tiếng vang lớn, làm cho quần chúng phấn khởi và tin tưởng vào đường lối lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

Như vậy, hoạt động tuyên truyền vận động cách mạng ở Quảng Nam diễn ra sôi nổi, rộng khắp với nhiều hình thức phong phú như báo chí, thơ văn, xuất bản phẩm, treo cờ đỏ, rải truyền đơn, diễn thuyết... Trong đó, rải truyền đơn là hình thức phổ biến nhất, xuất hiện từ sớm (giữa 1928) và mang lại hiệu quả cao. Đó là biểu hiện của sự chuyển biến về phương thức vận động cách mạng theo khuynh hướng vô sản trong PTYN và CMQN từ nửa sau thập niên 20 thế kỷ XX.

#### **3.2.2.3.2. Đào tạo, huấn luyện cán bộ và vận động tài chính**

Sau khi ra đời, Tỉnh bộ Hội VNCMTN Quảng Nam không ngừng đẩy mạnh công tác huấn luyện chính trị, đào tạo cán bộ. Năm 1926, Đỗ Quang là người Quảng Nam đầu tiên được chọn gửi sang Quảng Châu (Trung Quốc) dự lớp huấn luyện do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc mở.<sup>(1)</sup> Đầu năm 1927, sau khi hoàn thành chương trình khóa học, Đỗ Quang được Hồ Tùng Mậu trực tiếp giao nhiệm vụ về nước xây dựng cơ sở cách mạng. Ông đã tích cực tuyên truyền, vận động cách mạng và xúc tiến việc thành lập Hội VNCMTN ở Quảng Nam [16, tr.56-57]. Trong các năm 1928 và 1929, Tỉnh bộ tiếp tục cử người sang dự các lớp huấn luyện do Tổng bộ Hội VNCMTN mở ở Trung Quốc và Thái Lan. Năm 1928, Đỗ Quý (Quế Sơn), Tôn Gia Hoàng, Trần Đình Phù (Đà Nẵng) đi Quảng Châu (Trung Quốc); Lê Quang Sung (Duy Xuyên) đi Thái Lan [16], [145]. Đầu năm 1929, Phan Thêm (Hội An) được cử đi Trung Quốc [14]. Lê Quang Sung đi học về đã mở lớp huấn luyện lý luận cách mạng cho cán bộ cốt cán của tỉnh và từ đó tiếp tục truyền bá lý luận CMVS trong hội viên và quần chúng.

Tháng 9/1928, tiếp thu chủ trương “vô sản hóa” của Tổng bộ, Tỉnh hội Quảng Nam cử một số cán bộ đi vào các nhà máy, đồn điền để cùng lao động và sinh sống với công nhân nhằm rèn luyện phẩm chất, đạo đức và năng lực cách mạng của người cộng sản, đồng thời truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin, giác ngộ giai cấp công nhân

---

<sup>(1)</sup> Chuyến đi này gồm 5 người: Đỗ Quang (Quảng Nam), Nguyễn Thiệu (Quảng Ngãi) và 3 người khác ở Nam Bộ.

chuyên biến lên trình độ tự giác, phát triển hệ thống tổ chức của Hội. Theo đó, Nguyễn Thái được cử vào đồn điền ở Nha Trang, Phan Thêm vào học thợ điện ở Hội An, ... [162].

Hội VNCOMTN Quảng Nam tiến hành nhiều hoạt động để tạo nguồn tài chính. Ngoài khoản nguyệt phí do hội viên đóng góp, Hội còn mở tiệm thuốc bắc Vĩnh Hưng Tường<sup>(1)</sup> (Đà Nẵng) để tăng nguồn thu cho hoạt động; đồng thời, làm cơ quan liên lạc giữa Tỉnh bộ với Kỳ bộ và giữa Kỳ bộ Trung Kỳ với các tỉnh bộ ở miền Nam, miền Bắc [145]. Phần lớn nguồn thu học phí của học sinh Trường Cự Tùng được đưa vào quỹ của Hội; đồng thời, trường còn mở cơ sở sản xuất ghế mây để tăng nguồn thu cho hoạt động. Tại Hội An, Hội VNCOMTN Quảng Nam mở hiệu sách Vạn Sinh ở đường Hội An (nay là đường Lê Lợi) bán sách vở, đồ dùng học sinh để tăng nguồn thu; đồng thời là nơi liên lạc, in ấn tài liệu, truyền đơn.

### 3.2.2.3.3. Xây dựng hệ thống tổ chức các hội quần chúng

Để tập hợp lực lượng, hướng đạo quần chúng làm cách mạng, tạo ra nền tảng cho sự tồn tại và phát triển của tổ chức, Tỉnh bộ Hội VNCOMTN Quảng Nam chú trọng xây dựng, phát triển các tổ chức đoàn thể quần chúng như công nhân, nông dân, thanh niên, phụ nữ và các tổ chức xã hội nghề nghiệp biến tướng khác như hội đá bóng, hội bình thơ, hội đọc sách báo mới... rộng khắp trên hầu hết các địa bàn trọng yếu của tỉnh. Tại Đà Nẵng, Hội đã tập hợp được 20 thanh niên trong Hội Thể thao Đà Nẵng (Sports Touranis), công hội được hình thành và phát triển vào Staca, bưu điện, nhà máy đèn, bến tàu... Hội Hòa Hưng và Ái Hữu lái xe miền Trung trở thành những tổ chức quần chúng của Hội VNCOMTN. Đà Nẵng Nữ công học hội cũng được thành lập (5/1928) với hơn 40 hội viên do Thái Thị Bôi lãnh đạo.

Tại Hội An, những nữ sinh sau khi tham gia phong trào bãi khóa của học sinh ở Huế (1927) trở về và tổ chức ra Nữ công học hội Faifo với 14 hội viên, tích cực tuyên truyền tư tưởng tiến bộ trong phụ nữ, tham gia các hoạt động xã hội. Đầu năm 1928, đội bóng đá và gánh hát “Ô - Rô” (Aurore - Rạng Đông) ra đời, thông qua hoạt động đá bóng và gánh hát để tuyên truyền, vận động và phát triển lực lượng cách mạng. Hội bóng đá “Ô - Rô” với khoảng 30 hội viên, “*gồm đủ các thành phần: thợ may, thợ cắt tóc, thợ nề, thợ mộc, khuôn vác, học sinh, Hoa kiều...*” [23], tổ chức thi đấu giao lưu với nhiều nơi như Bảo An, Tiên Đóa (Thăng Bình), Vĩnh Điện (Điện

---

<sup>(1)</sup> Nằm đối diện nhà lưu niệm cụ Phan Châu Trinh (nay là 72, Phan Châu Trinh, Đà Nẵng) do Nguyễn Quang Châu phụ trách, đồng thời là cơ quan liên lạc của Kỳ bộ Trung Kỳ.

Bàn) “để tỏ tình đoàn kết và khéo léo tuyên truyền tư tưởng mới” [14], [23].

Trong phong trào cách mạng 1930 - 1931, các tổ chức công hội, nông hội, cứu tế được chuyển thành công hội đỏ, nông hội đỏ, cứu tế đỏ; các tổ chức quần chúng biến tướng tiếp tục được duy trì và mở rộng. Hầu hết các địa phương trong tỉnh, nhất là ở những địa bàn trọng yếu như Hội An, Đà Nẵng... đều xây dựng được hệ thống tổ chức các hội quần chúng rộng rãi để tuyên truyền và tập hợp lực lượng cách mạng.

#### **3.2.2.3.4. Tổ chức đấu tranh chống đế quốc phong kiến giành quyền lợi hàng ngày**

Trên cơ sở các tổ chức quần chúng được phát triển rộng khắp, Hội VNCOMTN ở Quảng Nam phát động phong trào đấu tranh đòi dân sinh dân chủ ở các địa phương trong tỉnh. Đầu năm 1928, công nhân hãng vận tải Staca bãi công đòi phụ cấp thêm và đòi được nghỉ có lương sau mỗi chuyến đi. Cuộc bãi công được sự hưởng ứng của các đồng nghiệp ở Quy Nhơn, Nha Trang kéo dài trong 3 ngày khiến công tác vận hành của hãng bị ngưng trệ, buộc giới chủ phải nhượng bộ và chấp nhận yêu sách của công nhân. Cũng tại hãng Staca, vào tháng 7/1929, Hội VNCOMTN Quảng Nam đã vận động rải truyền đơn kêu gọi công nhân bãi công phản đối giới chủ đánh đập công nhân, chống cúp lương, bỏ kiểm tra thẻ vào hãng. Cuộc bãi công kéo dài 1 tuần, gây thiệt hại lớn cho hãng và ảnh hưởng lớn trong thành phố Đà Nẵng, buộc giới chủ phải xin lỗi và chấp nhận yêu sách của công nhân.

Trong phong trào cách mạng 1930 - 1931, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Quảng Nam, các cuộc đấu tranh đòi dân sinh dân chủ tiếp tục nổ ra ở hầu hết các phủ huyện. Điển hình như cuộc nổi dậy của nông dân làng Bích Trâm (Điện Bàn) chống địa chủ thu tô quá mức, bắt người làm công quá giờ; công nhân môi trường Hội An bãi công đòi tăng lương; Nông hội đỏ Quế Sơn mở đại hội nhằm phát triển hội viên và quyên góp ủng hộ cuộc đấu tranh của công nhân Trường Thi và Nam Định... Bên cạnh đó, tại nhà lao Quảng Nam (Điện Bàn), nhà lao Hội An, tù chính trị nổi dậy đấu tranh bằng các hình thức như làm reo, tuyệt thực đòi cải thiện đời sống cho tù nhân. Cuộc đấu tranh kéo dài nhiều ngày, gây xôn xao dư luận, khiến Công sứ Pháp tại Hội An phải xuống tận nhà lao để xem xét và chấp nhận yêu sách của tù nhân.

Như vậy, phương thức hoạt động của PTYN và cách mạng theo khuynh hướng vô sản ở Quảng Nam từ nửa sau thập niên 20 của thế kỷ XX có sự chuyển biến so với PTYN theo khuynh hướng tư sản trước đó. Đặc điểm của phương thức đấu tranh này

là diễn ra trong ôn hòa, quần chúng không có hành động bạo lực. Phong trào diễn ra dưới nhiều hình thức phong phú, đa dạng như xây dựng hệ thống tổ chức đảng và quần chúng, đẩy mạnh huấn luyện đào tạo cán bộ, giáo dục lý luận và tuyên truyền xác lập hệ tư tưởng, lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin trong đảng viên và quần chúng yêu nước, rải truyền đơn, treo cờ cách mạng, diễn thuyết, đình công, bãi công... Tỉnh hội VNCOMTN Quảng Nam khéo kết hợp các hình thức hoạt động công khai với nửa công khai và bí mật, tranh thủ mọi điều kiện dù nhỏ nhất để phát triển tổ chức và đẩy mạnh hoạt động của mình. Là một tổ chức cách mạng, Tỉnh hội VNCOMTN Quảng Nam kết hợp chặt chẽ các hoạt động tuyên truyền, cổ động với tổ chức và đấu tranh; thông qua đấu tranh, tuyên truyền giác ngộ mà mở rộng hàng ngũ, đưa hội viên tham gia đấu tranh của quần chúng và qua đấu tranh mà xây dựng tổ chức về số lượng và chất lượng. Trong đấu tranh, kết hợp đấu tranh toàn diện kinh tế với chính trị tư tưởng.

### **Tiểu kết chương 3**

Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, PTYN và CMQN tiếp tục có sự chuyển biến. Phong trào dân tộc tư sản có nhiều nét mới so với đầu thế kỷ XX và đã tạo ra những tiền đề cần thiết cho sự hình thành PTYN và cách mạng theo xu hướng vô sản ở Quảng Nam.

Sự chuyển biến đáng chú ý của PTYN và CMQN sau Chiến tranh thế giới thứ nhất là sự chuyển biến theo khuynh hướng CMVS được đánh dấu bằng sự ra đời và hoạt động của Hội VNCOMTN, TVCM Đảng mà đỉnh cao của sự chuyển biến đó là sự ra đời của Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Quảng Nam. PTCM 1930 - 1931 dưới sự lãnh đạo của Tỉnh Đảng bộ Quảng Nam dù còn có những hạn chế nhưng đã đánh dấu bước phát triển mới của PTCM Quảng Nam trên các phương diện tư tưởng chính trị, tổ chức và phương thức đấu tranh; khẳng định tính tất yếu của PTCM Quảng Nam theo lập trường vô sản.

Sự chuyển biến của PTYN và CMVN từ những năm 20 thế kỷ XX đến năm 1930, suy cho cùng là sự tìm kiếm, lựa chọn con đường cứu nước đúng đắn, lựa chọn giai cấp lãnh đạo có đủ khả năng và xác định phương pháp vận động cách mạng phù hợp nhất để tập trung sức mạnh cao nhất của quần chúng trong việc giành lại độc lập tự do. Quảng Nam có thể được coi là địa phương tiêu biểu cho sự chuyển biến này ở Nam Trung Kỳ trên cả 3 phương diện tư tưởng mục tiêu, cơ cấu tổ chức lãnh đạo phong trào và phương pháp tiến hành của PTCM . Sự chuyển biến này hợp quy luật,

phù hợp với những điều kiện lịch sử trong nước và địa phương.

Nhìn chung, nhờ có sự chuyển biến, phong trào DTDC ở Quảng Nam từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất đến năm 1930 phát triển ở một trình độ cao hơn về tư tưởng chính trị, tổ chức và phương thức hoạt động trên nền tảng tiếp tục các PTYN từ cuối thế kỷ XIX đến hết Chiến tranh thế giới thứ nhất.

Tính chất dân tộc, cuộc đấu tranh cho độc lập dân tộc, hạnh phúc của nhân dân đã thể hiện trong phong trào DTDC ở Quảng Nam từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất. Sau khi chủ nghĩa Mác - Lênin được truyền bá vào đất Quảng, phong trào giải phóng dân tộc ở Quảng Nam theo khuynh hướng DCTS dần dần chuyển sang khuynh hướng vô sản và được thể hiện trong các tổ chức tiền thân của Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Quảng Nam.

Cùng với sự biến chuyển về mặt tư tưởng chính trị là sự biến chuyển về cơ cấu tổ chức với các hình thức và đường lối từ thấp đến cao. Đặc điểm về mặt tổ chức của PTYN chống Pháp ở Quảng Nam trong thời kỳ này là khi tiếp xúc với tổ chức cách mạng theo khuynh hướng vô sản, những người yêu nước Quảng Nam gia nhập và hoạt động theo đường lối của Thanh Niên. Và sau đó là chuyển tổ chức Thanh Niên sang tổ chức cộng sản dưới ảnh hưởng trực tiếp của Đông Dương Cộng sản Đảng.

Lực lượng tham gia phong trào DTDC ở Quảng Nam từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất về cơ bản giống như thời kỳ đầu thế kỷ XX nhưng có nét chuyển biến mới, chủ yếu là PTYN và có đóng góp của phong trào công nhân. Tầng lớp thanh niên tân học, cùng với trí thức Nho học tiến bộ, trở thành một lực lượng chính (bên cạnh nông dân, công nhân) của phong trào DTDC Quảng Nam.

Với sự ra đời của Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Quảng Nam và phong trào cách mạng trong những năm 1930-1931 đánh dấu sự chuyển biến của phong trào yêu nước và cách mạng Quảng Nam theo lập trường cách mạng vô sản.

Tóm lại, phong trào DTDC ở Quảng Nam từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất đến 1930 đã chuyển biến theo trào lưu chung của cả nước với nét nổi bật của nó là thời kỳ chuẩn bị về tư tưởng, tổ chức và lực lượng; đặt nền tảng cho một phong trào chống Pháp tiếp cận với xu hướng phát triển tiên tiến của thời đại – xu hướng CMVS.

## **Chương 4**

### **ĐẶC ĐIỂM, TÁC ĐỘNG CỦA SỰ CHUYỂN BIẾN PHONG TRÀO YÊU NƯỚC VÀ CÁCH MẠNG QUẢNG NAM TỪ ĐẦU THẾ KỶ XX ĐẾN NĂM 1930**

#### **4.1. Đặc điểm**

##### **4.1.1. Sự chuyển biến của phong trào yêu nước và cách mạng Quảng Nam từ đầu thế kỷ XX đến năm 1930 thể hiện những đặc điểm chung của cả nước**

Sự chuyển biến của PTYN và CMVN trong 30 năm đầu thế kỷ XX, suy cho cùng là quá trình đấu tranh tìm kiếm, lựa chọn và xác định con đường cứu nước đúng đắn, lựa chọn một giai cấp lãnh đạo có đủ khả năng để đưa quần chúng giành lại độc lập tự do. Trong trào lưu chung đó, sự chuyển biến của PTYN và CMQN trong giai đoạn này thể hiện những đặc điểm chung của cả nước.

##### **4.1.1.1. Sự chuyển biến diễn ra liên tục và khá toàn diện gắn liền với vai trò của tầng lớp trí thức yêu nước**

30 năm đầu thế kỷ XX là sự chuyển biến liên tục của các PTYN và cách mạng ở Quảng Nam. Sự chuyển biến đó, diễn ra khá toàn diện từ tư tưởng chính trị đến cơ cấu tổ chức lãnh đạo phong trào và phương thức hoạt động thực tiễn. Đặc điểm này, được thể hiện rất rõ qua sự chuyển biến từ ý thức hệ phong kiến sang khuynh hướng DCTS và từ khuynh hướng DCTS sang khuynh hướng rồi lập trường CMVS mà chương 2 và chương 3 của luận án đã đề cập.

Trong cuộc kháng chiến chống xâm lược Pháp (1858 - 1884), quân dân Quảng Nam là những người đầu tiên đứng lên cầm vũ khí chống kẻ thù. Từ các quan lại triều đình đương chức như Phạm Phú Thứ, tiến sĩ Đỗ Thúc Tịnh, Lâm Hữu Chánh cho đến các quan lại đã nghỉ hưu như Phạm Gia Vĩnh đã nhất tề đứng lên tập hợp nhân dân cùng quân đội triều đình chống giặc. Với tinh thần quả cảm, đoàn kết, quyết tâm chiến đấu vì độc lập tự do, vì chủ quyền thiêng liêng của Tổ quốc, quân dân Quảng Nam và Đà Nẵng đã anh dũng chiến đấu ngăn chặn cuộc tấn công xâm lược đầu tiên của quân Pháp.

PTYN chống Pháp của nhân dân Quảng Nam - Đà Nẵng, diễn ra liên tục, cho dù triều đình nhà Nguyễn từng bước chấp nhận sự bảo hộ của thực dân Pháp (1862, 1874, 1883 và 1884). Phong trào NHQN (1885 - 1887), dưới sự lãnh đạo của Trần Văn Dư, Nguyễn Duy Hiệu là sự tiếp tục cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân Quảng Nam - Đà Nẵng từ năm 1858. Các PTYN chống Pháp của nhân dân Quảng

Nam - Đà Nẵng cuối thế kỷ XIX, dù cuối cùng đều thất bại nhưng đó là sự biểu hiện của tư tưởng chủ chiến, ái quốc; là biểu hiện của sự chuyển biến từ tư tưởng “trung quân” sang trung với nước, vì độc lập dân tộc. Đó chính là tiền đề quan trọng cho sự chuyển biến của PTYN và CMQN Nam từ ý thức hệ phong kiến sang khuynh hướng DCTS đầu thế kỷ XX.

Sang đầu thế kỷ XX, trong bối cảnh lịch sử mới, sĩ phu yêu nước đất Quảng, những người đã trực tiếp tham gia hoặc chứng kiến phong trào Cần Vương ở nửa cuối thế kỷ XIX, chủ động tích cực đổi mới tư duy và trở thành lực lượng khởi xướng lãnh đạo PTYN mới ở Quảng Nam - phong trào DTDC theo khuynh hướng DCTS. Đất Quảng vào đầu thế kỷ XX, là nơi khởi đầu, là trung tâm của cuộc vận động cứu nước giải phóng dân tộc Việt Nam theo khuynh hướng DCTS, với cả hai xu hướng “bạo động” và “cải cách”. Quảng Nam là địa bàn chiến lược của PTDT (1903 - 1908), của DTH (1904 - 1912) và PTĐD (1905-1909), là quê hương của phong trào chống thuế ở Trung Kỳ (1908), là địa bàn chiến lược của cuộc vận động khởi nghĩa năm 1916 ở Trung Kỳ. Tất cả những phong trào đó là những biểu hiện sâu sắc của sự chuyển biến liên tục, mạnh mẽ và toàn diện của PTYN và CMQN từ ý thức hệ phong kiến sang khuynh hướng DCTS.

Các PTYN giải phóng dân tộc Quảng Nam theo khuynh hướng DCTS dù cuối cùng đều không thành công nhưng từ trong các phong trào đó đã tạo ra những tiền đề tư tưởng chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội đưa phong trào giải phóng dân tộc Quảng Nam bước vào giai đoạn phát triển mới - theo khuynh hướng CMVS trong nửa sau những năm 20 thế kỷ XX. Đến đầu năm 1930, lập trường vô sản được xác lập trong PTYN và CMQN.

Sự chuyển biến của PTYN và CMQN trong 30 năm đầu thế kỷ XX, gắn liền với vai trò tiếp thu tư tưởng của thời đại, khởi xướng, tổ chức và lãnh đạo của tầng lớp trí thức yêu nước đất Quảng. Nếu ở cuối thế kỷ XIX, chúng ta đã chứng kiến vai trò tiên phong lãnh đạo, tập hợp nhân dân chống Pháp của các văn thân, sĩ phu yêu nước như Trần Văn Dư, Nguyễn Duy Hiệu, Phan Bá phiến... cùng với sự chuyển biến quan trọng trong tư duy cứu nước của họ từ “trung quân” sang trung với nước, vì độc lập dân tộc. Sang đầu thế kỷ XX, các sĩ phu yêu nước tiến bộ như Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp, Nguyễn Thành... trở thành những đại diện ưu tú phát động và khởi xướng cuộc vận động duy tân cải cách rộng lớn ở Việt Nam, khởi phát từ Quảng Nam rồi lan rộng ra cả nước và đất Quảng trở thành trung tâm của cuộc vận động này. Kế thừa truyền thống yêu nước và cách tân của các bậc tiền bối, thế hệ

trí thức mới Quảng Nam từ nửa sau những năm 20 thế kỷ XX mà đại diện là Đỗ Quang, Lê Quang Sung, Thái Thị Bôi, Phan Thêm... đã chủ động tiếp thu tư tưởng cách mạng của thời đại, trở thành những “hạt giống đỏ”, gieo mầm và thúc đẩy phong trào CMVS Quảng Nam phát triển mạnh mẽ. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Quảng Nam (28/3/1930) là kết quả tất yếu của quá trình chuyển biến liên tục, mang tính kế thừa, gắn với vai trò của tầng lớp trí thức yêu nước đất Quảng.

#### **4.1.1.2. Chủ nghĩa yêu nước truyền thống và tư tưởng cách mạng của thời đại là nền tảng của sự chuyển biến**

Trong 30 năm đầu thế kỷ XX, dưới tác động của các nhân tố trong và ngoài nước, phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam chuyển biến sâu sắc dẫn tới bước ngoặt lịch sử là sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (đầu năm 1930). Đó là kết quả của sự nỗ lực phi thường của cả dân tộc để vượt qua những trở lực to lớn, từ sự hạn chế trong tư tưởng Nho giáo và sự phong tỏa, kìm hãm của chính quyền thực dân. Trong bối cảnh thế giới đầy biến động, các sĩ phu yêu nước và các thế hệ thanh niên trí thức Việt Nam đã không ngừng chuyển biến, tích cực tìm kiếm những giải pháp cứu nước mới, chấm dứt sự khủng hoảng về đường lối giải phóng dân tộc kéo dài từ cuối thế kỷ XIX. Trong đó, sĩ phu yêu nước, thanh niên trí thức đất Quảng là những người đi tiên phong, họ đã chủ động tiếp thu tư tưởng cách mạng của thời đại, dũng cảm thay đổi quan niệm về “trung quân ái quốc” và hướng về tình yêu Tổ quốc, đồng bào.

Sự chuyển biến của PTYN và CMQN từ đầu thế kỷ XX đến 1930, mà trước hết là chuyển biến về tư tưởng chính trị, trải qua nhiều giai đoạn trên nền tảng của chủ nghĩa yêu nước truyền thống, trước sự tương tác của những điều kiện chủ quan và khách quan; đặc biệt sự ảnh hưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng cách mạng của Nguyễn Ái Quốc đã dẫn tới sự chuyển biến mạnh mẽ, đỉnh cao là sự ra đời của chính đảng của giai cấp công nhân, đưa phong trào giải phóng dân tộc Quảng Nam đi vào quỹ đạo của phong trào CMVS.

Chính chủ nghĩa yêu nước, tấm lòng vì dân, vì nước đã đưa Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp, Nguyễn Thành... đến với tư tưởng của Đại cách mạng Pháp 1789, đến với tinh thần dân tộc tự cường của Nhật Bản và Cách mạng Tân Hợi Trung Quốc (1911). Để từ đó, hình thành một khuynh hướng cứu nước giải phóng dân tộc mới ở Việt Nam vào đầu thế kỷ XX - khuynh hướng cách mạng DCTS. Tư tưởng cách mạng của thời đại (tư tưởng dân chủ tư sản) là một trong những nhân

tổ quan trọng tạo dựng nên PTDT (1903 - 1908) khởi phát từ Quảng Nam, rồi lan rộng ra cả nước, tạo thành một cuộc vận động DTDC rộng lớn vào đầu thế kỷ XX ở Việt Nam. Chương Thâu đã khẳng định: “... các danh sĩ yêu nước như Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp do hấp thụ tư tưởng Tân thư đã cùng nhau xốc lên một phong trào Duy Tân rộng lớn ở Trung Kỳ” [150, tr.8].

Kế thừa truyền thống yêu nước của các bậc tiền bối, thế hệ thanh niên trí thức tân học đất Quảng đầu thế kỷ XX đã sớm giác ngộ, chủ động đón nhận chủ nghĩa Mác - Lênin và trở thành nòng cốt trong việc chuyển hóa phong trào DTDC theo khuynh hướng DCTS sang phong trào dân tộc theo khuynh hướng CMVS; trên cơ sở đó, tiến tới thành lập Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Quảng Nam (28/3/1930), mở ra thời kỳ mới - thời kỳ đấu tranh DTDC theo ngọn cờ độc lập tự do và chủ nghĩa xã hội dưới sự lãnh đạo thống nhất của Đảng Cộng sản Việt Nam.

#### **4.1.1.3. Độc lập dân tộc, xây dựng và phát triển đất nước giàu mạnh, văn minh là mục tiêu xuyên suốt của sự chuyển biến**

Sự chuyển biến của PTYN và CMQN trong 30 năm đầu thế kỷ XX là quá trình thay đổi nhận thức trong tư duy cứu nước của lực lượng sĩ phu, trí thức yêu nước khởi xướng và lãnh đạo phong trào. Dù có khác nhau về phương thức tiến hành, nhưng các cuộc vận động yêu nước, cách mạng đều thống nhất với nhau ở mục tiêu là giành lại độc lập dân tộc, hướng đến xây dựng và phát triển đất nước giàu mạnh, văn minh.

Trên thực tế, từ giữa thế kỷ XIX, từ yêu cầu bảo vệ độc lập chủ quyền quốc gia, trước nguy cơ xâm lược của các nước tư bản phương Tây, các sĩ phu yêu nước Quảng Nam và Việt Nam đã có những chuyển biến bước đầu trong nhận thức, họ đưa ra những chủ trương cải cách nhằm làm cho nước mạnh, để đủ sức bảo vệ độc lập dân tộc [155]. Tuy nhiên, đó chỉ là chuyển biến bước đầu chưa mang tính cách mạng, vì chủ trương của họ chỉ là nhằm thực hiện một số thay đổi để nước mạnh hơn chứ chưa đề cập đến vấn đề thay đổi chế độ và xây dựng xã hội mới tiên bộ hơn.

Sang đầu thế kỷ XX, trong bối cảnh đất nước đã mất độc lập chủ quyền, nhân dân bị thực dân Pháp thống trị, yêu cầu cứu nước, cứu dân trở nên cấp thiết. Dưới tác động của xu thế thời đại, tư duy cứu nước của sĩ phu đất Quảng chuyển biến mạnh mẽ mang tính cách mạng. Họ nhận thấy, cứu nước phải gắn với cứu dân, cứu nước phải gắn với duy tân để không chỉ giành lại độc lập chủ quyền mà còn xây dựng, phát triển đất nước giàu mạnh, văn minh. Chính vì vậy, mà các PTYN và CMQN đầu thế kỷ XX, dù diễn ra sôi nổi, với nhiều hình thức, phương pháp khác nhau nhưng tất cả đều

không nằm ngoài mục tiêu tối thượng là độc lập dân tộc và xây dựng phát triển đất nước mạnh giàu.

Từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918), nhất là từ nửa sau thập niên 20 của thế kỷ XX, khi chủ nghĩa Mác - Lênin thâm nhập vào, phong trào giải phóng dân tộc đất Quảng dần chuyển hóa theo khuynh hướng vô sản; tạo nên một phong trào quần chúng cách mạng rộng rãi, với phương pháp đấu tranh và hình thức vận động cách mạng mới, đa dạng, phong phú so với các PTYN và cách mạng trước đó. Và mục đích cuối cùng của PTCM theo lập trường vô sản cũng nhằm giải phóng dân tộc, giải phóng con người và hướng đến xây dựng xã hội mới tiên bộ, văn minh.

#### **4.1.1.4. Sức mạnh đoàn kết của quần chúng nhân dân là động lực của sự chuyển biến**

Sự chuyển biến của PTYN và CMQN trong 30 năm đầu thế kỷ XX, là quá trình chuyển biến liên tục từ ý thức hệ phong kiến sang khuynh hướng DCTS và lên lập trường cách mạng vô sản. Trong đó, sức mạnh đoàn kết của quần chúng nhân dân là động lực tạo ra sự chuyển biến và thúc đẩy phong trào giải phóng dân tộc Quảng Nam tiến lên.

Thực tế lịch sử cuối thế kỷ XIX đã cho thấy sự thất bại của ngọn cờ “trung quân ái quốc” chính là sự thất bại trong việc tập hợp lực lượng quần chúng để tạo ra động lực thúc đẩy phong trào phát triển. Sang đầu thế kỷ XX, trong bối cảnh quốc tế và trong nước có những chuyển biến mới, lực lượng sĩ phu yêu nước tiên bộ đã nhận thức được và đánh giá đúng đắn hơn về vai trò, sức mạnh của quần chúng nhân dân đối với công cuộc giải phóng dân tộc. Họ nhận thấy quần chúng nhân dân là lực lượng bị áp bức bóc lột nặng nề nhất và là lực lượng đông đảo nhất trong xã hội và chỉ khi nào tập hợp được đông đảo quần chúng thì mới tạo nên sức mạnh đoàn kết của cả dân tộc để giành lại độc lập tự do. Chính vì vậy, mà cả Phan Châu Trinh và Phan Bội Châu - những đại diện ưu tú cho phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam đầu thế kỷ XX đều khẳng định vai trò, vị trí trung tâm, quan trọng nhất của nhân dân trong xã hội. Do vậy, mà cả hai cụ Phan đều chủ trương cứu nước không chỉ để khôi phục lại độc lập chủ quyền mà cứu nước gắn với cứu dân, kết hợp cứu nước với duy tân để hướng đến xây dựng phát triển đất nước mạnh, văn minh. Từ đó, họ đặt trọn niềm tin vào nhân dân - động lực chính của các cuộc vận động yêu nước và cách mạng; họ tin tưởng vào tinh thần yêu nước, quyết tâm và khả năng tự lập của người dân, nếu được tập hợp đoàn kết lại thì hoàn toàn có thể đưa đất nước thoát khỏi cảnh

nô lệ, sánh vai với các liệt cường trên thế giới.

Xuất phát từ quan điểm vì dân và hướng đến nhân dân mà các PTYN Quảng Nam đầu thế kỷ XX như PTDT (1903 - 1908), PTĐD (1905 - 1909), phong trào chống sưu thuế năm 1908 và cuộc vận động khởi nghĩa VNQPH năm 1916 đã thu hút đông đảo quần chúng nhân dân tham gia, tạo thành cuộc vận động giải phóng dân tộc sôi nổi, rầm rộ ảnh hưởng ra cả nước. Sự tham gia đông đảo của quần chúng nhân dân là nhân tố quan trọng, là động lực thúc đẩy sự chuyển biến của PTYN và CMQN từ ý thức hệ phong kiến sang khuynh hướng DCTS.

Sau thế chiến thứ nhất, Nguyễn Ái Quốc tìm ra được con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc - con đường CMVS, là con đường giải phóng dân tộc gắn với giải phóng giai cấp, giải phóng con người. Trong đó, quần chúng lao khổ là đối tượng giải phóng chủ yếu của cách mạng. Từ đó, chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng CMVS thâm nhập vào Việt Nam và được các thế hệ thanh niên yêu nước Việt Nam và nhất là quần chúng nhân dân nhiệt tình đón nhận, hình thành con đường cứu nước mới theo khuynh hướng vô sản, phát triển rộng khắp trên cả nước. Sự thâm nhập và truyền bá rộng rãi của tư tưởng CMVS trong quần chúng, đã giúp cho giai cấp công nhân Việt Nam nhanh chóng giác ngộ và rút ngắn quá trình đấu tranh tự phát và dần trở thành một giai cấp tự giác. Nhân dân và các tầng lớp quần chúng khác trong xã hội Việt Nam được giác ngộ và tham gia tích cực phong trào DTDC tạo thành phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc sôi nổi, rộng lớn trên phạm vi cả nước. Sự tham gia tích cực và đông đảo của quần chúng nhân dân đã thúc đẩy PTCM giải phóng dân tộc Việt Nam nói chung và Quảng Nam nói riêng phát triển mạnh mẽ và dần chuyển hóa theo con đường CMVS trong những năm 20 thế kỷ XX. Để rồi đến đầu năm 1930, chuyển biến mạnh mẽ sang lập trường cách mạng vô sản.

Như vậy, có thể khẳng định rằng, quần chúng nhân dân và sức mạnh đoàn kết của quần chúng là động lực của sự chuyển biến PTYN và CMQN nói riêng và Việt Nam nói chung trong 30 năm đầu thế kỷ XX.

#### **4.1.2. Những đặc điểm chủ yếu của quá trình chuyển biến trong phong trào yêu nước và cách mạng Quảng Nam từ đầu thế kỷ XX đến năm 1930**

Ngoài phản ánh những đặc điểm chung của cả nước, do tác động của nhân tố địa phương, sự chuyển biến của PTYN và CMQN từ đầu thế kỷ XX đến năm 1930 còn mang những sắc thái riêng.

#### **4.1.2.1. Quảng Nam là nơi diễn ra sự chuyển biến sớm nhất trong phong trào yêu nước và cách mạng theo khuynh hướng dân chủ tư sản đầu thế kỷ XX**

Tư tưởng duy tân đã xuất hiện ở nước ta từ nửa sau thế kỷ XIX với những người sớm nhạy cảm với thời cuộc như Phan Thanh Giản, Phạm Phú Thứ, Nguyễn Trường Tộ, Nguyễn Lộ Trạch... và Huế là trung tâm của trào lưu cải cách này, nhưng chính kiến của họ không được hưởng ứng, thậm chí còn bị phản đối. Sang đầu thế kỷ XX, trong bối cảnh lịch sử mới, khi tư tưởng cứu nước gắn liền với duy tân đã trở thành một xu thế của thời đại, Phan Châu Trinh, Phan Bội Châu và các đồng chí thấy rằng, tuy ở Huế có đông đảo tầng lớp trí thức nhưng chế độ phong kiến bảo thủ vẫn còn tồn tại nặng nề không thể chuyển những tư tưởng mang tính cách mạng thành một phong trào quần chúng được. Vì vậy, Phan Châu Trinh đã từ bỏ quan trường để cùng với Phan Bội Châu và các đồng chí quyết định chuyển cuộc vận động yêu nước về Quảng Nam.

Theo *Huỳnh Thúc Kháng niên phổ* và *Phan Bội Châu niên biểu*, 12/1903, Phan Bội Châu, Nguyễn Thành, Lê Võ, Đặng Thái Thân cùng Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp mật hội tại Nam Thạnh sơn trang của Nguyễn Thành (Thăng Bình, Quảng Nam) để bàn phương thức cứu nước. Tại hội nghị bí mật này, đã phân hoá thành hai xu hướng cứu nước: Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp cho rằng, trước hết phải tiến hành duy tân cải cách nhằm tạo ra tiềm lực để đi đến giành độc lập tự do và quyết định phát động PTDT ở Trung Kỳ từ đất Quảng Nam; còn Phan Bội Châu và Nguyễn Thành... với xu hướng bạo động, chủ trương trước hết phải đánh Pháp giành độc lập nên quyết định thành lập một tổ chức yêu nước bí mật lấy tên DTH vào 5/1904 [88, tr.35].

Đến đây có thể khẳng định rằng: tư tưởng duy tân đã xuất hiện từ nửa sau thế kỷ XIX và cuộc vận động duy tân theo khuynh hướng DCTS đã manh nha từ Huế trong những năm cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. Tuy nhiên, trào lưu duy tân cải cách thực sự bắt đầu từ Quảng Nam vào đầu thế kỷ XX với sự hình thành của cả hai xu hướng “bạo động” và “cải cách”. Vậy, vì sao Quảng Nam trở thành nơi khởi đầu của sự chuyển biến PTYN theo khuynh hướng DCTS ở Việt Nam vào đầu thế kỷ XX? Hiện thực lịch sử này bắt nguồn từ nhiều yếu tố:

*Thứ nhất*, Quảng Nam là vùng đất có truyền thống công thương nghiệp, có các đô thị chính của miền Trung như Hội An, Đà Nẵng. Từ thời các Chúa Nguyễn, Hội An, Đà Nẵng đã có lúc trở thành những trung tâm hoạt động kinh tế khá phồn thịnh.

Đến thời Pháp thuộc, với chính sách khai thác thuộc địa, Quảng Nam cũng là một khu vực quan trọng với các hoạt động khai thác than (Nông Sơn), đào sông Cu Nhí, đắp đường lên vùng thượng du, xây dựng Cửa Hàn và đặc biệt là hoạt động khai thác vàng Bồng Miêu... đã bóc lột thậm tệ sức lao động, vơ vét tài sản của nhân dân. Đà Nẵng trở thành nhượng địa, được người Pháp đầu tư, xây dựng trở thành thương cảng lớn nhất miền Trung. Đà Nẵng là khu vực hành chính áp dụng cách quản lý đô thị theo mô hình tư bản phương Tây sớm nhất ở Trung Kỳ. Quy mô thành phố dù nhỏ hơn Hà Nội, Hải Phòng nhưng chức năng của nó giống Hội đồng thành phố của Hà Nội, Hải Phòng. Theo thống kê, ngân sách hỗ trợ của Trung Kỳ cho Đà Nẵng và nguồn thu của Đà Nẵng thường lớn hơn các các thị xã khác ở miền Trung. Chẳng hạn năm 1903, thành phố Đà Nẵng được cấp 3000\$ gấp 1.5 lần ở Huế (2000\$) và 3 lần ở Thanh Hoá (1000\$). Huy động nguồn thu của Đà Nẵng trong năm tài chính 1902 (tính đến tháng 1/1903) là 35.940.15\$ gấp 2 lần nguồn thu của Huế (17.700\$) và 7 lần nguồn thu của Quy Nhơn (4.771.39\$) [58, tr.50]. Điều đó cho thấy, Đà Nẵng được người Pháp đầu tư lớn và có cơ chế đặc biệt trong công tác quản lý đô thị; trong đó, việc tổ chức hoạt động công - thương chiếm vị trí quan trọng nhất. Các cơ sở kinh tế mới này, dọn đường cho tư tưởng tư sản tràn vào từ sớm, ngày càng phát triển và củng cố.

*Thứ hai*, sĩ phu Trung Kỳ và Quảng Nam từ cuối thế kỷ XIX đã làm quen ngày càng sâu sắc với tư tưởng tư sản Tây Âu qua các tân thư, tân văn từ Trung Quốc, Nhật Bản tới với sự môi giới của người Hoa đã sinh cơ lập nghiệp ở đây từ lâu. Trong những năm 90 của thế kỷ XIX, nhiều sách báo của phái cấp tiến Trung Quốc theo đường thương mại đã được đưa vào Hải Phòng, Huế, Đà Nẵng, Hội An, Sài Gòn... nơi có đông đồng bào Hoa kiều sinh sống. Theo Nguyễn Văn Xuân, Tân thư này có thể dễ dàng mua được và buôn bán Tân thư trở thành một ngành thương mại quan trọng của người Hoa ở các đô thị lớn... [180, tr.30].

Qua tân thư, tân văn đã giúp cho sĩ phu yêu nước Quảng Nam đương thời từ bỏ nhanh chóng tư tưởng “trung quân”, cung cấp cho họ những hiểu biết mới về tư tưởng chính trị và truyền cho họ ngọn lửa nhiệt tình cách mạng. Nhiều sĩ phu tiến bộ Trung Kỳ và Quảng Nam (Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp...) rủ nhau tìm cách tiếp cận với tân thư, tân văn và hăng hái đứng ra tiếp nhận tư tưởng tư sản phương Tây qua các sách báo nói trên rồi truyền bá trong các tầng lớp nhân dân ở nước ta. Việc đọc được Tân thư đã làm thay đổi sâu sắc trong nhận thức của Phan Bội Châu, giúp ông hiểu được “tình trạng cạnh tranh” của các liệt cường trên thế giới và thấy được “thảm trạng quốc vong chủng diệt”. Phan Châu Trinh đã hồ

hời đón nhận và có sự thay đổi to lớn sau khi đọc được Tân thư. Trong *Phan Tây Hồ Tiên sinh lịch sử*, Huỳnh Thúc Kháng cho biết, sách mới, báo mới nói về dân quyền, tự do dưới sự ảnh hưởng của văn minh Âu Tây; mà trong đó, ảnh hưởng lớn nhất là của Khang Hữu Vi và Lương Khải Siêu. “*Tiên sinh (Phan Châu Trinh) thường qua lại với ông Thân Trọng Huề, Đào Nguyên Phổ mượn sách ấy xem, trong lòng ham thích quên ngủ, quên ăn, từ đó trong tư tưởng đổi hẳn ra một cách mới mẽ*” [89, tr.14].

Trong *Huỳnh Thúc Kháng niên phổ*, tác giả đã xác nhận nhờ được tiếp xúc với Tân thư mà trí thức được mở mang, “*biết được đôi chút biến thiên của thế giới*” [88].

Rõ ràng, Tân thư, Tân văn đã ảnh hưởng sâu sắc đối với sự mở mang trí thức và chuyển biến tư tưởng của tầng lớp trí thức yêu nước Việt Nam và Quảng Nam đầu thế kỷ XX. Trên cơ sở những biến đổi về kinh tế - xã hội, cộng với ảnh hưởng của cuộc vận động duy tân cứu nước ở Trung Quốc, công cuộc duy tân ở Nhật Bản dội vào, tư tưởng DCTS bắt đầu xuất hiện trên vũ đài chính trị Việt Nam mà các sĩ phu yêu nước đất Quảng là những người đi tiên phong. Đó là một trong những nhân tố quan trọng tạo dựng nên PTDT (1903 - 1908), DTH (1904-1912) và PTĐĐ (1905 - 1909) phát khởi đầu tiên từ đất Quảng Nam.

*Thứ ba*, Quảng Nam là vùng đất có truyền thống hiếu học, khoa bảng hàng đầu Việt Nam, đứng đầu các tỉnh Nam Trung Kỳ. Theo thống kê, trong lịch sử khoa cử dưới thời các vua Nguyễn, về số lượng đỗ đại khoa (tiến sĩ, phó bảng) Quảng Nam có 39 vị, đứng thứ 6 trong cả nước và đứng đầu các tỉnh phía Nam kinh đô Huế. Về số cử nhân có đến 252 người đỗ liên tiếp tất cả các khoa thi Hương (nếu chỉ xét đến khoảng năm 1903 thì số người đỗ cử nhân ở Quảng Nam cũng đã gần 100), còn số người đỗ tú tài thì rất nhiều [108, tr.40]. Trong đó, có nhiều nhà khoa bảng nổi tiếng như Hoàng Diệu, Nguyễn Duy Hiệu, Trần Văn Dư, Nguyễn Thuật, Hồ Lệ... Nhiều người có tư tưởng cải cách mạnh như Phạm Phú Thứ, Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp... Hơn nữa, tư duy biện luận cũng là một trong những nét đặc trưng của người Quảng Nam. Tinh thần yêu nước, ý chí đấu tranh kiên cường và tính năng động của người Quảng Nam cũng là một trong những nhân tố tạo dựng nên PTYN giải phóng dân tộc theo khuynh hướng DCTS ở Quảng Nam diễn ra sớm nhất cả nước.

*Thứ tư*, phong trào Cần Vương ở Quảng Nam nói riêng, các tỉnh Nam Trung Kỳ nói chung, tuy hình thành sớm với cuộc khởi nghĩa Lê Trung Đình ở Quảng Ngãi

vào ngày 13/7/1885; nhưng cũng chính tại khu vực này, phong trào Cần Vương kết thúc sớm vào khoảng 9/1887. Điều này cũng ảnh hưởng đến việc sớm xác định con đường cứu mới theo phương hướng tiến bộ hơn. Đó là phải gắn mục tiêu dân tộc với mục tiêu dân chủ trong cuộc đấu tranh chống đế quốc và phong kiến tay sai; phải tăng cường khối đoàn kết dân tộc, phát huy cao độ tinh thần yêu nước trong các tầng lớp nhân dân để phân hóa cô lập kẻ thù; phải đổi mới phương pháp đấu tranh với nhiều hình thức phong phú, đa dạng mới có khả năng đánh bại kẻ thù.

Các sĩ phu yêu nước tiến bộ Quảng Nam - những người khởi xướng các phong trào đấu tranh sôi nổi ở Quảng Nam đầu thế kỷ XX đã từng hít thở không khí Cần Vương, có người đã từng tham gia trực tiếp phong trào NHQN (1885 - 1887): Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp, ... những người đã chứng kiến phong trào Cần Vương, đã khởi xướng PTĐT (1903 - 1908) với chủ trương “khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh” mà Quảng Nam là trung tâm của phong trào này. Một số người trực tiếp lãnh đạo hoặc tham gia phong trào như Tiểu La Nguyễn Thành, Đỗ Đăng Tuyển, Lê Vĩnh Huy, Châu Thượng Văn ... đã cùng với các sĩ phu tiến bộ như Phan Bội Châu, Đặng Thái Thân ... sáng lập tổ chức cứu nước mới - DTH (1904) trên đất Quảng Nam, với chủ trương cứu nước kết hợp với duy tân nhằm giành độc lập tự do cho đất nước bằng con đường bạo động và phát triển đất nước theo con đường văn minh tư sản.

Chính sự tồn tại và phát triển của phong trào Cần Vương đã tác động đến sự hình thành hai xu hướng cứu nước vào đầu thế kỷ XX. Với sự thất bại sớm của phong trào Cần Vương Nam Trung Kỳ (1885 - 1887) là một trong những cơ sở hình thành nên cả hai xu hướng duy tân cải cách và duy tân bạo động đều khởi phát từ đất Quảng Nam. Từ phong trào Cần Vương Nam Trung Kỳ đã tạo ra truyền thống năng động trong việc nắm bắt điều kiện và thời cơ để phát động đấu tranh ở các tỉnh vào đầu thế kỷ XX với PTĐT (1903 - 1908), DTH (1904 - 1912) và PTĐĐ (1905 - 1909). Từ PTĐT và những hoạt động của DTH và PTĐĐ đã dẫn đến phong trào chống sưu thuế quyết liệt, mạnh mẽ ở Trung Kỳ năm 1908 với mục tiêu, qui mô và phương thức đấu tranh sáng tạo chưa từng có từ trước đến đó.

*Thứ năm*, Quảng Nam là đất sinh ra và nuôi dưỡng những người con tiên phong của cuộc vận động cứu nước giải phóng dân tộc Việt Nam đầu thế kỷ XX. Cuộc vận động cứu nước giải phóng dân tộc Việt Nam đầu thế kỷ XX đã thu hút đông đảo nhân sĩ trí thức tham gia, trong đó hầu hết là do người Quảng Nam đứng ra tổ chức và lãnh đạo. Xu hướng duy tân cải cách do Phan Châu Trinh làm đại diện cùng

với những nhân vật tiêu biểu như Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp, Lê Cơ, Lê Văn Huân, Ngô Đức Kế... Trong đó, Phan Châu Trinh là người khởi xướng PTDT; Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp, Lê Cơ đóng vai trò tích cực, to lớn (Huỳnh Thúc Kháng là sử gia của PTDT, Trần Quý Cáp là lãnh tụ thực tế của phong trào, Lê Cơ là nhà thực hành duy tân xuất sắc) đều sinh ra và lớn lên trên mảnh đất Quảng Nam. Xu hướng bạo động duy tân do Phan Bội Châu làm đại diện cùng với những người con Quảng Nam đóng vai trò tích cực như Nguyễn Thành, Châu Thượng Văn, Đỗ Đăng Tuyển, Trần Cao Vân... Dù phân hóa thành hai xu hướng “bạo động” và “cải cách” nhưng họ đều sinh ra, lớn lên và vận động cứu nước giải phóng dân tộc trên vùng đất Quảng Nam này - vùng đất của những con người đầu tiên cầm vũ khí đứng lên chống và chặn đứng những bước chân xâm lược của chủ nghĩa thực dân. Tất cả những yếu tố đó, cùng với việc chứng kiến tận mắt cảnh bóc lột, đàn áp dã man, vợ vệt đến tận cùng của thực dân Pháp đã khiến họ không thể chịu đựng được nữa và phải đứng lên phát cờ vận động cứu nước giải phóng dân tộc; vì thế họ sớm trở thành những người lãnh đạo phong trào.

Quảng Nam không chỉ là nơi sinh ra, nuôi dưỡng những người con tiên phong của cuộc vận động giải phóng dân tộc Việt Nam đầu thế kỷ XX mà còn là đất “tụ nghĩa”, nơi tiếp nhận và trọng dụng tài đức của những người con Việt Nam thiết tha với độc lập dân tộc, với khát vọng xây dựng đất nước mạnh giàu. Các ông Phan Bội Châu, Đặng Thái Thân, Đặng Tử Kính, Nguyễn Quynh ở Nghệ Tĩnh, Tôn Thất Toại ở Thừa Thiên Huế, Tăng Bạt Hổ ở Bình Định, Trần Nhật Thị ở An Giang, Trần Kỳ Phong và Lâm Quán Trung (Võ Quán) ở Quảng Ngãi... đã từng đến Quảng Nam hoạt động và tham gia trong DTH, PTĐD, cuộc vận động khởi nghĩa của VNQP ở Trung Kỳ năm 1916. Đặc biệt, Phan Bội Châu người con ưu tú của dân tộc sau thời gian bôn ba ra Bắc, vào Nam tìm người tâm đắc cứu nước đã dừng lại trên mảnh đất Quảng Nam để cùng với Nguyễn Thành và các sĩ phu yêu nước khác sáng lập DTH - một tổ chức cứu nước tiên tiến lúc bấy giờ, khởi phát cho một xu hướng vận động cứu nước mới ở Việt Nam – xu hướng bạo động duy tân.

#### **4.1.2.2. Quảng Nam - nơi tập trung nhất của sự chuyển biến trong cuộc vận động giải phóng dân tộc Việt Nam đầu thế kỷ XX**

Trong những năm đầu thế kỷ XX, Quảng Nam là địa bàn chiến lược của cả hai phái “bạo động” và “cải cách”. Đầu năm 1889, sau khi trở về từ nhà tù thực dân, Nguyễn Thành bắt đầu thời kỳ “mai danh ẩn tích”, lập Sơn trang Nam Thạnh làm nơi bí mật liên kết với các sĩ phu yêu nước chuẩn bị cho những hoạt động cứu nước sau

này. Trong lúc đó, Phan Bội Châu cũng đã ra Bắc, vào Nam để liên kết các sĩ phu yêu nước cùng thực hiện chủ trương bạo động đánh Pháp giành lại độc lập dân tộc. Năm 1902, ông lên tận vùng Yên Thế (Bắc Giang) để liên kết với nghĩa quân Hoàng Hoa Thám mưu đồ khởi nghĩa nhưng không thành. Đầu 1903, Phan Bội Châu vào Huế và bắt liên lạc với Nguyễn Thành - người đứng đầu dư đảng Cần Vương Quảng Nam và sau đó, ông đã trực tiếp vào Sơn trang của Nguyễn Thành ở Thăng Bình, Quảng Nam để xúc tiến các điều kiện chuẩn bị cho sự ra đời của một tổ chức cứu nước mới.

Tháng 12/1903, trong cuộc họp bí mật bàn về phương thức cứu nước tại Nam Thạnh Sơn Trang của Nguyễn Thành với sự tham gia của Phan Bội Châu, Nguyễn Thành, Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp, Đặng Tử Kính, Lê Võ đã phân hóa thành hai xu hướng “bạo động” và “cải cách”. Phan Bội Châu, Nguyễn Thành với xu hướng bạo động, chủ trương trước hết phải đánh Pháp giành độc lập dân tộc nên quyết định thành lập DTH vào 5/1904. Từ đây, Nam Thạnh sơn trang (Thăng Bình, Quảng Nam) trở thành căn cứ địa cho các hoạt động của DTH. Với sự ra đời của DTH, Quảng Nam trở thành trung tâm thu hút nhân tài, vật lực cho PTĐĐ và các hoạt động tích cực nhằm chuẩn bị cho mục tiêu bạo động đánh Pháp giải phóng dân tộc. Còn Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp không tán thành chủ trương bạo động, mà cho rằng trước hết phải duy tân cải cách đất nước để tạo ra tiềm lực nên quyết định phát động PTĐT. Phái cải cách duy tân dù không thành lập tổ chức chính trị nào, nhưng với những hoạt động tích cực của Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp, Lê Cơ... đã tạo dựng nên PTĐT (1903 - 1908) rầm rộ trên đất Quảng Nam, lan rộng ra Trung Kỳ và ảnh hưởng ra cả nước.

Đất Quảng vào đầu thế kỷ XX, không chỉ là nơi khởi phát, nơi diễn ra tập trung của các phong trào vận động cứu nước giải phóng dân tộc mà còn là nơi có phong trào diễn ra sôi nổi với quy mô rộng lớn nhất. Vào đầu thế kỷ XX, trước yêu cầu của lịch sử, các nhà yêu nước Quảng Nam nhận thức được rằng muốn giành lại độc lập dân tộc thì phải kết hợp cứu nước với duy tân, phải tiến hành khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh; phải tăng cường phát huy nội lực, đồng thời tranh thủ mọi nguồn lực từ bên ngoài để nhân lên sức mạnh nội lực. Nhờ chủ trương phát huy nội lực trên tinh thần “tự lực khai hóa” và đề cao vai trò người dân của PTĐT; phương châm tăng cường xây dựng thực lực cách mạng từ bên trong, đồng thời tranh thủ tối đa các nguồn “ngoại viện” của DTH mà Quảng Nam vào đầu thế kỷ XX trở thành trung tâm hoạt động sôi nổi của cuộc vận động duy tân theo khuynh hướng DCTS ở Việt Nam.

Quảng Nam là đất phát khởi, là nơi có PTĐT diễn ra sôi nổi nhất với sự xuất

hiện của hàng loạt thương hội, nông hội diễn ra tập trung ở đây. Tiêu biểu có Quảng Nam hiệp thương công ty buôn bán vào tận Sài Gòn và ra Hà Nội. Nhiều trường tân học với nội dung và phương pháp dạy học mới tập trung ở Quảng Nam như trường Diên Phong, Phước Bình, Phú Lâm, Cẩm Toại... Nổi bật, nông thôn Quảng Nam là vùng có phong trào diễn ra sôi nổi và rộng khắp với các phong trào cải cách phong tục, lối sống như chống mê tín dị đoan, cắt tóc ngắn, mặc Âu phục, dùng hàng nội hóa... Có nơi phong trào đã phát triển đến mức cực đoan như đón người đi đường để cắt búi tóc, cắt vạt áo dài, xé áo lam, giật thẻ bài của bọn quan lại... Đặc biệt, từ trong phong trào đã hình thành nên những làng duy tân kiểu mẫu mà Phú Lâm thuộc phủ Thăng Bình (nay là Tiên Sơn, Tiên Phước, Quảng Nam) là điển hình về mô hình thực nghiệm xây dựng nông thôn mới. Làng duy tân Phú Lâm do Lê Cơ xây dựng từ đầu 1904 với trường học, hội thương, hội nông, lò rèn, hội bảo hiểm, hương ước... tạo thành một mô hình khép kín toàn diện.

Trường Phú Lâm được lập năm 1904, là trường tân học duy tân sớm nhất toàn quốc. Đáng nói, Lê Cơ đã cho mở lớp học cho nữ sinh, đào tạo được hai nữ giáo viên tại chỗ đứng lớp; là trường có lớp học dành cho nữ sinh duy nhất của cả nước, ngay cả Trường Đông Kinh Nghĩa Thục ở Hà Nội (1907) cũng chưa mở được lớp học cho nữ sinh [109]. Ngoài dạy chữ quốc ngữ là chính, Trường còn dạy tiếng Pháp, riêng tiếng Nhật có một học sinh Đông du từ Nhật trở về dạy. Học sinh còn được học thể dục, võ thuật, học hát ca những bài ca, bài thơ hô hào duy tân, khơi gợi lòng yêu nước. Phú Lâm trở thành ngôi trường tân học “kiểu mẫu” của cả nước. Năm 1906, các sĩ phu Bắc Hà do Dương Bá Trạc dẫn đầu đã vào tận Phú Lâm tìm hiểu cách mở trường để về mở Trường Đông Kinh Nghĩa Thục tại Hà Nội.

Cùng với PTDT diễn ra sôi nổi, là PTĐD do DTH khởi xướng và tổ chức thực hiện đang hoạt động công khai sôi nổi ở bên ngoài nước và bí mật ở trong nước. Qua số liệu thống kê của các nhà nghiên cứu về số lượng học sinh đi du học, cho chúng ta thấy Nam Kỳ là nơi có số học sinh du học đông nhất với khoảng 100 người (Bắc Kỳ: 50, Trung Kỳ: 50); tuy nhiên, Quảng Nam với Nam Thạnh sơn trang đóng vai trò là căn cứ địa, là trung tâm điều hành các hoạt động của DTH và PTĐD ở trong nước. Đó không chỉ là căn cứ địa bí mật, là nơi bàn bạc và quyết định những vấn đề cách mạng quan trọng của DTH mà còn là nơi thường xuyên tổ chức các hoạt động công khai, dưới hình thức là các trò chơi như đá gà, đua ngựa, đánh cờ... nhằm vận động, quyên góp tài chính ủng hộ cho PTĐD. Điều đó cho thấy PTĐD có cội nguồn và trung tâm điều hành đặt tại Quảng Nam.

Phong trào chống sưu thuế bùng nổ đầu tiên ở Quảng Nam không phải là ngẫu nhiên, mà đó là hệ quả tất yếu của cuộc vận động duy tân cứu nước mà cả hai phái “bạo động” và “cải cách” đều lấy Quảng Nam làm căn cứ địa để hoạt động. Phong trào chống sưu thuế bùng nổ đầu tiên ở Đại Lộc và lan ra cả tỉnh Quảng Nam, sau đó phát triển mạnh mẽ khắp Trung Kỳ. Thực tế lịch sử cho thấy, trong suốt 3/1908, Quảng Nam sống trong không khí sôi sục đấu tranh... phong trào ở Quảng Nam lắng xuống thì các tỉnh khác từ Phú Yên đến Thanh Hóa lại bùng lên mạnh mẽ, nhất là ở Quảng Ngãi và Bình Định. Thực tế lịch sử đó, đã chứng minh rằng Quảng Nam là ngôi nỏ, là nơi phát sinh của phong trào chống sưu thuế 1908 ở Trung Kỳ. Quảng Nam là một trong ba địa bàn chiến lược của cuộc vận động khởi nghĩa của tổ chức Việt Nam Quang phục hội ở Trung Kỳ năm 1916.

Cuộc vận động giải phóng dân tộc Việt Nam đầu thế kỷ XX diễn ra sôi nổi, mạnh mẽ và rộng khắp trên phạm vi cả nước. Nam Kỳ sôi nổi với phong trào Minh Tân, dẫn đầu cả nước về số lượng học sinh tham gia PTĐĐ (1905 - 1909); Bắc Kỳ có các hoạt động sôi nổi của Đông Kinh Nghĩa Thục, vụ đầu độc lính Pháp ở Hà Nội (1908); Quảng Ngãi, Bình Định có phong trào chống sưu thuế mạnh mẽ (1908); Nghệ An có nhiều sĩ phu yêu nước tham gia lãnh đạo phong trào hay Huế là địa bàn trọng yếu của cuộc vận động khởi nghĩa năm 1916 ở Trung Kỳ ... Tuy nhiên, nhìn trên phạm vi cả nước chưa có một địa phương nào hội tụ đầy đủ các yếu tố về con người lãnh đạo, địa bàn hoạt động và phong trào diễn ra sôi nổi, tập trung như ở Quảng Nam. Hơn thế nữa, Quảng Nam trong những năm đầu thế kỷ XX còn là nơi hội tụ, gặp gỡ của những tư tưởng lớn nhằm cứu nước, cứu dân - tư tưởng duy tân; để rồi từ đó, cùng với phong trào của nó phát triển lan ra cả nước thành cuộc vận động dân tộc, dân chủ rộng lớn, sôi nổi và mạnh mẽ chưa từng thấy trong lịch sử dân tộc Việt Nam. Như vậy, cả hai xu hướng “bạo động” và “cải cách” đều khởi phát từ đất Quảng Nam, đều do người Quảng Nam tham gia lãnh đạo, đều lấy Quảng Nam làm căn cứ địa và phong trào chịu ảnh hưởng của nó diễn ra mạnh mẽ và tập trung nhất tại Quảng Nam.

Tóm lại, với sự ra đời của PTĐT (1903 - 1908), DTH (1904-1912), PTĐĐ (1905 - 1909) và những hoạt động sôi nổi của các phong trào này đã chứng tỏ Quảng Nam là địa bàn chiến lược của công cuộc vận động cứu nước đầu thế kỷ XX. Tất cả những dẫn chứng trên, cho chúng ta khẳng định rằng Quảng Nam vào đầu thế kỷ XX là nơi khởi phát, là trung tâm đồng thời là nơi hội tụ và là điểm lan tỏa của sự chuyển biến của phong trào cứu nước giải phóng dân tộc Việt Nam theo khuynh hướng DCTS.

#### **4.1.2.3. Trong quá trình chuyển biến, lúc đầu diễn ra sự phân hóa thành các xu hướng trong phong trào dân tộc theo khuynh hướng dân chủ tư sản, dần dần đi đến thống nhất trên con đường chuyển biến theo lập trường cách mạng vô sản**

Thực tế lịch sử cho thấy, vào đầu thế kỷ XX, Quảng Nam đã có đầy đủ các tiền đề về chính trị, kinh tế, xã hội và tư tưởng để bùng nổ PTDT. Và do vậy, Quảng Nam trở thành nơi khởi đầu của PTDT Việt Nam với sự ra đời của cả hai xu hướng bạo động duy tân và cải cách duy tân.

Như đã đề cập ở trên, cả hai xu hướng “bạo động” và “cải cách” trong PTDT Việt Nam đều ra đời trên đất Quảng Nam, trong một cuộc mật bàn về phương thức cứu nước của các sĩ phu yêu nước tiến bộ Quảng Nam và Trung Kỳ. Tại cuộc mật hội này (Thăng Bình, Quảng Nam), do không thống nhất với nhau về mục tiêu trước mắt và phương thức cứu nước mà Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng Trần Quý Cáp với chủ trương cải cách đã quyết định phát động PTDT từ 1903; còn Nguyễn Thành, Phan Bội Châu... với chủ trương bạo động đã quyết định thành lập DTH (1904) và phát động PTĐD (1905 - 1909). Như vậy, ngay từ lúc đầu, Quảng Nam đã là nơi tồn tại sự phân hóa rõ rệt nhất giữa hai xu hướng “bạo động” và “cải cách” của quá trình chuyển biến trong phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam. Tuy nhiên, đó chỉ là sự khác nhau về phương thức cứu nước còn cả hai xu hướng đều thống nhất với nhau ở mục tiêu chung là giành lại độc lập dân tộc, tự do cho nhân dân, xây dựng và phát triển đất nước theo con đường văn minh tiến bộ thuộc phạm trù tư sản.

Sau thế chiến thứ nhất, khi các phong trào sinh ra từ xu hướng “bạo động” và “cải cách” ở Quảng Nam như PTDT (1903 - 1908), PTĐD (1905 - 1909) và cuộc khởi nghĩa VNQPH (1916) đều thất bại, thì các xu hướng “bạo động” và “cải cách” dần dần đi đến thống nhất trong sự chuyển giao thế hệ, trên con đường chuyển biến từ khuynh hướng DCTS sang khuynh hướng CMVS vào nửa sau những năm 20 thế kỷ XX. Quá trình chuyển biến theo khuynh hướng CMVS của PTYN và CMQN từ nửa sau thập niên 20 thế kỷ XX diễn ra trong sự thống nhất, hầu như không có đấu tranh gay gắt, “*không gây chia rẽ, tranh giành ảnh hưởng lẫn nhau*” [23], không có sự phân liệt giữa hai tổ chức cách mạng là Hội VNCOMTN và TVCM Đảng. Điều này khác so với một số tỉnh như Nghệ An và Hà Tĩnh: đầu thế kỷ XX thống nhất theo xu hướng bạo động nhưng đến nửa sau những năm 20 thế kỷ XX lại diễn ra sự phân liệt trong quá trình chuyển biến lên con đường CMVS với sự hình thành hai hệ thống tổ chức của VNCOMTN và sự ra đời của TVCM Đảng, tiến hành đấu tranh giành quyền lãnh

đạo ở địa phương.

Nghệ - Tĩnh là quê hương của Phan Bội Châu, người khởi xướng tư tưởng bạo động. Hơn nữa, đây vốn là vùng đất có truyền thống bạo động vũ trang khi nơi này là căn cứ địa, là địa bàn trọng yếu của phong trào Cần Vương cuối thế kỷ XIX. Do vậy, mà từ đầu thế kỷ XX, PTYN và cách mạng ở Nghệ - Tĩnh đều thống nhất theo xu hướng bạo động của Phan Bội Châu. Từ nửa sau những năm 20 thế kỷ XX, Nghệ - Tĩnh là nơi có tổ chức Hội VNCOMTN ra đời sớm nhất và hoạt động mạnh nhất ở Trung Kỳ. Tính đến cuối 1929 đầu 1930, Nghệ - Tĩnh đã hình thành hai hệ thống tổ chức Hội VNCOMTN (hướng từ Quảng Châu, Trung Quốc và hướng từ Thái Lan) chặt chẽ và rộng khắp từ cấp tỉnh bộ đến huyện bộ và chi bộ cơ sở. Nhưng do điều kiện hoạt động bí mật và sự chỉ đạo thiếu chặt chẽ của Tổng bộ Hội VNCOMTN nên dẫn đến sự phân liệt, chia rẽ, gây nên tình trạng tranh chấp quyền chúng, hiểu nhầm nhau giữa các tổ chức thuộc Hội VNCOMTN Nghệ - Tĩnh.

Trong cùng thời gian này, Nghệ - Tĩnh còn là địa bàn trọng yếu, là nơi có hệ thống tổ chức chặt chẽ và rộng khắp của TVCM Đảng từ cấp tỉnh cho đến huyện, xã với hơn 500 đảng viên [49]. Từ cuối 1929, trong xu thế vận động thành lập Đảng Cộng sản ở Việt Nam, trước sự ảnh hưởng mạnh mẽ của Hội VNCOMTN, TVCM Nghệ - Tĩnh phân hóa sâu sắc dẫn đến những đảng viên nhảy bèn của TVCM Đảng và Hội VNCOMTN ở Nghệ - Tĩnh đã sớm tổ chức được những chi bộ trực thuộc Đông Dương Cộng sản Đảng. Tính đến cuối năm 1929, ở Nghệ - Tĩnh, Đông Dương Cộng sản Đảng đã thành lập được 10 chi bộ với 57 đảng viên; trong đó, có 29 đảng viên Thanh Niên và 14 đảng viên trong Tân Việt tán thành chuyển qua [49, tr.74].

Hay so với Quảng Ngãi, địa phương có mối quan hệ gắn kết về nhiều mặt, thì sự chuyển biến của PTYN và CMQN cũng có điểm khác biệt. Cụ thể: đầu thế kỷ XX, Quảng Ngãi cũng có sự phân hóa thành hai xu hướng “bạo động” và “cải cách” nhưng không tách bạch mà hỗ trợ, phối hợp lẫn nhau và cùng thống nhất trong một tổ chức chung là Hội Duy Tân Quảng Ngãi. Hội Duy Tân Quảng Ngãi (1906) là tổ chức tập hợp hầu hết sĩ phu yêu nước tiến bộ Quảng Ngãi theo cả hai xu hướng “bạo động” và “cải cách”. Chủ trương của Hội là kết hợp xu hướng cải cách và xu hướng bạo động trong con đường cứu nước theo khuynh hướng DCTS với hai hình thức hoạt động công khai và bí mật [95]. Sở dĩ có sự thống nhất trong chủ trương nhưng khi hoạt động lại phân hóa thành hai xu hướng như trên trong PTYN và cách mạng Quảng Ngãi đầu thế kỷ XX là bởi: ngoài những yếu tố khách quan như sự tiếp thu tư tưởng DCTS trong điều kiện kinh tế, xã hội chưa chín muồi, ảnh hưởng của tư tưởng mới

không phải là trực tiếp mà gián tiếp; thì còn có yếu tố chủ quan như trình độ nhận thức của những người tiếp nhận tư tưởng mới không giống nhau, còn chịu ảnh hưởng của tư tưởng phong kiến... Song nhân tố quan trọng vẫn là chủ trương của Hội Duy Tân Quảng Ngãi chịu ảnh hưởng tư tưởng của cả Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh. Cụ thể, từ cuối 1905, trong chuyến Nam du (cùng Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp) để truyền bá tư tưởng cứu nước mới, vận động duy tân, Phan Chu Trinh đã gặp Lê Đình Cẩn, một nhân sĩ yêu nước nổi tiếng lúc bấy giờ tại Quảng Ngãi và trao cho Cử Cẩn các tân thư như “*Mậu Tuất chính biến*”, “*Trung Quốc hồn*”, “*Ấm băng thất*”, “*Lư Thoa tiểu sử*”... Ngoài ra, Phan Châu Trinh còn gặp một số văn thân tiêu biểu là Lê Khiết (vốn là thuộc hạ của Nguyễn Thân) và thức tỉnh họ theo con đường cứu nước mới [95] – con đường duy tân cải cách theo khuynh hướng dân chủ tư sản. Tiếp đó, vào đầu năm 1906, Tăng Bạt Hổ - một nhân vật trọng yếu của DTH, sau khi từ Nhật trở về đã bí mật bắt liên lạc với hầu hết các lãnh tụ của phong trào chống Pháp ở Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định. Nhờ đó, chủ trương cứu nước của Phan Bội Châu được truyền bá đến Quảng Ngãi [95]. Hơn nữa, các sĩ phu yêu nước Quảng Ngãi cũng không phân biệt rạch ròi “bạo động” với “cải cách” mà với lòng yêu nước nhiệt thành, cùng khát vọng xây dựng đất nước giàu mạnh, văn minh đã thôi thúc họ hưởng ứng chủ trương của Hội Duy Tân Quảng Ngãi và nhiệt tình tham gia các phong trào đấu tranh nhằm hướng đến giải phóng đất nước, giành lại độc lập tự do. “*Ngay trong quan niệm và hoạt động thực tiễn, một số sĩ phu yêu nước tiến bộ cốt cán của “Hội Duy Tân” Quảng Ngãi cũng hiểu rằng, bạo động hay cải cách cũng đều là phương thức đấu tranh để đạt mục tiêu cứu nước*” [95, tr.63]. Có lẽ, vì thế mà Lê Đình Cẩn đã cho con trai là Lê Đình Khôi xuất dương theo PTĐD của Phan Bội Châu, dù rằng bản thân ông là người theo xu hướng cải cách của Phan Châu Trinh. Hay Trần Kỳ Phong, một nhân vật tiêu biểu của xu hướng bạo động cũng tích cực tham gia hoạt động cải cách như mở trường học, tham gia lập hội buôn, tiến hành diễn thuyết, kêu gọi duy tân. Tuy nhiên, do tác động của yếu tố lịch sử mà xu hướng bạo động ở Quảng Ngãi có điều kiện phát triển hơn xu hướng cải cách và “*cải cách chỉ là phương tiện, là biện pháp cứu nước trước mắt, là điều kiện để đi đến bạo động*” [95].

Như vậy, so với một số địa phương mà cụ thể là Nghệ - Tĩnh và Quảng Ngãi, quá trình chuyển biến của PTYN và CMQN trong 30 năm đầu thế kỷ XX có những đặc điểm khác biệt đó là: từ đầu thế kỷ XX diễn ra sự phân hóa thành hai xu hướng “bạo động” và “cải cách” trong phong trào dân tộc DCTS nhưng dần dần thống nhất

trên con đường chuyển biến theo khuynh hướng CMVS ở nửa sau thập niên 20 thế kỷ XX.

#### **4.1.2.4. Nông thôn là địa bàn trọng yếu của sự chuyển biến**

Quảng Nam là tỉnh mà thành phần nông nghiệp, nông thôn và nông dân là chủ yếu. Vì vậy, nông thôn là địa bàn trọng yếu thể hiện sự chuyển biến của PTYN và CMQN trong 30 năm đầu thế kỷ XX. Điều này, được thể hiện rõ qua việc các PTYN tiêu biểu ở Quảng Nam như PTDT (1903 - 1908), PTĐD (1905 - 1909), phong trào chống sưu thuế (1908) đều diễn ra ở nông thôn và lấy nông thôn làm địa bàn trọng yếu, sau đó, lan tỏa đến thành thị và các khu vực khác. Đây cũng là đặc trưng nổi bật trong sự chuyển biến của PTYN và CMQN nói riêng, Trung Kỳ nói chung vào đầu thế kỷ XX so với một số địa phương khác ở Bắc Kỳ và Nam Kỳ. Ví như PTDT Bắc Kỳ và Nam Kỳ được hình thành, bắt đầu từ địa bàn đô thị (Đông Kinh Nghĩa Thục ở Hà Nội, Chiêu Nam Lâu ở Sài Gòn...) thì ở Quảng Nam phong trào lại được khởi phát từ địa bàn nông thôn (Phú Lâm, Diên Phong, Quảng Phước...) rồi lan rộng ra cả thành thị (thương cuộc Hội An). Đặc biệt, Phú Lâm (Tiên Sơn, Tiên Phước) – nơi khởi phát của PTDT Quảng Nam lại nằm ở vùng núi non hiểm trở phía Tây của tỉnh Quảng Nam (cách phủ lỵ Thăng Bình gần 30 km về phía Tây), các điều kiện về kinh tế, xã hội và giao thông đi lại hết sức khó khăn nhưng nơi đây đã được các sĩ phu duy tân xây dựng thành làng duy tân “kiểu mẫu”, điển hình của cả nước về mô hình thực nghiệm xây dựng nông thôn mới đầu thế kỷ XX. Báo cáo ngày 10/03/1908 của Công sứ Quảng Nam Charles gửi Khâm sứ Trung Kỳ đã chỉ rõ: Phú Lâm (Tiên Sơn, Tiên Phước) hiện là trung tâm của cuộc sách động gọi là “cải cách”, vùng này hiện nay hầu như không kiểm soát được vì không có đường cho xe qua lại [93].

PTDT ở Quảng Nam được khởi phát từ địa bàn nông thôn, bởi khác với các khu vực khác, duy tân ở Bắc Kỳ với nội dung chủ yếu thiên về văn hóa, giáo dục, tư tưởng và chủ yếu nằm trong hoạt động, tổ chức của Đông Kinh Nghĩa Thục; cuộc Minh Tân ở Nam Kỳ chủ yếu thiên về các hoạt động kinh tế công thương nghiệp; còn ở Quảng Nam quá trình duy tân cải cách thể hiện sự chuyển biến diễn ra toàn diện trên các lĩnh vực từ tư tưởng, chính trị, kinh tế, giáo dục, văn hóa, xã hội nhưng trong đó nổi bật là chủ trương thực nghiệp. PTDT Quảng Nam (1903 - 1908) khởi điểm từ “Hợp thương, Dĩ thương hợp quần” (Hội buôn – Dừng buôn bán để hợp nhau lại), dùng hoạt động kinh tế, chủ yếu là buôn bán làm chỗ dựa cho giáo dục và văn hóa. Nông nghiệp, thương nghiệp được ca ngợi, việc tham gia hội nông, hội thương được coi như là phương thức để làm giàu. Chính đặc trưng này, đã thu hút sự tham gia đông

đảo của quần chúng nhân dân ở những vùng nông thôn, nơi mà những biến đổi của xã hội thuộc địa chưa thâm nhập sâu sắc, làm cho PTDT Quảng Nam có sức lan tỏa mạnh mẽ, trở thành trung tâm của PTDT cả nước đầu thế kỷ XX.

Các PTYN ở Quảng Nam trong 30 năm đầu thế kỷ XX, thu hút đông đảo quần chúng nhân dân tham gia; trong đó, đông đảo nhất là nông dân và người lao động ở nông thôn. Báo cáo của Công sứ Quảng Nam (12/1907), cho biết số người tham gia hội nông, hội thương (trong PTDT Quảng Nam) không ngừng tăng lên, có nơi cả làng đều gia nhập Hội [53]. Trong cuộc vận động khởi nghĩa năm 1916 ở Trung Kỳ, Quảng Nam là một trong ba địa bàn chiến lược quan trọng (cùng với Thừa Thiên - Huế và Quảng Ngãi). Quá trình chuẩn bị khởi nghĩa diễn ra trong thời gian dài (được nhen nhóm từ những năm 1909 - 1912), trên quy mô lớn, thu hút đông đảo các giai cấp và tầng lớp nhân dân tham gia: hoàng tộc, một số quan lại, đông đảo binh lính, các nhà hào phú, nông dân, thợ thủ công, công nhân, đồng bào các dân tộc ít người... Trong đó, nông dân và cư dân ở nông thôn chiếm số lượng đông đảo nhất trong các đội dân binh (trung bình khoảng gần 2000 người /huyện, phủ).

Sự tham gia đông đảo của quần chúng nhân dân chính là động lực tạo ra sự chuyển biến của PTYN và CMQN từ đầu thế kỷ XX đến năm 1930.

#### **4.1.2.5. Quá trình chuyển biến có mối liên hệ gắn kết với sự chuyển biến của phong trào yêu nước và cách mạng ở Đà Nẵng**

Từ thời nhà Nguyễn, Quảng Nam là vùng đất bao gồm thành phố Đà Nẵng và tỉnh Quảng Nam ngày nay. Đến thời thuộc Pháp, Đà Nẵng được tách ra thành đất “nhượng địa” còn Quảng Nam là đất “bảo hộ” của Pháp. Dù được chính quyền thực dân Pháp tách ra thành 2 đơn vị hành chính độc lập nhưng Quảng Nam và Đà Nẵng có mối quan hệ gắn kết về lịch sử, văn hóa và truyền thống đấu tranh cách mạng. Do vậy, trong 30 năm đầu thế kỷ XX, sự chuyển biến của PTYN và CMQN có mối quan hệ gắn kết với sự chuyển biến của PTYN và cách mạng ở Đà Nẵng.

Thực tế lịch sử đã cho thấy, từ giữa thế kỷ XIX, trong cuộc kháng chiến chống xâm lược Pháp, nhân dân Quảng Nam và Đà Nẵng là những người ở tuyến đầu sát cánh cùng nhau thực hiện “vườn không nhà trống”, góp phần quan trọng đánh bại âm mưu đánh chiếm mục tiêu Đà Nẵng, vượt đèo Hải Vân ra Huế buộc triều đình nhà Nguyễn đầu hàng.

Sang đầu thế kỷ XX, với vị thế là cảng biển lớn của khu vực miền Trung, cùng với Hội An, Đà Nẵng trở thành đầu mối quan trọng cho sự du nhập của luồng tư

tướng mới DCTS qua Tân thư, Tân văn với sự môi giới của người Hoa đã sinh cơ lập nghiệp ở đây từ lâu. Tân thư, Tân văn đã ảnh hưởng sâu sắc đối với sự mở mang trí thức và chuyển biến tư tưởng của sĩ phu yêu nước Quảng Nam đầu thế kỷ XX. Đó là một trong những nhân tố quan trọng tạo dựng nên PTDT (1903 - 1908) khởi phát đầu tiên trên đất Quảng Nam. Trong cuộc vận động khởi nghĩa năm 1916 ở Trung Kỳ, Quảng Nam và Đà Nẵng là một trong 3 địa bàn chiến lược quan trọng và Đà Nẵng là vị trí quan trọng chiến lược bậc nhất cần phải nhanh chóng chiếm lấy trong kế hoạch khởi nghĩa ở Quảng Nam. Những năm đầu thế kỷ XX, PTYN và CMQN có sự chuyển biến mạnh mẽ tự lập trường phong kiến sang khuynh hướng DCTS với các phong trào tiêu biểu như PTDT (1903 - 1908), PTĐD (1905 - 1909), phong trào chống sưu thuế ở Trung Kỳ (1908), khởi nghĩa VNQPH (1916)... thì Đà Nẵng là một bộ phận không tách rời góp phần quan trọng của sự chuyển biến đó.

Cuối thập niên 20 thế kỷ XX, PTYN và CMVN chuyển biến theo khuynh hướng vô sản. Đà Nẵng là địa phương tiếp nhận chủ nghĩa Mác - Lênin sớm và là đầu mối quan trọng cho sự hình thành Hội VNCMTN Quảng Nam - cơ sở quan trọng cho sự ra đời của Đảng bộ tỉnh Quảng Nam vào đầu 1930.

Năm 1928, Tỉnh bộ Hội VNCMTN Quảng Nam ra đời dựa trên cơ sở là sự hợp nhất các chi bộ Hội VNCMTN ở Đà Nẵng và Hội An. Trong đó, có hai chi bộ ra đời và hoạt động tại Đà Nẵng. Bên cạnh đó, Đà Nẵng còn là nơi TVCM Đảng Quảng Nam ra đời và hoạt động và sau đó chuyển hóa theo con đường CMVS. Khi Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Quảng Nam được thành lập, đã đặt Đà Nẵng trong sự chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh ủy Quảng Nam. Thông cáo thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Quảng Nam, ngày 28/3/1930 nêu rõ: “... các đồng chí trong chi bộ An Nam Cộng sản Đảng và chi bộ Tân Việt Cách mạng Đảng ở Touranne từ nay được coi như là chi bộ của Tỉnh ủy lâm thời Quảng Nam, cấm mọi hoạt động biệt phái”. [162, tr.80]. Mỗi liên hệ gắn bó giữa Quảng Nam và Đà Nẵng trong quá trình chuyển biến PTYN và cách mạng bắt nguồn từ yếu tố lịch sử và văn hóa lâu đời. Trong thời Pháp thuộc, từ năm 1889, Đà Nẵng trở thành đất nhượng địa, luật pháp có cởi mở hơn so với các tỉnh ở Trung Kỳ, vì vậy đây là một điều kiện thuận lợi để tiến hành các hoạt động yêu nước công khai và bí mật.

Như vậy, quá trình chuyển biến của PTYN và CMQN trong 30 năm đầu thế kỷ XX, từ lập trường phong kiến sang khuynh hướng DCTS rồi lập trường CMVS luôn gắn liền với sự chuyển biến của PTYN và cách mạng ở Đà Nẵng trong cùng thời gian này. Sự chuyển biến của PTYN và CMQN và Đà Nẵng diễn ra đồng thời trong môi

quan hệ gắn bó keo sơn “chia nhưng không tách” dù chính quyền thực dân đã chia ra thành hai đơn vị hành chính độc lập.

## **4.2. Tác động của sự chuyển biến phong trào yêu nước và cách mạng ở Quảng Nam từ đầu thế kỷ XX đến năm 1930**

### **4.2.1. Góp phần tạo nên quá trình chuyển biến của phong trào yêu nước và cách mạng Việt Nam**

Sự chuyển biến của PTYN và CMVN trong 30 năm đầu thế kỷ XX là quá trình chuyển biến lâu dài, khó khăn và phức tạp nhưng có ý nghĩa to lớn. Quá trình đó diễn ra trên phạm vi toàn quốc và thể hiện ở từng địa phương, phản ánh qua nhịp độ phát triển nhanh chóng về tư tưởng chính trị, sự trưởng thành về mặt tổ chức lãnh đạo cũng như các phương thức hoạt động thực tiễn của phong trào.

Trong quá trình chuyển biến đó, Quảng Nam trong 30 năm đầu thế kỷ XX là vùng đất chịu tác động của các điều kiện lịch sử đã có sự chuyển biến kịp thời và toàn diện theo các trào lưu của dân tộc với những đặc trưng nổi bật như đã đề cập ở trên (mục 4.1.2.1 và 4.1.2.2), với sự hình thành và phát triển sôi nổi của PTDT (1903 - 1908), DTH (1904 - 1912) và PTĐD (1905-1909), phong trào chống sưu thuế ở Trung Kỳ (1908), cuộc vận động khởi nghĩa năm 1916 của VNQPH..., đất Quảng trở thành nơi khởi phát của nhiều PTYN và cách mạng, là trung tâm; đồng thời là điểm lan tỏa của cuộc vận động giải phóng dân tộc Việt Nam đầu thế kỷ XX. Chính vì vậy, sự chuyển biến của PTYN và CMQN trong giai đoạn này đã góp phần to lớn vào sự chuyển biến chung của PTCM Việt Nam từ lập trường phong kiến sang khuynh hướng DCTS, từ khuynh hướng dân chủ tư sản lên lập trường tư sản, và chuyển biến sang CMVS. Đóng góp của PTYN và CMQN được thể hiện trên cả ba phương diện: tư tưởng chính trị, tổ chức và phương thức hoạt động.

#### **\* Về tư tưởng, chính trị**

Từ cuối thế kỷ XIX, trong quá trình tham gia PTYN chống Pháp, sĩ phu yêu nước Quảng Nam đã chứng kiến sự thất bại của hệ tư tưởng phong kiến trước yêu cầu của lịch sử dân tộc. Sang đầu thế kỷ XX, trong những điều kiện lịch sử mới, sĩ phu yêu nước tiến bộ đất Quảng đã có sự chuyển biến nhanh chóng trong tư tưởng và hành động. Họ chủ động tiếp thu và truyền bá tư tưởng mới; phát động các phong trào đấu tranh yêu nước mới; mở ra hướng đi mới trong quá trình tìm kiếm giải pháp cứu nước, giải phóng dân tộc Việt Nam đầu thế kỷ XX – con đường cứu nước theo khuynh hướng DCTS. Song cuối cùng, các PTYN ở Quảng Nam đầu thế kỷ XX đều không

thành công, chứng tỏ sự bất lực của ý thức hệ tư sản trước các nhiệm vụ của lịch sử.

Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918), ở Quảng Nam, các PTYN theo khuynh hướng DCTS vẫn tiếp tục phát triển với các phong trào đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ, thu hút đông đảo các tầng lớp trong xã hội tham gia như học sinh, sinh viên, trí thức, công chức, tư sản, công nhân, nông dân... Từ trong các phong trào đó, nhiều tổ chức yêu nước ra đời trên vùng đất Quảng Nam như Hội Đức Trí Thể dục, Hội Ái hữu lái xe miền Trung... Trên cơ sở phong trào đấu tranh dân tộc dân chủ, tầng lớp thanh niên trí thức yêu nước đất Quảng đầu thế kỷ XX dần chuyển biến theo con đường CMVS.

Vào nửa sau những năm 20 thế kỷ XX, chủ nghĩa Mác – Lênin đã được truyền bá vào đất Quảng. Trí thức yêu nước thế hệ mới Quảng Nam, mà đại diện là Đỗ Quang, Đỗ Quý, Phan Thêm, Lê Quang Sung, Thái Thị Bôi... đã chủ động tiếp thu và truyền bá tư tưởng chủ nghĩa Mác – Lênin vào đông đảo quần chúng nhân dân đất Quảng. Từ đó, tư tưởng yêu nước của người dân xứ Quảng được soi sáng bởi lý tưởng cộng sản, mở ra con đường giành độc lập tự do. Với truyền thống yêu nước, tinh thần đấu tranh vì độc lập tự do, nhân dân Quảng Nam đã sớm giác ngộ, mở lòng đón nhận và nuôi dưỡng nhưng “hạt giống đỏ” từ trong tổ chức Hội VNCMTN thành lập năm 1927, Đảng bộ Đông Dương Cộng sản Đảng Quảng Nam (1929) và đến ngày 28/ 3/ 1930, Đảng CSVN tỉnh Quảng Nam được thành lập. Sự ra đời của Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Quảng Nam đầu năm 1930 đánh dấu sự thắng lợi của con đường cứu nước theo lập trường vô sản. Thắng lợi đó như là một lôgic lịch sử tất yếu.

Sự thắng thế của tư tưởng CMVS ở Quảng Nam trong những năm 20 thế kỷ XX - đầu năm 1930 được thể hiện bằng sự ra đời và hoạt động mạnh mẽ của các chi bộ Hội VNCMTN và sự thành lập Hội VNCMTN tỉnh Quảng Nam từ khá sớm (1927). Trong khi đó, ở Quảng Nam không có sự xuất hiện của Việt Nam Quốc dân Đảng, còn TVCM Đảng dù ra đời sớm nhưng hoạt động và ảnh hưởng trong quần chúng yếu ớt (cả tỉnh chỉ có 1 chi bộ với gần 20 đảng viên). Do đó, tư tưởng CMVS đã thắng thế ngay từ đầu và gần như chiếm thế độc tôn trong PTYN và CMQN từ nửa sau những năm 20 thế kỷ XX.

Sự chuyển biến của PTYN và CMQN trong 30 đầu thế kỷ XX, từ lập trường phong kiến sang khuynh hướng DCTS rồi lên lập trường CMVS đã xác định con đường cứu nước giải phóng dân tộc đúng đắn cho nhân dân Quảng Nam – con đường CMVS; góp phần khẳng định sự thắng lợi của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng

CMVS ở Việt Nam.

**\* Về cơ cấu tổ chức**

Trước Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918), PTYN chống Pháp ở Quảng Nam dù diễn ra sôi nổi, mạnh mẽ và rộng khắp với PTDT (1903 - 1908), PTĐĐ (1905 - 1909), phong trào chống sưu thuế (1908), khởi nghĩa VNQPH (1916)... nhưng chưa có một tổ chức lãnh đạo thống nhất, chưa có một giai cấp đủ năng lực để đưa phong trào đi đến thắng lợi cuối cùng. DTH (1904) rồi đến VNQPH (1912) dù trải qua quá trình cải tổ, có nhiều tiến bộ trong cơ cấu tổ chức nhưng xét cho cùng thì VNQPH cũng chỉ tiến gần tới một chính đảng cách mạng chứ chưa phải là một chính đảng cách mạng thật sự. Sau thế chiến thứ nhất, nhất là từ nửa sau thập niên 20 thế kỷ XX, trong xu thế phát triển mạnh mẽ của phong trào cộng sản quốc tế, các tổ chức có cội nguồn từ DTH như Tâm Tâm xã, Phục Việt đã thừa nhận vai trò của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và hăng hái chuyển hóa theo khuynh hướng vô sản. Ở Quảng Nam, dù không có tổ chức Phục Việt nhưng những hoạt động của Huỳnh Thúc Kháng (thành viên chủ chốt của Phục Việt) và các phong trào DTDC của các giai tầng khác đã tạo ra mảnh đất màu mỡ cho sự thâm nhập của chủ nghĩa Mác – Lênin, là cầu nối cho sự chuyển hóa và ra đời của các tổ chức theo khuynh hướng vô sản như Hội VNCOMTN, TVCM Đảng. Từ cuối năm 1927, các chi bộ Hội VNCOMTN đã ra đời và hoạt động mạnh mẽ, đến đầu năm 1928, Tỉnh bộ Hội VNCOMTN Quảng Nam được thành lập. Đầu năm 1930, Đảng bộ Đảng CSVN tỉnh Quảng Nam ra đời với 18 chi bộ, 3 tổ đảng, gần 90 đảng viên. Hệ thống tổ chức chặt chẽ của Đảng bộ Cộng sản tỉnh Quảng Nam là hạt nhân lãnh đạo các phong trào đấu tranh của quần chúng đòi quyền sống và độc lập dân tộc ở Quảng Nam trong cao trào cách mạng 1930 – 1931.

Thành phần lãnh đạo PTYN và CMQN trong 30 năm đầu thế kỷ XX cũng có chuyển biến. Nếu ở cuối thế kỷ XX, lãnh đạo phong trào là sĩ phu và văn thân yêu nước; sang đầu thế kỷ XX, sĩ phu yêu nước tiên bộ (tầng lớp trí thức phong kiến tư sản hóa) hoàn toàn nắm vai trò lãnh đạo và khởi xướng các PTYN mới. Từ sau thế chiến thứ nhất, dù tầng lớp sĩ phu yêu nước tiên bộ vẫn còn có vai trò nhưng quyền lãnh đạo phong trào thuộc về tầng lớp trí thức tân học. Đây là lực lượng giữ vai trò quan trọng, là cầu nối cho sự chuyển giao thế hệ lãnh đạo, là bước chuyển tiếp trên con đường chuyển biến theo con đường CMVS của PTYN và CMQN.

**\* Về phương thức hoạt động**

Nếu ở cuối thế kỷ XX, đấu tranh vũ trang là phương thức vận động chủ yếu

của PTYN chống Pháp Quảng Nam thì sang đầu thế kỷ XX, dưới sự dẫn đạo của sĩ phu yêu nước tiên bộ, phong trào DTDC đất Quảng tiếp tục phát triển mạnh mẽ với hai phương thức chủ yếu là bạo động duy tân và cải cách duy tân. Sự kết hợp giữa “bạo động” và “cải cách; vận động xây dựng thực lực cách mạng từ bên trong với tranh thủ mọi nguồn lực từ bên ngoài là những đặc trưng nổi bật của PTYN và CMQN trong phương thức vận động nhằm hướng đến mục tiêu chung là độc lập cho dân tộc, tự do dân chủ cho nhân dân, xây dựng và phát triển đất nước theo con đường văn minh tư sản.

Sau thất bại của cuộc khởi nghĩa VNQP Hội (1916), nhất là từ sau thế chiến thứ nhất, trong bối cảnh lịch sử mới, phong trào DTDC Quảng Nam chủ yếu diễn ra với phương thức đấu tranh ôn hoà gắn liền với vai trò của tiểu tư sản, trí thức.

Từ nửa sau thập niên 20 thế kỷ XX, PTYN và CMQN chuyển biến mạnh mẽ theo khuynh hướng CMVS với hai phương thức vận động chủ yếu là bí mật và công khai, cùng nhiều hình thức, phương pháp đấu tranh mới, đa dạng như bãi khóa, bãi công, biểu tình, diễn thuyết, rải truyền đơn, treo cờ cách mạng... Tựu trung lại, đó chính là quá trình vận động xây dựng lực lượng cách mạng để tiến tới vũ trang giành chính quyền.

Quá trình chuyển biến về phương thức đấu tranh của PTYN và CMQN trong 30 năm đầu thế kỷ XX, từ đấu tranh vũ trang là chủ yếu sang kết hợp bạo động duy tân với cải cách duy tân; xây dựng nội lực với tranh thủ thủ ngoại lực, rồi đến kết hợp vận động đấu tranh bí mật và công khai, tập trung xây dựng lực lượng cách mạng nhằm hướng đến vũ trang giành chính quyền. Đó chính là quá trình thay đổi, thử nghiệm những hoạt động thực tiễn mới, đa dạng phong phú và ngày càng quyết liệt hơn để xác định phương pháp vận động phù hợp nhất, tập trung lực lượng ở mức cao nhất cho mục tiêu vũ trang giành lại chính quyền. Kết quả của quá trình đó là phương thức vận động theo khuynh hướng CMVS đã được lịch sử lựa chọn, đó là phương pháp vận động phù hợp nhất và đã được kiểm chứng trong phong trào cách mạng 1930 – 1931, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Quảng Nam.

Sự chuyển biến của PTYN và CMVN trong 30 năm đầu thế kỷ XX, suy cho cùng là sự tìm kiếm, lựa chọn con đường cứu nước đúng, lựa chọn giai cấp lãnh đạo đủ khả năng và xác định phương pháp vận động cách mạng phù hợp nhất để tập trung sức mạnh cao nhất của quần chúng trong việc giành lại độc lập tự do. Quảng Nam có

thể được coi là địa phương tiêu biểu cho sự chuyển biến này trên cả 3 phương diện tư tưởng mục tiêu, cơ cấu lãnh đạo phong trào và phương pháp tiến hành của phong trào cách mạng cả nước trong giai đoạn này ở khu vực Nam Trung Kỳ. Đó là những biểu hiện góp phần chứng minh rằng phong trào CMVS ở Quảng Nam và Việt Nam nói chung hình thành phát triển luôn tuân theo quy luật tất yếu của cuộc đấu tranh cứu nước giải phóng dân tộc trong điều kiện thời đại mới. Đó chính là quá trình đấu tranh lựa chọn hệ tư tưởng cách mạng và khoa học, lựa chọn giai cấp lãnh đạo đủ khả năng để đưa cách mạng đến thành công. Và cuối cùng tư tưởng cách mạng hơn, khoa học hơn, giai cấp tiên bộ hơn đã giành thắng lợi - tư tưởng CMVS, tư tưởng cứu nước giải phóng dân tộc đúng đắn và khoa học mà Nguyễn Ái Quốc đã lựa chọn với sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam - đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam. Do đó, có thể khẳng định rằng, sự chuyển biến của PTYN và CMQN trong giai đoạn này góp phần vào sự chuyển biến chung của PTYN và CMVN theo con đường tiên bộ.

#### **4.2.2. Góp phần vào quá trình chấn hưng nội lực của dân tộc**

Nội lực là nhân tố quan trọng quyết định đến sự thành bại của cuộc cách mạng, sự hưng thịnh của một quốc gia, thúc đẩy quá trình phát triển lịch sử của một dân tộc. Do vậy, chấn hưng nội lực là quá trình nhằm tạo ra tiềm lực bên trong vững chắc cho công cuộc giải phóng dân tộc, xây dựng và phát triển đất nước đến tiên bộ văn minh. Sự chuyển biến của PTYN và CMVN và Quảng Nam trong 30 năm đầu thế kỷ XX về thực chất đó là quá trình nhằm tạo ra tiềm lực cho công cuộc giải phóng dân tộc, giành lại độc lập, tự do cho nhân dân.

Lịch sử dân tộc đầu thế kỷ XX cho thấy, trong điều kiện đất nước mất độc lập chủ quyền, nhân dân đang bị đô hộ, nguồn tài lực của đất nước đang bị ngoại bang chiếm đoạt, nội lực dân tộc đang suy yếu nghiêm trọng; các sĩ phu yêu nước Quảng Nam và Việt Nam đã tích cực tìm kiếm, lựa chọn con đường và phương thức nhằm tạo ra tiềm lực chấn hưng nội lực dân tộc hướng đến đòi lại độc lập chủ quyền, xây dựng và phát triển đất nước mạnh giàu. Sự bùng nổ và diễn ra rầm rộ của cuộc vận động giải phóng dân tộc đầu thế kỷ XX theo khuynh hướng DCTS với cả hai xu hướng “bạo động” và “cải cách” mà Quảng Nam là nơi khởi phát; đồng thời là trung tâm của cuộc vận động này là minh chứng rõ nét. Cuộc vận động giải phóng dân tộc theo khuynh hướng DCTS khởi phát từ đất Quảng Nam tuy không đi đến thắng lợi cuối cùng nhưng nó có ý nghĩa to lớn cả về lý luận và thực tiễn. Qua cuộc vận động này, tinh thần yêu nước, ý thức tự lực, tự cường của dân tộc và dân quyền cho nhân dân được nâng cao. Trên thực tế, cuộc vận động yêu nước và cách mạng theo khuynh

hướng DCTS đầu thế kỷ XX đã thực hiện được nhiều mục tiêu đặt ra, tạo ra sự chuyển biến nhất định về kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục. Do vậy, cuộc vận động giải phóng dân tộc ở Quảng Nam đầu thế kỷ XX nói riêng và Việt Nam nói chung đã góp phần vào quá trình chấn hưng nội lực của dân tộc, tạo tiềm lực để đưa công cuộc giải phóng dân tộc đi đến thành công.

Tất cả những hoạt động của PTYN và CMQN trong 30 năm đầu thế kỷ XX đều mang ý nghĩa cổ động lòng yêu nước, đòi độc lập tự do, phát triển đất nước theo con đường văn minh tiến bộ. Sự chuyển biến của PTYN và CMQN đã đánh dấu sự đổi mới trong tư duy cứu nước của những người yêu nước đất Quảng, góp phần tấn công vào thành trì của chế độ phong kiến lạc hậu và chính sách áp bức bóc lột của thực dân; nêu cao vấn đề dân chủ, dân quyền, mở đường cho tư tưởng dân chủ phát triển; góp phần quan trọng vào công cuộc chấn hưng nội lực của dân tộc (khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh; xây dựng và phát triển thực lực cách mạng từ bên trong...), xây dựng nền văn hóa mới, nền học thuật mới đưa dân tộc Việt Nam tiếp cận với văn minh phương Tây; góp phần thúc đẩy nền công thương nghiệp dân tộc phát triển, tạo nền tảng cho sự chuyển biến nhanh chóng của PTYN và CMQN theo khuynh hướng vô sản từ nửa sau thập niên 20 thế kỷ XX. Sự chuyển biến đó còn là sự tiếp nối và phát triển lên tầm cao mới, trong những điều kiện mới của truyền thống Duy tân, Cải cách, Đổi mới của dân tộc Việt Nam; thể hiện sự quyết tâm đổi mới, biểu hiện sự nhạy bén, kịp thời hòa nhập của người dân Quảng Nam vào xu thế chung của thời đại.

#### **4.2.3. Khởi đầu cho sự hội nhập quốc tế và xây dựng địa bàn hoạt động ở nước ngoài**

##### ***4.2.3.1. Hướng hội nhập của Duy Tân hội***

Đầu thế kỷ XX, trong sự bế tắc về con đường cứu nước giải phóng dân tộc, các sĩ phu yêu nước tiến bộ Quảng Nam và Trung Kỳ đã hướng ra bên ngoài để tìm kiếm sự giúp đỡ cho công cuộc giải phóng. Chính quá trình ấy, đã đặt nền móng cho sự hội nhập với thế giới và xây dựng địa bàn hoạt động ở nước ngoài cho CMVN, góp phần quan trọng vào việc truyền bá tư tưởng cách mạng, xác lập mối liên hệ với PTCTM thế giới, tạo điều kiện thúc đẩy phong trào giải phóng dân tộc phát triển.

Để thực hiện chủ trương “cầu viện”, theo ý kiến của Nguyễn Thành, Phan Bội Châu và các đồng chí sáng lập DTH đã lên đường sang cầu viện Nhật Bản. Trên đất Nhật, sau khi nhận được những lời khuyên chân thành của các nhà duy tân Nhật Bản, Trung Quốc, Phan Bội Châu đã quyết định chuyển từ cầu viện quân sự sang cầu học

theo như kế hoạch dự báo trong cuộc hội kiến giữa Nguyễn Thành và Phan Bội Châu trước khi xuất dương. Đây là cơ sở để tạo dựng nên PTĐĐ phát triển mạnh mẽ từ Bắc đến Nam. Tính đến 1908, đã có hơn 200 học sinh Việt Nam sang Nhật Bản theo tiếng gọi “Đông Du”.

Sau phong trào chống sưu thuế 1908 ở Trung Kỳ, Pháp cấu kết với Nhật Bản trục xuất du học sinh Việt Nam, PTĐĐ dần tan rã, Phan Bội Châu và những người lãnh đạo DTH bắt đầu hướng sang cách mạng Trung Quốc, liên kết các dân tộc bị áp bức Á Đông để cùng chống chủ nghĩa thực dân giải phóng các dân tộc.

#### **4.2.3.2. Hướng hội nhập của Phan Châu Trinh**

Để giải quyết cuộc khủng hoảng về đường lối cứu nước đầu thế kỷ XX, DTH và Phan Bội Châu - những người theo chủ trương bạo động đã hướng đến Nhật Bản, Trung Quốc thực hiện PTĐĐ. Riêng Phan Châu Trinh, kiên định con đường bất bạo động, bất vọng ngoại; chủ trương “ý Pháp cầu tiến bộ”, nhằm tận dụng điều kiện công khai hợp pháp trên lề đường chật hẹp do luật pháp của chế độ thực dân Pháp tạo ra để tiến hành khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh hướng đến giành độc lập hoàn toàn cho dân tộc.

Phan Châu Trinh chủ trương giành độc lập bằng hai giai đoạn: trước tiên là đòi thiết lập chế độ tự trị cho nhân dân Việt Nam, sau đó mới tính đến việc giành độc lập hoàn toàn.

Sau khi tìm ra nguyên nhân mất nước, Phan Châu Trinh chủ trương canh tân để cứu nước. Tiền đề cơ bản và trước hết cho công cuộc canh tân đất nước là khai dân trí; trong đó, giáo dục là yếu tố quan trọng hàng đầu. Điều này, đã được Phan Châu Trinh khẳng định: “*Tôi chỉ có một lời để nói với đồng bào, không gì bằng học (duy hữu nhất ngôn dĩ cáo ngô đồng bào. Viêt: bất như học)*” [108], [167]. Và ông cho rằng, giáo dục là phương tiện hữu hiệu nhất để khai dân trí, để giúp nhân dân ta đạt tới sự giải phóng, khi mà nhân dân đã ý thức được quyền lợi và bổn phận của mình thì sẽ đấu tranh với thực dân Pháp giành độc lập, mà trước tiên là đòi quyền tự trị. Ông nhận thức rõ, để giành lại độc lập hoàn toàn cho dân tộc là một quá trình đấu tranh lâu dài và cam go và một phần phụ thuộc vào nhân dân tiến bộ Pháp, những người Pháp cởi mở ở Đông Dương. Như vậy, chúng ta có thể tóm tắt chủ trương của Phan Châu Trinh là “ý Pháp cầu tự trị”.

Phan Châu Trinh hoàn toàn tin vào con đường đó, bởi theo ông, tin ở Pháp là tin vào, dựa vào chế độ dân chủ của nước Pháp; dựa vào nhân dân Pháp và những

người Pháp tiến bộ cởi mở chứ không phải tin vào, dựa vào thực dân Pháp - giặc Pháp. Trên thực tế, trong suốt quá trình hoạt động cách mạng, Phan Châu Trinh vẫn tin vào những người tiến bộ Pháp mà nhất là Đảng S.F.I.O - tiền thân của Đảng Xã hội Pháp ngày nay. Và chính những người Pháp tiến bộ hoạt động trong Hội Nhân quyền Pháp đã giúp Phan Châu Trinh thoát khỏi nhà lao của thực dân. Lòng tin đó của Phan Châu Trinh không phải là sự ngây thơ về chính trị mà là kết quả suy ra từ lý luận và hoàn toàn dựa trên kinh nghiệm thực tiễn của một nhà hoạt động chính trị từng trải qua ngục tù.

Phan Châu Trinh phản đối “vọng ngoại” là phản đối sự trông chờ vào sự giúp đỡ từ các lực lượng bên ngoài; phản đối việc cầu viện quân sự nước ngoài chứ không hề có tư tưởng bài ngoại. Ông nhận thức rất rõ nhân dân tiến bộ Pháp hoàn toàn khác với thực dân Pháp ở Đông Dương, ở các nước thuộc địa để xây dựng mối quan hệ bền chặt, lâu dài cùng có lợi.

Con đường của Phan Châu Trinh hoàn toàn không phải là ảo vọng, chỉ có điều tư tưởng của ông có phần đi trước thời đại, không phù hợp với thời đại lúc đó. Trên thực tế, từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 - 1945), khi xu thế trao trả độc lập của chủ nghĩa thực dân cho các dân tộc bị lệ thuộc, thuộc địa diễn ra mạnh mẽ, một số nước trên thế giới đã thành công, đã giành lại được độc lập dân tộc theo con đường này như Ấn Độ, ... Mặc dù chủ trương “ý Pháp cầu tiến bộ” của Phan Châu Trinh không thành công nhưng nó đã gợi mở hướng đi mới trên con đường hội nhập quốc tế cho dân tộc đầu thế kỷ XX. Chính từ mối quan hệ này, Phan Châu Trinh đã được nhiều người Pháp tiến bộ quý mến, cùng nhau vận động thành lập “Quỹ Phan Châu Trinh” tại Pháp.

#### **4.2.4. Gợi mở một số vấn đề có ý nghĩa thiết thực cho công cuộc xây dựng và bảo vệ quê hương Quảng Nam hiện nay**

Từ sự chuyển biến của PTYN và CMQN trong 30 năm đầu thế kỷ XX, có thể rút ra một số vấn đề mang ý nghĩa thiết thực cho công cuộc xây dựng, phát triển và bảo vệ Quảng Nam hiện nay.

#### ***Thứ nhất, xác định mục tiêu đúng đắn, phản ánh lợi ích của toàn thể dân tộc theo hướng tiến bộ để tạo lập sự chuyển biến***

Theo lý luận giải phóng dân tộc vô sản, vấn đề quan trọng của một cuộc cách mạng là phải xác định đúng mục tiêu, nhiệm vụ trên cơ sở xác định đúng những mâu thuẫn cơ bản trong xã hội. Bởi, xác định đúng mục tiêu, nhiệm vụ cách mạng sẽ giải

quyết được những vấn đề cấp thiết mà lịch sử đặt ra, đáp ứng được những nguyện vọng chính đáng của các giai tầng trong xã hội. Do đó, cách mạng sẽ quy tụ, tập hợp được đông đảo lực lượng trong xã hội tham gia, tạo thành động lực to lớn thúc đẩy sự chuyển biến và đưa cách mạng đi đến thành công.

Thực tiễn công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ở Quảng Nam từ đầu thế kỷ XX đến năm 1930 cho thấy, độc lập cho dân tộc, tự do cho nhân dân, xây dựng và phát triển đất nước giàu mạnh văn minh là mục tiêu xuyên suốt trong quá trình chuyển biến. Trong 30 năm đầu thế kỷ XX, dù sĩ phu yêu nước tiên bộ, trí thức tiểu tư sản hay giai cấp vô sản nắm quyền lãnh đạo cách mạng đều thống nhất với nhau ở mục tiêu trên. Chính vì xác định mục tiêu đúng đắn mà các cuộc vận động giải phóng dân tộc ở Quảng Nam trong 30 năm đầu thế kỷ XX đã thu hút, tập hợp được đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia - đó chính là động lực của sự chuyển biến.

PTDT (1903 - 1908), khởi phát từ đất Quảng Nam với việc xác định mục tiêu trước mắt đúng đắn là khai trí cho nhân dân, chấn hưng, thức tỉnh tinh thần dân tộc, ý thức tự lực tự cường; chăm lo đời sống cho nhân dân bằng việc phát triển kinh tế, chỉ con đường làm ăn cho dân như khẩn hoang lập vườn lập, lập hội buôn, sản xuất hàng nội hóa.... Đó là những mục tiêu hết sức thiết thực, đáp ứng những nhu cầu thiết yếu trong cuộc sống cho người dân; do vậy, đã thu hút đông đảo quần chúng nhân dân lao động tham gia, tạo động lực to lớn giúp phong trào phát triển mạnh mẽ rồi lan rộng, tạo thành một cuộc vận động duy tân rộng lớn trên phạm vi cả nước.

Hơn thế nữa, những tư tưởng duy tân cải cách của các nhân sĩ yêu nước tiên bộ được truyền bá vào trong quần chúng, đã làm trỗi dậy ý thức dân tộc, dân chủ; làm cho họ giác ngộ được quyền và lợi ích của mình; tạo ra hiệu quả trực tiếp châm ngòi cho phong trào chống thuế ở Trung Kỳ 1908. Lương Trúc Đàm - một chí sĩ duy tân ở Bắc Kỳ đã nhận xét về nguyên nhân của phong trào này: Nếu dân “còn ngu dại” như trước thì cũng chưa thể xảy ra biến cố này. Có thể nói, phong trào chống sưu thuế ở Trung Kỳ 1908, được đẩy lên bởi những tư tưởng dân tộc, dân quyền do các sĩ phu duy tân đầu thế kỷ XX truyền bá, mà Quảng Nam là nơi mở đầu. Đây là hiện tượng lịch sử mới lạ chưa từng xảy ra trước đó và có sự ảnh hưởng lâu dài về sau.

Từ thực tế của PTYN và CMQN trong 30 năm đầu thế kỷ XX, phản ánh vấn đề cần phải xác định mục tiêu đúng đắn, phản ánh lợi ích của nhân dân, của dân tộc để tạo ra sự chuyển biến cho PTCM.

Từ nửa sau thập niên 20 của thế kỷ XX, chính từ giải quyết đúng đắn yêu cầu

lịch sử mà xu hướng CMVS dần thắng thế rồi đi đến giành quyền lãnh đạo CMVN đầu năm 1930. Với sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, giai cấp công nhân Việt Nam đã trở thành giai cấp nắm quyền lãnh đạo duy nhất của CMVN. Bài học này càng được phản ánh rõ nét qua việc xác định mục tiêu, nhiệm vụ cách mạng đúng đắn sáng tạo được thể hiện trong *Cương lĩnh chính trị đầu tiên* do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo. Do vậy, việc xác định mục tiêu đúng đắn, phản ánh lợi ích của toàn thể dân tộc theo hướng tiến bộ là vấn đề mang ý nghĩa thiết thực cho công cuộc xây dựng và phát triển Quảng Nam hiện nay.

***Thứ hai, khai thác triệt để và sử dụng đúng đắn sức mạnh của các tầng lớp nhân dân để thúc đẩy sự chuyển biến***

Như đã đề cập ở trên, việc xác định mục tiêu, đưa ra khẩu hiệu đúng đắn, phù hợp sẽ thu hút được đông đảo quần chúng tham gia vào PTCM. Hay sức mạnh của một PTCM phụ thuộc vào mức độ nhận thức và sự tham gia của quần chúng, khi họ xem xét mục tiêu, khẩu hiệu của PTCM có đáp ứng được nguyện vọng của họ hay không.

Do vậy, việc khai thác sức mạnh của quần chúng trong các cuộc cách mạng chính là quá trình sử dụng tối đa các biện pháp nhằm tuyên truyền giáo dục, giúp đỡ, giác ngộ quần chúng nhận thức rõ về quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia vào một PTCM, để họ sẵn sàng xả thân cho cách mạng. Đồng thời, đó cũng là quá trình loại bỏ những ảnh hưởng tiêu cực do đối phương tạo ra nhằm ngăn cản quá trình giác ngộ cách mạng của quần chúng. Với ý nghĩa đó, việc khai thác triệt để và sử dụng đúng đắn sức mạnh của quần chúng là quá trình tập hợp lực lượng cách mạng để tạo nên thế áp đảo kẻ thù và đưa cách mạng đi đến thắng lợi.

Sự chuyển biến của PTYN và CMQN trong 30 năm đầu thế kỷ XX, phản ánh nhiều cách thức khai thác và sử dụng sức mạnh của quần chúng:

Đầu thế kỷ XX, để phát động PTDT (1903 - 1908), các sĩ phu yêu nước Quảng Nam (Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp) đã mở cuộc vận động tuyên truyền duy tân rộng lớn. Các ông đã đi khắp các làng quê, lên tận những vùng núi non hiểm trở ở phía tây Quảng Nam để tuyên truyền tư tưởng duy tân. Không những thế, khi phong trào đã được phát động rầm rộ ở Quảng Nam, “bộ ba Quảng Nam” lại lên đường Nam du tiếp tục công cuộc vận động duy tân. Đồng thời, với chủ trương thiết thực, hiệu quả đáp ứng những nhu cầu thiết yếu trong cuộc sống của quần chúng lao động, PTDT Quảng Nam đã thu hút, tập hợp được đông đảo quần chúng

vào trong hội nông, hội thương, hội học, hội cắt tóc ngắn... tạo thành sức mạnh đoàn kết quần chúng to lớn, giúp Quảng Nam trở thành trung tâm và là nơi có phong trào phát triển mạnh nhất cả nước vào đầu thế kỷ XX.

Từ DTH (1904) đến VNQPH (1912), hay các tổ chức của tiểu tư sản, tư sản sau Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918) đều có sự thống nhất trong ý chí cứu nước, đều nhằm hướng đến xây dựng khối đoàn kết toàn dân, để tạo động lực mạnh mẽ, đưa phong trào đi đến thắng lợi. Nhưng về cơ bản, các sĩ phu yêu nước và tiểu tư sản, trí thức lãnh đạo các phong trào theo khuynh hướng DCTS chưa thể xây dựng được một cơ cấu tổ chức lãnh đạo hoàn thiện, chưa xây dựng được hệ thống tổ chức sâu rộng trong quần chúng; do vậy, trước sự đàn áp, khủng bố khốc liệt của kẻ thù thì phong trào gặp rất nhiều khó khăn và thất bại.

Từ nửa sau những năm 20 của thế kỷ XX, khi phong trào CMVS đã hình thành và phát triển ngày càng mạnh mẽ ở Quảng Nam, những người lãnh đạo phong trào CMVS trên cơ sở kế thừa những phương pháp của các thế hệ trước cùng với việc đi sâu vận động quần chúng; đặc biệt, là những giai cấp bị áp bức bóc lột nặng nề nhất để tuyên truyền vận động, từng bước giác ngộ và quy tụ, tập hợp họ trong các tổ chức nghề nghiệp, hội đoàn thể cùng giới tính, cùng lứa tuổi như công hội, nông hội, phụ nữ, thanh niên... tạo thành một khối quần chúng đông đảo liên kết thống nhất trong một mặt trận chung và sẵn sàng đứng lên giành lại độc lập tự do.

Lịch sử PTYN và PTCM trong 30 năm đầu thế kỷ XX ở Quảng Nam, đã phản ánh sự phát triển và tính phong phú trong việc khai thác và sử dụng sức mạnh quần chúng. Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Quảng Nam ra đời đầu năm 1930 - hạt nhân của khối quần chúng đông đảo thống nhất là đỉnh cao của sự phát triển đó. Những người theo chủ nghĩa cộng sản, trên cơ sở kế thừa phương pháp vận động truyền thống của dân tộc - xây dựng khối đoàn kết toàn dân tộc, kết hợp với phương pháp vận động trực tiếp, đi sâu, đi sát vào trong quần chúng; do vậy, đã quy tụ, tập hợp đông đảo quần chúng trong một mặt trận thống nhất chung xung quanh Đảng Cộng sản và *“họ sẵn sàng đem hết tinh thần và sức lực, tính mạng và tài sản cho giải phóng dân tộc, giải phóng cho chính họ”* [49, tr.148].

Trong công cuộc bảo vệ, xây dựng và phát triển quê hương Quảng Nam hiện nay, để hoàn thành những nhiệm vụ kinh tế, xã hội, quốc phòng... đặt ra, cần phải động viên đến mức cao nhất mọi nguồn lực trong nhân dân, khai thác triệt để và sử dụng đúng đắn sức mạnh của các tầng lớp nhân dân. Do vậy, mà vấn đề khai thác triệt

đề và sử dụng đúng đắn sức mạnh của các tầng lớp nhân dân trong 30 năm đầu thế kỷ XX vẫn còn mang ý nghĩa thiết thực.

***Thứ ba, lực lượng trí thức luôn giữ vai trò quan trọng trong quá trình chuyển biến, có ý nghĩa quan trọng đối với sự tồn tại và phát triển của xã hội***

Trong lịch sử dân tộc, người trí thức luôn giữ vai trò quan trọng đối với sự tồn tại và phát triển của xã hội. Tuy nhiên, không phải lúc nào, trong giai đoạn lịch sử cụ thể nào, trí thức cũng hoàn thành tốt sứ mệnh của mình. Song, nếu nhìn một cách đại thể, “trí thức vẫn luôn là biểu tượng cho sự tiến bộ xã hội và xứng đáng được tôn vinh” [155]. Hơn thế nữa, trí thức được xem là hiền tài, là nguyên khí của quốc gia, như Thân Nhân Trung từng nói: Hiền tài là nguyên khí của quốc gia, nguyên khí thịnh thì thế nước mới mạnh mà hưng thịnh, nguyên khí suy thì thế nước yếu mà thấp hèn [155]. Hay vua Lê Hiến Tông ở thế kỷ XV, đã từng khẳng định: Nhân tài là nguyên khí của nhà nước, nguyên khí mạnh thì trị đạo mới thịnh. Vì thế, hầu hết các triều đại phong kiến trong lịch sử, nhất là những vị vua anh minh luôn coi trọng việc giáo dục nhân tài, kén chọn kẻ sĩ, vun trồng cho nguyên khí quốc gia.

Trong 30 năm đầu thế kỷ XX ở Quảng Nam, lực lượng trí thức luôn giữ vai trò quan trọng trong quá trình chuyển biến cách mạng và có ý nghĩa quan trọng đối với sự tồn tại và phát triển của xã hội.

Từ giữa thế kỷ XIX, trước sự xâm nhập mạnh mẽ của chủ nghĩa thực dân phương Tây, để bảo vệ độc lập chủ quyền quốc gia, Phạm Phú Thứ - người con ưu tú của quê hương Quảng Nam, cùng với những sĩ phu có tư tưởng tiến bộ như Nguyễn Trường Tộ, Nguyễn Lộ Trạch đã đề xuất những phương án cải cách toàn diện làm cho nước mạnh, đủ sức chống kẻ thù bảo vệ độc lập dân tộc. Tuy những đề nghị của các ông không được chính quyền phong kiến chấp thuận nhưng đã thể hiện được tinh tiên phong, vai trò và trách nhiệm của trí thức đối với vận mệnh của đất nước, của dân tộc; tạo tiền đề cho sự ra đời của xu hướng cứu nước mới ở Việt Nam đầu thế kỷ XX.

Khi thực dân Pháp nổ súng xâm lược Đà Nẵng (1858), mở đầu cho quá trình xâm lược nước ta, những sĩ phu yêu nước đất Quảng như Phạm Phú Thứ, Đỗ Thúc Tịnh, Lâm Hữu Chánh, Phạm Gia Vĩnh... là những người đầu tiên cùng với nhân dân và quân đội triều đình đứng lên chống kẻ thù xâm lược. Tinh thần quyết chiến vì độc lập tự do, xả thân vì đất nước của họ là sự biểu hiện ý thức trách nhiệm cao của những sĩ phu trí thức đối với xã hội, đối với Tổ quốc.

Sau khi kinh thành Huế thất thủ, dụ Cần Vương được ban bố, nhiều văn thân sĩ phu đất Quảng đã đứng lên tập hợp nhân dân phát cờ ứng nghĩa. Họ được quy tụ trong NHQN do Tiến sĩ Trần Văn Du - nguyên Chánh Sơn phòng sứ Quảng Nam lãnh đạo. Phong trào NHQN phát triển nhanh chóng, rộng khắp, tiến lên làm chủ tình thế của cả tỉnh Quảng Nam và lập Tân tỉnh. NHQN có phạm vi hoạt động rộng, toàn vùng “tả trực kỳ” (gồm Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định), quy tụ lực lượng lãnh đạo đông đảo lên đến vài trăm người, hầu hết là những người có học vị, đỗ đạt cao, có uy tín trong đời sống xã hội. Dù không giành được thắng lợi nhưng phong trào đã gây không ít khó khăn cho thực dân Pháp, làm chậm quá trình bình định Trung Kỳ của chúng, để lại ấn tượng khó phai trong nhân dân về tinh thần “nghĩa dũng”, tạo tiền đề cho PTYN và PTCM đầu thế kỷ XX. Có lẽ, với nghĩa đó, mà phong trào Cần Vương ở Quảng Nam không mang tên Cần Vương như các địa phương khác mà lấy tên là phong trào Nghĩa Hội (Hội những người làm việc nghĩa).

Sau khi phong trào NHQN tan rã, những trí thức phong kiến đã từng trực tiếp tham gia hay chứng kiến phong trào đã tiếp tục bước vào cuộc vận động cách mạng mới, trở thành những người khởi xướng và lãnh đạo cuộc vận động duy tân - cuộc vận động cách mạng DCTS rộng lớn đầu thế kỷ XX. Đất Quảng vào đầu thế kỷ XX là nơi hình thành và là địa bàn chiến lược của cả hai xu hướng “bạo động” và “cải cách”, của cuộc vận động khởi nghĩa năm 1916 của VNQPH. Tất cả các PTCM tiêu biểu đó đều gắn liền với tên tuổi của những sĩ phu, trí thức yêu nước mà điển hình là Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp, Nguyễn Thành, Đỗ Đăng Tuyên, Thái Phiên, Trần Cao Vân... Cầu viện, cầu học ở Nhật chưa được, các cụ lại sang Trung Quốc, Thái Lan để xây dựng lực lượng chờ thời phục quốc; chưa đòi lại được độc lập tự do dù nằm trong nhà tù Côn Đảo của thực dân Pháp, các ông vẫn bàn mưu “Phục Việt”.

Khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh của Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp không thành, con đường Đông Du của Nguyễn Thành, Châu Thượng Văn, Đỗ Đăng Tuyên gặp khó khăn... thì lớp thanh niên trí thức tân học như Đỗ Quang, Đỗ Quý, Lê Quang Sung, Phan Thêm, Thái Thị Bôi,... lại tiếp bước, đi theo con đường mà Nguyễn Ái Quốc đã lựa chọn sang Trung Quốc, Thái Lan học tập tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng CMVS để về truyền bá, giác ngộ và hướng phong trào CMQN đi theo con đường CMVS.

Có thể khẳng định rằng, văn thân, sĩ phu yêu nước và lớp thanh niên trí thức tân học là hạt nhân, là động lực tạo nên sự chuyển biến liên tục của PTYN và CMQN

trong 30 năm đầu thế kỷ XX.

Trong xu thế toàn cầu, hội nhập quốc tế hiện nay, khi đất nước, quê hương đang tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa để tiến tới văn minh, hiện đại thì vai trò của lực lượng trí thức càng quan trọng. Với ý nghĩa đó, việc đánh giá đúng vai trò và phát huy hết tiềm năng của lực lượng trí thức là vấn đề mang ý nghĩa lớn lao đối với công cuộc xây dựng, bảo vệ và phát triển quê hương Quảng Nam hiện nay.

***Thứ tư, tăng cường sức lãnh đạo trong quá trình chuyển biến là vấn đề sống còn***

Sau thất bại của phong trào Cần Vương, sĩ phu yêu nước tiền bộ Quảng Nam nhận thức được rằng muốn cứu nước, giải phóng dân tộc không thể đi theo con đường “thủ hiểm” của phong trào Cần Vương năm xưa mà phải tìm ra hướng đi mới, phương thức mới theo hướng tăng cường sức lãnh đạo cho PTYN và PTCM để xây dựng khối đoàn kết dân tộc, hiệu triệu quần chúng.

Từ DTH cho đến VNQPH đều có xu hướng tuyển chọn những thanh niên thông minh, hiếu học, có ý chí và chịu đựng gian khổ để kết nạp vào hội và tiếp tục đưa đi bồi dưỡng ở nước ngoài. PTDT (1903 - 1908) dù không thành lập tổ chức đảng phái chính trị nào nhưng để phát động và đẩy mạnh công cuộc duy tân những người lãnh đạo phong trào đã không ngừng vận động tuyên truyền cho tư tưởng duy tân, thành lập các tổ chức quần chúng như Hội thương, Hội nông, Hội học... để tập hợp lực lượng và tổ chức hành động. Đối tượng mà họ hướng đến trước tiên là những người trí thức, kẻ sĩ, những người có học vấn, thức thời ở các địa phương. Bởi, đó chính là những người lãnh đạo trực tiếp đứng ra triển khai công cuộc cải cách ngay tại mỗi làng quê của mình. Từ thực tiễn PTDT ở Quảng Nam cho thấy, lãnh đạo phong trào ở các phủ - huyện là những cử nhân, tú tài như Lê Bá Trinh, Phan Thúc Duyệt, Phan Thành Tài, Đỗ Tự, Mai Dị, Trương Bá Huy...; còn ở cấp xã là do những ông lí trưởng đảm nhận, tiêu biểu như Lê Cơ - lí trưởng làng Phú Lâm, Tiên Phước. Phong trào yêu nước ở Quảng Nam còn có sự hiện diện của các tổ chức Duy Tân Hội (1904-1912), Việt Nam Quang phục Hội (1912-1917).

Tất cả những việc làm đó của DTH, VNQPH và PTDT không nằm ngoài mục đích tăng cường sức mạnh lãnh đạo cho phong trào. Vì sức mạnh lãnh đạo của phong trào được tăng cường đến tận các cơ sở mà các phong trào nói trên đã thu hút đông đảo quần chúng tham gia, tạo thành những phong trào sôi nổi, rầm rộ và rộng lớn. Do

vậy, sau Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918), dù các phong trào nói trên đã thất bại nhưng cuộc vận động giải phóng dân tộc ở Quảng Nam vẫn được duy trì.

Sĩ phu yêu nước tiên bộ - lực lượng nắm quyền lãnh đạo phong trào giải phóng dân tộc Quảng Nam đầu thế kỷ XX, đã nhận thức được rằng để làm nên sự nghiệp cách mạng không thể dựa vào một vài cá nhân mà cần phải tập hợp, hiệu triệu được đông đảo quần chúng của cả một dân tộc. Tuy nhiên, trong điều kiện lịch sử lúc bấy giờ, họ chưa có đủ điều kiện để hợp lực thành sức mạnh lãnh đạo to lớn; chưa thể đánh giá đúng khả năng của các lực lượng trong xã hội; do đó, thất bại là điều không thể tránh khỏi.

Từ nửa sau thập niên 20 của thế kỷ XX, trên nền tảng của những PTYN và PTCM đầu thế kỷ XX, những người theo xu hướng cộng sản ở Quảng Nam tiếp tục đẩy mạnh công tác đào tạo, huấn luyện đội ngũ cán bộ, xây dựng hệ thống tổ chức sâu rộng đến tận cơ sở; tăng cường sức lãnh đạo của phong trào. Nhờ vậy, từ năm 1929 ở Quảng Nam, Hội VNCOMTN đã hình thành được hệ thống tổ chức ở hầu hết các địa bàn trọng yếu, với 5 chi bộ hơn 50 hội viên; cùng với hệ thống tổ chức các đoàn thể quần chúng khác rộng khắp. Trên cơ sở đó, những chi bộ cộng sản được thành lập - hạt nhân xây dựng khối đoàn kết quần chúng thống nhất, sẵn sàng cho công cuộc đấu tranh giành lại độc lập tự do.

Với sức lãnh đạo mới của những người cộng sản, phong trào CMQN đã được đẩy lên một bước phát triển mới - đặt nền móng vững chắc cho sự thành công của Cách mạng tháng Tám 1945, giành lại độc lập, tự do cho nhân dân Quảng Nam.

Ngày nay, trong bối cảnh quốc tế và thế giới có nhiều chuyển biến phức tạp, việc tăng cường sức mạnh lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trở thành vấn đề sống còn, nhằm hiện thực hóa mục tiêu xây dựng nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh.

### ***Thứ năm, tận dụng các hình thức và phương pháp đấu tranh phù hợp ở địa phương để tạo nên sự chuyển biến***

Hoạt động thực tiễn (hình thức và phương pháp đấu tranh) là biểu hiện cụ thể của sự chuyển biến của một PTCM. Do vậy, việc vận dụng các hình thức và phương pháp đấu tranh phù hợp sẽ tạo nên và thúc đẩy quá trình chuyển biến của phong trào. Sự chuyển biến của PTYN và CMQN từ đầu thế kỷ XX đến năm 1930 phản ánh bài học lịch sử về việc tận dụng các hình thức và phương pháp đấu tranh phù hợp ở địa phương để tạo nên sự chuyển biến.

Cuối thế kỷ XIX, các PTYN chống Pháp theo hệ tư tưởng phong kiến ở Quảng Nam chủ yếu diễn ra dưới phương thức vũ trang. Lực lượng văn thân, sĩ phu lãnh đạo phong trào chưa có hình thức và phương pháp đấu tranh mới; do vậy, chưa tạo ra sự chuyển biến mạnh mẽ, nên thất bại của các phong trào trong thời gian này là điều không thể tránh khỏi. Sang đầu thế kỷ XX, gắn liền với tư tưởng cứu nước mới là những hình thức và phương pháp đấu tranh mới rất phong phú và đa dạng. Muốn giải phóng dân tộc, phát triển đất nước thì phải kết hợp chặt chẽ cứu nước với duy tân, tức là học theo văn minh tư sản phương Tây, cải tạo xã hội cũ, xây dựng một nước Việt Nam mới văn minh theo hình ảnh các nước phương Tây tiên tiến. Đó là nhiệm vụ mà lịch sử dân tộc đặt ra đối với lực lượng sĩ phu yêu nước tiến bộ Quảng Nam và Việt Nam đầu thế kỷ XX.

Để hoàn thành các nhiệm vụ nói trên, trước hết phải tạo ra thực lực về kinh tế, văn hóa, quân, sự..., phải nâng cao được dân trí, chấn hưng được dân khí và bồi dưỡng được nhân tài dưới các hình thức công khai và hợp pháp. Vì vậy, bên cạnh hình thức đấu tranh vũ trang của thời kỳ trước vẫn được duy trì, các sĩ phu yêu nước thời kỳ này đã kết hợp nhiều biện pháp mới về chính trị, kinh tế, văn hoá, ngoại giao, tiến hành cuộc vận động cải cách sâu rộng trong quần chúng. Họ lập các hội yêu nước (DTH, VNQP) để tập hợp lực lượng, tổ chức đấu tranh; từ câu viện chuyển sang câu học, đưa thanh niên xuất dương du học để đào tạo nhân tài (PTĐD); mở trường học, xuất bản sách báo, tuyên truyền phổ biến kiến thức mới, diễn thuyết, bình văn, hô hào cải cách phong tục, lập hội buôn, phát triển công thương nghiệp (PTDT); biểu tình bao vây tỉnh thành, huyện lỵ đưa yêu sách (Vụ dân biến ở Trung Kỳ 1908); đoàn kết, tranh thủ sự viện trợ của các nhà yêu nước châu Á đối với CMVN (tham gia thành lập Đông Á Đồng minh hội, Hội chấn Hoa hưng Á...).

Sự đa dạng và việc tận dụng các hình thức phương pháp đấu tranh phù hợp với đặc điểm tình hình ở địa phương tạo nên sự chuyển biến mạnh mẽ của phong trào yêu nước và cách mạng Quảng Nam đầu thế kỷ XX theo khuynh hướng DCTS.

Từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918), các cuộc đấu tranh vẫn diễn ra toàn diện trên mọi mặt của đời sống xã hội. Phong trào đấu tranh chủ yếu của thời kỳ này là đấu tranh chính trị với hai hình thức bí mật và công khai diễn ra phong phú, đa dạng hơn trước. Nét nổi bật đầu tiên của phong trào đấu tranh trong giai đoạn này là sự xuất hiện ngày càng phổ biến của các tổ chức yêu nước, các hội nghề nghiệp như Trung Kỳ Công thương Gia hội; Hội Trung Bắc Kỳ Công thương Đồng nghiệp (chi nhánh Đà Nẵng), Hội Ái hữu Lái xe miền Trung...

Xuất bản sách báo để làm công cụ, phương tiện tuyên truyền vận động cũng được đẩy mạnh hơn trước. Đặc biệt, các hình thức đấu tranh mới như mít tinh, biểu tình, ngày càng trở nên phổ biến, tận dụng các điều kiện tình hình cụ thể của địa phương để phát động các PTYN dân chủ công khai.

Từ nửa sau những năm 20 của thế kỷ XX, khi phong trào giải phóng dân tộc Quảng Nam chuyển biến theo con đường CMVS, phong trào diễn ra với sự đa dạng về phương thức vận động, phong phú về hình thức đấu tranh và mới mẻ về nội dung như tuyên truyền vận động cách mạng, đào tạo đội ngũ cán bộ, xây dựng phát triển hệ thống tổ chức lãnh đạo, hệ thống các tổ chức hội quần chúng để tập hợp lực lượng, vận động các cuộc đấu tranh... Các hình thức đấu tranh hoàn toàn mới như rải truyền đơn, treo cờ cách mạng... ngày một phổ biến và trở thành những hình thức đấu tranh chủ yếu của PTCM theo khuynh hướng vô sản.

Thực tế lịch sử đấu tranh giải phóng dân tộc Quảng Nam trong 30 năm đầu thế kỷ XX cho thấy rõ, việc vận dụng các hình thức và phương pháp đấu tranh phù hợp với đặc điểm tình hình địa phương đã tạo nên sự chuyển biến liên tục và mạnh mẽ của phong trào PTYN và CMQN từ lập trường phong kiến sang lập trường tư sản và từ lập trường tư sản sang lập trường vô sản, dẫn tới bước ngoặt lịch sử là sự ra đời của Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Quảng Nam (28/3/1930).

#### **Tiểu kết chương 4**

Sự chuyển biến của PTYN và CMQN 30 năm đầu thế kỷ XX bắt nguồn từ các yếu tố khách quan và chủ quan, thế giới, trong nước và địa phương; do đó, quá trình chuyển biến vừa thể hiện những đặc điểm chung của cả nước đồng thời thể hiện những nét riêng của Quảng Nam do điều kiện lịch sử địa phương quy định. Sự chuyển biến của PTYN và CMQN diễn ra liên tục và khá toàn diện từ PTYN dưới ý thức hệ phong kiến sang phong trào dân tộc tư sản rồi phong trào dân tộc vô sản, gắn liền với vai trò của tầng lớp trí thức yêu nước; chủ nghĩa yêu nước truyền thống và tư tưởng cách mạng của thời đại là nền tảng của sự chuyển biến; độc lập dân tộc, xây dựng và phát triển đất nước giàu mạnh, văn minh là mục tiêu xuyên suốt của sự chuyển biến; sức mạnh đoàn kết của quần chúng nhân dân là động lực của sự chuyển biến.

Quảng Nam là nơi diễn ra sự chuyển biến sớm nhất đồng thời là nơi tập trung nhất của sự chuyển biến trong PTYN và cách mạng theo khuynh hướng DCTS đầu thế kỷ XX. Trong quá trình chuyển biến, lúc đầu diễn ra sự phân hóa thành các xu hướng bạo động và cải cách trong phong trào DTDC theo khuynh hướng DCTS, dần

dẫn đi đến thống nhất trên con đường chuyển biến theo lập trường CMVS; nông thôn là địa bàn trọng yếu của sự chuyển biến; quá trình chuyển biến có mối liên hệ gắn kết với sự chuyển biến của PTYN và cách mạng ở Đà Nẵng.

Sự chuyển biến của PTYN và CMQN 30 năm đầu thế kỷ XX không chỉ có ý nghĩa to lớn đối với Quảng Nam mà còn có tác động trên phạm vi cả nước trên nhiều lĩnh vực. Đó là góp phần tạo nên quá trình chuyển biến của PTYN và CMVN trong 30 năm đầu thế kỷ XX phát triển theo hướng tiến bộ, theo con đường cách mạng mà Nguyễn Ái Quốc đã lựa chọn; góp phần vào quá trình chấn hưng nội lực của dân tộc, thể hiện sự quyết tâm đổi mới, tiếp nối và phát huy truyền thống cách tân của nhân dân xứ Quảng; khởi đầu cho sự hội nhập quốc tế và xây dựng địa bàn hoạt động ở nước ngoài....

Sự chuyển biến của PTYN và CMQN 30 năm đầu thế kỷ XX còn để lại nhiều bài học quý báu về xác định mục tiêu, quy tụ lực lượng, phát huy tiềm năng của các lực lượng yêu nước nhất là tầng lớp trí thức, về tận dụng hình thức và phương pháp đấu tranh phù hợp với điều kiện lịch sử để tạo ra sự chuyển biến.

## KẾT LUẬN

1. Sự chuyển biến của phong trào yêu nước và cách mạng Việt Nam nói chung, ở Quảng Nam nói riêng trong khoảng 30 năm đầu thế kỷ XX bắt nguồn từ yêu cầu tất yếu của lịch sử dân tộc và có tính thời đại. Sự chuyển biến này, bắt nguồn từ các yếu tố dân tộc và quốc tế. Sự khủng hoảng, bất lực của ý thức hệ phong kiến với đỉnh cao là phong trào Cần Vương (1885-1896) trước sự xâm lược của thực dân Pháp, đã đặt ra một yêu cầu bức thiết phải tìm kiếm một con đường cứu nước mới cho dân tộc, đồng thời sự thất bại đó đã trở thành điều kiện thuận lợi cho các luồng tư tưởng DCTS và cách mạng thế giới tác động vào Việt Nam. Tiến hành cuộc cách mạng trên mọi lĩnh vực ở Việt Nam; yêu cầu học hỏi văn minh phương Tây, học tập cải cách, duy tân của các nước tiêu biểu trong trào lưu “Châu Á thức tỉnh” để tự cường nhằm giành lại độc lập dân tộc và phát triển đất nước theo hướng văn minh trở thành một yêu cầu tất yếu của dân tộc Việt Nam. Yêu cầu lịch sử dân tộc trong 30 năm đầu thế kỷ XX, đòi hỏi phải đổi mới tư duy cứu nước, tìm kiếm và định hướng con đường cứu nước cho dân tộc.

Đầu thế kỷ XX, do tác động của các yếu tố trong nước và thế giới, tầng lớp sĩ phu yêu nước tiến bộ Quảng Nam đã sớm nhận thức được yêu cầu lịch sử, có sự chuyển biến về lập trường cứu nước theo khuynh hướng DCTS, tiến hành phát động PTDT (1903 - 1908), cùng với các nhân sĩ Nghệ Tĩnh thành lập DTH (1904 - 1912), phát động và lãnh đạo PTĐD (1905 - 1909) mở đầu cho sự chuyển biến của PTYN và cách mạng cả nước từ lập trường phong kiến sang khuynh hướng DCTS.

PTYN và CMQN đầu thế kỷ XX (với những đại diện ưu tú như Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp, Nguyễn Thành...), trong những điều kiện lịch sử mới đã có sự chuyển biến căn bản trong tư tưởng chính trị và mục tiêu cứu nước. Trên nền tảng của chủ nghĩa yêu nước truyền thống, dưới sự ảnh hưởng, tiếp thu tư tưởng dân chủ, tư tưởng duy tân, cách mạng Đông - Tây, các sĩ phu yêu nước tiến bộ Quảng Nam đầu thế kỷ XX đã tiến một bước dài trên con đường chuyển biến tư tưởng: từ chủ chiến, ái quốc nhằm khôi phục chủ quyền dân tộc sang cứu nước kết hợp với duy tân, phát triển đất nước giàu mạnh theo khuynh hướng DCTS. Bước khởi đầu cho quá trình chuyển biến đó là sự phê phán hệ tư tưởng phong kiến lạc hậu, lỗi thời, cùng với sự tiếp thu tư tưởng dân chủ phương Tây, tích hợp với những giá trị tinh hoa văn hóa dân tộc để hình thành chủ thuyết dân chủ theo khuynh hướng DCTS phương Tây. Nội dung chủ yếu của sự chuyển biến tư tưởng thể hiện ở những vấn đề về mục tiêu cứu nước, mô hình thể chế nhà nước, phương pháp cách mạng. Đó là

những vấn đề trọng tâm và cấp thiết theo quan điểm của sĩ phu yêu nước Quảng Nam đương thời dưới ảnh hưởng của tân thư, tân văn. Trong đó, khôi phục độc lập chủ quyền quốc gia, duy tân phát triển đất nước giàu mạnh là mục tiêu xuyên suốt, gắn với việc thiết lập thể chế nhà nước dân chủ cộng hòa. Sĩ phu đất Quảng đầu thế kỷ XX chủ trương xây dựng mô hình xã hội dân chủ, tự do, bình đẳng dựa vào sự phát triển toàn diện cả về chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục. Xã hội lí tưởng tương lai theo quan niệm của họ có sự khác biệt lớn so với xã hội thuộc địa nửa phong kiến đương thời, trong đó, nhân dân có vị trí là người làm chủ xã hội và vai trò trung tâm, quan trọng nhất, nhân dân vừa là mục tiêu vừa là động lực trong quá trình phát triển xã hội theo hướng văn minh. Xã hội tương lai sẽ là một xã hội mang giá trị nhân văn cao cả, được tích hợp bởi những giá trị tốt đẹp trong truyền thống văn hóa dân tộc với các giá trị trong luân lí, đạo đức Đông - Tây và được duy trì, điều chỉnh bởi pháp luật tiên tiến cùng nền dân đức phát triển cao.

Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918), nhân dân Quảng Nam, đứng đầu là tầng lớp trí thức tân học đã bắt kịp trào lưu yêu nước và cách mạng của cả nước, vận dụng vào điều kiện của Quảng Nam, làm cho PTYN ở đây tiếp tục chuyển biến theo xu hướng tiến bộ, tiếp cận với con đường CMVS do Nguyễn Ái Quốc mở ra. Do đó, trong ba mươi năm đầu thế kỷ XX, cùng với cả nước, PTYN và CMQN chuyển biến mạnh mẽ và toàn diện về tư tưởng chính trị, tổ chức và hoạt động thực tiễn dẫn tới bước ngoặt lịch sử là sự ra đời của Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Quảng Nam (28/3/1930). Đó là kết quả của những nỗ lực to lớn của nhân dân Quảng Nam vượt qua những hạn chế của tư tưởng Nho giáo và sự phong tỏa, kìm hãm của thực dân Pháp để tìm kiếm trong thế giới đầy biến động những tư tưởng cách mạng, sáng tạo nên những giải pháp cứu nước mới, chấm dứt sự khủng hoảng về đường lối giải phóng dân tộc kéo dài.

2. Sự chuyển biến của PTYN và CMQN trong 30 năm đầu thế kỷ XX là một quá trình tiếp biến biện chứng, trong đó, xu hướng tiến bộ hơn, cách mạng hơn dần thắng thế. Sự chuyển biến đó đã diễn ra một cách tự giác, có kế thừa, trên nguyên tắc và mục tiêu vì độc lập dân tộc, dân chủ xã hội và nhân văn hoá con người. Sự thắng thế của lý luận chủ nghĩa Mác - Lê nin nói chung và lập trường CMVS nói riêng – lập trường cách mạng tiên tiến và mang tính triệt để nhất, là kết quả tất yếu của cuộc vận động dân tộc và giai cấp ở Quảng Nam trong 30 năm đầu thế kỷ XX. Đó là một bước chuyển về chất của PTYN và CMQN; đó cũng là quá trình PTYN và CMQN chuyển đổi từng bước từ lập trường "quốc gia, dân tộc cổ truyền", "dân chủ tư sản" sang lập

trường “cách mạng vô sản”, là tư tưởng kết hợp nhuần nhuyễn chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế vô sản, độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

3. Sự chuyển biến của PTYN và CMQN trong 30 năm đầu thế kỷ XX diễn ra trong sự kết hợp những yếu tố bên trong, bên ngoài, chủ quan và khách quan, là nền tảng cơ bản để tạo ra những chuyển biến trong cơ cấu tổ chức và phương thức hoạt động thực tiễn.

Sự chuyển biến của PTYN và CMQN từ đầu thế kỷ XX đến năm 1930, ngoài sự tác động của các nhân tố quốc tế, dân tộc, còn có yếu tố nội lực của địa phương. Do đó, sự chuyển biến ở Quảng Nam vừa thể hiện những đặc điểm chung của cả nước nhưng cũng có những nét đặc trưng riêng. Sự chuyển biến của PTYN và CMQN từ đầu thế kỷ XX đến năm 1930 diễn ra liên tục và khá toàn diện từ tư tưởng chính trị, cơ cấu tổ chức lãnh đạo và phương thức hoạt động thực tiễn; trên nền tảng của chủ nghĩa yêu nước truyền thống và tư tưởng cách mạng của thời đại. Độc lập dân tộc, xây dựng và phát triển đất nước giàu mạnh, văn minh là mục tiêu xuyên suốt của sự chuyển biến; sức mạnh đoàn kết của quần chúng là động lực tạo ra sự chuyển biến. Nét đặc trưng nổi bật trong sự chuyển biến của PTYN và CMQN 30 năm đầu thế kỷ XX đó là Quảng Nam là nơi diễn ra sự chuyển biến sớm nhất, là nơi tập trung nhất, đồng thời, là nơi hội tụ và là điểm lan tỏa của sự chuyển biến của cuộc vận động giải phóng dân tộc Việt Nam theo khuynh hướng DCTS đầu thế kỷ XX. Trong quá trình chuyển biến, lúc đầu diễn ra sự phân hóa giữa hai xu hướng “bạo động” và “cải cách” theo khuynh hướng DCTS nhưng dần dần đi đến thống nhất trên con đường chuyển biến theo con đường CMVS; nông thôn là địa bàn trọng yếu diễn ra sự chuyển biến; sự chuyển biến có mối quan hệ gắn kết với của sự chuyển biến của PTYN và cách mạng ở Đà Nẵng.

4. Sự chuyển biến của PTYN và CMQN nói riêng và Việt Nam nói chung trong 30 năm đầu thế kỷ XX, suy cho cùng là quá trình nhằm tìm kiếm, lựa chọn và xác định con đường cứu nước đúng đắn, lựa chọn một giai cấp lãnh đạo có đủ khả năng để đưa cách mạng đến thành công. Đó là quá trình chuyển biến lâu dài, diễn ra trên phạm vi toàn quốc và được thể hiện cụ thể ở từng địa phương. Sự chuyển biến của PTYN và CMQN trong giai đoạn này là những biểu hiện cụ thể và rõ nét, góp phần thúc đẩy sự chuyển biến chung của PTYN và CMVN. Do đó, sự chuyển biến của PTYN và CMQN không những có ý nghĩa đối với Quảng Nam mà còn có ý nghĩa đối với toàn quốc.

Sự chuyển biến của PTYN và CMQN trong 30 năm đầu thế kỷ XX gợi mở ra nhiều vấn đề có ý nghĩa thiết thực cho nhân dân Quảng Nam ngày nay. Trước hết, để tạo nên sự chuyển biến cần phải xác định mục tiêu đúng đắn, phản ánh lợi ích của toàn dân tộc theo hướng tiến bộ. Lực lượng trí thức luôn giữ vai trò quan trọng trong quá trình chuyển biến và có ý nghĩa quan trọng đối với sự tồn tại và phát triển của xã hội. Cần phải khai thác triệt để và sử dụng đúng đắn sức mạnh của các tầng lớp nhân dân trong xã hội và tận dụng các hình thức, phương pháp đấu tranh phù hợp ở địa phương để tạo nên sự chuyển biến. Sau cùng, tăng cường sức lãnh đạo trong quá trình chuyển biến là vấn đề sống còn của PTYN và CMQN.

## DANH MỤC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU ĐÃ CÔNG BỐ

1. Huỳnh Văn Tuyết (2014), “Quảng Nam với phong trào Cần Vương (1885 - 1887)”, *Tạp chí Lịch sử Quân sự*, số 10 - 2014.
2. Huỳnh Văn Tuyết (2016), *Phong trào Duy Tân ở Quảng Nam (1903 - 1908)*, Đề tài khoa học cấp Trường - Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế.
3. Huỳnh Văn Tuyết (2016), “Duy Tân giáo dục của Nho sĩ Quảng Nam đầu thế kỉ XX: Những đặc điểm và bài học kinh nghiệm”, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Đà Nẵng*, số 8 (105).
4. Huỳnh Văn Tuyết (2016), “Cuộc vận động khởi nghĩa năm 1916 ở Quảng Nam”, in trong *100 năm khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội (1916 - 2016)*, NXB Đà Nẵng.
5. Huỳnh Văn Tuyết (2017), “Quảng Nam - nơi mở đầu phong trào Duy Tân Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ - Đại học Đà Nẵng*, số 2 (111). Quyển 1.
6. Huỳnh Văn Tuyết (2017), “Quảng Nam trong cuộc vận động khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội năm 1916”, *Tạp chí Khoa học Đại học Huế*, Tập 125.
7. Huỳnh Văn Tuyết (2017), “Chuyển biến tư tưởng chính trị theo khuynh hướng dân chủ tư sản của sĩ phu đất Quảng đầu thế kỉ XX”, Hội thảo khoa học “*Phong trào Duy Tân ở Quảng Nam: Tác động của phong trào Duy Tân trong lịch sử và những gợi mở cho công cuộc đổi mới đất nước hiện nay*” Trường Đại học Duy Tân Đà Nẵng - Sở Khoa học Công nghệ Quảng Nam.
8. Huỳnh Văn Tuyết (2017), “Chuyển biến về phương thức hoạt động trong phong trào yêu nước và cách mạng Quảng Nam đầu thế kỉ XX”, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ - Đại học Đà Nẵng*, số 10 (119).

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Đình An, Thạch Phương (2010), *Địa chí Quảng Nam - Đà Nẵng*, NXB Khoa học và Xã hội.
2. Nguyễn Anh (1968), “Vài nét về quá trình đấu tranh chống thực dân và tay sai trên lĩnh vực văn hóa của nhân dân ta trong 30 năm đầu thế kỷ XX”, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, (116), tr. 47-66.
3. Quốc Anh (1975), “Mối quan hệ giữa các khuynh hướng chính trị tiểu tư sản với phong trào công nhân trong phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam trước 1930”, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, (1), tr. 30-50.
4. Nguyễn Thế Anh (1974), *Việt Nam thời Pháp đô hộ*, NXB Khai Trí, Sài Gòn.
5. Nguyễn Thế Anh (1974, tái bản 2008), *Phong trào chống thuế ở Trung Kỳ năm 1908 qua các châu bản triều Duy Tân*, NXB Văn học, Hà Nội.
6. J. Pierre Aumiphin (1994), *Sự hiện diện tài chính và kinh tế của Pháp ở Đông Dương (1859- 1939)*, Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam dịch và xuất bản.
7. Huỳnh Công Bá (2007), *Lịch sử tư tưởng Việt Nam*, NXB Thuận Hóa, Huế.
8. Huỳnh Công Bá (2008), *Lịch sử Việt Nam*, NXB Thuận Hóa, Huế.
9. Huỳnh Công Bá (2009), “Ảnh hưởng của cách mạng tư sản Pháp đối với các sĩ phu yêu nước Việt Nam đầu thế kỷ XX”, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học 220 năm cách mạng tư sản Pháp và quan hệ Việt - Pháp trong lịch sử*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 306-324.
10. BCH Đảng bộ xã Cẩm Kim (2010), *Lịch sử Đảng bộ xã Cẩm Kim*, NXB Đà Nẵng, Đà Nẵng.
11. BCH Đảng bộ huyện Duy Xuyên (1996), *Lịch sử đấu tranh cách mạng của nhân dân huyện Duy Xuyên dưới sự lãnh đạo của Đảng*, Xí nghiệp In quốc doanh Đà Nẵng.
12. BCH Đảng bộ huyện Điện Bàn (2003), *Lịch sử Đảng bộ huyện Điện Bàn (1930 - 1975)*, NXB Đà Nẵng, Đà Nẵng.
13. BCH Đảng bộ huyện Đại Lộc (2003), *Lịch sử Đảng bộ huyện Đại Lộc (1930 - 1975)*, NXB Đà Nẵng, Đà Nẵng.
14. BCH Đảng bộ thị xã Hội An (1996), *Lịch sử Đảng bộ thị xã Hội An (1930*

- 1975), NXB Tổng hợp Đà Nẵng, Đà Nẵng.

15. BCH Đảng bộ huyện Phước Sơn (2001), *Lịch sử Đảng bộ huyện Phước Sơn (1945 - 1975)*, Xí nghiệp in Báo Quảng Nam.

16. BCH Đảng bộ huyện Quế Sơn (1996), *Lịch sử Đảng bộ huyện Quế Sơn (1930 - 1975)*, Công ty In - Phát hành sách và thiết bị trường học Quảng Nam.

17. BCH Đảng bộ huyện Thăng Bình (2000), *Lịch sử Đảng bộ huyện Thăng Bình (1930 - 1975)*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

18. BCH Đảng bộ huyện Tiên Phước (1993), *Lịch sử đấu tranh cách mạng huyện Tiên Phước (1858 - 1975)*, Xí nghiệp in Báo Quảng Nam - Đà Nẵng, Đà Nẵng.

19. BCH Đảng bộ huyện Trà My (1996), *Lịch sử Đảng bộ huyện Trà My (1930- 1975)*, NXB Tổng hợp Đà Nẵng, Đà Nẵng.

20. Ban Chỉ huy Quân sự huyện Tiên Phước (1994), *Lịch sử lực lượng vũ trang nhân dân huyện Tiên Phước*, NXB Quân đội Nhân dân, Hà Nội.

21. Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung ương (1976), *Những sự kiện lịch sử Đảng (1920 - 1945)* (tập 1), NXB Sự Thật, Hà Nội

22. Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng - Tỉnh ủy Nghệ Tĩnh (1987), *Lịch sử Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Nghệ Tĩnh, sơ thảo, tập I (1925-1954)*, NXB Nghệ Tĩnh, Vinh.

23. Ban Tuyên giáo Thành ủy Đà Nẵng (2010), *Buổi đầu gieo hạt (Hồi ký cách mạng)* (tái bản lần 1), NXB Đà Nẵng, Đà Nẵng.

24. Ban Tuyên giáo Thành ủy Đà Nẵng (2014), *Đi theo Đường Kách Mệnh (Hồi ký cách mạng)*, NXB Đà Nẵng, Đà Nẵng.

25. Đỗ Bang, Nguyễn Quang Trung Tiến... (1999), *Tư tưởng canh tân đất nước dưới triều Nguyễn*, NXB Thuận Hóa, Huế.

26. Bảo tàng Hồ Chí Minh tại Thừa Thiên Huế (2008), *Phong trào kháng thuế của nhân dân miền Trung Việt Nam 1908 và sự đấu tranh của anh Nguyễn Tất Thành (Chủ tịch Hồ Chí Minh) tại Thừa Thiên Huế*, NXB Thuận Hóa, Huế.

27. Phan Gia Bền (1957), *Sơ thảo lịch sử phát triển thủ công nghiệp Việt Nam*, NXB Văn - Sử - Địa, Hà Nội.

28. Nguyễn Công Bình (1959), *Tìm hiểu giai cấp tư sản Việt Nam thời Pháp thuộc*, NXB Văn - Sử - Địa, Hà Nội.

29. Nguyễn Công Bình (1958), “Tình hình và đặc tính của giai cấp tư sản Việt Nam”, *Tạp san Nghiên cứu Văn Sử Địa*, (42), tr. 27-45.
30. Nguyễn Công Bình (1958), “Tình hình và đặc tính của giai cấp tư sản Việt Nam”, *Tạp san nghiên cứu Văn Sử Địa*, (45), tr. 56-71.
31. Nguyễn Công Bình, Đỗ Thị Hoài Hối, Vũ Thị Minh Hương (2002), *Việt Nam trong thế kỷ XX*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
32. Boudarel (1997), *Phan Bội Châu và xã hội Việt Nam ở thời đại ông*, NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
33. Phan Bội Châu (2001), *Toàn tập*, tập 6, NXB Thuận Hóa, Huế và Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội.
34. Trường Chinh (1965), *Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt Nam*, tập 1, NXB Sự Thật, Hà Nội.
35. Doãn Chính, Phạm Đào Thịnh, (2007), *Quá trình chuyển biến tư tưởng chính trị Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX qua các nhân vật tiêu biểu*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
36. Doãn Chính, Trương Văn Chung (đồng chủ biên) (2005), *Bước chuyển tư tưởng Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
37. Nguyễn Ngọc Cơ (2007), *Phong trào dân tộc trong đấu tranh chống Pháp ở Việt Nam (1858-1918)*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
38. Nguyễn Ngọc Cơ, Trần Đức Cường (2010), *Lịch sử Việt Nam*, tập IV (1858-1918), NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
39. Philippe Devillers (2006), *Người Pháp và người An Nam bạn hay thù*, NXB Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh.
40. Phan Đại Doãn, Nguyễn Ngọc Quỳnh... (1997), *Một số vấn đề quan chế triều Nguyễn*, NXB Thuận Hóa, Huế.
41. Lê Duẩn (1965), *Giai cấp vô sản với vấn đề nông dân trong cách mạng Việt Nam*, NXB Sự Thật, Hà Nội.
42. Lê Duẩn (1970), *Một vài đặc điểm của cách mạng Việt Nam*, NXB Sự Thật, Hà Nội.
43. Cao Xuân Dục (1993), *Quốc triều hương khoa lục*, NXB thành phố Hồ Chí Minh.
44. Paul Doumer (2015), *Xứ Đông Dương (L'Indo - Chine de Francaise)*, NXB Thế Giới.

45. Phạm Cao Dương (1965), *Thực trạng của giới nông dân Việt Nam dưới thời Pháp thuộc*, Tác giả tự xuất bản, Sài Gòn.
46. Trương Thị Dương (2012), *Phong trào Duy Tân ở Việt Nam đầu thế kỷ XX (1903 - 1908)*, Luận án Tiến sĩ Sử học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
47. Đinh Trần Dương (1994), “Phong trào giải phóng dân tộc 30 năm đầu thế kỷ XX ở Hà Tĩnh”, *Tạp chí Lịch sử Quân sự*, (3), tr. 40-46.
48. Đinh Trần Dương (2002), *Sự chuyển biến của phong trào yêu nước và cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam trong 30 năm đầu thế kỷ XX*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
49. Đinh Trần Dương (1996), *Sự chuyển biến của phong trào cách mạng giải phóng dân tộc ở Nghệ Tĩnh trong 30 năm đầu thế kỷ XX*, Luận án Phó Tiến sĩ sử học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia Hà Nội.
50. Đinh Trần Dương (1997), “Sự chuyển hóa của các tổ chức yêu nước ở Việt Nam trong những năm 1925- 1930”, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, (4), tr. 46-51.
51. Đinh Trần Dương (2003), “Ý chí cứu nước của nhóm sĩ phu bị tù ở Côn Đảo đầu thế kỷ 20”, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, (2) 327, tr. 65-71.
52. Nguyễn Văn Dương (1995), *Tuyển tập Phan Châu Trinh*, NXB Đà Nẵng, Đà Nẵng.
53. Nguyễn Sinh Duy (2006), *Quảng Nam những vấn đề sử học*, NXB Văn hóa Thông tin, thành phố Hồ Chí Minh.
54. Nguyễn Sinh Duy (1996), *Phong trào Nghĩa hội Quảng Nam*, NXB Đà Nẵng, Đà Nẵng.
55. Đại học Quốc gia Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (1997), *Tân thư và xã hội Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
56. Đại học Quốc gia Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (2004), *Đông Á, Đông Nam Á, những vấn đề lịch sử và hiện tại*, NXB Thế giới, Hà Nội.
57. Đại học Quốc gia Hà Nội - Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn (2008), *100 năm Đông Kinh Nghĩa Thục và công cuộc cải cách giáo dục ở Việt Nam hiện nay*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
58. Nguyễn Thị Đảm (2006), “Chính quyền Pháp với việc tổ chức, quản lý nhượng địa Đà Nẵng cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX”, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử* (10), tr. 47-55.

59. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Văn kiện Đảng toàn tập* (tập 1), NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
60. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Văn kiện Đảng toàn tập* (tập 2), NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
61. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Văn kiện Đảng toàn tập*, (tập 3), NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
62. Đảng Cộng sản Việt Nam (1999), *Văn kiện Đảng toàn tập* (tập 4), NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
63. Đảng Cộng Sản Việt Nam (2000), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 7, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
64. Đảng Cộng sản Việt Nam (1977), *Văn kiện Đảng 1930 - 1945*, Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương xuất bản.
65. Đảng bộ tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng (1991), *Lịch sử Đảng bộ Quảng Nam - Đà Nẵng*, NXB Đà Nẵng, Đà Nẵng.
66. Bùi Huy Đáp, Nguyễn Điền (1996), *Nông nghiệp Việt Nam từ cội nguồn đến đổi mới*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
67. Phan Cự Đệ , Trần Đình Hượu , Nguyễn Trác (2003), *Văn học Việt Nam (1900 - 1945)*, NXB Giáo Dục, Hà Nội.
68. Ngô Đức Đệ (1995) *Từ Hà Tĩnh đến nhà đày Kon Tum*, Sở Văn hóa Thông tin và Thể thao, Trung tâm Bảo tàng, Thư viện tỉnh Kon Tum xuất bản.
69. Sasges Gerard (2006), “Sự thật về kế hoạch khai thác Đông Dương lần thứ nhất của thực dân Pháp”, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, (12), tr. 11-54.
70. Nguyễn Kiến Giang (1961), *Phác qua tình hình ruộng đất và đời sống nông dân trước Cách mạng tháng Tám*, NXB Sự Thật, Hà Nội.
71. Lam Giang (1970), *Trần Quý Cáp và tư trào cách mạng tư sản dân quyền đầu thế kỷ XX*, NXB Đông Á, Sài Gòn.
72. Trần Văn Giàu, Đinh Xuân Lâm (1964), *Lịch sử Việt Nam cận đại*, tập 3,4, NXB Giáo Dục, Hà Nội.
73. Trần Văn Giàu (1975), *Sự phát triển của tư tưởng ở Việt Nam từ thế kỷ XIX đến Cách mạng tháng Tám*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
74. Trần Văn Giàu (2001), *Giai cấp công nhân Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
75. Hồng Hạnh (1995), “Bước đầu tìm hiểu một số đặc điểm của ý thức cộng đồng và ý thức độc lập, tự chủ trong lịch sử tư tưởng dân tộc”, *Tạp chí Triết học* (4),

tr. 45-47

76. Trần Thị Hạnh (2008), *Trần Quý Cáp – nhà tư tưởng theo khuynh hướng Duy tân*, Tạp chí Triết học, (12), tr. 211-217.

77. Trần Thị Hạnh (2006), *Quá trình chuyển biến tư tưởng ở Huỳnh Thúc Kháng*, Tạp chí Triết học, (15), tr. 219-225.

78. Trần Thị Hạnh (2011), *Quá trình chuyển biến tư tưởng của Nho sĩ Việt Nam trong 30 năm đầu thế kỷ XX*, Luận án Tiến sĩ Triết học, Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn thành phố Hồ Chí Minh.

79. Hải Ngọc Thái Nhân Hòa (2005), *Xu hướng canh tân, phong trào Duy Tân, sự nghiệp đổi mới (Từ thế kỷ XIX đến cuối thế kỷ XX)*, NXB Đà Nẵng, Đà Nẵng.

80. Ngô Văn Hoà, Dương Kinh Quốc (1978), *Giai cấp công nhân Việt Nam những năm trước khi thành lập Đảng*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.

81. Đỗ Thị Hòa Hối (1996), *Tìm hiểu tư tưởng dân chủ của Phan Chu Trinh*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội

82. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Ban Tuyên giáo Trung ương, Tỉnh ủy Quảng Nam (2016), *Huỳnh Thúc Kháng với cách mạng Việt Nam và quê hương Quảng Nam*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

83. Hội Khoa học Lịch sử tỉnh Thừa Thiên Huế (2016), *Vua Duy Tân và cuộc vận động khởi nghĩa ở Trung Kỳ năm 1916*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học.

84. Đỗ Quang Hưng (2000), *Lịch sử báo chí Việt Nam 1865 - 1945*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

85. Nguyễn Thị Thanh Hương (2008), *Phong trào yêu nước chống xâm lược ở Bình Định từ cuối thế kỷ XIX đến tháng Tám 1945*, Luận án Tiến sĩ Sử học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

86. Trần Đình Hượu (1995), *Một phong trào văn hoá dân tộc nhằm tự cường, độc lập, hiện đại hoá đất nước của các nhà nho yêu nước - từ truyền thống đến hiện đại*, NXB Văn hoá, Hà Nội.

87. Huỳnh Thúc Kháng (1957), *Những bức thư bí mật*, NXB Thuận Hóa, Huế.

88. Huỳnh Thúc Kháng (2000), *Huỳnh Thúc Kháng niên phở và thư trả lời Kỳ ngoại hầu Cường Đế*, NXB Văn hóa Thông tin, thành phố Hồ Chí Minh.

89. Minh viên Huỳnh Thúc Kháng (1959), *Giai nhân kì ngộ Phan Tây Hồ tiên sinh lịch sử*, NXB Anh Minh, Huế.

90. Nguyễn Văn Khánh (2005), “Việt Nam Quốc dân Đảng với sự chuyển hóa của phong trào dân tộc Việt Nam trong những năm hai mươi”, *Tạp chí Nghiên cứu*

*Lịch sử*, (2), tr.45-52.

91. Nguyễn Văn Khánh (2007) *Lịch sử Việt Nam 1919 - 1930: thời kỳ tìm tòi và định hướng phát triển*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.

92. Phan Khôi (2008), “Vụ xin râu ở Quảng Nam qua di khảo của cụ Phan Khôi”, *Tạp chí Xưa và Nay*, (313), tr. 4-8.

93. Lê Thị Kinh (2001), *Phan Châu Trinh qua những tài liệu mới*, tập 1, NXB Đà Nẵng, Đà Nẵng.

94. Lê Thị Kinh (2003), *Phan Châu Trinh qua những tài liệu mới*, tập 2, NXB Đà Nẵng, Đà Nẵng.

95. Trương Công Huỳnh Kỳ, *Phong trào yêu nước chống Pháp ở Quảng Ngãi từ 1885 đến 1930*, Luận án Tiến sĩ Sử học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

96. Trương Công Huỳnh Kỳ (chủ biên), Đỗ Mạnh Hùng, Nguyễn Tất Thắng (2013), *Lịch sử Việt Nam cận đại*, NXB Đại học Huế.

97. Trương Công Huỳnh Kỳ (2013), *Phong trào chống Pháp ở Nam Trung Kỳ nửa sau thế kỷ XIX*, NXB Đại học Huế.

98. *Kỷ yếu Tọa đàm 130 năm ngày sinh Phan Chu Trinh*, Tam Kỳ, 2009.

99. Đinh Xuân Lâm (chủ biên) (1997), *Tân thư và xã hội Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

100. Đinh Xuân Lâm (chủ biên) (1998), *Đại cương lịch sử Việt Nam*, tập 2, NXB Giáo Dục, Hà Nội.

101. Đinh Xuân Lâm, Nguyễn Văn Hồng (1998), *Xu hướng đổi mới trong lịch sử Việt Nam*, NXB Giáo Dục, Hà Nội.

102. Nguyễn Hiến Lê (2002), *Đông Kinh Nghĩ Thục*, NXB Văn hoá Thông tin, Hà Nội.

103. Liên hiệp Công đoàn Quảng Nam - Đà Nẵng (1978), *Phong trào Công nhân và Công đoàn Quảng Nam - Đà Nẵng*, NXB Đà Nẵng, Đà Nẵng.

104. Tráng Liệt (1957), *Cuộc đời cách mạng Cường Để*, NXB Sài Gòn.

105. Trần Huy Liệu (1960), *Lịch sử 80 năm chống Pháp, tập I*, NXB Văn - Sử - Địa, Hà Nội.

106. Nguyễn Tiến Lực (1995), “Phong trào lưu học sinh của thanh niên Việt Nam ở Nhật Bản (1905- 1909)”, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, (1), tr. 19-29.

107. Huỳnh Lý (1993), *Phan Châu Trinh - thân thế và sự nghiệp*, NXB Đà Nẵng, Đà Nẵng.

108. Ngô Văn Minh (2016), “Phong trào Duy Tân đầu thế kỷ XX: thời gian, không

gian, chủ thể và phương thức hoạt động của nó”, Kỷ yếu Hội thảo khoa học *Phong trào Duy Tân ở Quảng Nam đầu thế kỷ XX*, Trường Đại học Duy Tân, Đà Nẵng.

109. Ngô Văn Minh (2011), *Chí sĩ Lê Cơ*, NXB Đà Nẵng, Đà Nẵng.

110. Sơn Nam (2003), *Phong trào Duy Tân ở Bắc - Trung - Nam, Miền Nam đầu thế kỷ XX - Thiên địa hội & cuộc Minh Tân*, NXB Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.

111. Phạm Xuân Nam (1994), *Quá trình phát triển công nghiệp ở Việt Nam - triển vọng công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.

112. Trần Viết Ngạc (2002), “Duy Tân hội và vấn đề ngoại viện”, *Một số vấn đề lịch sử*, NXB Thuận Hóa, Huế, tr. 134-143.

113. Trần Viết Ngạc (2006), “Tiểu La Nguyễn Thành và một số vấn đề Duy Tân hội”, *Tạp chí Xưa và Nay*, (214), tr. 16-18.

114. Trần Viết Ngạc, Phan Văn Hoàng (2008), “Cuộc dân biến ở Quảng Nam năm Mậu Thân (1908) qua tài liệu lưu trữ của Pháp”, *Tạp chí Xưa và Nay*, (322), tr. 36-39.

115. Nguyễn Ngọc (chủ biên) (2004), *Tìm hiểu con người xứ Quảng*, NXB Đà Nẵng, Đà Nẵng.

116. Thế Nguyên (1988), *Phan Châu Trinh - một chí sĩ giàu lòng nhiệt huyết (1872 - 1926)*, NXB Văn hóa Thông tin, Thành phố Hồ Chí Minh.

117. Lê Nguyễn (2015), *Xã hội Việt Nam thời Pháp thuộc - nhân vật và sự kiện lịch sử*, NXB Hồng Đức, Hà Nội.

118. Nhiều tác giả (2008), *100 năm Đông Kinh Nghĩa Thục*, NXB Trí thức, Hà Nội.

119. Nhiều tác giả (2017), *Chí sĩ yêu nước Tiểu La Nguyễn Thành và vấn đề Duy Tân hội*, NXB Đà Nẵng, Đà Nẵng.

120. Vũ Dương Ninh (chủ biên) (2006), *Phong trào cải cách ở một số quốc gia Đông Á cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

121. Phòng Văn hóa Điện Bàn (1995), *Trần Quý Cáp - chí sĩ duy tân Việt Nam thế kỷ XX*, NXB Đà Nẵng, Đà Nẵng.

122. Vũ Huy Phúc (1996), *Tiểu thủ công nghiệp Việt Nam (1858 - 1945)*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.

123. Nguyễn Văn Phụng (2015), *Tư sản người Việt ở Trung Kỳ*, Luận án Tiến sĩ Sử học, Đại học Quốc gia Hà Nội.

124. Nguyễn Phan Quang (2011), "Báo cáo tổng hợp của mật thám Pháp về cao trào 1930 - 1931 ở Đông Dương", *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, (243), tr. 47.

125. Dương Trung Quốc (2001), *Lịch sử Thành phố Đà Nẵng*, NXB Đà Nẵng,

Đà Nẵng.

126. Lê Minh Quốc (2000), *Những nhà cải cách Việt Nam*, NXB Trẻ, thành phố Hồ Chí Minh.

127. Quốc sử quán Triều Nguyễn (2009), *Đồng Khánh, Khải Định chính yếu*, NXB Thời đại.

128. Quốc sử quán Triều Nguyễn (2012), *Đại Nam thực lục chính biên, đệ lục kỉ phụ biên*, NXB Văn hoá - Văn nghệ, thành phố Hồ Chí Minh,

129. Quốc sử quán Triều Nguyễn (1964), *Đại Nam nhất thống chí, tỉnh Quảng Nam*, Bộ Giáo dục Quốc gia, Sài Gòn.

130. Lưu Anh Rô (2003), “Yếu tố kinh tế tư bản chủ nghĩa trong phong trào Duy Tân”, *Tạp chí Xưa và Nay*, (151), tr. 16-26.

131. Sở Khoa học - Công nghệ và Môi trường tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng (1993), *Kỷ yếu Hội thảo Phan Châu Trinh và Huỳnh Thúc Kháng*, NXB Đà Nẵng, Đà Nẵng.

132. Sở Văn hóa - Thể thao, Du lịch Quảng Nam (2004), *Một trăm năm thành lập Duy Tân hội, thân thế và sự nghiệp Tiểu La Nguyễn Thành*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học, Quảng Nam.

133. Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch Quảng Nam (2008), *Một trăm năm phong trào chống thuế*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học, Quảng Nam.

134. Hồ Song, Chương Thâu (1997), “Sự chuyển hướng tư tưởng trong phong trào quốc gia - dân tộc Việt Nam đầu thế kỷ XX”, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, (2), tr.16-31.

135. Hồ Song (1999), “Vụ dân biến Trung Kỳ đầu năm 1908”, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, (2), tr. 8-19.

136. Phạm Văn Sơn (1967), “Thái độ và hành động của nhân sĩ Việt Nam trong khoảng đầu thế kỷ XX”, *Tạp san Sử - Địa*, (6), tr. 1-170.

137. Lê Quốc Sử (1998), *Một số vấn đề về lịch sử kinh tế Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

138. Nguyễn Đức Sự (1964), “Phan Châu Trinh với nhiệm vụ chống đế quốc trong cách mạng Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, (69), tr. 29-33.

139. Vũ Minh Tâm (2006), “Quan niệm về dân của phong trào Duy Tân đầu thế kỷ XX ở Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học Xã hội*, (01, 02), tr. 23-27.
140. Nguyễn Q. Thắng (1992), *Huỳnh Thúc Kháng tác phẩm*, NXB thành phố Hồ Chí Minh.
141. Nguyễn Q. Thắng (1972), *Huỳnh Thúc Kháng - con người và thơ văn*, Phủ Quốc vụ khanh đặc trách văn hóa xuất bản, Sài Gòn.
142. Nguyễn Q. Thắng (2002), *Huỳnh Thúc Kháng - con người và thơ văn*, NXB Văn học, Hà Nội.
143. Nguyễn Q. Thắng (2006), *Phong trào Duy Tân, các khuôn mặt tiêu biểu*, NXB Văn hoá Thông tin, Hà Nội.
144. Nguyễn Q. Thắng (2010), *Quảng Nam trong hành trình mở cõi và giữ nước*, NXB Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh.
145. Thành ủy Đà Nẵng (1996), *Lịch sử Đảng bộ thành phố Đà Nẵng (1925 – 1954)(sơ thảo)*, NXB Đà Nẵng, Đà Nẵng.
146. Thành uỷ Tam Kỳ - Huyện uỷ Phú Ninh - Huyện uỷ Núi Thành (2007), *Lịch sử Đảng bộ huyện Tam Kỳ (1930- 1954)*, NXB Đà Nẵng, Đà Nẵng.
147. Vũ Quang Thành (2004), “Đông Du - Duy Tân một trăm năm nhìn lại”, *Tạp chí Xưa và Nay*, (214), tr. 13-15.
148. Chương Thâu , Ngô Văn Hòa, Đinh Xuân Lâm, Hồ Song (1999), *Lịch sử Việt Nam 1897 - 1918*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
149. Chương Thâu (1997), “Chính sách của thực dân Pháp đối với ảnh hưởng của Tân thư ở Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, (1), tr. 7-10.
150. Chương Thâu (2007), *Góp phần tìm hiểu Nho giáo, Nho sĩ, Trí thức Việt Nam trước năm 1945*, NXB Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
151. Chương Thâu, Phạm Ngô Minh (2006), *Huỳnh Thúc Kháng tuyển tập*, NXB Đà Nẵng, Đà Nẵng.
152. Chương Thâu (2008), “Nghệ Tĩnh hưởng ứng phong trào chống thuế Quảng Nam năm 1908”, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử* (313), tr. 9-12.
153. Nguyễn Thiệu, *Hồi ký*, do Nguyễn Thúy ghi ngày 15/9/1971 tại Hà Nội. Hồ sơ lưu tại Ban Tuyên giáo Thành ủy Đà Nẵng.

154. Nguyễn Đình Thống (chủ biên) (2017), *Trí thức Việt Nam với phong trào giải phóng dân tộc từ đầu thế kỷ XX đến 1945*, NXB Văn hóa - Văn nghệ, thành phố Hồ Chí Minh.

155. Trần Thuận (chủ biên) (2014), *Thái độ của sĩ phu Việt Nam thời tiếp xúc Đông – Tây (từ thế kỷ XII đến đầu thế kỷ XX)*, NXB Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh.

156. Tạ Thị Thúy, Vũ Huy Phúc, Ngô Văn Hòa (2008), *Lịch sử Việt Nam tập VIII*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.

157. Nguyễn Văn Thường (2008), *Phong trào yêu nước và cách mạng ở Phú Yên từ cuối thế kỷ XIX đến cách mạng tháng Tám 1945*, Luận án Tiến sĩ Sử học, Viện Sử học, Hà Nội.

158. Đỗ Minh Thúy, Nguyễn Hồng Sơn (2010), *Phong trào duy tân với sự chuyển biến của văn hóa Việt Nam đầu thế kỷ XX*, NXB Từ điển Bách khoa và Viện Nghiên cứu Văn hoá, Hà Nội.

159. *Tình hình kinh tế Đông Dương (1900 - 1939) và kế hoạch tái thiết trang bị canh tân Đông Dương 1948*, Lê Khoa dịch (1969), NXB Sài Gòn.

160. Tỉnh uỷ lâm thời Quảng Nam (1930), *Vô sản và các dân tộc bị áp bức liên hiệp lại, Thông cáo (ngày 28/3/1930)*, Tài liệu lưu trữ tại Ban Tuyên giáo Thành uỷ Đà Nẵng, ký hiệu 1. XIII. B.

161. Tỉnh uỷ lâm thời Quảng Nam (1933), *Báo cáo và Nghị quyết của Hội nghị L.T tỉnh Quảng Nam ngày 27, 28/02/1933*, Lưu tại Ban Tuyên giáo Thành uỷ Đà Nẵng ký hiệu 1- III- C .

162. Tỉnh uỷ Quảng Nam - Thành uỷ Đà Nẵng (2006), *Lịch sử Đảng bộ Quảng Nam - Đà Nẵng 1930 - 1975*, NXB Chính trị Quốc gia , Hà Nội.

163. Nhượng Tống (1945), *Tân Việt Cách mạng đảng*, Việt Nam T hư xã xuất bản.

164. *Tổng tập văn học Việt Nam tập 21*, (1996), NXB Khoa học xã hội , Hà Nội.

165. *Phan Châu Trinh toàn tập, tập 1* (2005), NXB Đà Nẵng, Đà Nẵng.

166. *Phan Châu Trinh toàn tập, tập 2* (2005), NXB Đà Nẵng, Đà Nẵng.

167. Phan Châu Trinh toàn tập, tập 3 (2005), NXB Đà Nẵng, Đà Nẵng.
168. Phan Châu Trinh (2015), *Hồi ký phong trào dân biến ở Trung Kỳ*, NXB Hồng Đức, Hà Nội.
169. Phạm Quang Trung (1998), “Góp thêm về phong trào kháng thuế ở Trung Kỳ năm 1908”, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, (2), tr 9-13.
170. Yosiharu Tsuboi (2011), *Nước Đại Nam đối diện với Pháp và Trung Hoa (1847 - 1885)* (Nguyễn Đình Đầu dịch), NXB Tri Thức, Tp Hồ Chí Minh.
171. *Tư liệu về phong trào chống thuế Quảng Nam*, Bảo tàng Cách mạng Việt Nam.
172. Ủy ban Nhân dân Thị xã Tam Kỳ (2002), *Phan Châu Trinh chí sĩ yêu nước - nhà canh tân đầu thế kỷ XX*, Xí nghiệp in Quảng Nam.
173. Trần Mai Ước, Trương Văn Chung, Doãn Chính (2005), *Những tư tưởng đổi mới về văn hóa - đạo đức của Phan Châu Trinh trong bước chuyển tư tưởng Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
174. Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam (2014), *Lịch sử tư tưởng quân sự Việt Nam, tập 3(1858 - 1945)*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự Thật, Hà Nội.
175. Viện Sử học (2017), *Lịch sử Việt Nam, tập 6 (1859 - 1896)*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
176. Viện Sử học (2017), *Lịch sử Việt Nam, tập 7 (1897 - 1918)*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
177. Viện Sử học (2017), *Lịch sử Việt Nam, tập 8 (1919 - 1930)*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
178. Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng (thuộc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh), Ban Tuyên Giáo Tỉnh ủy Quảng Nam (2015), *Kỷ yếu Hội thảo khoa học: “Huỳnh Thúc Kháng - Quê hương, gia đình, tuổi trẻ”*, Thành phố Tam Kỳ, Quảng Nam.
179. Bùi Xuân (2008), “Sự hình thành các tổ chức tiền thân của Đảng ở Quảng Nam và Đà Nẵng”, *Tạp chí Lịch sử Đảng*, (10), tr. 61-63.
180. Nguyễn Văn Xuân (1995), *Phong trào Duy Tân*, NXB Đà Nẵng, Đà Nẵng.

181. Nguyễn Văn Xuân (1999), “Công cuộc Duy Tân và đôn bầy công thương”, *Thời báo kinh tế Sài Gòn*, (7-8), tr. 50-51.

182. Nguyễn Văn Xuân (2003), “Phong trào Duy Tân và tinh thần doanh nghiệp”, *Tạp chí Xưa và Nay*, (148), tr. 14-16.

## II. TIẾNG PHÁP

183. *Annuaire statistique de l'Indochine, 1900-1930*. IDEO, 1927-1931.

184. *Annuaire Statistique de l'Indochine 1913-1922*, S.719-720, TTLT Quốc gia I, Hà Nội.

185. *Annuaire Statistique de l'Indochine 1923-1929*, S.721-722, TTLT Quốc gia I, Hà Nội.

186. *Bulletin administratif de Annam 1901-1930*, Thư viện Quốc gia Hà Nội.

187. B. Bourotte, A.Sallat, L. Cadière, A. Bonhomme, Gibertm P, Antoire et L. Normet (1931), “L’Annam” - *B.A.V.H*, N<sup>o</sup> 1,2. Bản dịch của Phạm Mạnh Phan. Lưu tại Thư viện Nghệ An, K.H.NA 343.

188. Chambre consultative mixte de commerce et d’agriculture de L’Annam (1906), *L’Annam en 1906*, Marseille, Imprimerie SAMAT et Cie, 15, Quai du Canal.

189. Charles Fourniau (1989), *Annam- Tonkin (1885 – 1896)*, Editions L’Harmattan, Paris.

190. G. Coulet (1926), *Les sociétés en terre d’Annam*, C.Ardin, Sai Gon.

191. Daufès (E) (1933), *La Garde Indigène de l’ Indochine de sa création à nos jours*, Tome II, Imp. Séguin, Avignon.

192. “Entreprises diverses de la province Thanh - Hoa, Nghe - An, Quang - Tri, Thua - Thien, Quang - Nam, Quang - Ngai, Binh - Dinh”, *Annuaire économique de L’Indochine 1926- 1927*, p.51.8- 51.9, S.418, TTLT Quốc gia I, Hà Nội

193. “Entreprises diverses (riz, exportation, pharmaciens, epiciers-sel, meubles en rotin, tabacs, grands magasins, venteet location d’automobiles, imprimerie) en Annam”, *Annuaire économique de L’Indochine 1926- 1927*, p.6151-3; 617-13; 622-1; 6243-4; 6264-1; 6278-3; 628.7-8; 633-4; 638-4, S.418, TTLT Quốc gia I, Hà Nội.

194. Gouvernement Général de l’ Indochine, *Troublé de l’Annam 1916*, ANOM-GGI-65530.

195. Gouvernement Général de l' Indochine, *Cour d'Annam – Complot à Hue. Evasion et Déposition de S.M Duy Tan*, ANOM-GGI-9588.

196. Gouvernement Général de l' Indochine. Direction des Affaires Politiques et de la Sureté générale (1933). Contribution à l'histoire des mouvements politiques de l' Indochine Française. Document. Vol.N<sup>o</sup>1. Le “*Tân Việt Cách mạng Đảng*” (Partie révolutionnaire du jeune Annam) 1925-1930. Tài liệu lưu trữ tại Viện Bảo tàng Cách mạng Việt Nam. K.H11.145. Bản dịch của Nguyễn Ngọc Cư.

197. Y.Henry (1932), *Économie agricole de l' Indochine*, IDEO, Ha Noi.

198. *Journal officiel de l'Indochine Francaise 1901-1930*, Thư viện Quốc gia Hà Nội.

199. *L'Annam en 1906 (Commerce- Agriculture- Industrie)*, Imprimerie Samat, Marseille, 1906, M.304 (14), Thư viện Quốc gia, Hà Nội.

200. Le Conseil de Regence (1908) *aux 13 provinces “Tĩnh, Phủ, Đạo”*. Tài liệu lưu trữ TTLT Quốc gia II. K.H.456 RSA/ HC. Phạm Hữu Lư dịch.

201. Lettre du Conseil de Regence (1908), *Au Résident Supérieur en Anam*. Tài liệu lưu trữ tại TTLT Quốc gia II. KH 456/RSA/HC. Bản dịch của Phạm Hữu Lư.

202. Le Conseil du Comat (1927), *À Monsieur le Résident Supérieur en Anam*, Bản dịch của Nguyễn Luận.

203. Pénitencier de Poudo Condore (1912), *Etat nomonatif des prisonniers priginaires originaires de l' Annam, 3<sup>e</sup> trimestre 1912*. TTLT Quốc gia II. K.H.IA<sub>2</sub>/14/141 (3).

204. Police de l' Indochine – Annam – Service de la Surété (1928), “Quang Nam”, *Rapport politique de Février 1928 en Annam*. Tài liệu lưu trữ tại Tiểu ban nghiên cứu lịch sử Đảng Quảng Ngãi. Bản dịch của Nguyễn Luận.

205. Police de l' Indochine – Annam – Servide de le Surété (1928), “Quang Nam”, *Rapport mensuel politique Mars 1928 en Annam*. Tài liệu lưu trữ tại Tiểu Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Quảng Ngãi. Bản dịch của Nguyễn Luận.

206. Police de l' Indochine – Annam – Service de le Surété (1928) *Rapport Mensuel Novembre 1928 en Annam (ASSOCIATION ET SOCIETES DVERSES)*. Tài liệu lưu trữ tại Tiểu ban nghiên cứu lịch sử Đảng Quảng Ngãi. Bản dịch của Nguyễn Luận.

207. Police de l' Indochine – Annam – Service de la Sécurité (1928) “Quang Nam”, *Rapport mensuel Décembre 1928 en Annam*. Tài liệu lưu trữ tại Tiểu ban nghiên cứu lịch sử Đảng Quảng Ngãi. Bản dịch của Nguyễn Luận.

208. *Rapport économique de la province de Quang Nam 1910*, Fonds GOUGAL, 9136, p.2, 5, 11, 18, TTLT Quốc gia I, Hà Nội.

209. Résident de FaiFo (1908), *Le Résident de France à FaiFo à monsieur le Résident Supérieur en Annam à Hué. (Response à la lettre) 27/10/1908*. Tài liệu lưu trữ tại Tiểu ban nghiên cứu lịch sử Đảng Quảng Ngãi. Phạm Hữu Lư dịch.

210. Résidence de Quang Nam (1909), *Rapports économiques de la province de Quang Nam 1900 – 1909*. Tài liệu lưu trữ tại TTLT Quốc gia I, K.H. AFC,L4,87 – 96. Phạm Hữu Lư dịch.

211. Résidence Supérieur en Annam. Service de l' Enseignement (1912). *Statistiques scolaires des Ecoles laïques et congréganistes 2 trimestre 1912*. TTLT Quốc gia II, KH. 525/RSA/HC.

212. Résidence Supérieur en Annam (1927), “Quang Nam”, *Le R.S.P.I en Annam à M.Le.G.G. de l' Indochine (25 Mai 1927)*. Tài liệu lưu trữ tại Tiểu ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Quảng Ngãi. Bản dịch của Nguyễn Luận.

213. Résidence Supérieur en Annam (1930), *Rapport au sujet de la mesure de reespresion prise contre les nembres de l' Association resvolutionnaire “Việt Nam cách mạng Thanh Niên” du Résident Supérieur en Annam (10/03/1930)*. Tài liệu lưu trữ tại Viện Bảo tàng Cách mạng Việt Nam. K.H.17.112. Bản dịch của Phạm Hữu Lư.

214. Résidence Supérieur en Annam (1916), *Rapports au la politique en Annam 1916*. ANOM-GGI-4199.

215. Résidence Supérieur en Annam (1930), *Rapports du Résident Supérieur Graffeuil en Annam sur la politique de colonisation Francaise en Annam 1930*. Tài liệu lưu trữ tại Tiểu ban nghiên cứu lịch sử Đảng Quảng Ngãi. Bản dịch của Nguyễn Luận.

216. “Société d'irrigations au Quang - Nam”, *Annuaire économique de L'Indochine 1926- 1927*, p.51-8, S.418, TTLT Quốc gia I, Hà Nội.

217. G. Taboulet (1956), *La gest Francaise en Indochine*, Paris.

### III. TIẾNG ANH

218. Wiliam J. Duiker (1976), *The Rise of Nationalism in Vietnam, 1900 – 1941*, Cornell University Press.

219. David Marr (1971), *Vietnamese anticolonialism (1885 – 1925)*, University of California, London.

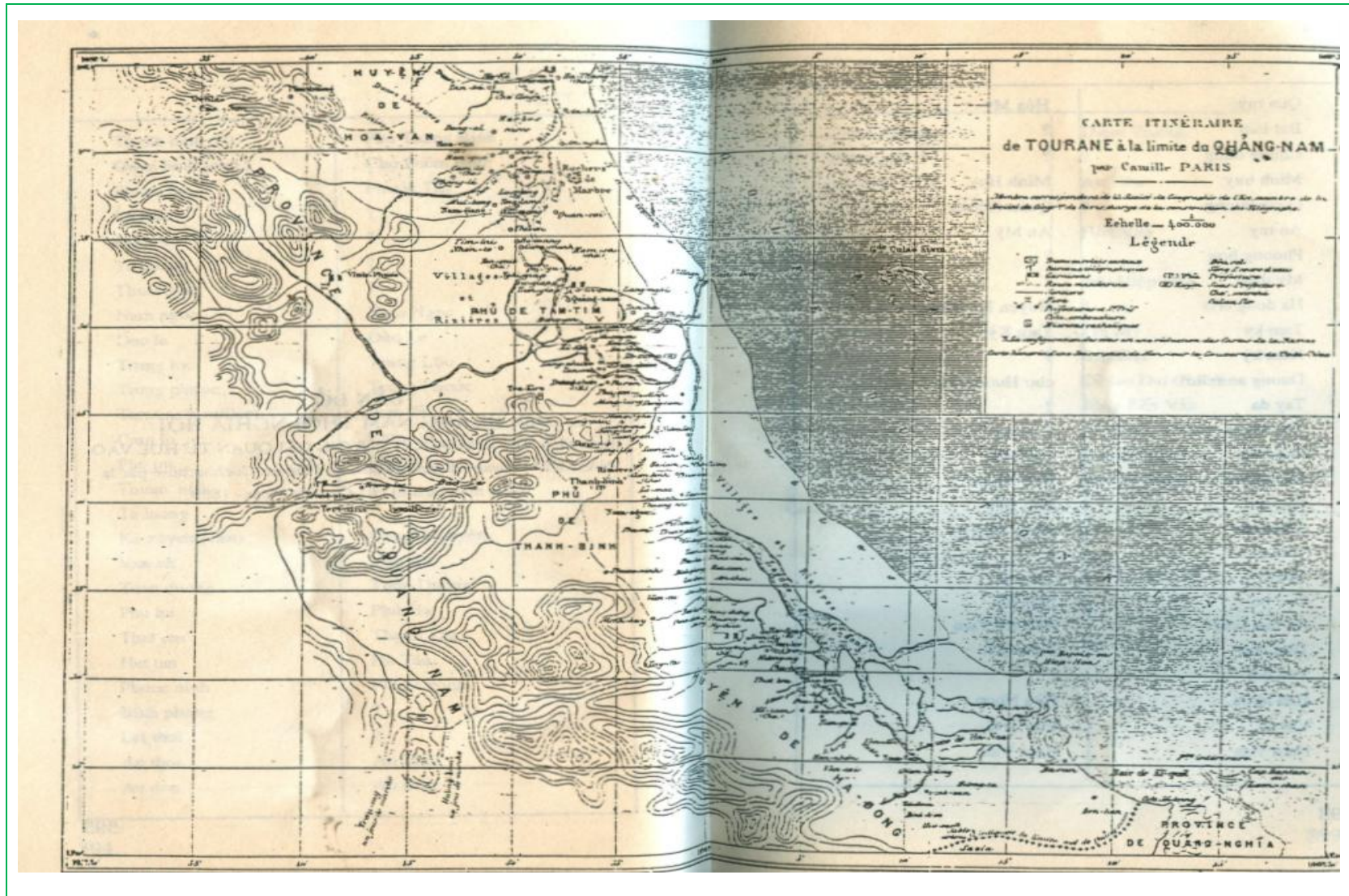
220. Steinberg, David Joel (1987), *In Search of Southeast Asia*, University of Hawaii Press, Honolulu.

## **PHỤ LỤC**

# Phụ lục 1

## BẢN ĐỒ TỈNH QUẢNG NAM NĂM 1889

Nguồn: Camillie Paris (Voyage d'exploration de Hue en Cochinchine par la route mandarine)



## Phụ lục 2

### GIỚI THIỆU MỘT SỐ CHÍ SĨ YÊU NƯỚC QUẢNG NAM CUỐI THẾ KỶ XIX ĐẦU THẾ KỶ XX

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ các sách [53], [54], [109], [141], [143], [144]

Họ và tên	Cuộc đời và sự nghiệp
<b>Trần Văn Dư (1839 - 1885)</b>	<p>Trần Văn Dư còn có tên là Trần Dư, tự Hoán Nhược, sinh ra trong một gia đình nhà Nho, tại làng An Mỹ Tây, huyện Hà Đông, phủ Thăng Bình (nay là Tam An, Phú Ninh, Quảng Nam).</p> <p>Thời tuổi trẻ, rất hiếu học và thông minh. Năm 19 tuổi đỗ tú tài, 27 tuổi đỗ cử nhân (1868), 35 tuổi đỗ tiến sĩ. Ông từng được bổ làm Hành tẩu Viện Cơ mật, Thừa biện bộ Lại, Tri phủ Ninh Giang (Hải Dương), Tri phủ Quảng Oai (Sơn Tây), rồi được thăng Hàn lâm viện sung chức giảng tập Dục Đức đường, làm Án sát An Tĩnh (Nghệ An - Hà Tĩnh), Biện lý bộ Lại,... Cuối năm 1884, ông giữ chức Chánh Sơn phòng sứ Quảng Nam.</p> <p>Tháng 7/1885, hưởng ứng chiếu Cần Vương, Trần Văn Dư cùng Nguyễn Duy Hiệu, Phan Bá Phiến,...thành lập Nghĩa hội Quảng Nam do ông làm Thủ hội. Quảng Nam được tổ chức thành căn cứ đầu não của phong trào Cần Vương vùng “tả trực kỳ”. Phong trào phát triển nhanh chóng, tiến lên đánh chiếm tỉnh thành La Qua.</p> <p>Tháng 11/1885, thực dân Pháp tấn công sơn phòng Dương Yên, nghĩa quân đã chống trả quyết liệt nhưng do tương quan lực lượng</p>

quá chênh lệch nên Trần Văn Dư quyết định tổ chức cho nghĩa quân rút lui để bảo toàn lực lượng nhằm tiếp tục cuộc kháng chiến. Đến cuối tháng 11/1885, các căn cứ chỉ huy như Dương Yên, An Lâm, Đại Đồng... bị địch bao vây và lần lượt thất thủ. Hội chủ Trần Văn Dư bị Tuần vũ Châu Đình Kế bắt và sát hại.

### Nguyễn Duy Hiệu (1847 - 1887)



Nguồn: Phòng văn hóa thông tin Điện Bàn

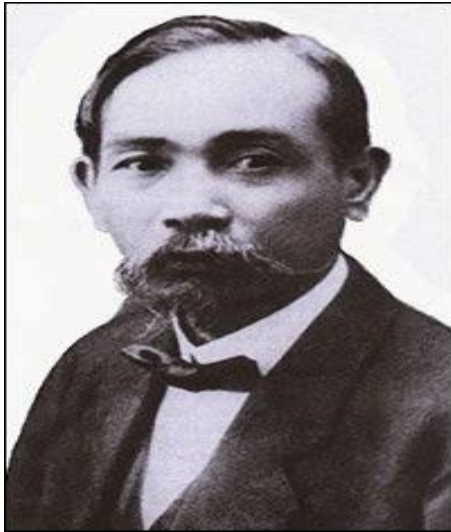
Nguyễn Duy Hiệu hiệu là Hữu Thành, sinh năm Đinh Mùi (1847) ở làng Thanh Hà, huyện Diên Phước (nay là Thanh Hà, Hội An, Quảng Nam). Thuở bé thông minh, học giỏi, đỗ tú tài năm 16 tuổi, đỗ cử nhân năm 29 tuổi, 3 năm sau đỗ phó bảng.

Năm 1882, được sung chức phụ đạo giảng tập hoàng tử Ứng Đăng, được phong hàm Hồng lô tự khanh. Hưởng ứng hịch Cần vương, ông cùng với Trần Văn Dư và Phan Bá Phiến thành lập Nghĩa hội Quảng Nam. Sau khi Hội chủ Trần Văn Dư thọ nạn, ông đứng ra điều hành công việc kháng chiến. Ông đã chọn Trung Lộc để lập Tân Tinh, nơi đặt bản doanh của lực lượng Nghĩa hội.

Trước sự lớn mạnh của phong trào, thực dân Pháp và chính quyền phong kiến quyết định tấn công tân tinh Trung Lộc, lực lượng nghĩa quân bị tổn thất khá nặng nề. Trong tình thế bất lợi, Nguyễn Duy Hiệu quyết định bỏ căn cứ Trung Lộc đem toàn bộ lực lượng còn lại lên sơn phận An Lâm (nay thuộc Tiên Hà, Tiên Phước, Quảng Nam) lập đồn cứ hiểm. Quân triều đình tiếp tục tập kích căn cứ An Lâm và Gò Mây (Phước Sơn), lực lượng nghĩa quân bị tổn thất hết sức nặng nề.

Nhận thấy Nghĩa hội đã bước vào giai đoạn suy tàn, Nguyễn Duy Hiệu đã quyết định giải tán Nghĩa hội, tự nộp mình cho Pháp. Ngày 1/10/1887, triều đình đã thi hành án tử hình đối với Nguyễn Duy Hiệu.

### Phan Châu Trinh (1872 – 1926)



Nguồn: Thành ủy Tam Kỳ

Phan Châu Trinh, tự là Tử Cán, hiệu Tây Hồ, Hy Mã, sinh 1872 tại làng Tây Lộc, huyện Hà Đông, (nay thuộc Tam Lộc, Phú Ninh, Quảng Nam). Thuở nhỏ nổi tiếng thông minh, học giỏi, đỗ cử nhân (1900), đỗ phó bảng (1901). Năm 1903, ông được bổ thừa biện bộ Lễ. Chính vào thời gian làm việc ở kinh đô Huế, ông có dịp tiếp xúc với tân thư và bước đầu nhận thức ra con đường cứu nước mới, nên ông đã từ quan, đi tìm một phương sách cứu nước.

Năm 1903, Phan Châu Trinh cùng với Huỳnh Thúc Kháng và Trần Quý Cáp phát động phong trào Duy Tân ở Quảng Nam với 3 mục tiêu: *khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh*. Đầu năm 1906, ông ra Bắc tham gia giảng dạy ở Đông Kinh nghĩa thực Hà Nội; ông còn lên tận Yên Thế, gặp Hoàng Hoa Thám, rồi tìm đường sang Trung Quốc, Nhật Bản gặp Phan Bội Châu để quan sát tìm hiểu, nghiên cứu đường lối duy tân, tự cường của Nhật. Cuối 1906, ông về nước, viết *Đầu Pháp chính phủ thư*, trình bày những nỗi khổ cực, bần hàn của dân ta dưới chính thể bảo hộ.

Năm 1908, khi phong trào chống sưu thuế bùng phát ở Quảng Nam, rồi lan nhanh ra các tỉnh Trung Kỳ, ông bị thực dân Pháp bắt và đày đi Côn Đảo. Nhờ sự can thiệp của

Hội Nhân quyền ở Pháp, đến cuối năm 1911, chính quyền thực dân buộc phải trả tự do cho ông và chấp nhận để ông sang Pháp.

Trong thời gian sống ở Pháp (1911-1925), Phan Châu Trinh tiếp tục vận động cứu nước. Ông có nhiều quan hệ gắn bó với Nguyễn Tất Thành (Nguyễn Ái Quốc), thường giao du mật thiết với Phan Văn Trường, Nguyễn An Ninh. Cũng trong thời này, ông đã viết nhiều tác phẩm như: *Trung Kỳ dân biến thì mật ký*, *Đông Dương chính trị luận*, *Tinh quốc hồn ca I và II*, *Santé thì tậptân* công mạnh mẽ vào chế độ phong kiến, nhằm thức tỉnh dân tộc, đề cao dân chủ, dân quyền.

Tháng 6/1925, Phan Châu Trinh về nước, ông lâm bệnh nặng và mất tại Sài Gòn ngày 24/3/1926. Đám tang Phan Châu Trinh trở thành phong trào quần chúng biểu dương lực lượng hùng hậu trên phạm vi cả nước.

### Huỳnh Thúc Kháng (1876 - 1947)



Nguồn: Huyện ủy Tiên Phước

Huỳnh Thúc Kháng tên thật là Huỳnh Hanh, tự Giới Sanh, hiệu Minh Viên, sinh ra trong một gia đình nông hào, gốc Nho học, tại làng Thạnh Bình, tổng Tiên Giang Thượng, huyện Hà Đông, (nay là Tiên Phước), tỉnh Quảng Nam.

Cụ Huỳnh nổi tiếng thông minh học giỏi, nhớ lâu, 15 tuổi kết giao với Phan Châu Trinh, 18 tuổi kết giao với Trần Quý Cáp. Năm 1900, Cụ đậu giải Nguyên, năm 1904 đậu Tiến sĩ, trở thành một trong “tứ hổ” Trung Kỳ nổi tiếng thời ấy. Thời gian thi, học ở kinh đô Huế, qua người bạn thân giao Phan

Châu Trinh (lúc ấy đang làm quan ở Bộ lễ), Huỳnh Thúc Kháng có dịp tiếp xúc với các nho sĩ tân học có tư tưởng cách mạng như Phan Bội Châu, Đào Nguyên Phổ... đọc được Tân thư và hấp thụ tư tưởng văn minh dân quyền. Vốn không ham quan tước, lại chịu ảnh hưởng tây học nên sau khi thi đỗ đại khoa, cụ Huỳnh không ra làm quan mà trở về làng ẩn cư. Năm 1905, cùng với Phan Châu Trinh và Trần Quý Cáp tiến hành Nam du xem xét tình hình, đề xướng tân học, vận động duy tân.

Từ sau cuộc Nam du trở về, cụ Huỳnh chuyên lo vận động nhân dân thay đổi lối sống, mặc âu phục, cắt tóc ngắn, cùng các thân sĩ chung sức lập các hội buôn, hội nông, hội trồng quế, xây trường học, thư viện. Cụ đến khắp các địa phương trong tỉnh diễn thuyết, hô hào duy tân.

Năm 1908, vụ kháng thuế nổ ra ở Quảng Nam rồi lan rộng các tỉnh miền Trung, cụ Huỳnh cùng thân sĩ các tỉnh bị thực dân Pháp và triều đình Huế bắt đày ra Côn Đảo với án chung thân... 13 năm trong nhà tù Côn Đảo là cả một quá trình rèn luyện, nung nấu ý chí, để khi được tự do, cụ Huỳnh tiếp tục chủ trương “làm cách mạng công khai” của mình.

Năm 1926, cụ Huỳnh trúng cử và giữ chức Viện trưởng Viện dân biểu Trung Kỳ. Trên cương vị mới, cụ đã sử dụng Viện dân biểu này như một diễn đàn đấu tranh công khai đòi thực dân Pháp phải cải cách dân chủ, mở rộng chính sách cai trị, bảo vệ quyền lợi

dân tộc. Nhưng Viện dân biểu do Pháp nặn ra này chỉ là tổ chức bù nhìn, một chiêu bài phục vụ cho chúng cho nên cụ đã từ chức Viện trưởng Viện dân biểu sau 3 năm đảm nhiệm (1926 - 1928).

Năm 1927, cụ Huỳnh đứng ra tổ chức tờ báo Tiếng Dân, tờ báo đầu tiên ở miền Trung, do cụ làm chủ nhiệm kiêm chủ bút. Hoạt động trong 16 năm (1927 - 1943), Báo Tiếng Dân đã góp phần vào việc giáo dục quần chúng đấu tranh công khai tố cáo chính sách thống trị của chính phủ Pháp, vạch mặt bọn Việt gian cùng những thủ đoạn mị dân của chúng, đòi hỏi dân chủ dân sinh.

Cách mạng tháng Tám thành công, cụ Huỳnh tham gia chính phủ với vai trò Bộ trưởng Nội vụ rồi quyền Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Thời gian này cụ có những đóng góp quan trọng trong việc điều hành bộ máy nhà nước còn non trẻ và xử lý đúng đắn mọi vấn đề, nội chính, ngoại giao.

Kháng chiến toàn quốc chống Pháp bùng nổ, với tư cách Hội trưởng Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam, hưởng ứng “*Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*” của Hồ Chủ Tịch, Cụ Huỳnh cũng phát đi bức thư “*Kính cáo đồng bào phụ lão kháng chiến thư*” kêu gọi toàn dân đoàn kết chặt chẽ thành một khối quyết sống chết với kẻ thù.

Trên đường công tác do tuổi cao sức yếu, cụ bị ốm nặng và mất vào ngày 21/4/1947, tại Quảng Ngãi. Phần mộ cụ hiện vẫn còn trên núi Thiên Ấn, Quảng Ngãi.

Trong sự nghiệp hoạt động cách mạng, cụ Huỳnh đã để lại một khối lượng tác phẩm đồ sộ thuộc nhiều thể loại, tiêu biểu nhất là: *Thi tù từng thoại, Vụ chống thuế ở Trung Kỳ, Phan Tây Hồ tiên sinh lịch sử, Huỳnh Thúc Kháng tự truyện, Bức thư bí mật gửi Cường Để, Một ít dật sự trên đoạn đường lịch sử cách mệnh Việt Nam...* cùng nhiều bài xã thuyết, bình luận trên báo Tiếng Dân. Những tác phẩm này, hiện nay đã được sưu tầm và phổ biến đầy đủ, là một nguồn dữ liệu, văn liệu quan trọng giúp ích rất nhiều cho việc nghiên cứu, tìm hiểu về một thời kỳ đầy biến động của lịch sử và văn học nước ta.

### Trần Quý Cáp (1870 - 1908)



Nguồn: Phòng văn hóa thông tin Điện Bàn

Trần Quý Cáp tự Dã Hàng, Thích Phu, hiệu là Thái Xuyên. Ông sinh ra và lớn lên trong một gia đình nông dân nghèo ở thôn Thái La, làng Bát Nhị, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Có tư chất thông minh, chịu khó học tập, ông là một trong sáu học trò lỗi lạc (cùng với Phạm Liệu, Nguyễn Đình Hiến, Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, và Phan Quang) của cụ Đốc học Mã sơn Trần Đình Phong tại trường Thanh Chiêm. Ông tham gia PTDT chống Pháp, sau đó bị bắt giam và chịu án chém ngang lưng vào năm 1908. Hiện nay vẫn còn đền thờ ông ở thị trấn Diên Khánh, huyện Diên Khánh, Khánh Hòa.

Trần Quý Cáp nổi tiếng học giỏi nhưng thi Hương 3 lần chỉ đỗ Tú tài. Đến khoa thi Giáp Thìn (1904), ông đỗ đầu đỗ Tiến sĩ, cùng khoa với Huỳnh Thúc Kháng và Đặng Văn Thụy. Là một người cầu tiến và sớm

được tiếp xúc với tân thư, tân văn, ông cực lực đả kích lối từ chương, khoa cử, đề nghị một lối học mới có tinh thần cứu quốc. Với lòng yêu nước nhiệt thành, ông tham gia PTDT và cùng với Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng đi khắp Quảng Nam, vào Nam Trung bộ để vận động duy tân.

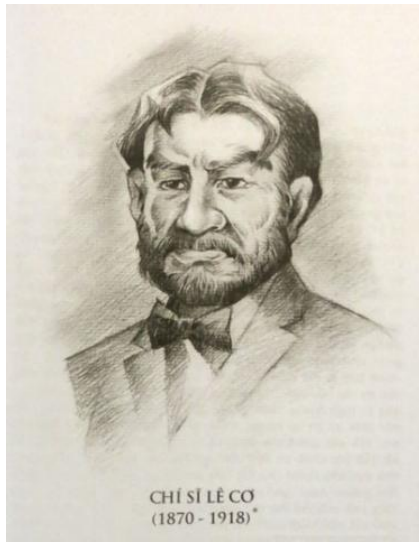
Năm 1905, ông cùng với các đồng chí là Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng lại lên đường Nam du tiếp tục công cuộc vận động duy tân. Tới Bình Định gặp kỳ thi khảo hạch chuẩn bị cho khoa thi Hương, cả ba ông đã tham gia khảo hạch và tạo nên hai thi văn phẩm nổi tiếng là *Chí thành thông thánh* và bài phú *Lương ngọc danh sơn*, tỏ rõ thái độ thách thức nhà cầm quyền, bài xích khoa cử... Sự kiện này đã gây tiếng vang lớn, lay động tư tưởng của giới trí thức Nho học đất Trung Kỳ.

Năm 1906, Trần Quý Cáp nhận chức Giáo thụ phủ Thăng Bình. Trên cương vị này, lợi dụng chính sách của chính quyền thực dân phong kiến, ông đẩy mạnh các hoạt động giáo dục tân văn hóa nhằm khơi dậy ý chí, tinh thần yêu nước, lòng căm thù giặc, sẵn sàng hy sinh cho độc lập tự do của dân tộc. Bọn quan lại cựa học không ưa, liền tìm cách đố ông vào Khánh Hòa.

Năm 1908, xảy ra cuộc kháng thuế ở Quảng Nam, phần lớn thân sĩ trong tỉnh bị bắt. Ông bị bắt giam và bị khép vào tội mưu phản, lãnh án chém ngang lưng tại Khánh Hòa.

Trong “bộ ba” lãnh tụ của PTDT Quảng Nam, Trần Quý cáp là lãnh đạo phong trào thực tế, ông vừa là người chỉ đạo và là người thực hành công cuộc duy tân ở xứ Quảng đầu thế kỷ XX.

### Lê Cơ (1859 - 1918)



Nguồn: Huyện ủy Tiên Phước

Lê Cơ là một nhà thực hành xuất sắc trong PTDT ở Quảng Nam đầu thế kỉ XX. Ông đã xây dựng Phú Lâm (Tiên Phước, Quảng Nam) - một vùng quê hẻo lánh miền sơn cước - thành một làng Duy Tân điển hình cho toàn quốc.

Lê Cơ, thường gọi là Xã Sáu, sinh năm 1859 trong một gia đình trung nông tại làng Phú Lâm, huyện Lễ Dương, phủ Thăng Bình (nay là Tiên Sơn, Tiên Phước, Quảng Nam). Thân phụ ông là Lê Tuân tức ông Bá Tư, anh ruột bà Lê Thị Trung, mẹ của Phan Châu Trinh, thân mẫu là bà Nguyễn Thị, là ngoại thích của Thượng thư bộ Lại Nguyễn Thuật (thường gọi là cụ Thượng Hà Đình).

Sau khi đỗ Tam trường khoa Canh Tý 1900, ông không tiếp tục theo đuổi con đường khoa cử mà ở nhà làm nông và tham phong trào Cần Vương. Năm 1903, Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng và Trần Quý Cáp khởi xướng cuộc vận động Duy Tân, lúc này tại làng Phú Lâm, Lê Cơ ra nhận chức lý trưởng. Từ đây, Lê Cơ được nhân dân gọi là Cụ Xã Sáu.

Trong bối cảnh nước nhà bị nô lệ, nhân dân lầm than, Lê Cơ nhận thấy việc cải cách xã hội, làng xã là việc cần thiết trước hết là để tự cường, sau đó là xây dựng nền dân chủ để

cứu nước.

Lê Cơ đã hưởng ứng PTDT và ông đã thực hiện công cuộc cải, lập trường tân học, mở mang dân trí.

Phú Lâm (Tiên Sơn, Tiên Phước, Quảng Nam) dưới sự chỉ đạo của Lê Cơ, thực sự trở thành trung tâm điểm thực hành cải cách ở Việt Nam đầu thế kỷ XX. Làng Phú Lâm như một đơn vị kinh tế độc lập, phát triển mạnh về sản xuất, kinh doanh buôn bán, nghề thủ công và trình độ dân trí, dân quyền được nâng lên rất nhiều so với trước. Phú Lâm như là một đơn vị hành chính riêng lẽ không bị phụ thuộc chính quyền thực dân phong kiến, mọi công việc trong làng đều do Lê Cơ và những sĩ phu yêu nước điều hành hoạt động, người dân thực sự sống trong xã hội dân chủ, no ấm và hạnh phúc.

Phong trào cải cách ở Phú Lâm phát triển mạnh, trong nước đều nghe tiếng, các nhà yêu nước ở các nơi đến Phú Lâm học tập. Từ mô hình trường tân học và công cuộc cải cách ở Phú Lâm, lần lượt cho ra đời nhiều trường tân học trên phạm vi cả nước (tỉnh Quảng Nam có thêm 40 trường tân học, sau đó là trường Dục Thanh ở Phan Thiết (1906), trường Đông Kinh Nghĩa Thục ở Hà Nội (1907).

Năm 1908, ông tham gia lãnh đạo phong trào chống thuế và bị chính quyền Pháp bắt giam tại nhà lao Hội An. Năm 1913, ông được trả tự do và tiếp tục tham gia chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục Hội. Trong cuộc khởi nghĩa của Việt

Nam Quang phục Hội (1916), ông và các đồng chí của mình bị thực dân Pháp bắt đày đi lao dịch tại nhà tù Lao Bảo và hy sinh tại đây ngày 26/10/1918.

### Nguyễn Thành (1863 – 1911)



Nguồn: Huyện ủy Thăng Bình

Nguyễn Thành còn gọi là Nguyễn Hàm, hay Âm Hàm, tự là Triết Phu, hiệu là Nam Thạnh, rồi Tiểu La, nên thường quen gọi là Tiểu La-Nguyễn Thành. Ông sinh năm 1863, tại làng Thạnh Mỹ, phủ Thăng Bình (nay là thôn Quý Thạnh, xã Bình Quý, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam), trong một gia đình Nho giáo. Vốn tính thông minh, từ nhỏ đã tỏ rõ là người có hoài bão lớn muốn tìm con đường cứu nước, cứu dân chứ không có ý muốn làm quan.

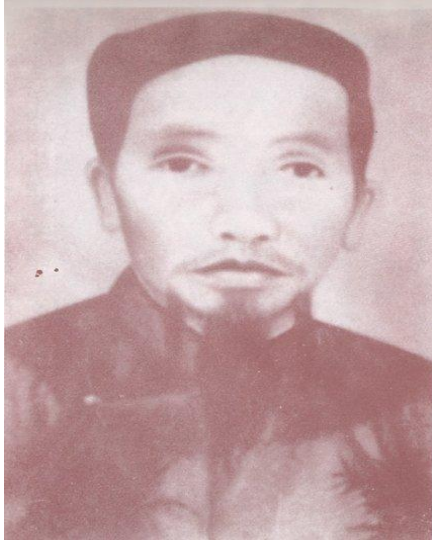
18 tuổi, Tiểu La tham gia phong trào Nghĩa hội Quảng Nam, với tư cách là ám sinh ông chiêu mộ một cánh quân, kết cùng Nghĩa Hội đánh thành tỉnh. Ông ngày càng tỏ rõ tài năng của một người cầm quân và được Nguyễn Duy Hiệu tin tưởng giao chức Tấn Tương quân vụ kiêm Thương Biện tỉnh vụ của Nghĩa Hội.

Năm 1887, khi phong trào Nghĩa Hội bị thất bại, ông trở về quê ẩn mình trong sơn trang, tiếp tục nuôi chí lớn, bí mật hoạt động và chờ thời cơ giúp dân, cứu nước.

Năm 1904, ông cùng Phan Bội Châu và các sĩ phu yêu nước khác sáng lập DTH. Khi Phan Bội Châu xuất dương, thì ông điều hành các hoạt động ở trong nước, vận động kinh phí, đưa thanh niên ra nước ngoài du học để chuẩn bị lực lượng cứu nước.

Năm 1908, khi DTH đang phát triển mạnh, thì cuộc kháng thuế ở Trung Kỳ đã nổ ra, Tiểu La - Nguyễn Thành bị Pháp bắt, đày đi Côn Đảo và qua đời vào ngày 11/11/1911.

### Trần Cao Vân (1866 - 1916)



Nguồn: Thành ủy Tam Kỳ

Trần Cao Vân tên thật là Trần Công Thọ, (lúc đi học còn lấy tên là Trần Cao Đệ, lúc vào chùa lấy pháp danh là Như Ý, khi ra hoạt động cách mạng đổi tên là Trần Cao Vân), biệt hiệu là Hồng Việt và Chánh Minh, còn có biệt danh là Bạch Sĩ. Ông sinh ra tại làng Tư Phú, tổng Đa Hòa (nay là xã Điện Quang, Điện Bàn, Quảng Nam), trên mảnh đất quê hương giàu truyền thống văn hiến và truyền thống đấu tranh yêu nước cách mạng. Với tư chất thông minh, từ nhỏ ông đã sớm bộc lộ văn tài qua cách ứng đối nhiều tình huống ngay trong lớp học.

Chứng kiến cảnh nhân dân lầm tan dưới ách nô lệ của thực dân, đặc biệt sau thất bại của phong trào NHQN, ông quyết định rời bỏ quê hương, từ bỏ mộng khoa cử để dấn thân vào con đường cứu nước.

Năm 1892, ông giã từ quê hương để vào Bình Định, Phú Yên gặp Võ Trứ, cùng nhau lãnh đạo cuộc chống Pháp ở Phú Yên. Cuộc khởi nghĩa do Võ Trứ lãnh đạo thất bại, Võ Trứ và Trần Cao Vân đều bị Pháp bắt giam ở nhà tù Phú Yên. Sau khi được trả tự do, ông tiếp tục dạy học, tuyên truyền tư tưởng yêu nước và lại bị Pháp bắt, kết án 3 năm khổ sai. Mãn hạn tù, ông tiếp tục hoạt động, liên hệ với những người cùng chí hướng tại quê nhà.

Năm 1908, phong trào chống sưu thuế

bùng nổ ở Quảng Nam, rồi lan rộng ra Trung Kỳ, ông bị Pháp bắt và đày đi Côn Đảo.


Sau khi được ân xá (1914), ông lại tiếp tục lên đường dấn thân vào sự nghiệp cách mạng và đã liên hệ với những người cùng chí hướng tham gia Việt Nam Quang Phục Hội do Phan Bội Châu lãnh đạo. Trong tổ chức Việt Nam Quang Phục Hội, ông cùng với Thái Phiên được giao nhiệm vụ bí mật xin hội kiến vua Duy Tân, nhằm vận động vua tham gia lãnh đạo cuộc khởi nghĩa chống Pháp. Vua Duy Tân đồng ý tham gia cuộc khởi nghĩa. Theo kế hoạch, cuộc khởi nghĩa sẽ được tiến hành vào lúc 1 giờ sáng ngày 3 tháng 5 năm 1916.

Trần Cao Vân và Thái Phiên được giao chỉ huy khởi nghĩa ở Huế. Nhưng đáng tiếc, cuộc khởi nghĩa đã bị bại lộ từ trước giờ khởi sự, ông bị bắt và bị chém tại Huế vào ngày 17/5/1916 cùng với Thái Phiên, Tôn Thất Đền, Nguyễn Quang Siêu.

### Phụ lục 3

## GIỚI THIỆU MỘT SỐ CÁN BỘ TIÊU BIỂU CỦA TỈNH BỘ HỘI VIỆT NAM CÁCH MẠNG THANH NIÊN QUẢNG NAM

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ Lịch sử Đảng bộ các địa phương [11], [12], [14], [16], [17], [18], [23], [24], [145], [162]

Họ và tên	Cuộc đời và sự nghiệp
<p data-bbox="418 575 716 617"><b>Đỗ Quang (1901 - ?)</b></p>  <p data-bbox="444 1167 618 1205">Đỗ Quang</p> <p data-bbox="396 1220 737 1251">Nguồn: Tỉnh ủy Quảng Nam</p>	<p data-bbox="824 575 1468 1234">Đỗ Quang sinh năm 1901, trong một gia đình yêu nước tại làng Lộc Thượng, tổng Thuận An (nay là Lộc Thượng 1, Quế Long, Quế Sơn, Quảng Nam). Lớn lên trong cảnh nước mất, nhà tan, Đỗ Quang sớm nung nấu tinh thần yêu nước, chí căm thù giặc. Trong thời gian học tại trường Cao đẳng Thú Y Hà Nội, ông đã liên hệ và hoạt động trong các tổ chức yêu nước và tiến bộ có xu hướng vô sản. Năm 1926, ông được chọn gửi sang Trung Quốc dự lớp huấn luyện do Nguyễn Ái Quốc chủ trì. Ông là người Quảng Nam đầu tiên được tiếp thu chủ nghĩa Mác – Lênin.</p> <p data-bbox="824 1266 1468 1766">Đầu năm 1927, ông về nước tuyên truyền vận động cách mạng, xúc tiến thành lập Hội VNCMTN Quảng Nam. Cùng thời gian đó, phong trào học sinh bãi khóa diễn ra sôi nổi ở Huế, Đỗ Quang đã nhanh chóng tiếp cận những học sinh Quảng Nam tại Huế và thành lập ra Ban vận động Hội VNCMTN Quảng Nam tại Huế. Đầu năm 1928, Tỉnh bộ Hội VNCMTN Quảng Nam được thành lập, do Đỗ Quang làm bí thư.</p> <p data-bbox="824 1797 1468 1938">Sau cách mạng tháng Tám, ông được bầu giữ chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời huyện Quế Sơn.</p>

## Lê Quang Sung (1908 - 1935)



Nguồn: Tỉnh ủy Quảng Nam

Lê Quang Sung (tên thật là Lê Đắc Thiềm, bí danh Lê Hoàn), sinh năm 1908, tại Duy Hòa, Duy Xuyên, Quảng Nam. Năm 1924, khi đang học tại trường Quốc học Huế, Lê Quang Sung đã cùng với nhiều học sinh ở Nhà hội Quảng Nam tham gia các phong trào học sinh bãi khóa ở Huế. Sau đó bị đuổi học, ông cùng với Đỗ Quang, Đỗ Quý (em Đỗ Quang) tham gia thành lập Ban vận động VNCMTN Quảng Nam. Sau khi Tỉnh bộ Hội VNCMTN tại Quảng Nam được thành lập, cuối năm 1928, ông được cử đi học lớp huấn luyện do Tổng bộ Hội VNCMTN mở ở Thái Lan. Sau 3 tháng huấn luyện, ông trở về Đà Nẵng mở lớp huấn luyện chính trị đầu tiên, trực tiếp soạn bài giảng, giảng bài và lo mọi mặt hoạt động của lớp. Để có tài liệu tuyên truyền, Lê Quang Sung cùng Đỗ Quý in lại hàng trăm cuốn Đường Kách mệnh.

Năm 1929, Lê Quang Sung, Đỗ Quý chuyển vào Sài Gòn để tránh sự truy lùng gắt gao của kẻ thù. Theo chủ trương “vô sản hóa”, ông xin vào làm việc và tham gia Công hội Đỏ của hãng sửa chữa tàu biển FACI. Sau đó, Lê Quang Sung gia nhập An Nam cộng sản Đảng và là người tham gia thành lập Tổng Công hội đỏ Nam Kỳ, làm Chánh Thư ký.

Tháng 11/1930, thực hiện sự chỉ đạo của Xứ ủy, Lê Quang Sung chủ trì Hội nghị thành lập Tỉnh ủy Chợ Lớn, do ông làm Bí thư.

Đầu năm 1931, Lê Quang Sung bị Pháp bắt và kết án tử hình cùng các đồng chí Ngô Gia Tự, Nguyễn Chí Diểu, Huỳnh Quảng (tức

Trần Nỗ ), Nguyễn Thị Nhỏ ... Tuy nhiên, trước sự đấu tranh mạnh mẽ của dư luận trong nước và quốc tế, đặc biệt là Đảng Cộng Sản Pháp, Lê Quang Sung và các đồng chí của ông được giảm án xuống còn chung thân và bị đày ra Côn Đảo.

Mùa xuân năm 1935, trong lần vượt ngục để về đất liền, Lê Quang Sung, Ngô Gia Tự cùng một số đồng chí đã mãi mãi nằm lại trong lòng biển cả của quê hương.

Cuộc đời hoạt động cách mạng của Lê Quang Sung tuy ngắn ngủi , nhưng những đóng góp của ông với PTCM trong “buổi đầu gieo hạt” trên mảnh đất xứ Quảng là vô cùng to lớn.

### Thái Thị Bôi (1911 - 1938)



Nguồn: Thành ủy Đà Nẵng

Thái Thị Bôi, sinh năm 1911 ở làng Nghi An, nay thuộc Hòa Phát, Hòa Vang, Đà Nẵng, trong một gia đình có truyền thống yêu nước. Lúc nhỏ, học ở Đà Nẵng, sau ra học trung học tại Trường Đồng Khánh (Huế). Chịu ảnh hưởng tư tưởng yêu nước của người chú ruột là Thái Phiên, khi học ở Huế cùng một số bạn bè, đồng hương lui tới, gặp gỡ chí sĩ Phan Bội Châu, nên được giác ngộ sớm, bà tham gia Hội VNCOMTN Quảng Nam tại Huế.

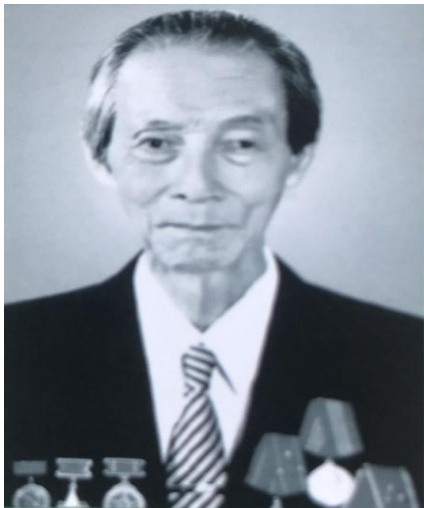
Năm 1926, bà bị đuổi học vì đã tham gia bãi khóa, tổ chức lễ truy điệu Phan Châu Trinh. Tháng 9/1927, bà cùng với Đỗ Quang, Đỗ Quý, Lê Quang Sung, Lê Văn Hiến, Phan Long... tham gia thành lập Hội VNCOMTN Quảng Nam tại Đà Nẵng. Đầu năm 1928, khi Tỉnh bộ Hội VNCOMTN Quảng Nam được thành lập, bà được cử vào Ban chấp hành.

Năm 1928, bà tổ chức và điều hành “Đà thành Nữ công học hội”, tập hợp những thanh nữ tân tiến, mở mang việc dạy nghề, dạy văn hóa, tuyên truyền giác ngộ ý thức bình đẳng của phụ nữ trong gia đình.

Năm 1930, bà gia nhập Đảng Cộng sản Đông Dương. Năm 1931, bị Pháp bắt nhưng chúng buộc phải thả bà vì không đủ chứng cứ. Tại Đà Nẵng, bà tiếp tục hoạt động, cùng với Nguyễn Sơn Trà lập nhà sách Việt Quảng bán sách tiến bộ, làm nơi liên lạc của nhiều chiến sĩ cộng sản.

Năm 1937, Thái Thị Bôi là thành viên trong Ủy ban đón tiếp đặc sứ J. Godart, phái viên của Chính phủ Mặt trận Nhân dân Pháp được cử sang Đông Dương đến Đà Nẵng. Do mắc bạo bệnh, bà đột ngột qua đời ngày 23/9/1938 tại Đà Nẵng.

### **Phan Thâm (1906 - 2008)**



Nguồn: Tỉnh ủy Quảng Nam

Phan Thâm tên thường gọi là Năm Thâm, tức Cao Hồng Lãnh, (tên khai sinh là Phan Hải Thâm), ông sinh ra trong một gia đình có truyền thống giàu lòng yêu nước tại xã Minh Hương (nay là Minh An, Hội An, Quảng Nam).

Từ rất sớm, ông đã bộc lộ là người có chí hướng, có tài tổ chức lãnh đạo. Năm 17 tuổi (1923), ông đã tổ chức thanh niên trong xã chống lại cường hào.

Năm 1924, đi học ở trường quân sự Hoàng Phố, Quảng Châu, Trung Quốc. Sau đó về nước tổ chức thanh niên học sinh tham gia Hội đọc sách báo tiến bộ.

Năm 1927, Tham gia Hội VNCOMTN ở Quảng Trị. Tháng 10/ 1927, tham gia thành lập Hội VNCOMTN Hội An, do ông làm Bí thư. Năm 1929, tham gia hoạt động thành lập Đảng Cộng Sản Đông Dương.

Năm 1934, xuất dương sang Hồng Kông, tham gia hoạt động trong tổ chức Đảng Cộng Sản Đông Dương tại Trung Quốc. Năm 1941, tham gia làm thành viên đoàn đưa Nguyễn Ái Quốc từ Trung Quốc về nước, tham gia kháng chiến ở Việt Bắc.

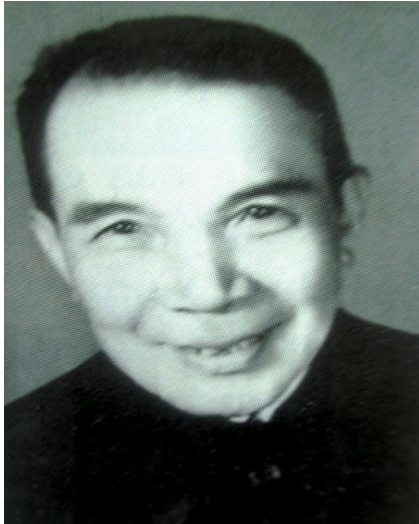
Năm 1945, được cử làm Ủy viên Ủy ban Kháng chiến Nam Bộ và Ủy viên Ủy ban Kháng chiến miền Nam Việt Nam.

Năm 1951, phụ trách công tác Đảng tại Quảng Châu, thành lập biện sứ tại Quảng Châu, Trung Quốc; đồng thời, phụ trách ban Tài vụ và lãnh đạo công tác Việt kiều tại Quảng Đông. Năm 1953, làm chủ nhiệm Biện sứ Côn Minh và phụ trách lãnh sự tại Trung Quốc.

Năm 1957, được Đảng điều về nước làm Vụ Trưởng Vụ Lãnh sự Bộ Ngoại giao và làm Phó trưởng Ban Đối ngoại Trung ương Đảng, phụ trách Ban cán sự Đảng ngoài nước. Từ trần tại Hà Nội năm 2008.

Suốt cuộc đời hoạt động cách mạng, Phan Thêm luôn dành cả tâm hồn và tình cảm của mình cho đất nước và quê hương Hội An. Đóng góp của ông thật sự lớn lao, đặc biệt là trong “buổi đầu gieo hạt” của PTCM đất Quảng.

### Phan Văn Định (? - 1984)



Nguồn: Tỉnh ủy Quảng Nam

Phan Văn Định là một thanh niên yêu nước được sinh ra trong một gia đình khoa bảng bề thế ở làng Đông Thái, phủ Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh. Truyền thống quê hương, gia đình đã thôi thúc ông đến với con đường cách mạng.

Sau khi tốt nghiệp trường Kỹ nghệ ở Huế (nghề lái xe), ông xin làm lái xe cho bác sĩ người Pháp ở Đà Nẵng. Tính chất công việc đã giúp ông có điều kiện để làm quen với những thanh niên yêu nước ở Đà Nẵng như Lê Văn Hiến, Nguyễn Tường, Nguyễn Sơn Trà... và tiếp xúc với sách báo tiến bộ.

Đầu năm 1926, Phan Văn Định cùng các anh em lái xe thành lập Hội Ái hữu lái xe miền Trung, tham gia Hội VNCMTN ở Đà Nẵng (nhóm Nguyễn Tường) và tham gia tổ chức các cuộc bãi công của công nhân chống lại chủ xưởng ở Đà Nẵng (1927). Tháng 4/1928, ông được tổ chức khéo léo bố trí vào lái xe cho Công sứ Pháp tại Hội An và tham gia vào Hội VNCMTN ở Hội An. Trong thời gian này, ông có điều kiện nắm bắt được nhiều thông tin hoạt động của tên Công sứ, của Tòa Công sứ cũng như nhiều thông tin quan trọng khác ở Quảng Nam và trở thành một trong những cán bộ cốt cán của Hội VNCMTN Hội An. Ông tích cực tham gia bất liên lạc, gây dựng được nhiều cơ sở cách mạng mới để tổ chức in ấn, tuyên truyền hoạt động của tổ chức cách mạng.

Khi Đảng bộ Đảng Cộng Sản Việt Nam

tỉnh Quảng Nam được thành lập (28/3/1930), ông được cử làm Bí thư Tỉnh ủy đầu tiên.

Tháng 10/1930, ông bị Pháp bắt giam tại nhà tù Lao Bảo, đến 1933 được thả tự do.

Sau cách mạng tháng Tám 1945, ông tham gia công tác trong quân đội thuộc Quân khu IV. Về nghỉ hưu tại Vinh và từ trần năm 1984.

**Phụ lục 4**  
**MỘT SỐ HÌNH ẢNH TƯ LIỆU**



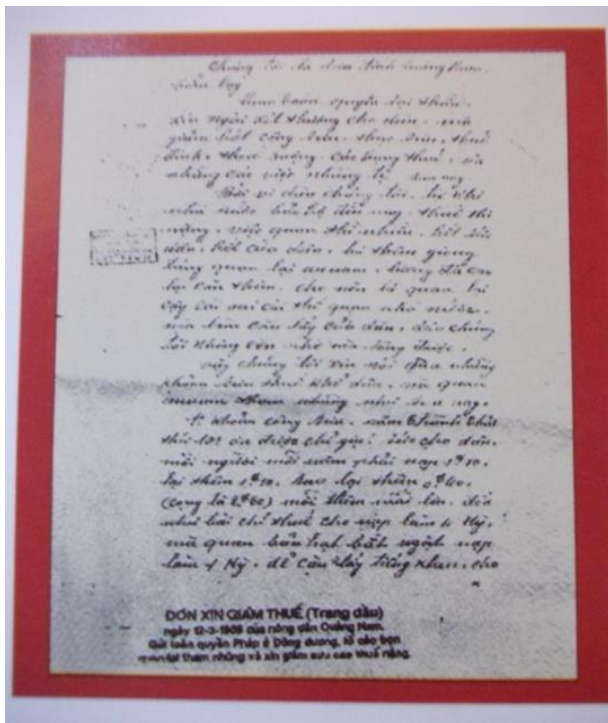
Nhân dân Hội An, Quảng Nam sống trong cảnh cơ cực dưới ách thống trị của thực dân phong kiến.

Nguồn: Trung tâm Bảo tồn di tích Hội An



Nhân dân miền Trung bị thực dân Pháp bắt đi phu đồn điền.

Nguồn: Tỉnh ủy Quảng Nam.



“Đơn xin giảm thuế” (trang đầu) của nông dân Quảng Nam gửi Toàn quyền Đông Dương (12/3/1908)  
 Nguồn: Tỉnh ủy Quảng Nam.



Các sĩ phu Quảng Nam bị thực dân Pháp bắt sau phong trào kháng thuế 1908.  
 Nguồn: Trung tâm Bảo tồn di tích Hội An.



Di tích nhà Đức An (nay là 129 Trần Phú, Hội An, Quảng Nam), nơi thành lập Hội Việt Nam cách mạng thanh niên ở Hội An (10/1927)  
 Nguồn: Tác giả chụp.



Di tích Giếng Bông (phía sau Bảo tàng Chăm, Đà Nẵng hiện nay)  
 Nguồn: Thành ủy Đà Nẵng.



Đội bóng đá “Aurore”, do Hội Việt Nam cách mạng thanh niên ở Hội An sáng lập trong những năm 1927 – 1929

Nguồn: Trung tâm Bảo tồn di tích Hội An.



Lễ truy điệu Phan Chu Trinh tại Đà Nẵng năm 1926.

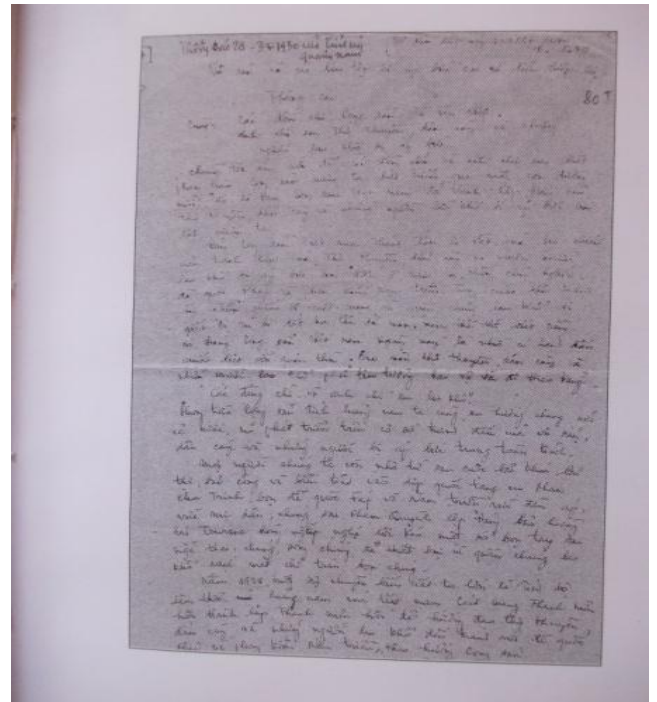
Nguồn: Tỉnh ủy Quảng Nam.



Dấu tích Cây Thông Một ở xã Cẩm Hà - nơi thành lập Tỉnh ủy lâm thời tỉnh Quảng Nam vào ngày 28/3/1930. Đây cũng là nơi in ấn và phát hành số đầu tiên của Báo Lưỡi Cày - Tiếng nói của Tỉnh ủy lâm thời Quảng Nam

Di tích Cây Thông Một (khối Tân Thanh, Phường Tân An, Hội An), nơi diễn ra Hội nghị thành lập Tỉnh ủy lâm thời Quảng Nam ngày 28/ 3/1930

Nguồn: Tỉnh ủy Quảng Nam.



Thông cáo thành lập Tỉnh ủy lâm thời tỉnh

Quảng Nam ngày 28/ 3/1930

Nguồn: Tỉnh ủy Quảng Nam.

Phụ lục 5

MỘT SỐ TÀI LIỆU LƯU TRỮ

5.1. Thời báo Kinh tế Đông Dương nói về hoạt động của Công ty vận tải ô tô Staca ở Trung Kỳ (số ra ngày 1/8/1926)

Nguồn: <http://gallica.bnf.fr/ark:/>





# STACA

**SOCIÉTÉ DES  
TRANSPORTS AUTOMOBILES  
DU CENTRE-ANNAM**

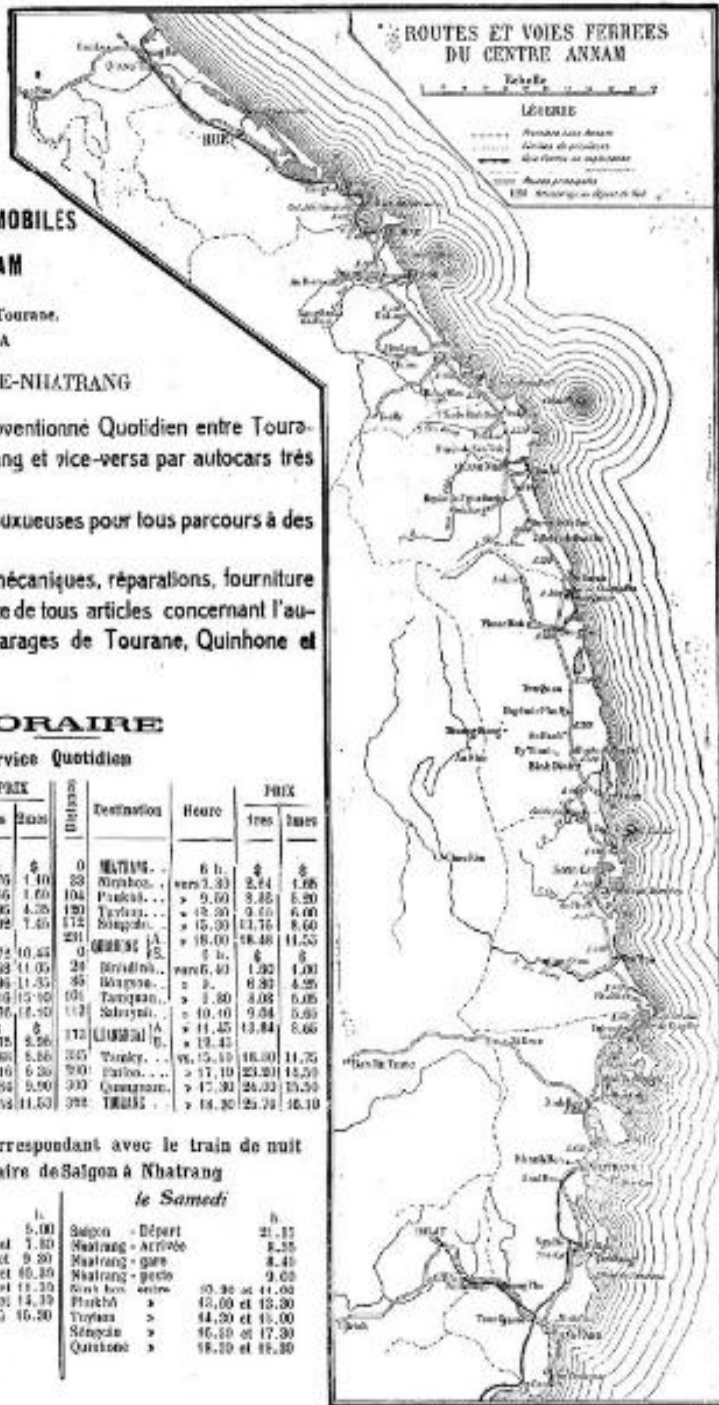
Siège Social : Rue Gallieni, Tourane.  
Adresse télég. STACA

**TOURANE-QUINHONE-NHATRANG**

Service Postal Subventionné Quotidien entre Tourane-Quinhone-Nhatrang et vice-versa par autocars très confortables.

Locations d'autos luxueuses pour tous parcours à des prix très modérés.

Garages ateliers mécaniques, réparations, fourniture de toutes pièces, vente de tous articles concernant l'automobile, dans les garages de Tourane, Quinhone et Nhatrang.



## HORAIRE

### Service Quotidien

Distance	Destination	Heure	PRIX		Distance	Destination	Heure	PRIX	
			1re	2ème				1re	2ème
0	TOURANE	6 h.	\$	\$	0	NHATRANG	6 h.	\$	\$
32	Quinhone	vers 7.00	1.75	1.40	33	Nhatrang	vers 1.30	2.14	1.65
52	Binh...	> 7.20	2.50	1.60	104	Phuoc...	> 5.50	3.25	2.20
81	Phuoc...	> 9.30	6.95	4.35	120	Tuyen...	> 15.30	9.10	6.00
140	QUINHON	11.45	11.95	7.40	172	Singha...	> 15.30	13.75	8.60
209	Singha...	13.45	13.75	10.45	201	QUINHON	15.00	18.45	11.55
221	Tuyen...	> 15.00	17.55	11.05	21	Nhatrang	vers 6.40	1.92	1.00
257	Binh...	> 15.30	18.95	11.35	35	Phuoc...	> 7.	6.90	4.25
300	Nhatrang	> 17.50	21.10	15.10	101	Tuyen...	> 1.30	3.05	2.05
322	QUINHON	18.30	20.75	14.50	113	Singha...	> 10.10	9.04	5.90
370	Singha...	6 h.	\$	\$	170	TOURANE	> 13.45	13.84	8.60
411	Tuyen...	vers 8.15	4.75	3.25	325	Tuyen...	vers 15.10	16.20	11.75
421	Phuoc...	> 12.30	8.85	5.85	330	Phuoc...	> 17.10	23.20	14.20
498	Nhatrang	> 13.30	15.24	9.90	333	Quinhone	> 17.30	24.30	15.20
531	NHATRANG	> 15.00	18.45	11.55	334	TOURANE	> 18.30	24.75	16.10

### Horaires Spécial Correspondant avec le train de nuit hebdomadaire de Saigon à Nhatrang

le Dimanche		le Samedi	
	h.		h.
Quinhone	5.00	Saigon - Départ	21.15
Singha	estrie 7.00 et 7.30	Nhatrang - Arrivée	8.35
Tuyen	A. > 9.00 et 9.30	Nhatrang - gare	8.40
Phuoc	> 10.00 et 10.30	Nhatrang - poste	9.00
Nhatrang	> 11.00 et 11.30	Box bus entre	10.30 et 11.00
Quinhone	> 14.50 et 15.30	Phuoc	> 12.00 et 12.30
Nhatrang - gare	> 15.30 et 16.30	Tuyen	> 14.30 et 15.00
Singha	> 17.00	Singha	> 16.10 et 17.30
Nhatrang - gare	> 17.15	Quinhone	> 18.10 et 18.30
Arrivée à Saigon	6.00		

**5.2. Thống kê trường học ở Trung Kỳ (trong Công báo hành chính của Pháp năm 1921)**

Nguồn: <http://gallica.bnf.fr/ark:/>

RÉPUBLIQUE FRANÇAISE  
LIBERTÉ — ÉGALITÉ — FRATERNITÉ

**BULLETIN ADMINISTRATIF**

DE  
L'ANNAM

ANNÉE 1921

N<sup>o</sup> 17

PARTIE OFFICIELLE  
**GOVERNEMENT GÉNÉRAL**

ARRÊTÉS

*Arrêté approuvant et rendant exécutoire l'Ordonnance Royale du 20 Juillet 1921 accordant aux engagés volontaires militaires en Cochinchine le bénéfice du titre de Maitre-Daï.*

13 Août 1921

Le Gouverneur Général de l'Indochine :

Vu les décrets du 20 Octobre 1911, portant fixation des pouvoirs du Gouverneur Général et organisation financière et administrative de l'Indochine ;

Vu l'Ordonnance Royale du 30 jour 1<sup>er</sup> mois, 6<sup>e</sup> année Khan-Donk 18 Janvier 1920 ;

Vu le rapport du Conseil du Co-Mai N<sup>o</sup> 225 en date du 19 Juillet 1921 ;

Vu l'Ordonnance Royale du 20 Juillet 1921 ;

Sur la proposition du Résident Supérieur en Annam,

ARRÊTE :

Art. 1<sup>er</sup>. — Est approuvée et rendue exécutoire l'Ordonnance Royale du 1<sup>er</sup> jour, 6<sup>e</sup> mois, 6<sup>e</sup> année de Khan-Donk (20 Juillet 1921) accordant aux engagés volontaires militaires en Cochinchine le bénéfice du titre de Maitre-Daï.

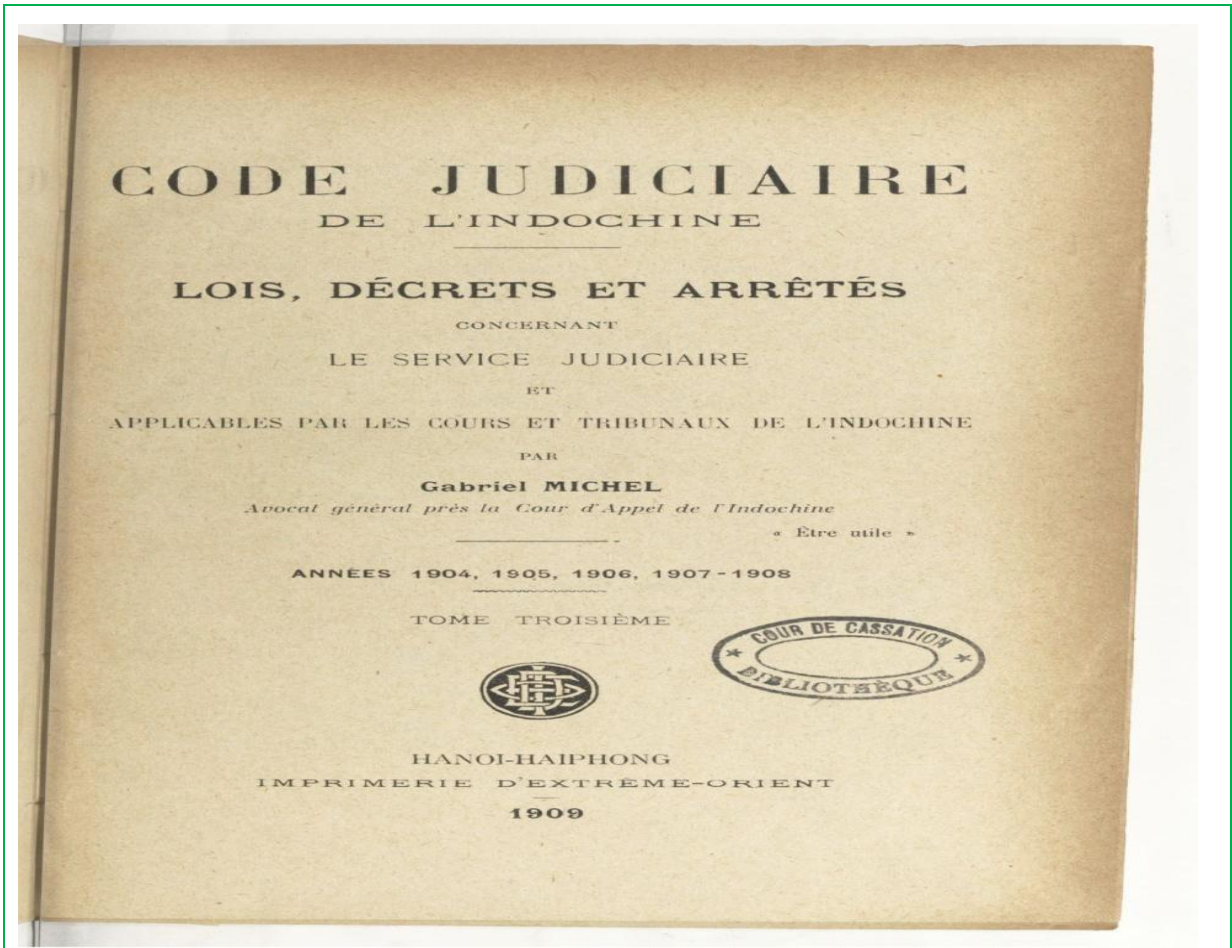
BULL. ADM. DE L'ANNAM. — N<sup>o</sup> 17. — 1921.

55.

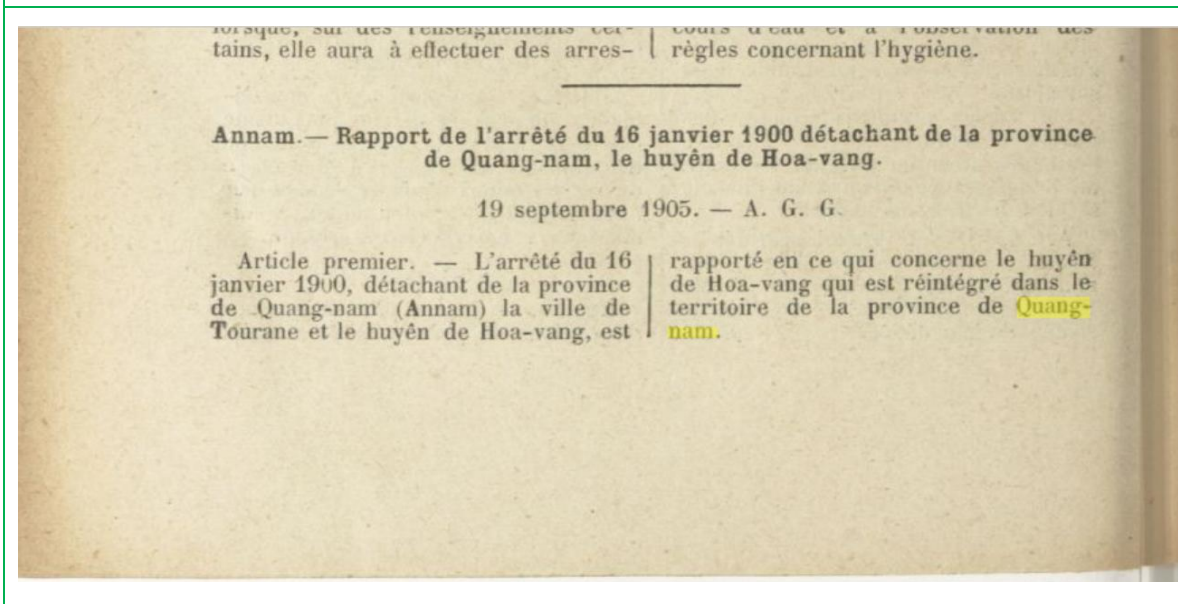
Noms et prénoms	Grades	Fonctions nouvelles	Ancien poste	Nouveau poste	Budget
<b>Province de Thuathien (suite)</b>					
<i>b) Ecoles élémentaires</i>					
Trần-Nhân . . .	Monit. stag.	Directeur	Huế	Niêmpho	Local
Truong-v-Trach	"	"	"	Phuvang	"
Trần-x-Thông .	"	Adjoint	Annhôn (Sinhchôn)	Huongtra	"
<b>Tourane</b>					
<i>a) Ecole de plein exercice</i>					
M. Lê-quang-Nguyên N° Mle 71 . . . . .	Inst. titul. 5e cl.	Adjoint	Dônghoi	Tourane	Local
<i>b) Ecole des filles</i>					
Mme Lê-quang-Ngoan née Ng-thi-Khanh N° Mle 8 . . . . .	Monitrice auxiliaire 1re classe	Directrice	Dônghoi	Tourane	Local
<b>Province de Quangnam</b>					
<i>a) Ecole de plein exercice</i>					
Truong-xuan-Quang N° Mle 81 . . . . .	Inst. auxil. 1re cl.	Adjoint	Tourane	Quangnam	Local
<i>b) Ecoles des jeunes filles</i>					
Mlle Hoang-thi-Phung . . . . .	Monitrice temporaire	Adjointe	Hatinh	Faifo	Local
<i>c) Ecoles élémentaires</i>					
Trần-Canh N° Mle 79 . . . . .	Inst. titul. 8e cl.	Directeur	Faifo	Tamky	Local
Vuong-Tân . . .	Monit. auxil. de 1re cl.	"	Phu-My (Binhbinh)	Thangbinh	"
Binh-ngoc-Cao ex-tro-giao . .	Moniteur stagiaire	"	Phuvang (Thachha)	Hoa-Vang	"
Nguyễn-xuan-Bông . . . . .	"	"	Huongthuy (Thachha)	Myhoa (Dailoc)	Communal

**5.3. Huyện Hòa Vang được tách ra khỏi tỉnh Quảng Nam theo Nghị quyết ngày 16/1/1900 (Bộ luật Tư pháp Đông Dương)**

Nguồn: <http://gallica.bnf.fr/ark:/>



Source gallica.bnf.fr / Bibliothèque de la Cour de cassation





**Marchandises diverses et provisions (Suite)**

Lait concentré Nestlé	la caisse de 48 boîtes.	12 00	Approvisionnement, ventes courantes.
Id. Le petit Bernier de fabrication Française.	id.	13 50	id.
Lait naturel Melara	id.	9 50	
Lait stérilisé Alouart stérilisé sans sucre	id.	12 50	
Lait stérilisé par mélange Ozer	id.	12 50	
Lait stérilisé sans sucre	id.	12 50	
Noix d'arachées sèches	le picul	32 50	
Pisiches de Singapour	le cent	10 50	
Rofins	le picul	22 00 à 30 00	
Sardines	en boîtes 1/2.	10 00 à 25 00	
id. Arros	le picul	4 70	Approvisionnement. Suivant qualité.
Sauconsens Lyon	le picul	5 00	
Sagu	en farine.	3 10	Approvisionnement.
Sauconsens douze tonnes	les 100 kilos.	20 50 à 29 00	Approvisionnement, vent et courantes
Sucre	raffiné en pains cassé en balles.	21 00	Ventes nulles.
Savans de Marseille	loterie en poudre.	10 00	Abandon, ventes courantes.
Tahos	français de la région d'Alger (Gébel).	16 00 à 28 00	Approvisionnement, bonne demande
Voliges	le cent	3 20 à 4 30	id.
Bois de teck en pièces équarries	la caisse de 25 k.	41 00	vente courante.
	id.	10 00	id.
	le mètre cube.	70 00	id.

**RELEVÉ TRIMESTRIEL DES EXPORTATIONS DE RIZ, PADDY, BRISURES ET FARINES**

RIZ, PADDY, BRISURES ET FARINES	FRANCE		MUSORÉ		INDOCHINE	SINGAPOUR	ILES PHILIPPINES	CHINE		JAPON	AMÉRIQUE DU SUD	TOTAL
	Inde	Colonies	Parte d'arrivé	Autres ports				Shanghai	Autres ports			
1 <sup>er</sup> Trimestre, 1901	43,074	17,497	6,699	7,810	13,733	7,211	54,476	100,006	1,281	10	12,710	182,296
2 <sup>e</sup> Trimestre, 1901	7,932	17,497	10,201	7,501	13,733	7,211	54,476	100,006	1,281	10	12,710	182,296
3 <sup>e</sup> Trimestre, 1901	21,307	2,115	22,230	6,170	27,080	2,110	42,987	32,810	2,250	11	10,197	203,170
4 <sup>e</sup> Trimestre, 1901	232,180	19,632	48,131	40,968	41,413	40,258	176,308	245,222	4,221	53	74,810	477,070
1 <sup>er</sup> Trimestre, 1902	40,352	2,115	11,205	6,017	27,089	2,410	42,087	13,217	2,250	11	10,197	157,881
2 <sup>e</sup> Trimestre, 1902	43,402	1,100	11,205	6,017	27,089	2,410	42,087	13,217	2,250	11	10,197	157,881
3 <sup>e</sup> Trimestre, 1902	87,965	2,102	11,205	6,017	27,089	2,410	42,087	13,217	2,250	11	10,197	157,881
4 <sup>e</sup> Trimestre, 1902	111,101	23,805	10,087	4,702	112,213	6,017	262,018	194,294	20,720	2,251	36,128	422,626
1 <sup>er</sup> Trimestre, 1903	28,598	30,811	2,392	28,416	172,297	8,710	146,052	78,803	6,691	10	10,197	346,299
2 <sup>e</sup> Trimestre, 1903	191,519	20,201	1,292	28,416	169,972	30,855	139,971	201,487	4,891	10	10,197	406,508
3 <sup>e</sup> Trimestre, 1903	70,519	11,787	41,987	27,194	24,220	30,690	89,703	32,237	11,420	1,690	1,691	178,248
4 <sup>e</sup> Trimestre, 1903	117,352	24,314	7,022	7,022	11,038	23,628	4,413	257,119	3,172	66,321	12,508	425,622
1 <sup>er</sup> Trimestre, 1904	68,208	13,670	600,730	75,247	14,101	112,702	4,981	193,825	1,574	2,905	47,227	325,542
2 <sup>e</sup> Trimestre, 1904	21,504	0,001	7,107	1,107	23,843	40,352	1,011	394,120	4,328	2,752	1,691	431,277
3 <sup>e</sup> Trimestre, 1904	47,077	1,000	1,100	1,100	18,227	30,000	15,222	410,343	4,112	1,012	1,686	505,632

**MOUVEMENTS DU PORT ARRIVAGES**

DATE	CAPITAINE	NATIONALITÉ	TONNAGE	NAVIRES	PROVENANCE
Décem. 31	Miyajika	Messageries marit.	650	Gaubert	Marseille
1903-Jan. 2	Berthou	vapeur français	297	Suez	Hongkong
" 3	"	vapeur français	214	"	Indes
" 4	Manche	Messageries marit.	1298	Meurand	Tonkin
" 5	Am-Phi	vapeur anglais	993	Johannes	Swatow
" 6	Colombo	Messageries marit.	2723	Autran	Marseille
" 7	Amiral Pasty	vapeur français	4100	Bevard	Hongkong
" 8	Ernest-Simon	Messageries marit.	2102	Bourdon	Marseille
" 9	Andalouze	vapeur anglais	2102	Kirby	Philippines
" 10	Georg-Nan	vapeur français	710	Vish	id.
" 11	Salin-Holmann	vapeur anglais	340	Naher	Singapore
" 12	Hongkong	Messageries marit.	871	Morano	Singapore
" 13	Galier	Messageries marit.	2127	Idone	Tonkin
" 14	Erwin	Messageries marit.	2127	Ygnal	Gustaburg
" 15	Tokio	vapeur anglais	2240	Williamson	Hongkong
" 16	Boudia	Messageries marit.	2772	Charbonnel	Hongkong

**DÉPARTS**

DATE	NAVIRE	NATIONALITÉ	TONNAGE	CAPITAINE	DESTINATION	CARGAISONS			
						COFFRÉ	BLANC	PADDY	Autres
Décem. 31	Tokio	Messageries marit.	2327	Schultz	Marseille	x	x	x	x
1903-Jan. 3	Mine de Balan	vapeur américain	2214	Gauche	Marseille	x	1,880	x	x
" 4	Erwin	Messageries marit.	2127	Ygnal	Portswan	x	x	x	x
" 5	Hongkong	Messageries marit.	871	Morano	Singapore	x	x	x	x
" 6	Himalaya	Messageries marit.	2628	Margis	Haiphong	x	x	x	x
" 7	Komang-Si	Messageries marit.	4819	Boyer	Santhylanes	4,020	290	1,052	x
" 8	Bourdon	vapeur français	302	Leher	id.	1,058	x	x	x
" 9	Denai	vapeur français	276	Dalac	Bangkok	x	x	x	x
" 10	Meurand	Messageries marit.	1498	Meurand	Tonkin	x	x	x	x
" 11	Ernest-Simon	Messageries marit.	2102	Bourdon	Hongkong	x	x	x	x
" 12	3-Holmann	vapleur français	1560	Bertrand	Bordeaux	2,175	x	x	x
" 13	Taklan	vapeur anglais	1112	Jones	Hongkong	5	273	x	947
" 14	Amiral Pasty	vapeur français	4100	Johannes	Haiphong	x	x	340	693
" 15	Salin-Holmann	vapeur anglais	340	Naher	Pulo-Sambor	x	x	x	x
" 16	Colombo	Messageries marit.	2723	Autran	Haiphong	x	x	x	x
" 17	Miyajika	Messageries marit.	650	Gaubert	Amoy	x	x	x	x

**Navires dans le port**

NAVIRE	NATIONALITÉ	DESTINATION	NAVIRE	NATIONALITÉ	DESTINATION
Gironde	Messageries marit.	Tonkin	Orange-Nan	vapeur français	Philippines
Bateau	Indochine	Haiphong	Indochine	Messageries marit.	Tonkin
Corail-Bat	vapleur français	Haiphong	Galier	Messageries marit.	Tonkin
La-erco	vapeur anglais	Haiphong	Erwin	Messageries marit.	Singapore
Amiral Pasty	vapeur français	Bayre	Tokio	vapeur anglais	Indochine
Andalouze	vapeur anglais	Baconne	Amoy	Messageries marit.	Marseille

**Navires attendus**

De MARSILLE : — Messageries maritimes Polynésiennes  
De TOKIO : — Messageries maritimes Manche

HONGKONG : — Messageries maritimes Australiennes  
POUR LA CHAMBRE :  
Le Président, E. SCHNEEGANS

Saigon, — Imp. Commerciale





## 5.5. Tờ L'Echo Annamite (số ra ngày 18/7/1930) đưa tin về “hoạt động chống Nhà nước” của các tổ chức Cộng sản ở An Nam

Nguồn: <http://gallica.bnf.fr/ark:/>

ONZIÈME ANNÉE.—150 LE NUMERO 10 CENTS VENDREDI 18 JUILLET 1930

# L'ÉCHO ANNAMITE

JOURNAL QUOTIDIEN

Bureaux à Paris: Au « Courrier de France »  
1, boulevard Haussmann

Directeur-Administrateur: E. DEJEAN DE LA BATIE

Direction: Rédaction: Administration:  
50, Rue Colonel Grinard, Saigon.

### AU PALAIS

## Cour Criminelle de Saigon

### Complots contre la sûreté de l'Etat

L'interrogatoire des inculpés du crime de la rue Barberie finit avec la décharge de l'accusé. La troisième décharge par la lecture, par le président Garrière, d'un rapport médical, rédigé à la suite de l'examen du cadavre de la victime. Cette

comité de Canton, bien que vous fussiez à Hongkong, d'empêcher sur le crime de la rue Barberie. Donnez quelques renseignements à ce sujet ?

— Lang était coupable d'avoir tenté de séduire une de nos camarades qui traitait

### Après la signature du traité naval de Londres

La baisse des constructions, sur les chantiers anglais et irlandais

Londres, le 16. — Suivant le « Morning Post », les statistiques trimestrielles indiquent que les travaux des chantiers navals de Grande-Bretagne et d'Irlande ont marqué à la fin de juin, une diminution de 222.000 tonnes par rapport au trimestre finissant fin mars

L'opinion américaine approuve-t-elle le président Hoover ?

Washington, le 16 juillet 1930

— Le sénateur Robinson qui avait fait partie de la délégation

### La conférence de l'Union parlementaire internationale

M. Fernand Bouisson réitéré président pour deux ans

Londres, le 16 juillet 1930. — La conférence de l'Union parlementaire internationale s'est ouverte, à 10 H. 30, sous la présidence de M. Fernand Bouisson, président de l'Union. Dans son discours, M. Bouisson a déclaré que l'Union grandit et s'affermir depuis 40 ans. Il souligne que les sujets dont elle s'est occupée depuis sa création ont été abordés par les gouvernements. C'est ainsi que

### AU STADE DE LA RUE MAYER

#### C. I. A.

Dimanche 20 Juillet 1930, à 16 heures :  
Grand match de foot-ball,  
entre Victoria et l'Etoile de Giadiah  
Coupe offerte par la Maison NGUYEN-VAN-TRAN.  
Les recettes seront destinées aux frais de déplacement de l'Equipe de tennis au prochain Championnat de Malaisie.

POUR L'EQUIPE INDOCHINOISE AU CHAMPIONNAT DE TENNIS DE MALAISIE

### Grande Kermesse au Cercle Sportif Annamite Saigon

Dimanche 20 juillet 1930, à 16 heures :  
Grandes matches de Tennis Simple-Messieurs: CHIM contre GIAO en 5 sets. — (Un prix). Double: GRAS-GIAO contre BINH-KANG en 3 sets. (Deux prix).  
23 heures  
Cirque. — 5 numéros sensationnels.  
24 heures  
Tombola. — 50 prix de valeur dont 1er un photographe Les cartes d'entrée servent de billet de Tombola.  
1 heure  
Magie. — 5 numéros.  
2 heures  
Théâtre Moderne Annamite dit Cai-Lung, Championnat de Jeux d'Échecs, etc. etc. (Une médaille au Champion).

NOTA. — Billet payant tenu par la Maison Nguyen van Duc de la Rue Sabourain Saigon.

Prix des places  
Pelouse: 0 \$ 50  
Chaise: 1 00  
Fauteuil numéroté: 2 00  
En cas de pluie, la Kermesse sera reportée au Dimanche 20 juillet 1930.

L'activité de ces associations clandestines se répartit en ludo-chine entre quatre groupements principaux: **Viet-Nam-Quoc-Dang-Dang, Tân-Việt-Gi, Mung-Dang, Viet-Nam-Tinh-Ninh, Việt-Mong-Dinh-Khi-Hiê et Dong-Duong-Lang-Sau-Dang.**

Ces groupements disposent de plusieurs journaux: le **Lao-D-ny**, qui s'adressait spécialement aux ouvriers et travailleurs manuels des villes; le **Thanh-Nien**, ou organe de la jeunesse « révolutionnaire »; le **Bon-oc-och**, non dénué d'un mot bolchévisme; et enfin, le **Nhâp-Công-Biêb**, dont la clientèle se recrutait surtout parmi les paysans, agriculteurs, aux idées avancées, ou regardés comme telles.

Interrogatoire des accusés

Nous recevons, successivement, à la barre, les prévenus de l'Association de solidarité Phat-dit-Lang, soit Tran-Truong, ou Sa-Truong; Nguyen van Thinh, dit Tran van Cong, Phong et Que; Ngo Thiêm, alias Hue; le Tonkinois Ton Que Thang; et le bûcheur Hai-Nguyêt, dit Bao-Lang. Leurs secondes dépositions ne nous apprennent rien de nouveau qui soit intéressant. Elles répètent, dans l'ensemble, tout ce que nous savons déjà d'eux à la suite de leur interrogatoire relatif au meurtre de la rue Barberie. L'accusé tout de suite, on s'empare, aux prévenus que nous n'avons pas encore entendus. Ils sont au nombre de trente-cinq, ainsi que nos lecteurs le savent.

Ng. van Phat ne qu'on ait trouvé sur lui un plan de camp des tirailleurs.

— Votre curio apparait donc à tout le monde ? dit le président.

Tan van Chao a été arrêté porteur d'une valise contenant des brochures. Il détecte les Français, car il a été brièvement pendu qu'il était marin. Il précise qu'il n'en veut seulement qu'à ceux qui

Mais, selon le « News Chronicle », le gouvernement n'espère plus que la ratification soit votée, et le Président Hoover songerait à faire appel à l'opinion publique

Linh « SONG-HUONG » était très âgé, mais, malgré son âge, ses idées étaient très modernes. Il était membre d'un parti tonkinois.

« Bien que jeune, vous êtes assez intelligent; répondez à ce que je vais vous dire: avez-vous la force morale et intellectuelle pour repousser toute attaque ou invasion, en admettant que nous abandonnions l'Indochine? Ne pensez-vous pas que vous auriez encore besoin des Français pour vous défendre contre des étrangers ?

Ten before the judge

On arrive au dix-huitième accusé, Pham Lang, originaire du Tonkin, arrêté chez son beau frère, cultivateur à Coman. Divers écrits l'avaient dénoncé. Un nommé Ngô lui avait, notamment, envoyé une lettre, dans laquelle on a relevé ce passage: « Dans notre correspondance, n'employez que des mots banaux, ordinaires. Sans cette précaution, il nous arriverait des malheurs, et l'infâme pourrait s'ébruiter. » On a encore trouvé cette phrase, écrite de la main même de Pham Lang: « Je suis triste, à cause de notre instruction à la française qui nous mène à l'asservissement. »

Dans un cahier, rédigé par Pham-Lang on a pu lire une poésie anti-américaine, où l'auteur présente à ses compatriotes de défendre leur pays contre l'invasion, en tuant les fonctionnaires et les mandarins.

Nguyen day Trinh est appelé à son tour.

« Je ne suis qu'un sal-rié, protesté-t-il, je ne connais aucune société secrète. Il se donne, en effet, pour un employé

« L'Assemblée a ratifié la proposition de M. Bouisson donnant la présidence de la session à M. Sutherland

M. Henderson a célébré ensuite la contribution de l'Union à l'œuvre de désarmement, qu'elle compte poursuivre et réaliser, quoi qu'elle soit difficile, et a rendu hommage à l'œuvre de lord Robert Cecil et à M. Briand, dont il a rappelé le « mémorandum ».

L'Assemblée a réélu M. Bouisson président de l'Union pour deux ans.

Dans l'après-midi, les délégués de la Pologne de la Tchécoslovaquie, de la Belgique, de la Suisse, de la Grèce, du Danemark, le chef de la délégation allemande, ont insisté sur l'atmosphère d'entente réciproque qui règne à la conférence parlementaire et qui doit faciliter le règlement des différends qui surgissent entre Etats.

Le délégué de l'Égypte a rappelé l'intérêt présenté par la conférence de Berlin en 1928 au sujet de la question des libertés parlementaires soulevées par les députés égyptiens. Faisant allusion aux récentes négociations anglo-égyptiennes, il a exprimé l'espoir que l'hospitalité anglaise créera une atmosphère propice à la reprise des négociations. Les débats se sont terminés à 18 H. 30

Un pieux pèlerinage japonais, en France

aux frais de déplacement de l'Equipe de Tennis au Championnat de Malaisie

21 heures  
Grands matches de Tennis Simple-Messieurs: CHIM contre GIAO en 5 sets. — (Un prix). Double: GRAS-GIAO contre BINH-KANG en 3 sets. (Deux prix).  
23 heures  
Cirque. — 5 numéros sensationnels.  
24 heures  
Tombola. — 50 prix de valeur dont 1er un photographe Les cartes d'entrée servent de billet de Tombola.  
1 heure  
Magie. — 5 numéros.  
2 heures  
Théâtre Moderne Annamite dit Cai-Lung, Championnat de Jeux d'Échecs, etc. etc. (Une médaille au Champion).

NOTA. — Billet payant tenu par la Maison Nguyen van Duc de la Rue Sabourain Saigon.

Prix des places  
Pelouse: 0 \$ 50  
Chaise: 1 00  
Fauteuil numéroté: 2 00  
En cas de pluie, la Kermesse sera reportée au Dimanche 20 juillet 1930.

Les événements de Chine

### Graves désordres à Shanghai

Manifestations communistes, dans la concession internationale

Shanghai, le 16 juillet. — La concession internationale a été le théâtre de désordres importants.

## 5.6. Truyền đơn rải tại Đà Nẵng nhân kỷ niệm ngày Quốc tế Lao động

1/5/1930

Nguồn: Thành ủy Đà Nẵng

Hỡi anh em chị em thợ thuyền, dân cày,  
binh lính, thanh niên, học sinh!  
Hỡi tất cả anh em chị em bị bóc lột dã man!

Ngày 1 tháng 5 sắp tới rồi. Trước đây 41 năm vô sản  
giai cấp thế giới đã quyết định lấy ngày mồng một  
tháng năm là ngày quốc tế lao động, nghĩa là ngày  
mà lao động các nước phải đồng thời vận động biểu  
tình phản kháng lại cường quyền tư bản đòi ngày làm  
8 giờ, và đòi các quyền lợi khác nữa.

Ngày 1 tháng 5 này vô sản giai cấp Annam sẽ cùng  
vô sản giai cấp tất cả các nước bị bóc lột để nên  
biểu tình thị uy để phản kháng lại cường quyền đế  
quốc.

Anh chị em sẽ phản kháng đế quốc chủ nghĩa  
Pháp đế:

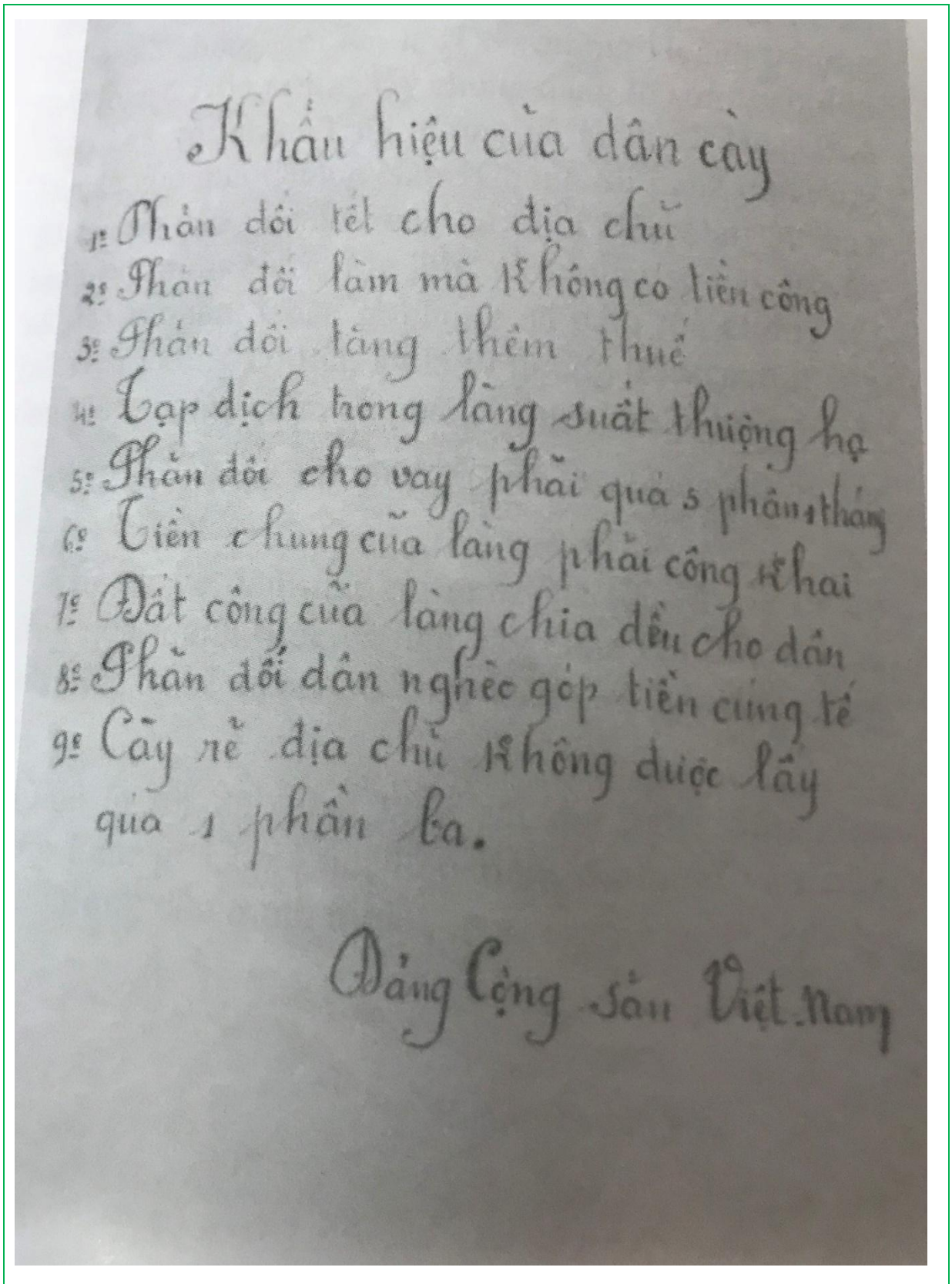
- a) Hớt tiền lương thợ thuyền, dân thợ thuyền
- b) Tăng thêm sưu thuế
- c) Cướp đất, bắn giết dân chúng, tàn phá các làng.
- d) Cho binh lính Annam đi ngoại quốc và cho  
lính ngoại quốc đến giết dân Annam.

Anh chị em sẽ đòi:

- a) Đòi ngày làm 8 giờ
  - b) Tăng tiền lương
  - c) Giảm sưu thuế.
  - d) Phản đối đế quốc chủ nghĩa
  - e) Ủng hộ Xô-Viết là nước giúp cho dân tộc bị  
bóc lột và vô sản giai cấp thế giới làm cách mạng.
- Đảng Cộng Sản Việt Nam.**

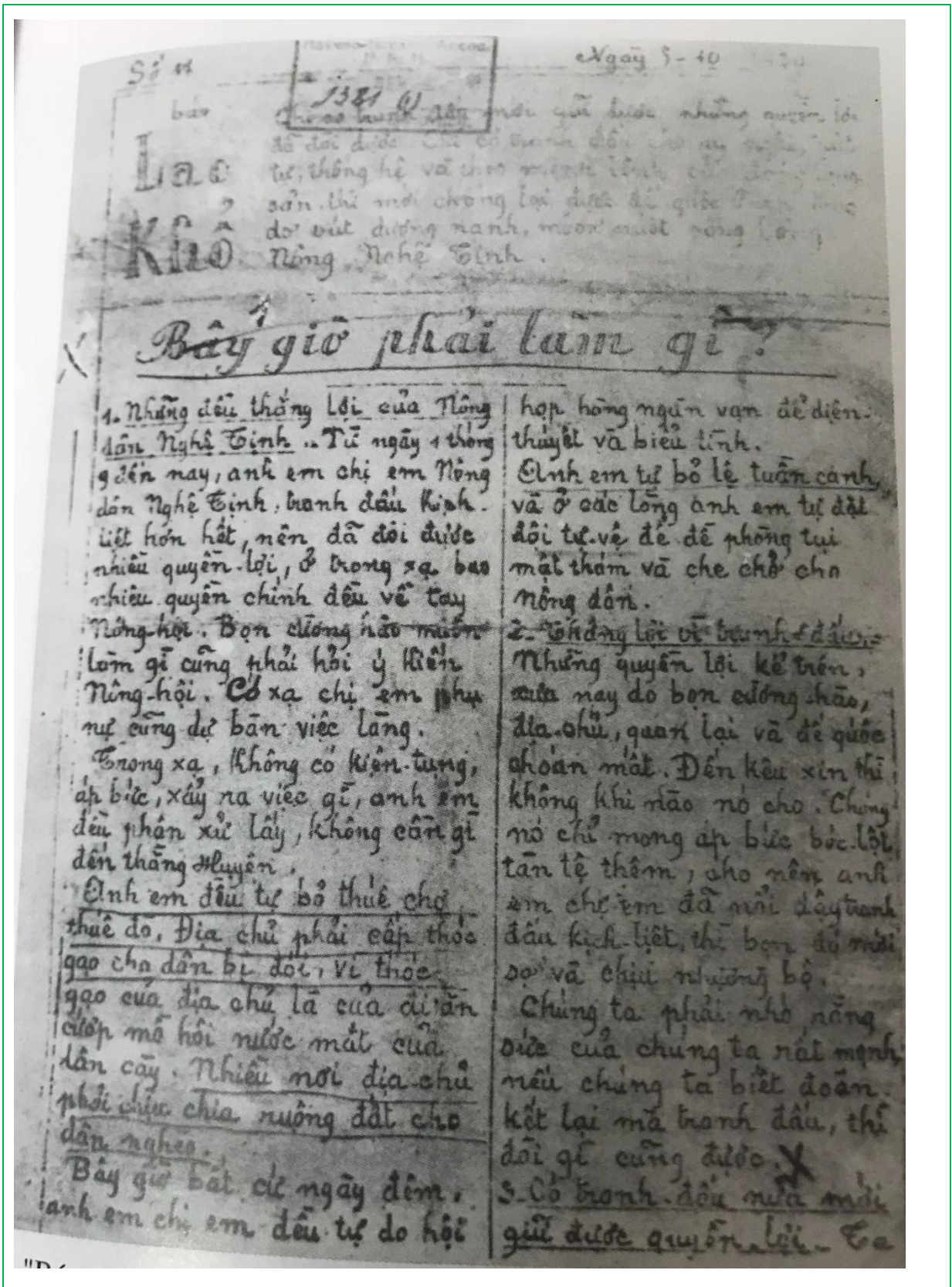
## 5.7. Truyền đơn kêu gọi nông dân rải tại Đà Nẵng năm 1930

Nguồn: Thành ủy Đà Nẵng



## 5.8. Báo Lao Khổ được in và phát hành tại Đà Nẵng năm 1930

Nguồn: Thành ủy Đà Nẵng



những lời khôn ngoan không  
bất công tình yêu quân chúng ta. Họ  
lên chúng ta, tình yêu, và một ngày  
suy nghĩ. Phần tư lạn  
vào lòng ma quỷ, và nhiệm vụ  
của chúng ta.

## Anh em ơi em bi cấp bách!

bị quốc Pháp bắt cái tập, cái đoàn  
phụ ở các làng, nó nhồi xung đứ xung  
không trong tay những chính là đi  
bắt nông dân giết hại nông dân.  
Đoàn phụ nữ ở đây đã cùng đét  
với nông dân. Nếu tình, sẽ bắt các  
người cách mạng, phải là để giúp  
bác cho tôi. quốc tôn sát quân chúng  
vô để cho đi - quốc tử do hết máu  
~~đều nhồi đứ đứ~~ để cứu. Thử tài da  
nhân dân đã đi về phía trái -  
mang cho nên tự lập, đoàn phụ nữ  
gây một đời quân phản, các mang  
ở trong các xã. Thật là một mùa  
đau khổ rất nặng nề.  
Thế sao chúng ta lại biết tình hình của  
các đảng viên trong các quân  
chúng phản hệ sinh? Thế vì quân  
chúng ta đi quốc Pháp ở bị, hai bị  
tử lực, vận gửi cho nên, hai đi bị  
bắt đứ đứ lệnh các quân lực  
chúng. Nay đi quốc lập đoàn phụ nữ  
là sự nông dân làm hại làm nhau  
vô tư làm hại cả thân mình nữa,  
nó đi quốc Pháp mà mạnh thì xông  
sách nó từ của mình lại chặt thêm  
thường không khi nào anh em chị em  
nông dân bị lừa đứ! không khi nào anh  
em chị em lại từ mua lấy tiếng nói  
đó biết mình đứ!



Anh em chị em bị đứ nên,  
nếu đứ - quốc bắt anh em chị  
em vào phụ đoàn thì anh em  
chị em giả lời ngay vào mặt nó  
rằng: không được bắt nông  
dân làm hại nông dân!

